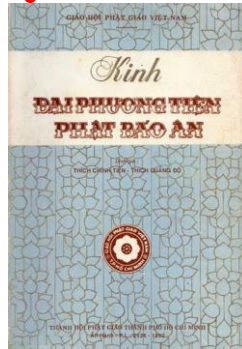


# Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân



TK Thích Chính Tiên - HT Quảng Độ dịch

---o0o---

*Nguồn*

<http://www.tuvienquangduc.com.au/>

*Chuyển sang ebook 29-03-2016*

*Người thực hiện :*

*Nguyễn Ngọc Thảo - thao\_ksd@yahoo.com.vn*

*Tuyết Nhung - tuyetnhungbc1617@yahoo.com.vn*

*Dũng Trần - dungxtr2004@gmail.com*

*Nam Thiên - namthien@gmail.com*

[Link Audio Tại Website http://www.phapthihoi.org](http://www.phapthihoi.org)

## Mục Lục

Quyển Thứ Nhất

01. PHẨM TỰA THỨ NHẤT

02. PHẨM HIẾU DƯỞNG THỨ HAI

Quyển Thứ Hai

03. PHẨM ĐỐI TRỊ THỨ BA

04. PHẨM PHÁT TÂM BỒ ĐỀ THỨ TƯ

Quyển Thứ Ba

05. PHẨM LUẬN NGHĨA THỨ NĂM

Quyển Thứ Tư

06. PHẨM ÁC HỮU THỨ SÁU

Quyển Thứ Năm

07. PHẨM TỪ BI THỨ BẢY

Quyển Thứ Sáu

08. PHẨM ƯU BA LY THỨ TÁM

Quyển thứ bảy

09. PHẨM THÂN CẬN THỨ CHÍN

## Quyển Thứ Nhất

### 01. PHẨM TỰA THỨ NHẤT

Tôi nghe như vậy: Một thuở nọ Phật ở thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật, cùng với các vị Đại Tỳ Khưu, hai vạn tám ngàn người, đều là những bậc chỗ sở tát đã xong, phạm hạnh đã lập, không còn phải chịu thân sinh tử hậu hữu tâm đượ tự tại, cũng như đại định.

Các vị ấy tên là: Ma Ha Ca Diếp, Tu Bồ Đề, Kiều Trần Như, Ly Việt Đa Ha Đa, Phú Lô Na Di Đa La Ni Tử, Tất Lăng Già Bà Ta, Xá Lợi Phất, Ma Ha Ca Chuyên Duyên, A Nan, La Hầu La v.v... là những người mà đại chúng đều đã quen biết. Bồ Tát Ma Ha Tát, có ba vạn tám ngàn người, đều là những bậc đã lâu vun trồng gốc đức; đã từng ở nơi vô lượng trăm nghìn muôn ức chư Phật, thường tu phạm hạnh thành tựu đại nguyện, thông suốt tất cả trăm nghìn thiên định, đà la ni môn. Thường đem lòng đại bi, tùy thuận làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, tiếp nối làm cho ngôi Tam Bảo thường được hưng thịnh, khiến không đoạn tuyệt, hay dựng cờ pháp, vì các chúng sinh, làm người bạn không rời mà tự đến được bờ đại trí, tiếng tăm đồn khắp. Tên các bậc ấy là: Quán Thế Âm Bồ Tát, Đắc Đại Thế Chí Bồ Tát, Thường Tinh Tiến Bồ Tát, Diệu Đức Bồ Tát, Diệu Âm Bồ Tát, Diệu Quang Bồ Tát, Phổ Bình Bồ Tát, Đức Thủ Bồ Tát, Tu Xung Vương Bồ Tát, Hương Tượng Bồ Tát, Đại Hương Tượng Bồ Tát, Trì Thế Bồ Tát, Việt Tam Giới Bồ Tát, Thường Bi Bồ Tát, Bảo Chương Bồ Tát, Thế Quang Anh Bồ Tát, Diệu Xí Diệu Bồ Tát, Bảo Nguyệt Bồ Tát, Đại Lực Bồ Tát, Vô Lượng Tuệ Bồ Tát, Bát Đà Hòa Bồ Tát, Sư Tử Hống Bồ Tát, Sư Tử Tát Bồ Tát, Sư Tử Phất Tấn Bồ Tát, Mãn Nguyện Bồ Tát, Bảo Tích Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử v.v... cùng với trăm nghìn quyến thuộc.

Lại có vô lượng trăm nghìn các Thiên tử ở Dục Giới, cùng với các quyến thuộc, đều mang hương hoa vi diệu, và trời âm nhạc cõi trời, để cúng dàng Phật.

Tất cả các Chư Thiên, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhân, Phi Nhân v.v... cùng với trăm nghìn quyến thuộc đều lễ sát xuống chân Phật. Rồi lui ngôi một phía.

Bấy giờ đại chúng đều vây quanh đức Như Lai, cúng dàng cung kính, tôn trọng khen ngợi Ngài.

Khi ấy, nhân có Tôn giả A Nan, nhờ thần lực của Phật, một buổi sáng nọ, Tôn giả vào thành Vương Xá, theo thứ tự khát thực. Khi ấy ở trong thành có một người con Bà la môn, rất hiếu dưỡng cha mẹ, người con đó lại gặp lúc gia cảnh suy sút, gia tài khánh kiệt, nên phải dất mẹ già, cũng theo thứ tự xin ăn để

nuôi mẹ. Nếu được thức ăn ngon, hoa quả tươi tốt, liền đem dâng cho mẹ, còn khi được những thức ăn không ngon, hay hoa quả khô héo thì mình ăn.

Ngài A Nan thấy vậy, lòng sinh vui mừng, và khen ngợi người con ấy rằng:

Quý hóa thay! Quý hóa thay! Thiện nam tử, cúng dàng cha mẹ, rất là hiếm có, thực khó ai sánh kịp.

Lúc đó, có một kẻ Phạm Chí, đồ đảng của bọn Lục sư, người ấy rất thông biện; thấu suốt cả bốn bộ sách Vệ đà, biết được thời tiết, số mạng, bói toán, biết xem tướng tốt xấu, âm dương biến đổi, đoán trước được nhân tâm của mọi người, và cũng là đạo sư của đại chúng (đồ đảng của bọn Lục sư), được nhiều người tôn kính, vì cầu lợi dưỡng, nên thường chấp trước tà luận, hủy diệt chính pháp, thường mang lòng ghen ghét, hủy báng Phật, Pháp, Chúng Tăng.

Kẻ Phạm Chí ấy bảo Tôn giả A Nan rằng:

- Thầy của người là Cồ Đàm, và những người trong dòng họ Thích, tự nói là hay, là tốt, có những công đức lớn lao, chẳng qua cũng chỉ có danh, mà không có thực. Thầy Cồ Đàm của người mới thật là bạc phúc, nếu không như vậy, thì tại sao mẹ của ông vừa mới sinh ra ông được bảy ngày đã chết, để ông phải côi cút, như thế chẳng phải là người bạc phúc là gì? Cho đến khi khôn lớn, lại vượt thành xuất gia, làm cho Vua cha phải khổ não, lòng sinh ra buồn rầu, mê mẩn, ngã ngất ra đất, phải dùng nước lạnh rảy vào mặt, bảy ngày mới tỉnh, rồi cất tiếng kêu gào khóc lóc mà nói rằng:

- Con ơi! Nước này là nước của con, ta chỉ có một mình con là chỗ nương cậy, làm sao ngày nay con lại nỡ bỏ ta trốn đi, vào ở nơi hang sâu núi thẳm.

Thầy Cồ Đàm của người thực là người bội bạc, chẳng biết ân nghĩa, mới đành lòng dứt bỏ ra đi như thế! Cho đến phụ vương, vì tạo lập cung điện, cưới nàng Cù Di làm vợ cho Cồ Đàm, nhưng ông cũng chẳng làm theo bổn phận của vợ chồng, khiến cho nàng phải sầu khổ, cho nên biết Cồ Đàm là người bất hiếu.

Tôn giả A Nan nghe nói như thế rồi, trong lòng sinh ra thẹn hổ, khát thực xong xuôi, trở về đến chỗ Phật, đầu mặt lễ sát xuống chân Phật, rồi lui về ngồi một phía, chấp tay bạch Phật rằng:

- Lay đức Thế Tôn! Trong Phật pháp, có sự hiếu dưỡng cha mẹ không?

Phật dạy:

- A Nan! Ai bảo ngươi, khiến ngươi hỏi ta điều ấy, chư Thiên thần chẳng? Nhân, Phi nhân chẳng? Hay là ngươi tự đem trí lực của ngươi mà hỏi Như Lai chẳng?

Tôn giả A Nan bạch Phật rằng:

- Lay đức Thế Tôn! Không phải chư Thiên, Long, Quỷ, thần, Nhân, Phi nhân hiện ra bảo con, mà do vừa rồi, lúc con đi khát thực, ở giữa đường gặp đồ đảng Lục sư, là Tát Gia Ni Kiên Tử, đem lời mạ nhục.

Tôn giả A Nan đến trước Phật thuật hết những sự tình như trên.

Bấy giờ, đức Thế Tôn, vui vẻ mỉm cười, từ trên trán của Ngài phóng ra hào quang năm sắc, chiếu sáng qua Thế giới phương Đông, vô lượng trăm ngàn vạn ức cõi Phật, có thế giới tên là Thắng Thượng, đức Phật ở thế giới đó hiệu là Hỷ Vương, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sỹ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Cõi nước đó tên là Nghiêm Thịnh, đất đai bằng phẳng, ngọc lưu ly làm đất, giây vàng giăng ở bên đường, có hàng cây bảy báu, cao suốt một đường tên bản hoa quả nhánh lá, thứ tự trang nghiêm, gió hiu hiu thổi, phát ra những thứ tiếng rất nhiệm màu, chúng sinh thích nghe, không bao giờ chán, khắp nơi đều có suối mát ao tắm, nước ao trong sạch, cát vàng rải khắp mặt đất, có nước tám công đức, đầy đầy trong ao, bên bờ ao, có các thứ hoa thơm nhiệm màu như: Hoa ba đầu ma, hoa phân đà lợi, hoa bạt sư ca, hoa có đủ mọi màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn như bánh xe, che phủ trên bờ ao, trong ao có các loài chim khác nhau, hòa hợp ca hát, phát ra những giọng tiếng nhiệm màu, rất đáng ưa thích; có thuyền bảy báu, cũng ở trong ao đó, để cho các chúng sinh, tự tại du hý. Ở nơi mỗi khoảng rừng cây kia, có bày tòa sư tử, cao một do tuần, cũng dùng bảy báu, trau dồi sửa sang, lại dùng thiên y, trải trên tòa sư tử, đốt các thứ hương báu ở cõi trời, và rải các hoa báu, khắp trên mặt đất. Đức Hỷ Vương Như Lai, ngồi kết già phu trên tòa ấy.

Các Bồ Tát ở nước kia, có vô lượng ức nghìn, trước sau vây quanh Đức Hỷ Vương Như Lai, rồi lui ngồi về một phía, chấp tay cung kính hướng về Đức Như Lai, đồng thanh nói rằng:

-Kính xin Đức Thế Tôn! Từ bi lân mẫn, chỉ bảo cho lũ chúng con biết: Vì nhân duyên gì, mà có hào quang sáng suốt soi chiếu như thế, hào quang ấy lại có đủ các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, sắc tướng rực rỡ, thực khó ví dụ, từ phương Tây soi tới, soi cả nơi đại chúng đây, người nào được gặp ánh hào quang ấy, tâm ý đều được an lạc. Kính xin Đức Thế Tôn chỉ dạy, đoạn trừ mọi nghi ngờ cho chúng con.

Phật dạy:

-Các Thiện nam tử! Các ông nên nghe cho kỹ! Và để tâm suy nghĩ cho khéo, ta nay sẽ vì các ông, phân biệt giải nói: Ở về phương Tây, cách đây, vô lượng nghìn muôn chư Phật thế giới, có một thế giới tên Sa Bà, trong nước đó có đức Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni Phật, Như Lai, Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian giải, Vô Thượng Sỹ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, có đại chúng vây quanh, nay Phật muốn vì các đại chúng, nói Kinh ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO AN, vì Phật muốn làm lợi ích cho tất cả chúng sinh; vì muốn nhổ tận gốc tà nghi cho tất cả chúng sinh; vì muốn khiến cho những vị Bồ Tát, mới phát tâm, kiên cố Bồ đề không bị thoái chuyển; vì muốn tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật, chứng được cứu kính Nhất Phật Thặng; vì muốn cho các Đại Bồ Tát chóng thành Phật Bồ Đề, báo đáp ân Phật; vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh nhớ nghĩ trọng ân; vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh, vượt khỏi bể khổ; vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh, hiếu dưỡng phụ mẫu, nên Phật phóng ra ánh sáng hào quang ấy.

Bây giờ trong đại chúng, có mười ngàn vị Bồ Tát, mỗi mỗi vị Bồ Tát, đều là bậc chỉ đạo của đại chúng, liền từ tòa ngồi đứng dậy để hở vai áo bên phải, gối bên phải quỳ sát đất, chấp tay bạch Phật rằng:

-Kính xin Đức Thế Tôn, dùng sức thần gia hộ, khiến cho lũ chúng con, được đến thế giới Sa Bà, thân cận cúng dàng, Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai, và muốn nghe kinh điển rất nhiệm mầu: “ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO AN”.

Bây giờ Phật bảo các Bồ Tát rằng:

-Thiện nam tử! Ngươi đến thế giới Sa Bà, nếu thấy Phật Thích Ca Mâu Ni, phải sinh lòng cúng dàng cung kính, nghĩ tưởng khó gặp, bởi có sao? Vì Phật Thích Ca Như Lai đã từng ở trong vô lượng trăm nghìn vạn ức A tăng kỳ kiếp, làm những việc hạnh khổ khó làm, phát đại bi nguyện: “Khi tôi được thành Phật, sẽ ở nơi cõi nước tẻ ác, núi đồi gò đồng, sành sỏi gai góc, chúng sinh ở trong cõi đó, đủ mọi thứ phiền não, ngũ nghịch, thập ác, tôi sẽ tu hành thành Phật ở nơi đó, để làm những việc lợi ích, đoạn trừ tất cả khổ não cho chúng sinh, khiến cho chúng sinh được tất cả vui, thành tựu pháp thân, hết không còn sót”. Bản nguyện của Phật là như thế, các ông nay đến chỗ Phật Thích Ca cũng như đến chỗ tôi, ở chỗ Phật Thích Ca Mâu Ni cũng như ở chỗ tôi không khác.

Các vị Bồ Tát chúng cùng đáp rằng:

-Chúng con xin y theo như lời của Đức Thế Tôn đã giáo sắc.

Mỗi mỗi vị Bồ Tát đều đem vô lượng trăm nghìn vạn ức các chúng Bồ Tát để làm quyến thuộc, trước sau vây quanh, đều đi đến thế giới Sa Bà, những chỗ quốc độ Bồ Tát đi qua, đều phát khởi sáu thứ rung động bóng sáng lớn soi khắp,

các vị thiên thần ở trên hư không rải các thứ hoa như: Hoa mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la, phóng ra ánh sáng lớn, vận dụng thần túc rung động các thế giới nhiều như số cát sông Hằng. Lại có vô lượng trăm nghìn vạn thứ thiên nhạc, ở trên hư không, không trỗi tự kêu. Các vị Bồ Tát ấy đi đến núi Kỳ Xà Quật, tới chỗ Đức Thích Ca Như Lai, đầu mặt lễ xuống chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi lui ngòi về một phía.

Bảy giờ Đức Như Lai, lại phóng một luồng hào quang chiếu thẳng về phương Nam, qua tám mươi vạn ức cõi nước của chư Phật, có thế giới tên là Quang Đức, trong thế giới ấy có đức Phật hiệu là Tu Di Tướng, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Nước tên là Thiện Tịnh, đất đai bằng phẳng, lưu ly làm đất, giây vàng giăng bên vệ đường, có hàng cây bảy báu, cao suốt một đường tên bán, hoa quả nhánh lá, thứ tự trang nghiêm, gió huu huu thổi, phát ra những thứ tiếng rất nhiệm màu, chúng sinh thích nghe, không bao giờ chán; khắp nơi đều có suối chảy, ao tắm, nước ao trong sạch, cát vàng rải khắp mặt đất, nước tám công đức, đầy đầy trong đó; bốn bên bờ ao có các thứ hoa, thơm tho nhiệm màu như: Hoa ba đầu ma, hoa phân đà lợi, hoa bạt sư ca, có đủ các thứ màu sắc: Xanh, vàng, đỏ trắng, lớn như bánh xe, che phủ trên bờ ao; có những loài chim khác nhau, hòa hợp ca hát, phát ra những giọng tiếng nhiệm màu, rất đáng ưa thích; có thuyền bảy báu, cũng ở trong đó, để cho các chúng sinh, tự tại du hý. Ở nơi mỗi khoảng rừng cây, đều bày tòa sư tử, cao một do tuần, cũng dùng bảy báu, để trau dồi sửa sang, lại dùng thiên y, trải ở trên tòa; đốt mọi thứ hương báu, và rải hoa báu của các cõi trời khắp trên mặt đất. Đức Tu Di Tướng Như Lai, ngồi kết già phu ở trên tòa đó. Các vị Bồ Tát ở nước kia, có vô lượng ức nghìn, trước sau vây quanh Phật, rồi lui về một phía, chấp tay hướng về Đức Như Lai, đồng thanh nói rằng:

-Kính xin Đức Thế Tôn từ bi lân mẫn, nói cho chúng con được biết, vì nhân duyên gì, có ánh sáng hào quang ấy, lại đủ các màu sắc xanh, vàng đỏ, trắng, những sắc tướng rực rỡ đó, thực là khó ví dụ, từ phương Bắc soi tới, soi cả đại chúng đây, kính xin Đức Thế Tôn, dạy bảo, đoạn trừ mọi ngờ cho chúng con.

Phật dạy:

-Các Thiện nam tử! Các ông nên nghe cho kỹ! Và để tâm suy nghĩ cho khéo, ta nay sẽ vì các ông, phân biệt giải nói: Ở về phương Bắc, cách đây, vô lượng trăm nghìn muôn chư Phật thế giới, có một thế giới tên Sa Bà, trong nước đó có Đức Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, có đại chúng vây quanh, nay Phật muốn vì các đại chúng, nói Kinh ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO AN; vì muốn làm

lợi ích cho tất cả chúng sinh; vì muốn nhỏ tên độc tà nghi cho tất cả chúng sinh; vì muốn khiến cho những vị Bồ Tát mới phát tâm, kiên cố Bồ đề không bị thoái chuyển; vì muốn cho tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật, được rớt ráo Nhất Thặng đạo: Vì các vị đại Bồ Tát chóng thành Phật Bồ Đề, báo đáp ân Phật; vì muốn cho tất cả chúng sinh nhớ nghĩ trọng ân; vì muốn cho chúng sinh vượt khỏi bể khổ; vì muốn cho chúng sinh hiếu dưỡng cha mẹ, cho nên Phật phóng ra ánh sáng ấy.

Bấy giờ trong đại chúng, có mười nghìn vị Bồ Tát, mỗi mỗi vị Bồ Tát, đều là bậc chỉ đạo của đại chúng, liền từ tòa ngồi đứng dậy để hở vai áo bên phải, gồi bên phải quỳ sát đất, chấp tay bạch Phật rằng:

-Kính xin Đức Thế Tôn, dùng sức thần gia hộ, khiến cho lũ chúng con, được đến thế giới Sa Bà, thân cận cúng dàng, Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai, và muốn được nghe kinh điển rất nhiệm mầu: ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO AN.

Bấy giờ Đức Phật Tu Di Tướng bảo các Bồ Tát rằng:

-Các ông đến thế giới Sa Bà, nếu thấy Phật Thích Ca, nên phải sinh tâm cung kính cúng dàng, nghĩ tưởng khó gặp, vì có sao vậy? -Vi Phật Thích Ca Như Lai đã từng ở trong vô lượng trăm nghìn vạn ức kiếp số a tăng kỳ, thường làm những hạnh khổ khó làm, và phát đại bi nguyện: “Khi tôi được thành Phật, sẽ ở trong cõi nước tẻ ác, núi đồi gò đồng, sành sỏi gai góc, trong đó chúng sinh, đủ mọi thứ phiền não, ngũ nghịch, thập ác, tôi ở trong ấy thành Phật, để làm lợi ích cho chúng sinh, khiến đoạn trừ tất cả khổ, được tất cả vui, thành tựu pháp thân, hết không còn sót một chúng sinh nào”. Bản nguyện của Phật là như thế, các ông nay đến chỗ Phật cũng như đến chỗ tôi không khác.

Các chúng Bồ Tát, đồng thanh nói rằng:

-Chúng con xin theo lời của Đức Thế Tôn đã giáo sắc.

Mỗi mỗi vị Bồ Tát, đều đem vô lượng nghìn vạn ức các chúng Bồ Tát làm quyền thuộc, trước sau vây quanh, đi đến thế giới Sa Bà, các vị thiên thần ở trên hư không, rải các thứ hoa như: Hoa mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la, phóng ra ánh sáng lớn, dùng thần túc làm rung động các thế giới nhiều như cát sông Hằng. Lại có vô lượng trăm nghìn vạn thứ âm nhạc của các cõi trời ở trên hư không, không trôi tự kêu.

Các vị Bồ Tát ấy, đi đến chỗ Đức Như Lai, đầu mặt lễ sát chân Phật, nhiễu Phật ba vòng, rồi lui về một phía.

Bấy giờ Đức Như Lai lại phóng ra ánh sáng lớn, soi thẳng về phương Tây, qua vô lượng trăm nghìn vạn ức cõi nước của chư Phật, có thế giới tên là Tịnh Trụ, Phật đó hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thế Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, nước tên là Diệu Hỷ, cõi đất bằng phẳng, lưu ly làm đất, hoàng kim làm giấy, để giảng bên đường, có hàng cây bảy báu, cao suốt một đường tên bản, hoa quả nhánh lá, thứ lớp trang nghiêm, gió hiu hiu thổi, phát ra tiếng rất nhiệm màu, chúng sinh thích nghe, không bao giờ chán, chôn chôn đều có suối chảy ao tắm, nước ao trong sạch, cát vàng rải khắp mặt đất, nước tám công đức, đầy đầy trong ao, bốn bên bờ ao, có các thứ hoa, thơm tho màu nhiệm như: Hoa ba đầu ma, hoa phân đà lợi, hoa bạt sư ca, những thứ hoa ấy có đủ các màu sắc xanh, vàng đỏ, trắng, lớn như bánh xe, che phủ trên bờ ao, dưới ao có các loài chim khác nhau, hòa hợp, ca hát, phát ra giọng tiếng nhiệm màu, rất đáng ưa mến, có thuyền bảy báu, cũng ở trong đó, để cho các chúng sinh tự tại du hý. Ở nơi khoảng cây kia, có bày tòa sư tử, cao một do tuần, cũng lấy bảy báu, để trau dồi sửa sang, lại lấy thiên y cõi trời, trải ở trên tòa đốt hương báu và rải các hoa báu cõi trời, đầy đầy khắp trên mặt đất. Đức Nhật Nguyệt Đăng Quang Như Lai, ngồi kết già phu trên tòa sư tử. Bồ Tát ở nước kia, có vô lượng ức nghìn, trước sau vây quanh, rồi lui về một phía, chấp tay cung kính, đối trước Đức Như Lai, đồng thanh nói rằng:

-Kính xin Đức Thế Tôn, từ bi lân mẫn, nói cho chúng con biết vì nhân duyên gì có ánh sáng ấy, lại có cả màu sắc: Xanh, vàng, đỏ, trắng, rất là rực rỡ, khó có thể ví dụ được. Ánh sáng ấy từ phương Đông chiếu qua, soi sáng cả đại chúng đây, nếu người nào gặp được ánh sáng ấy, tâm ý đều được an vui.

Kính xin Đức Thế Tôn đoạn trừ mối ngờ ấy cho con.

Phật dạy:

-Các Thiện nam tử! Các ông nên nghe cho kỹ, nhớ nghĩ cho khéo, tôi sẽ vì các ông, phân biệt giải nói: Từ phương Đông cách đây vô lượng trăm nghìn chư Phật thế giới, có thế giới tên là Sa Bà, trong thế giới đó có Đức Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, đại chúng vây quanh, nay Phật muốn vì các đại chúng nói Kinh ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO AN, là vì muốn lợi ích cho tất cả chúng sinh; vì muốn nhỏ tên độc tà nghi cho tất cả chúng sinh; vì muốn khiến cho những vị Bồ Tát mới phát tâm kiên cố Bồ Đề, không bị thoái chuyển; vì muốn khiến cho tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật, được rớt ráo Nhất Hạnh; vì muốn các đại Bồ Tát chóng thành Bồ Đề, báo đáp ơn Phật; vì muốn tất cả chúng sinh, nhớ nghĩ ơn sâu nặng; vì muốn khiến cho chúng sinh, hiếu dưỡng cha mẹ, vì nhân duyên như thế, cho nên Phật mới phóng ra ánh sáng ấy.



Bấy giờ trong đại chúng, có mười nghìn vị Bồ Tát mỗi mỗi vị Bồ Tát đều là bậc thầy chỉ đạo của đại chúng, liền từ tòa ngồi đứng dậy, để hở vai áo bên phải, gối bên phải quỳ sát đất, chấp tay bạch rằng:

-Xin Đức Thế Tôn, đem sức thần gia hộ, khiến cho lũ chúng con được đến thế giới Sa Bà, để thân cận cúng dàng Đức Thích Ca Như Lai, và muốn nghe kinh điển nhiệm màu “ĐẠI PHƯƠNG TIÊN PHẬT BÁO ÂN”.

Bấy giờ Đức Phật Nhật Nguyệt Đăng Quang, bảo các vị Bồ Tát rằng: “Các Thiện nam tử! Các ông đến thế giới Sa Bà nếu thấy Đức Phật Thích Ca, nên sinh lòng cung kính, cúng dàng, nghĩ tưởng khó gặp vì có sao?- Vì Đức Thích Ca Như lai đã từng ở trong vô lượng trăm nghìn vạn ức kiếp số a tăng kỳ, hay làm những hạnh khổ khó làm, phát nguyện đại bi: “Khi tôi thành Phật, tôi sẽ ở ngay trong cõi nước tẻ ác, núi đồi gò đống, sành sỏi gai góc, chúng sinh, đủ cả phiền não, ngũ nghịch, thập ác, tôi ở trong đó, tu hành thành Phật, để làm lợi ích cho chúng sinh, khiến đoạn trừ tất cả khổ, được tất cả vui, thành tựu pháp thân, hết không còn sót một chúng sinh nào”. Bản nguyện của Phật là như thế, các ông nay đến chỗ Phật Thích Ca, cũng như ở chỗ ta vậy.

Các chúng Bồ Tát đồng thanh nói rằng:

-Chúng con xin theo như lời của Đức Thế Tôn đã giáo sắc.

Mỗi mỗi vị Bồ Tát, đều đem vô lượng trăm nghìn vạn ức các chúng Bồ Tát làm quyến thuộc trước sau vây quanh, đi đến thế giới Sa Bà, những quốc độ Bồ Tát đi qua đều phát khởi sáu thứ chấn động, ánh sáng lớn soi khắp, các vị thiên thần ở trên hư không rải các thứ hoa như: Hoa mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la, phóng ra ánh sáng lớn, dùng thân tức làm rung động các thế giới nhiều như cát sông Hằng. Lại có vô lượng trăm nghìn vạn thứ âm nhạc của các cõi trời, ở trên hư không, không trời tự kêu. Các vị Bồ Tát ấy, đi đến núi Kỳ Xà Quật, đến chỗ Đức Như Lai, đầu mặt lễ sát chân Phật, nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi lui về một phía.

Bấy giờ, Đức Thích Ca Như lai, lại phóng ra ánh sáng năm màu, soi về phương Bắc, qua năm trăm vạn ức na do tha chư Phật thế giới, có thế giới tên là Tỳ Tại Xung Vương, trong đó có Đức Phật, hiệu là Hồng Liên Hoa Quang Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, nước tên là Ly Cấu, đất đai bằng phẳng, lưu ly làm đất, vàng ròng làm giầy, để giăng bên đường, có hàng cây bảy báu, cao suốt một đường tên bản, hoa quả nhành lá, thứ lớp trang nghiêm, gió hiu hiu thổi, phát ra tiếng màu nhiệm, chúng sinh thích nghe, không bao giờ chán; chôn chôn đều có suối chảy, ao tắm, ao đó trong sạch, cát vàng rải khắp mặt đất, nước tám công đức, đầy đầy trong ao, bốn bên bờ ao, có các thứ hoa thơm tho màu nhiệm như: Hoa ba đầu ma, hoa phân đà

lợi, hoa bạt sự ca, hoa có đủ các màu sắc: Xanh, vàng, đỏ, trắng, to lớn như bánh xe, che rợp trên bờ ao, trong ao nước kia, có các loài chim khác nhau, hòa hợp ca hát, phát ra giọng tiếng màu nhiệm, rất đáng ưa mến, có thuyền bảy báu, cũng ở trong ao đó, để cho các chúng sinh tự tại du hý. Ở những khoảng rừng cây kia, đều bày tòa sư tử, cao một do tuần, cũng dùng bảy báu, trau dồi sửa sang, lại lấy thiên y, trải trên tòa đó, đốt hương báu, và rải các hoa báu ở cõi trời, khắp trên mặt đất. Đức Hồng Liên Hoa Quang Như Lai, ngồi kiết già phu trên tòa sư tử, các vị Bồ Tát ở nước đó, nhiều vô lượng ức nghìn, trước sau vây quanh, rồi lui về một phía, chấp tay cung kính, đối trước Đức Như Lai, đồng thanh nói rằng:

-Kính xin Đức Thế Tôn, từ bi lân mẫn, nói cho chúng con được biết vì nhân duyên gì mà có ánh sáng ấy, lại có đủ các màu sắc: Xanh, vàng, đỏ, trắng, sắc tướng rực rỡ, khó có thể ví dụ được, ánh sáng ấy từ phía Nam chiếu qua, soi cả đại chúng đây, nếu ai được gặp ánh sáng ấy, tâm ý đều được yên vui, kính xin Đức Thế Tôn, đoạn trừ mọi nghi ngờ cho chúng con.

Phật dạy:

-Các Thiện nam tử! Nghe cho kỹ, nhớ nghĩ cho khéo, tôi sẽ vì các ông, phân biệt giải nói: Phương Nam cách đây vô lượng trăm nghìn chư Phật thế giới, có thế giới tên là Sa Bà, trong nước đó có Đức Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, đại chúng vây quanh, Phật muốn vì các đại chúng, nói Kinh ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO AN, vì muốn lợi ích cho tất cả chúng sinh, vì muốn khiến cho các vị Bồ Tát mới phát tâm kiên cố Bồ Đề, không thoái chuyển; vì muốn khiến cho tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật, được rớt ráo Nhất thẳng đạo; vì muốn cho các vị đại Bồ Tát, chóng thành Bồ Đề, báo đáp ơn Phật; vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh, nhớ nghĩ đến ân đức sâu nặng; vì muốn khiến cho chúng sinh vượt qua bể khổ; vì muốn khiến cho chúng sinh hiếu dưỡng cha mẹ, vì nhân duyên như thế, cho nên Phật phóng ra ánh sáng ấy.

Bấy giờ trong đại chúng, có mười nghìn vị Bồ Tát, mỗi mỗi vị Bồ Tát ấy đều là bậc thầy chỉ đạo của đại chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, để hở vai áo bên phải, gối bên phải quỳ sát đất, chấp tay bạch rằng:

-Kính xin Đức Thế Tôn, đem sức thần gia hộ, khiến cho lũ chúng con, được đến thế giới Sa Bà, thân cận cúng dàng, Đức Thích Ca Mâu Ni Như Lai, và nghe kinh điển nhiệm màu ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO AN.

Bấy giờ Đức Phật Hồng Liên Hoa Quang bảo các Bồ Tát rằng:

-Các Thiện nam tử! Các ông đến thế giới Sa Bà, nếu thấy Đức Phật Thích Ca nên sinh tâm cúng dàng cung kính, nghĩ tưởng khó gặp, vì có sao? Vì Đức Thích Ca Như Lai đã từng ở trong vô lượng trăm nghìn vạn ức số kiếp A tăng kỳ, hay làm những việc khổ hạnh khó làm, phát đại bi nguyện: “Khi tôi được thành Phật, tôi nguyện sẽ ở trong cõi nước tề ác, núi đồi gò đồng, sành sỏi gai góc, chúng sinh ở trong đó, đầy đủ phiền não, ngũ nghịch, thập ác, tôi sẽ tu hành thành Phật ở trong nước ấy, để làm lợi ích cho chúng sinh, khiến cho chúng sinh đoạn trừ tất cả khổ, được tất cả vui, thành tựu pháp thân, hết không còn sót một chúng sinh nào”. Bản nguyện của Phật là như thế, các ông nay đến chỗ Phật cũng như ở chỗ tôi vậy.

Các chúng Bồ Tát đồng thanh nói rằng:

-Chúng con xin theo như lời của Đức Thế Tôn đã giáo sắc.

Mỗi mỗi vị Bồ Tát đều đem vô lượng trăm nghìn vạn ức, các chúng Bồ Tát làm quyến thuộc, trước sau vây quanh, đi đến thế giới Sa Bà, những quốc độ Bồ Tát đi qua, đều phát khởi sáu thứ chấn động, ánh sáng lớn soi khắp, thiên thần ở trên hư không, rải các thứ hoa như: Hoa mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la, phóng ra ánh sáng lớn, dùng thần túc làm rung động thế giới nhiều như cát sông Hằng. Lại có vô lượng trăm nghìn vạn ức âm nhạc cõi trời, ở trên hư không, không trôi tự kêu. Các vị Bồ Tát ấy đi đến núi Kỳ Xà Quạt, đến chỗ Phật Thích Ca Như Lai, đầu mặt lễ sát chân Phật, nhiễu Phật ba vòng, rồi ngồi lui một phía. Cho đến phương Đông nam, phương Tây nam, phương Đông bắc, phương Tây bắc, phương Thượng, phương Hạ, các chúng đại Bồ Tát Ma Ha Tát, trong các cõi nước của các Đức Như Lai ở mười phương, đều cùng với bao nhiêu trăm nghìn quyến thuộc đều đi đến chỗ Đức Thích Ca Như Lai, cúng dàng cung kính, tôn trọng khen ngợi, đồng thanh, nói lên trăm nghìn bài kệ, khen ngợi Phật, rồi lui về ngồi một phía.

Khi ấy, thế giới Sa Bà, biến thành thanh tịnh, không có các rừng rậm, các núi lớn, nhỏ, sông, ngòi, ao hồ, suối, khe, mương, hồ. Chúng sinh ở trong đó, nhân ánh sáng ấy, được coi thấy Phật, vui mừng chấp tay, đầu mặt lễ kính, lòng sinh luyến mộ, chăm chú không chớp mắt.

Bấy giờ Đức Thế Tôn, liền thu nhiếp ánh sáng soi chiếu ở khắp mười phương, nhiễu quanh thân bảy vòng, rồi trở lại vào nơi đỉnh môn của Ngài.

Tôn giả A Nan, quan sát tâm chúng, ai cũng đều nghi ngờ, Tôn giả vì muốn nêu rõ phương tiện mật hạnh của Như Lai, muốn mở mắt trí tuệ cho tất cả chúng sinh đời mai sau, vượt qua bể ái, đến bờ bên kia, vĩnh viễn an lạc, và muốn khiến cho chúng sinh nhớ nghĩ đến ân sâu nặng của cha mẹ, sư trưởng nên từ tòa đứng dậy, tề chỉnh y phục, để hở vai áo bên phải, hồ quỳ chấp tay bạch Phật rằng:

-Lạy Đức Thế Tôn, A Nan từ khi hầu hạ Phật đến nay, chưa từng thấy Phật mỉm cười bao giờ, nay đây Phật mỉm cười ắt phải có ý gì? Xin Phật chỉ dạy, để đoạn trừ mọi nghi ngờ cho đại chúng.

---o0o---

## 02. PHẨM HIẾU DƯỠNG THỨ HAI

Bấy giờ trong đại chúng, bỗng có một đóa hoa sen bảy báu, từ nơi mặt đất hóa sinh, cọng bằng bạch ngân, lá bằng hoàng kim, đài sen bằng ngọc phiêu thúc ca, riền hoa bằng ngọc trân châu, thứ lớp trang nghiêm.

Bấy giờ Đức Thích Ca Như Lai liền từ tòa ngồi đứng dậy, bước lên đài hoa sen báu kia, ngồi kiết già phu, từ nơi thân thanh tịnh, Ngài hiện ra thân của năm ngả, mỗi thân của năm ngả, có một vạn tám ngàn hình loại khác nhau, mỗi mỗi hình loại, hiện ra trăm nghìn thứ thân, trong mỗi mỗi thân, lại có vô lượng thân, nhiều như cát sông Hằng, cho đến bằng cả số cát sông Hằng ở bốn phương v.v... trong mỗi mỗi thân, lại hiện ra những thân nhiều như hạt bụi cả đại địa khắp bốn châu thiên hạ, ở trong số mỗi mỗi thân nhiều như những hạt bụi ấy, lại hiện ra những thân nhiều như những hạt bụi trong ba ngàn đại thiên thế giới, ở trong mỗi mỗi thân nhiều như hạt bụi ấy, lại hiện ra những số thân nhiều như những hạt bụi trăm nghìn ức chư Phật thế giới ở khắp mười phương, cho đến hiện ra những thân nhiều cùng tận cả cõi hư không pháp giới, không thể lấy tâm nghĩ miệng bàn cho xiết được.

Bấy giờ Đức Như Lai, hiện ra những thân như thế rồi, Ngài bảo Tôn giả A Nan, và các vị đại Bồ Tát ở khắp mười phương và tất cả chúng sinh rằng:

-Các Thiện nam tử! Nay Như Lai, khắp biết chân chính, tuyên nói lời chân thực rằng: Phật pháp vốn không có ngôn thuyết, Như lai dùng phương tiện nhiệm màu hay dùng pháp không tướng ấy (tùy cơ phương tiện phân biệt) mà nói danh tướng! Như Lai khi còn phải ở trong đường sinh tử, ở trong tất cả loài chúng sinh, cũng đã phải chịu đủ mọi thân hình nhiều như những hạt bụi, không thể lấy lòng nghĩ, miệng bàn cho xiết được. Vì phải chịu thân như thế, cho nên tất cả chúng sinh, cũng từng đã làm cha mẹ của Như Lai, Như Lai cũng đã làm cha mẹ của tất cả chúng sinh, vì tất cả cha mẹ, nên Như Lai thường làm khổ hạnh khó làm, bỏ cả những sự khó bỏ như : Đầu, mắt, tủy, não, quốc, thành, thê tử, voi, ngựa, bảy báu, kiệu cang, xe cộ, y phục, ẩm thực, đồ nằm ngồi, thuốc thang, cấp cho tất cả, siêng tu tinh tiến, bố thí, trì giới, đa văn, thuyền định, trí tuệ, cho đến đầy đủ tất cả vạn hạnh, thường không dừng nghỉ, tâm không biết mỏi mệt hiếu dưỡng cha mẹ, biết ơn trả ơn, nên mau chóng thành Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Bởi thế, chính tất cả chúng sinh, đã khiến cho Như Lai, đầu đủ bản nguyện, vì thế nên biết, tất cả chúng sinh, là trọng ân đối với Phật, vì có trọng ân như vậy, cho nên Như Lai không bỏ chúng sinh, Như Lai đem tâm

đại bi thường tu tập phương tiện hứa vi để cứu độ chúng sinh. Như Lai vì tất cả chúng sinh ở trong ba cõi, hai mươi lăm cõi, mà không nghĩ đến công lao của mình. Thường tu hành từ bi bình đẳng, xả hành phương tiện, thấu suốt tất cả chúng sinh không, pháp không, năm âm không, cho nên không thoái chuyển tâm Đại thừa, để an vui lấy một mình, không để mất Đại nguyện, bỏ chúng sinh chìm đắm trong bể khổ sinh tử, chẳng trước Tiểu thừa chấp “không”, chẳng đọa phạm phu chấp “có”, tu hành thực tướng phương tiện, chẳng bỏ lối tu hành Nhị thừa, học tất cả phương tiện. Tu mọi hạnh như vậy, là phương tiện nhiệm mầu sâu xa, cho nên thấu suốt được thực tướng cả các Pháp, rồi tùy theo căn cơ của chúng sinh mà Phật nói pháp trước, sau có khác. Nhưng, vì chúng sinh mê muội điên đảo, lầm chấp thấy có ba Thừa, bị ái dục che đậy, chìm đắm trong bể khổ, bị bốn đảo làm cho điên đảo: Đối với các pháp hữu lậu, vọng tưởng phân biệt; đối với các pháp là vô ngã, vọng tưởng thấy có ngã; đối với các pháp không phải là vui, vọng tưởng chấp cho là vui; đối với các pháp là bất tịnh, vọng tưởng, cho là tịnh, sinh, lão, bệnh, tử, biến đổi hoại diệt, niệm niệm vô thường, năm cái, mười phiền che đậy, luân hồi ba cõi, phải chịu sinh tử không có trước sau, cũng như vòng bánh xe, bởi thế Như Lai, lập giáo cũng tùy theo cơ nghi của chúng sinh, mà chia ra có ba tạng cho đến mười hai bộ Kinh, đọa hóa chia giòng, tùy theo tín tâm nông sâu, nói ra mọi kinh điển biện duyên, khiến cho chúng sinh có thể liễu ngộ được thực tướng của các pháp mà chứng Niết Bàn giải thoát. Bởi thế Như Lai, từ bi bản thể, dùng mọi phương tiện, chiêu tập tất cả chúng sinh hữu duyên ở mười phương, đều tụ họp trong đại chúng đây, diễn nói chỉ bày, kinh điển vi diệu này, là những lời dạy bảo ngàn đời, lưu truyền mãi mãi về sau, khiến tất cả chúng sinh, thường được đại an lạc, cho nên Như Lai thị hiện giáng sinh, và nhập Niết Bàn; hoặc ở nơi cõi nước khác, xưng là Xá Na Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thượng Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên, Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; hoặc lên ở cõi trời Đâu Suất Đà, làm bậc đạo sư cho chư thiên; hoặc từ ở nơi cõi trời Đâu Suất, thị hiện giáng sinh xuống cõi Diêm Phù Đề, hiện sống lâu tám mươi tuổi, rồi vào Niết Bàn. Nên biết đó đều là Như Lai không thể nghĩ bàn; thế giới không thể nghĩ bàn; nghiệp báo thiện, ác không thể nghĩ bàn; chúng sinh không thể nghĩ bàn; thuyên định không thể nghĩ bàn, ấy là sức thần lực không thể nghĩ bàn của Phật. Phật muốn khiến cho hết thấy chúng sinh đều giác ngộ được Phật tính của mình, cho đến hạ lưu độn căn chúng sinh cũng đều khiến được biết. Phật muốn khiến tất cả chúng sinh nếu muốn được thấy Phật, liền được thấy ngay; còn những chúng sinh vô duyên, thì dù có đối trước Phật vẫn không thấy được, cho đến các vị Thanh Văn, Duyên Giác, tuy có thiên nhãn thông cũng không thấy. Lại nữa, Phật phóng ra ánh sáng lớn, chiếu xuống tận địa ngục A tỳ, trên đến tận cùng các cõi trời, những chúng sinh có duyên, với Phật thì đều được thấy; còn chúng sinh vô duyên, thì dù có đối trước mắt cũng không thấy. Có khi Như Lai, hoặc hứa khả, hoặc mặc nhiên, nên biết đó đều là phương tiện của chư Phật Thế Tôn, không thể nghĩ bàn được, không thể so lường được, khó thể biết được. Vậy thì làm sao mà ông có thể hỏi Như Lai được

những hạnh khổ khó làm, rất sâu xa nhiệm màu như thế, nhưng nay ông phát ra được lời hỏi ấy, thực là do lòng đại bi thương xót chúng sinh, muốn ngăn đống ba nẻo ác, khai thông lối nhân thiên.

-A Nan! Nghe cho kỹ, tôi nay sẽ vì ông, lượt nói về nhân duyên khổ hạnh hiếu dưỡng cha mẹ.

Bấy giờ Đức Thế Tôn, bảo Tôn giả A Nan, các vị đại Bồ Tát Ma Ha Tát, và tất cả đại chúng rằng:

-Về đời quá khứ lâu xa, vô lượng A tăng kỳ kiếp, bấy giờ có một nước nọ, tên là Ba La Nại, trong nước đó có Đức Phật ra đời, hiệu là Tỳ Bà Thi, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Đức Phật đó sống lâu mười hai tiểu kiếp, chính pháp ở đời, hai mươi tiểu kiếp, tượng pháp cũng ở đời hai mươi tiểu kiếp, ở trong đời tượng pháp, có một ông vua ra đời, tên là La Xà, có bốn nghìn người đại thần, năm trăm thớt voi. Vua thống lãnh mười sáu tiểu quốc, tám trăm tụ lạc. Vua có ba vị thái tử, đều làm vua ở bên các tiểu quốc.

Đại Vương La Xà ở nước Ba La Nại, là người rất thông minh nhân đức, thường dùng chính pháp trị quốc, không làm việc gì uổng hại nhân dân. Nhờ phúc đức của nhà vua, mà được gió hòa mưa thuận, ngũ cốc phong nhiêu, nhân dân an lạc.

Bấy giờ Đại Vương nước Ba La Nại kia, có một người đại thần tên là La Hâu, khởi tâm ác nghịch dấy bốn thứ binh: Tượng binh, xa binh, mã binh và bộ binh đến đánh nước Ba La Nại, giết chết Đại Vương.

Sau khi giết Đại Vương xong rồi, lại đem bốn binh, đến đánh các tiểu quốc, giết chết đệ nhất thái tử kế đó lại đi bắt đệ nhị thái tử.

Người em út, làm vua ở một tiểu quốc, hình thể của vua đẹp đẽ, to lớn, tính tình nhân hậu, nói thường mỉm cười, và khi có nói ra điều gì đều đem lại lợi ích không tổn hại ý người, thường dùng chính pháp trị nước, không uổng hại nhân dân, cõi nước thịnh vượng an lạc, nhân dân đông đảo của cái châu báu dư dật, gia kế sung túc, nhân dân trong nước, ai cũng khen ngợi công đức của nhà Vua, tất cả chư Thiên, tất cả thiên thần địa kỳ, cũng đều ái kính.

Bấy giờ Vua sinh hạ được một Thái tử, tên là Tu Xà Đề, rất thông minh, nhân từ, hay làm việc bố thí. Thân hình của Thái tử Tu Xà Đề, sáng láng như sắc hoàng kim, bảy chỗ nơi cơ thể đều đầy đặn cân đối, nhân tướng đầy đủ, tuổi mới mười bảy, Vua cha rất yêu quý, không bao giờ tạm dờn bên lòng.

Bấy giờ, có vị thần coi cung điện, báo mộng cho Đại Vương biết rằng: “La Hầu đại thần, gần đây sinh tâm ác nghịch, âm mưu cướp ngôi Vua, đã giết hại Phụ Vương La Xà, đồng thời phát động bốn binh, tầm nã bắt hai anh của Đại Vương, kẻ phản nghịch ấy, đã giết cả hai anh của Đại Vương và quân mã không bao lâu, sẽ đến hãm hại Đại Vương, nay Đại Vương cần phải cấp thời trốn đi, để bảo toàn tính mạng”.

Bấy giờ Đại Vương, nghe nói như vậy rồi, trong lòng rất sợ hãi, dựng cả chân lông, thân thể giao động, lo giận áo não, nghẹn ngào phiền muộn, tâm can nào nhiệt, vật vã ngã xỉu xuống đất, mãi hồi lâu mới tỉnh, rồi cất tiếng khẽ hỏi trên hư không rằng:

-Người là ai? Sao chỉ nghe thấy tiếng, mà không thấy hình, việc ngươi vừa nói có đích xác không?

Vị thần ấy liền báo cho Vua biết rằng:

-Tôi là thần coi cung điện Vua là người thông minh phúc đức, không uổng hại nhân dân, thường dùng chánh pháp trị nước, vì vậy, mà tôi báo cho Vua biết: Đại Vương nay nên cấp thời phải ra đi lánh nạn, nếu không họa hoạn khổ não không lâu sẽ tới nơi!

Bấy giờ, Đại Vương liền vào trong cung, tự suy nghĩ: “Ta nay nên phải cấp thời đi lánh nạn, qua một nước láng giềng khác, để tránh những tai họa sẽ xảy đến”. Lại tự suy nghĩ: “Nước láng giềng kia mà ta định đến đó, có hai con đường: Một đường phải đi tới bảy ngày mới đến; còn một đường phải trải qua mười bốn ngày.”

Suy nghĩ như vậy rồi, Vua liền cho chuẩn bị lương thực trong bảy ngày và cho đem ra ngoài thành một cách hết sức cẩn mật.

Khi cho đem ra ngoài thành rồi, Vua lại trở vào trong cung, gọi Thái tử Tu Xa Đề, bé để ngồi trên đầu gối, mắt không lúc nào tạm rời, rồi lại đứng dậy, có vẻ kinh hãi, rồi lại ngồi xuống.

Bấy giờ, phu nhân coi thấy Đại Vương, có sự bất an, tựa hồ có điều gì lo sợ? Bà liền đến trước chỗ Vua hỏi rằng:

-Đại Vương hôm nay, hình như có sự gì lo sợ, nên có vẻ đứng ngồi không yên, thân thể bụi bặm lấp lúp, đầu tóc bơ phờ, mắt trông ngơ ngác, khí tức bất định, tựa như có điềm mất nước, ân ái biệt ly, oan gia sắp sửa xảy đến, với những tướng trạng bất tường như thế, xin Đại Vương cho thần thiếp được biết?

Vua bảo phu nhân rằng:

-Tôi có việc hệ trọng, nhưng không phải việc mà phu nhân có thể biết được.

Phu nhân liền tâu Vua rằng:

-Tâu Bệ hạ! Thiếp cùng với Bệ hạ, khác nào hai hình một thể, cũng như chim hai cánh, như thân thể với chân tay, như đầu với mắt. Đại Vương ngày nay vì sao lại không cho thần thiếp được dự biết!

Vua bảo phu nhân:

-Phu nhân không biết sao! La Hầu đại thần, gần đây sinh tâm ác nghịch, đã giết Phụ Vương, cướp ngôi Vua, và bắt giết cả hai anh, nay bọn chúng đang cử binh mã, lần lượt sẽ đến đây bắt ta, nay ta muốn tránh mạnh, để khỏi những tai họa ấy.

Nói rồi, tức thời ẵm Thái tử Tu Xà Đê, ra đi để lánh nạn, và phu nhân cùng tùy tùng theo sau.

Bấy giờ, vua vì tâm ý hốt hoảng rối loạn, nên đi lầm phải con đường mười bốn ngày, con đường đó lại rất nguy hiểm: Không có nước cỏ. Đi được vài ngày, thì lương thực đã hết. Bản ý trước đây chỉ chuẩn bị vừa số lương thực lộ hành cho một người trong thời gian bảy ngày, nay phải dùng cho ba người, hơn nữa lại đi lầm vào con đường tới mười bốn ngày, thì lương thực đã hết cả, trên đường đi lại xa xôi hiểm trở.

Lúc đó, Đại Vương và phu nhân cất tiếng khóc lóc: “Thực là xót xa đau đớn, cho chúng tôi lắm! Chúng tôi từ khi sinh ra đời cho đến nay, chưa từng có bao giờ bị khổ sở như thế này, tại sao ngày nay lại phải chịu như thế, giờ đây đã đến lúc đường cùng, họa lại sắp sửa xảy tới nơi!”.

Nói rồi, giơ tay vỗ đầu, bụi đất lấm láp, vật mình xuống đất tự hỏi trách rằng:

-Lũ chúng tôi đời trước, gây nên những nghiệp ác gì? Hay là giết cha mẹ, chân nhân La Hán? Hay là hủy báng Chính pháp? Hay là phá hoại hòa hợp Tăng? Hay là làm nghề săn bắn tàn hại chúng sinh? Đong đầy khảo voi? Cướp đoạt của cải của chúng sinh? Hay là lạm dụng của cải của chúng Tăng? Làm sao ngày nay lại phải chịu những sự họa hoạn ấy? Giờ đây chính muốn dừng nghỉ một chút, lại sợ oan gia ập tới, nếu để chúng bắt được, quyết sẽ bị chết, không còn nghi ngờ gì nữa! Còn nếu tiến tới, thì lại bị đói khát bứt bách, tính mạng chỉ còn ngần bằng hơi thở!



Bấy giờ, Đại Vương và phu nhân suy nghĩ những sự khổ não như vậy rồi, thốt tiếng gào khóc, buồn rầu, ngã xỉu ra đất, hồi lâu mới tỉnh. Lại tự suy nghĩ: “Nếu không lập kế phương tiện, tất nhiên cả ba mạng người đều không tránh khỏi chết, chi bằng ta nay sẽ giết Phu nhân, để lấy thịt nuôi sống thân ta và bảo toàn tính mạng cho đứa con này.”

Nghĩ như vậy rồi, liền tuốt gươm, toan giết Phu nhân.

Thái tử Tu Xà Đề thấy dị tướng như vậy, tức thời tay bên phải đỡ lấy gươm, nắm chặt lấy tay Vua cha, râu rậm:

-Cha! Cha định làm gì thế hả cha?

Bấy giờ, Phụ Vương buồn rầu khóc lóc khẽ bảo Thái tử rằng:

-Ta nay muốn giết mẹ con nuôi sống cha và bảo toàn tính mạng cho con, vì nếu không giết mẹ con, thì tất cả chúng ta cũng sẽ chết, thân cha nay đây không biết sống thác lúc nào, nay cha vì muốn cho con sống, nên cha có ý định giết mẹ con!

Bây giờ, Thái tử Tu Xà Đề, liền râu với Vua rằng:

-Nếu Vua cha giết mẹ con, con cũng không ăn, vì chưa có bao giờ và ở đâu lại có những người con nào lại dám ăn thịt của mẹ, tất nhiên con cũng sẽ chết. Vua cha ngày nay sao lại không giết con đi, để cứu sống mạng cho mẹ.

Vua nghe con nói như thế, buồn rầu, vật vã, ngã xỉu ra đất, nói nhỏ với con rằng:

-Con cũng như con mắt của ta, chưa bao giờ và ở đâu lại có người tự khoét mắt của mình, để rồi tự ăn vậy, ta nay thà bỏ thân mạng, trọn không bao giờ giết con để nuôi sống tính mạng của ta cả.

Bấy giờ, Thái tử Tu Xà Đề thưa với cha mẹ rằng:

-Con nay sẽ xin nguyện đem thân mạng này của con, để cúng dàng cha mẹ, cha mẹ ngày nay, nếu cắt thân mạng con một lúc, thì không được bao nhiêu ngày, máu thịt sẽ bị hôi thúi. Vậy kính xin cha mẹ, đừng giết chết ngay, và con nay chỉ xin cha mẹ một điều, mong cha mẹ đừng làm trái ý con, sẽ không phải là cha mẹ hiền từ của con nữa.

Bấy giờ, Vua cha bảo Thái tử rằng:

-Cha mẹ sẽ không làm trái ý con, con muốn xin gì điều gì, thì con cứ nói ngay cho cha mẹ biết.

Thái tử Tu Xà Đề tâu rằng:

-Con nay chỉ xin cha mẹ cho con một điều là: Cha mẹ hãy thương con, có thể ngày ngày đem dao, xẻo thịt ở nơi thân thể của con, cắt chừng ba cân, và chia làm ba phần, hai phần để dâng cha mẹ, còn một phần để cho con ăn, để tự nuôi sống tính mạng.

Bấy giờ cha mẹ, liền theo như lời của con nói, ngày ngày cắt ba cân thịt, và chia làm ba phần: Hai phần chia cho cha mẹ, còn một phần cho con ăn, để tạm sống, chông đỡ thân mạng, mong đi được đến nơi đến chốn.

Thời gian chưa được hai ngày, thịt ở nơi thân thể của Thái tử đã hết, chỉ còn da dính với xương, tuy nhiên vẫn còn có một vài chút thịt dư chưa hết hẳn, vì quá kiệt sức, Thái tử liền ngã ngất ra đất.

Bấy giờ, cha mẹ liền ôm lấy Thái tử, cất tiếng gào khóc nói rằng:

-Con ơi! Cha mẹ thực là người vô dụng, ăn cả thịt con khiến cho con phải đau đớn như thế này! Nay đường hãy còn xa, chưa đến được nơi đã định, mà thịt con cũng đã hết, tất nhiên đều sẽ bỏ thân cả ở đây!

Bấy giờ, Thái tử Tu Xà Đề, nói nhỏ với cha mẹ rằng:

-Kính thưa cha mẹ, con dâng thịt của con để cúng dàng cha mẹ, đã đi được tới nơi đây, tính ra đường trường chỉ có một ngày nữa là tới, mà thân thể con nay không còn làm sao cử động được nữa, chắc con sẽ bỏ tính mạng ở nơi đây mất, con sẽ không còn có thể theo cha mẹ ngày này, không nên nghĩ ngợi theo thói thường tình, để rồi cũng bị chết cả ở nơi đây, con kính xin cha mẹ một điều, cha mẹ hãy thương xót con, và xin chớ trái lòng con, cha mẹ hãy cắt nốt những chỗ thịt còn sót ở các lóng đốt của con, dùng nuôi sống cha mẹ cho qua ngày để đi đến cho được chỗ mà cha mẹ đã định.

Bấy giờ, cha mẹ liền làm theo lời con, lại cắt nốt thịt còn dư ở các lóng đốt, và chia làm ba phần: Một phần cho con ăn, còn hai phần thì mình ăn. Ăn xong rồi cha mẹ liền từ biệt con để ra đi.

Tu Xà Đề đứng dậy, trông theo cha mẹ cho đến khi khuất dạng mới thôi.

Bấy giờ cha mẹ đều cất tiếng gào khóc thảm thiết, dõng theo đường mà đi. Khi cha mẹ ra đi rồi, Thái tử Tu Xà Đề, vì luyến mộ cha mẹ, mắt nhìn đăm đăm không rời, hồi lâu liền ngã xỉu ra đất.

Hương vị của máu thịt tươi ở nơi thân thể của Thái tử xông lên cả mười phương, các loài ruồi nhặng ngửi thấy, liền bau lại, đậu khắp cả trên thân thể, để ăn hút, đau đớn nhức nhối, không thể nào nói cho xiết được.

Bấy giờ, Thái tử thấy còn có chút ít thịt dư ở nơi thân mạng chưa hết, liền lập thế nguyện rằng:

-Nguyện đời trước có điều gì oán ác, từ đây sẽ trừ sạch hết, và từ ngày nay trở đi, sẽ không dám làm nữa. Nay tôi đem thân này để cúng dàng cha mẹ tôi, nguyện cha mẹ tôi, thường được mười một điều phúc đức:

1. Khi ngủ được an vui
2. Khi thức cũng được an vui
3. Không thấy ác mộng
4. Chư Thiên thường ủng hộ
5. Mọi người đều ái kính
6. Không gặp phải những sự kiện tụng, huyện quan.
7. Không bị trộm cắp
8. Không bị giặc dã
9. Không bị mưu hại
10. Không bị tiêu diệt
11. Gặp việc gì, cũng đều được tốt lành.

Và còn bao nhiêu những máu thịt còn sót lại ở nơi thân thể này, xin đem bỏ thí cho các loài ruồi muỗi v.v... đều khiến cho được no đủ, khiến cho tôi đời sau được thành Phật, khi được thành Phật rồi sẽ đem thức ăn bằng giáo pháp, trừ trọng bệnh sinh tử đói khát cho tất cả chúng sinh.

Khi Thái tử Tu Xà Đề phát nguyện như thế rồi, trời đất bỗng phát khởi sáu thứ rung động, mặt trời ẩn mất cả tinh quang, các loài cầm thú, sợ hãi ruổi chạy tán mác khắp bốn phương, nước ở đại hải nổi sóng dữ dội, núi Tu Di khuynh đảo, dao động, mãi đến cõi trời Đạo Lợi, cũng đều rung chuyển mạnh mẽ.

Bấy giờ Vua Thích Đề Hoàn Nhân, liền đem chư Thiên ở dục giới, đi xuống cõi Diêm Phù Đề, hóa làm những loài sư tử, hổ lang, trợn mắt, dậm chân,

gào rống, chòn vòn nhảy nhót, như muốn lại vồ bắt để ăn thịt, thử xem Thái tử có sợ hãi thoái tâm hay không?

Bây giờ, Thái tử Tu Xà Đề, coi thấy các loài cầm thú, có vẻ ra oai dữ tợn lắm, Thái tử mới dùng lời nhỏ nhẹ bảo rằng:

-Nếu các người muốn ăn thịt ta, thì tùy ý mà ăn, chớ sao lại làm cho ta phải sợ hãi như thế?

Bây giờ Vua Thiên Đế Thích mới nói rằng:

-Ta không phải sư tử, hổ lang đâu, mà là Thiên Đế Thích muốn lại đây để thử ngươi vậy!

Bây giờ, Thái tử thấy Thiên Đế Thích, thì trong lòng rất vui mừng.

Thiên Đế Thích mới hỏi Thái tử rằng:

-Nhà ngươi hay bỏ được những việc khó bỏ. Ngươi ngày nay đen cả thân thể xương thịt để cúng dàng cha mẹ, có những công đức như vậy, để nguyện sinh làm Thiên ma vương, Phạm vương, Thiên vương, Nhân vương, hay Chuyển luân thánh vương?

Tu Xà Đề trả lời với Thiên Đế Thích rằng:

-Tôi ngày nay cũng chẳng nguyện sinh làm Thiên ma vương, Phạm vương, Thiên vương, Nhân vương, hay Chuyển luân thánh vương, mà tôi chỉ muốn cầu đạo Vô Thượng Bồ Đề, để độ thoát cho tất cả chúng sinh mà thôi.

Thiên Đế Thích nói rằng:

-Ngươi thật là đại ngu, đạo Vô Thượng Chính đẳng Chính giác, phải chịu cần khổ rất lâu, rồi sau mới thành, ngươi nay làm sao lại có thể chịu đựng được những sự cần khổ ấy?

Tu Xà Đề trả lời Thiên Đế Thích rằng:

-Giả sử vòng sắt nung đỏ để ở trên đầu, nhưng trọn sẽ không vì những sự ấy, để cho thoái đạo Vô Thượng. Thiên Đế Thích nói rằng:

-Ngươi chỉ nói suông thì làm sao mà có thể tin chắc được?

Tu Xà Đề liền lập thệ nguyện:

-Nếu tôi nói dối Thiên Đế Thích, thì thân thể của tôi sẽ mãi mãi bị chia lìa, còn không như vậy, thì nguyện sẽ được bình phục như cũ, máu huyết trở lại trắng thành sữa.

Thái tử phát nguyện vừa dứt lời, tức thì thân thể bỗng bình phục như cũ, máu huyết lại trở lại trắng thành như sữa, hình dung thân thể đẹp đẽ gấp bội lúc trước.

Bấy giờ Thiên Đế Thích liền khen ngợi rằng:

-Quý hóa thay! Quý hóa thay! Ta nay không thể bì kịp người, người tinh tiến dũng mãnh không bao lâu sẽ chứng đạo Vô Thượng Chính đẳng Chính giác, nguyện độ cho ta trước.

Bấy giờ Thiên Đế Thích, ở trên hư không, liền ẩn chẳng hiện.

Lúc ấy Vua và phu nhân đi tới được nước láng giềng. Khi đó, Quốc Vương ở nước kia, liền ra rất xa để nghênh tiếp, cung cầu đầy đủ các thứ cần dùng xứng ý.

Bấy giờ Đại Vương mới thuật rõ với vị Quốc Vương kia tất cả sự tình như trước: Nào là con tôi rất hiếu dưỡng, đem cắt cả thịt ở nơi thân thể để cúng dàng cho cha mẹ v.v...

Bấy giờ vị Quốc Vương ở nước láng giềng kia, nghe nói như vậy rồi, rất lấy làm cảm mến Thái tử Tu Xà Đề: Hay bỏ được những việc khó bỏ, đem thân thể, huyết nhục cúng dàng cha mẹ, hiếu dưỡng như thế thực là hiếm có!

Vì cảm mến những đức hạnh từ hiếu như vậy, mà Quốc Vương kia, tức thì phát khởi bốn đạo binh trở về cùng với Đại Vương để diệt trừ kẻ phản nghịch đại thần La Hầu gian ác.

Bấy giờ, Đại Vương liền đem bốn binh, thuận đường trở về, đồng thời, Vua La Xà cùng với Phu nhân tìm đến chỗ Thái tử Tu Xà Đề, nơi mà trước đây cha con đã từ biệt nhau, với một ý nghĩ: Con ta đành nào cũng đã chết rồi, nay ta sẽ thu nhặt hài cốt của con, đem trở về bản quốc. Vì lòng thương con quá, nên vừa đi theo đường lối tìm kiếm, vừa gào khóc rất thảm thiết.

Nhưng bỗng xa trông thấy con, thân thể vẫn bình phục như trước, lại có phần đoan chính đẹp đẽ gấp bội thường, liền đến trước, bỗng ẵm lấy con, trong lòng vừa thương vừa mừng, hỏi Thái tử rằng:

-Con! Con vẫn còn sống!

Bấy giờ Thái tử Tu Xà Đề liền đem tất cả sự tình như trên kể cho cha mẹ nghe.

Cha mẹ rất vui mừng, rồi cùng nhau dùng voi đài tải, trở về bản quốc.

Vì Thái tử Tu Xà Đề có phúc đức rất lớn, nên đánh lấy lại được nước, và lập Thái tử lên làm Vua.

Bấy giờ Phật bảo Tôn giả A Nan:

-Phụ Vương lúc bấy giờ, hiện nay là cha ta, Duyệt Đầu Đà, phu nhân lúc bấy giờ, hiện nay là mẹ ta, Ma Da phu nhân; còn Thái tử Tu Xà Đề, nay chính là ta, Thích Ca Mâu Ni Như Lai; còn Thiên Đế Thích lúc bấy giờ, nay là ông Kiều Trần Như này vậy.

Khi Phật nói về sự hiếu dưỡng cha mẹ ấy, trong chúng có hai mươi ức Bồ Tát, đều chứng được biện tài vô ngại, lợi ích tất cả. Lại có mười hai vạn Bồ Tát, đều chứng được biện tài vô ngại, lợi ích tất cả. Lại có mười hai vạn Bồ Tát, đều chứng được vô sinh pháp nhẫn. Lại có các vị Bồ Tát nhiều như những hạt vi trần ở khắp mười phương tới, đều chứng được Đà la ni môn. Lại có các vị Thanh Văn, Duyên Giác nhiều như số cát sông Hằng, Như vi trần lia bỏ tâm Nhị thừa, hướng về Nhất thừa cứu kính. Lại có các Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, nhiều như số vi trần, hoặc chứng được sơ quả, cho đến nhị quả. Lại có trăm nghìn người phát tâm Vô Thượng Chính đẳng Chính giác. Lại có các chư Thiên, Long, Quỷ thần. Càn thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, Nhân và Phi nhân, hoặc phát tâm Bồ Đề, cho đến phát tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Phật bảo Tôn giả A Nan:

-Bồ Tát vì tất cả chúng sinh làm những khổ hạnh khó làm, hiếu dưỡng phụ mẫu, đem thân thể huyết nhục, cung cấp cho cha mẹ, việc đó như thế.

Tất cả đại chúng, nghe Phật nói pháp, đều được những sự ích lợi thù thắng, vui mừng làm lễ Phật, rồi quanh về phía bên phải mà lui trở ra.

---o0o---

## Quyển Thứ Hai

### 03. PHẨM ĐỐI TRỊ THỨ BA

Bấy giờ Đức Thế Tôn ở trong đại chúng, cũng như vàng mặt trời, chiếu ánh sáng rực rỡ, che khuất cả các tinh cầu khác; cũng như con đại long, uốn khúc, quanh liệng ở nơi cõi thanh hư, huy hoàng xám lạn, uy quang chói lọi, sắc

tướng khó ví dụ, trông đó thì mắt lóa; nghĩ đó thì ý loạn, và cũng khác nào như lửa con đom đóm, khi mặt trời mọc, liền ẩn khuất chẳng hiện; mặt trời, mặt trăng tuy có trăm nghìn ánh sáng, so với ánh sáng của Vua Đế Thích, cũng ví như một điểm mực đen; Vua Đế Thích tuy có ánh sáng thanh tịnh nhiệm màu, sáng với ánh sáng của Đại Phạm Vương, cũng như sỏi sánh với dạ quang Ma ni bảo châu; Đại Phạm Vương, tuy có trăm nghìn ánh sáng thanh tịnh nhiệm màu, sánh với ánh sáng của Như Lai, cũng khác nào như một điểm mực đen. Vì có sao? – Vì ánh sáng thường quang của Đức Như Lai, soi chiếu khắp cả mười phương thế giới, tất cả chúng sinh ở trong đó, người nào gặp được ánh sáng ấy của Phật: Người mù thì được trông thấy; người gù thì được ngay thẳng lại; người què quặt, thì được tay chân lành lặn; người tà mê thì được thấy rõ con đường chân chính sáng suốt.

Tóm lại mà nói: Mọi sự bất như ý, đều được như ý.

Bảy giờ trong hội, có bảy mươi vị Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, liền từ tòa ngồi đứng dậy, đầu mặt lễ sát chân Phật, nhiễu quanh trăm nghìn vòng, rồi lui về ở một phía, đồng thanh nói ra trăm nghìn bài kệ, tán thánh Đức Như Lai. Các vị Bồ Tát ấy tên là: Bất Tư Nghị Bồ Tát, Ly Giác Âm Bồ Tát, Duy Niệm An Bồ Tát, Ly Cấu Xung Bồ Tát, Vô Lượng Âm Bồ Tát, Đại Danh Văn Bồ Tát, Minh Đỏa Kế Bồ Tát, Liên Sư Tử Bồ Tát, Độc Du Bộ Bồ Tát, Xả Sở Niệm Bồ Tát, Trí Tích Bồ Tát, Ý Thiện Trụ Bồ Tát, Vô Cực Tướng Bồ Tát, Tuệ quang Diệu Bồ Tát, Tiêu Cường Ý Bồ Tát, Năng Ứng Hộ Bồ Tát, Chí Thành Anh Bồ Tát, Liên Hoa Giới Bồ Tát, Chúng Chư An Bồ Tát, Thánh Tuệ Nghiệp Bồ Tát, Tướng Công Huân Bồ Tát, Vô Tư Nghị Bồ Tát, Tịnh Phạm Thí Bồ Tát, Bảo Sự Nghiệp Bồ Tát, Xứ Thiên Hoa Bồ Tát, Thiện Tư Duy Bồ Tát, Vô Hận Pháp Bồ Tát, Danh văn Ý Bồ Tát, Dĩ Biện Tích Bồ Tát, Tự Tại Môn Bồ Tát, Thập Chung Lực Bồ Tát, Hữu Thập Lực Bồ Tát, Đại Thánh Mẫn Bồ Tát, Vô Sở Việt Bồ Tát, Du Tịch Nhiên Bồ Tát, Tại Ư Bi Bồ Tát, Vô Số Thiên Bồ Tát, Tu Di Quang Bồ Tát, Cực Trọng Tạng Bồ Tát, Nhân Siêu Việt Bồ Tát, Nhi Độc Bộ Bồ Tát, Uy Thần Thắng Bồ Tát, Đại Bộ Giới Bồ Tát, Di Sơn Hộ Bồ Tát, Trì Tam Thế Bồ Tát, Hữu Công Huân Bồ Tát, Tuyên Danh Xung Bồ Tát, Nhật Quang Minh Bồ Tát, Sư Tử Anh Bồ Tát, Thời Tiết Vương Bồ Tát, Thị Hiện Hữu Bồ Tát, Quang Viên Chiếu Bồ Tát, Sơn Sư Tử Bồ Tát, Hữu Thủ Thí Bồ Tát, Mạc Năng Thắng Bồ Tát, Vi Tồi Tràng Bồ Tát, Hỷ Duyệt Xung Bồ Tát, Kiên Tinh Tiến Bồ Tát, Vô Tồn Dảm Bồ Tát, Hữu Danh Xung Bồ Tát, Vô Khủng Bố Bồ Tát, Vô Trước Thiên Bồ Tát, Đại Minh Đẳng Bồ Tát, Thế Quang Diệu Bồ Tát, Vi Diệu Âm Bồ Tát, Báo Công Huân Bồ Tát, Trừ Ám Minh Bồ Tát, Vô Đẳng Luân Bồ Tát v.v... đều ở trước Phật phát thệ nguyện rằng:

-Lũ chúng con, sau khi Đức Thế Tôn diệt độ, hộ trì Chính pháp, lưu truyền ở khắp trong mười phương thế giới, khiến không đoạn tuyệt. Vì có sao? Lũ chúng con ngày nay, được coi thấy sắc tướng ánh sáng nhiệm màu của Đức Như

Lai, không thể lấy tâm nghĩ miệng bàn được, ở trong ánh sáng ấy, đều được nghe Phật pháp, không thể lấy tâm nghĩ miệng bàn được, sau khi nghe pháp ấy rồi vĩnh viễn xa lìa được những phiền não chướng trong nhiều kiếp, thân tâm trong sáng, rực rỡ như thiên kim, và tất cả muôn loài cũng được nhờ ánh sáng soi chiếu ấy. Lũ chúng con tự suy nghĩ những công đức lợi lạc như vậy, nên đối với Đức Như Lai sinh tưởng như bậc Đại sư, sinh tưởng như bậc Đại từ phụ, thường nhớ nghĩ đến ân đức của Phật. Vì có sao? Chúng con được nghe Chính pháp, không bao lâu sẽ được thành Phật, ngồi nơi đạo tràng, vận chuyển bánh xe chính pháp, độ thoát cho tất cả chúng sinh, đều khiến cho chúng sanh được nghe chính pháp, giải thoát sinh tử, chứng được ngôi Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Bấy giờ Đức Thích Ca Như Lai, bảo tất cả đại chúng rằng:

Bấy mươi hai vị Bồ Tát Ma Ha Tát ấy, ở đời quá khứ lâu xa trong số vô lượng trăm nghìn vạn ức vi trần a tăng kỳ kiếp, đã từng cúng dàng vô lượng trăm nghìn vạn ức vi trần số chư Phật, nhiều như cát sông Hằng, ở chỗ chư Phật, thường tu phạm hạnh, cúng dàng chư Phật, tâm không biết mỏi mệt, từ tâm tu thân, khéo hộ trì Phật Pháp, không bỏ tâm đại bi, thường ở trong mười phương, làm những việc lợi ích cho tất cả chúng sinh. Nếu có chúng sinh nào, tới khi mệnh chung, được nghe tên hiệu của một vị Bồ Tát ấy, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, cho đến bảy mươi hai vị, xưng danh quy mệnh, người ấy sau khi mệnh chung sẽ được vãng sinh về cõi nước của Phật, hóa sinh trong hoa sen, xa lìa dâm dục, không phải ở trong bào thai, như uế bất tịnh, thân thể của người ấy, rất là trong sạch thơm tho màu nhiệm, được mọi người đều cung kính yêu mến, vì được mọi người cung kính yêu mến, mà lòng sinh ra những sự hoan hỷ, vì hoan hỷ, liền hay phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, hay đối với tất cả chúng sinh, khởi đại bi tâm; sau khi đã phát tâm từ bi rồi, kế sinh tâm làm những việc lợi ích cho chúng sinh, sinh tâm làm lợi ích cho chúng sinh rồi, lại phát tâm không bao giờ bỏ chúng sinh. Nhân tâm làm lợi ích cho chúng sinh, tâm tự lợi lợi tha, mà diệt trừ được tâm chướng ngại, được tâm tịnh tĩnh, hay gần gũi Thiên hữu, thường sinh tâm cung kính, tâm chuyên ý nghe pháp, nhớ giữ không quên, tâm suy nghĩ nghĩa lý nhiệm mầu, tâm nghe ít mà hiểu nhiều, tâm không nguyện nghe nhiều, mà không hiểu nghĩa. Kế tin tự tâm là chân như thực tướng; tin tự tâm như thực tướng nghĩa. Khi đã tin tự tâm là như thực tướng nghĩa rồi, kế sinh tâm như thuyết tu hành; do sinh tâm như thuyết tu hành rồi, kế sinh tâm không thoái chuyển, do sinh tâm không thoái chuyển rồi, nên đối với chúng sinh, liền sinh những tâm đối trị:

-Như tôi không muốn chết, tất cả ba cõi, hai mươi lăm cõi, loài có hình, không hình, loài bốn chân, nhiều chân, mãi đến loài bé nhỏ như loài kiến v.v... phạm loài nào có tính mạng đều không muốn chết như tôi. Cho nên Bồ Tát, cho đến phải táng thân thất mạng, trọn không cướp đoạt thân mạng của kẻ khác.



-Như tôi có tiền của, lụa là, y phục, chăn đệm, thức ăn, uống, voi, ngựa, xe cộ, quốc thành, thê tử, thân thể tay chân, tôi thường cúng dàng ủng hộ, nhưng tôi không muốn người khác xâm chiếm của tôi, tất cả chúng sinh cũng lại như thế. Cho nên Bồ Tát cho đến phải táng thân thất mạng, đối với y phục, của cải, thức ăn uống của chúng sinh, trọn không sinh tâm cướp đoạt.

-Như tôi không muốn người khác dụ dỗ cướp đoạt chi em, thê thiếp có nhan sắc của tôi, tất cả chúng sinh cũng lại như thế, cho nên Bồ Tát, cho đến phải táng thân thất mạng, quyết không sinh ý nghĩ tà vạy, khởi tâm nhiễm ô, đối với sắc đẹp của kẻ khác, phương chi còn làm những sự phạm dâm gian ác.

-Như tôi không đối trước mặt thì khen ngợi, sau lưng thì chê bai, nói lưỡi đôi chiều, nói ác khẩu, để gia hại tôi, tất cả chúng sinh cũng lại như thế, cho nên Bồ Tát, cho đến phải táng thân thất mạng, trọn không nói dối, nói lưỡi đôi chiều, gây sự rối loạn giữa kẻ kia người này.

-Như tôi không muốn bị roi gậy đánh đập tra khảo, tất cả chúng sinh cũng lại như thế, cho nên Bồ Tát cho đến phải táng thân thất mạng, trọn không dùng roi gậy đánh đập chúng sinh.

-Như tôi không muốn bị những cảnh khổ não: Gông cùm, xiềng xích, trói buộc, tất cả chúng sinh cũng lại như thế, cho nên Bồ Tát, cho đến phải táng thân thất mạng, trọn không gông cùm, xiềng xích, trói buộc chúng sinh.

-Như tôi không muốn người khác dùng cường lực uy thế, bức hiếp đên nén, không cho tôi được tự do trình bày sự thanh bạch của tôi, tất cả chúng sinh cũng lại như thế, cho nên Bồ Tát, cho đến phải táng thân thất mạng, trọn không đem những sự phi lý, để gia hại chúng sinh.

-Như tôi được người cúng dàng tôn trọng tán thán, khiến cho tôi vui mừng, tôi sẽ thường bố thí chúng sanh: Y phục, thức ăn, uống, đồ nằm, ngồi, thuốc thang, và tất cả những thứ làm cho chúng sinh được an vui, nếu tôi làm đại sự, hoặc Phật sự, Pháp sự, Tăng sự, nếu vì trí lực có hạn, không làm thế nào khiến cho thành tựu được, sinh ra lo buồn khổ não, nếu người có trí thấy tôi như vậy, biết rằng vì tôi kém phúc đức, nên không thể làm khiến cho thành tựu việc ấy được, liền bảo tôi rằng:

“Nếu ông cần dùng điều gì, tôi sẽ xin cung cấp, khiến cho ông được vừa lòng, để hoàn thành công việc ấy.”

Tôi nghe lời nói ấy lòng sinh vui mừng, cho nên tôi cũng sẽ thường khuyến hóa giúp đỡ mọi người làm việc thiện, lợi ích chúng sinh.

-Như tôi bị nhà vua, giặc cướp, nước, lửa, huyện quan bức bách, trói buộc giam cầm, lòng sinh sầu não. Người có trí tuệ, coi thấy tôi gặp phải những sự khổ nạn như vậy, liền đến chỗ tôi, khéo léo khuyên nhủ tôi:

“Ông không nên sầu khổ, tôi sẽ vì ông, xin với nhà vua, hay các quan đại thần hoặc cung cấp của cải, hoặc dùng các phương tiện khác khiến cho ông được giải thoát, không phải những sự khổ nạn, suy não ấy nữa”.

Tôi nghe lời nói ấy, lòng sinh vui mừng, cho nên Bồ Tát, thường siêng năng học hỏi về kỹ nghệ, đủ các tài năng xuất chúng như: Âm nhạc, xướng kỹ, thiên văn, địa lý, toán kế, chú thuật, học thuốc, lái xe, cưỡi voi, cưỡi ngựa, biết sử dụng áo giáp, gươm giáo; cung tên, xuất trận, nhập trận, võ công hiển hách. Vì tôi có những kỹ nghệ màu nhiệm như vậy, nên tất cả mọi người: Hoặc vua, hoặc đại thần v.v...không dám trái nghịch ý tôi, và tôi lại có đủ mọi thứ của cải giàu sang như: Y phục, thức ăn uống, vàng ngọc, vòng xuyên, ngọc lưu ly, san hô, hồ phách, xà cừ, mã não, châu báu, mai khô, ma ni bảo châu, voi, ngựa, xe cộ, kiệu cáng, đừa ở, tôi đòi, cung nhân mỹ nữ, suối chảy ao tắm, đài quán làm bằng thất bảo, thứ thứ vi diệu như vậy vô lượng trăm nghìn.

Bồ Tát tuy có mọi thứ uy vũ, kỹ nghệ, trăm nghìn bảo tạng, voi ngựa, xe cộ, vô lượng mỹ nữ, thắng diệu đài quán, suối chảy ao tắm, tất cả ngũ dục, xung ý như vậy, nhưng tâm không hề tham đắm, mà thường ít dục biết đủ, ưa thích những chỗ vắng lặng ở nơi núi rừng, tu tập thiền định, tuy ở trong đại chúng, nói năng bàn bạc, mà tâm thường nhập pháp môn đối trị, tuy cùng với chúng sinh, hòa quang đồng trần có những tài sản, xuất nhập, sinh kế lợi tức, nhưng trọn không làm điều ác, chỉ làm những việc lợi ích cho chúng sinh.

Nếu có người nghèo cùng khổ não, tới xin Bồ Tát những thứ cần dùng, Bồ Tát đều cung cấp khiến cho được thỏa mãn như ý muốn của họ.

-Nếu Bồ Tát thấy có chúng sinh, ưa muốn cầu Phật pháp, lại tới chỗ Bồ Tát, thân cận cúng dàng thừa sự, cung phụng hầu hạ, rửa chân, xoa bóp, giặt giũ, hong phơi, đưa càn dương, nước rửa, phát thức bao sái, trải giường tòa, cuốn gấp chăn gối, mỗi đêm ba thời, chập tối, giữa đêm, gần sáng, cung cấp đèn nến, bữa ăn sáng, trưa, chiều, dâng các món ăn như: Đát bát na, bồ xà ni, khư đà ni, và các thứ nước uống như: Nước hưng lợi sư, nước trái phúc lạc ca, bồ đào, hắc thạch mật. Thừa sự như vậy, từ bảy ngày cho đến sáu mươi ba ngày, vì muốn cầu thỉnh Bồ Tát xin nghe Phật pháp.

Bồ Tát bấy giờ, tuy thấy người ấy, cung cấp như vậy, nhưng tâm vẫn không vui mừng. Vì có sao? –Vì Bồ Tát ở trong thời gian lâu xa, vô lượng A tăng kỳ kiếp, cần cầu Phật pháp, là vì tất cả chúng sinh, với một bản hoài tối thượng: Tâm không tăng giảm, tâm từ bi, tâm trụ bình đẳng. Hoặc khi Bồ Tát làm Chuyển luân thánh vương, thường đem pháp thập thiện, dạy bảo tất cả

chúng sinh, ai nấy đều theo ý của Bồ Tát, hoan hỷ phụng hành, sau khi mệnh chung, được sinh lên cõi trời, hưởng thụ những khoái lạc nhiệm màu của ngũ dục, tôn nghiêm hào quý, vừa tâm thích ý, đứng ngồi ở nơi thiên cung, ngựa xe đạo chơi ở thượng uyển, kỹ nhạc hoan lạc, ăn uống vui vẻ. Nhưng vô thường chợt tới, già bệnh chết chóc, già trẻ trai gái, sâu khổ áo não, cát tiếng kêu gào, đập ngực, bứt tóc, ăn uống không biết ngon, tâm ý cuồng loạn, vất vả. Người chết được đưa chở trên xe, họ hàng khóc lóc tiễn đưa, đến khi mai táng xong rồi, già trẻ trai gái dìu dắt nhau trở về nhà, vì quá đau xót sâu khổ, nên có người hoặc bị mang bệnh, hoặc sinh ra điên cuồng, hoặc có khi bị chết. Người sống đã bị tổn hại lớn như thế, mà người chết cũng không lợi ích gì.

Bấy giờ vua Chuyển luân Thánh vương, cùng với những người tháp tùng đi tuần hành khắp trong quốc giới, coi thấy các chúng sinh, phải chịu những sự khổ não như vậy, trong lòng rất thương xót, thốt ra lời nói rằng:

-Ta nay làm Vua, cai trị quốc giới, tuy rằng đem pháp Thập thiện để nhiếp hóa cho tất cả chúng sinh, nên được hưởng quả báo nhiệm màu của ngũ dục như vậy, nhưng vẫn không thoát khỏi được cái cảnh thống khổ sinh, lão, bệnh, tử, vô thường bại hoại, nên biết ta tuy dùng chính pháp trị quốc, cũng thành ra vô ích đối với mọi người, nếu như đã vô ích đối với mọi người như vậy, thì làm sao được gọi là Chuyển luân Thánh vương? Làm sao được gọi là Đại từ phụ? Làm sao được gọi là Đại y Vương? Làm sao được gọi là Đại đạo sư, dẫn dắt chúng sinh đi theo con đường chân chính, chỉ bày lối Niết Bàn, khiến cho chúng sinh chứng được đạo Vô vi, thường được yên vui. Lũ chúng ta ngày nay thực là danh chẳng xứng với hành.

Ví như có người bị khác nước gần chết, chạy khắp đông tây, tìm cầu nước uống, xa xa trông thấy một cái giếng khô, lòng sinh ra vui mừng, rồi tự nghĩ rằng: “Thân ta ngày nay tưởng chừng chết, mà lại được sống lại. Vì Có sao? - Nếu như không gặp được nước, thì quyết không lâu sẽ bị chết khát, nay gặp được một cái giếng tốt như thế này, ắt sẽ có kỳ vọng, được nước trong mát để uống khỏi phải chết khát.”

Nghĩ như vậy rồi, liền chạy đến bờ giếng, cởi bỏ áo, treo ở một chỗ, rồi xuống giếng lấy nước, nhưng không được nước lại chỉ thấy những loài rắn độc, thạch sùng, bò cạp, cuốn chiếu, sành sỏi, gai góc và các thứ cỏ ứ.

Bấy giờ người khát nước kia, trở nên thất vọng, đã không được nước uống, lại gặp nhằm những loài độc trùng phun nọc độc, toan thoát ra khỏi giếng, nhưng vì giếng lở mục, nên rớt xuống tới đáy, không khác nào ở trên núi cao té xuống dưới đất. Giếng ấy sâu bằng một đường tên bắn, đã không có thang bực, lại không có cả giây rợ gậy gộc, dầu cho có muốn cố sức nhảy lên, cũng không thể lên nổi, kiệt cả hơi sức, rồi lại hoàn rớt xuống đáy giếng, nên bị các loài rắn độc rủa ăn, trong lúc tính mệnh chưa đoạn tuyệt hẳn, liền nói rằng:

-Nếu ta biết trước, giếng này không có nước, mắt còn không muốn nhìn thấy, huống là tới đây để lấy nước, ngày nay mắc phải khổ độc như thế, là tại cái giếng này làm ta bị lầm vậy.

Bảy giờ, Chuyển Luân Thánh Vương, thấy các nhân dân, nhà cửa trai gái, ân ái chia ly, phải chịu khổ não, liền nói rằng:

-Thân ta ngày nay, ví như cái giếng không có nước, tuy có cái tên gọi là giếng, nhưng không có nước, ta tuy dùng, Chính pháp trị quốc, khiến cho nhân dân có chỗ xu hướng, nhưng rốt cuộc cũng chẳng lợi ích cho ai, đến nỗi dân chúng phải táng thân thất mạng, khổ não như thế, ta nay tuy ở vào ngôi Chuyển Luân Thánh Vương, bảy báu đầy đủ, dùng pháp thập thiện dạy bảo. Chính pháp trị quốc, khiến cho các chúng sinh, được sinh cõi người, cõi trời, hưởng thụ cảnh ngũ dục, khoái lạc nhiệm màu, nhưng vẫn không thoát khỏi được những cảnh sinh, già, ốm, chết, ân ái, phân ly, oán ghét gặp gỡ, đau thương khổ não, khóc lóc thảm thiết, là lỗi tại ta, chứ đâu phải là lỗi tại chúng sinh! Vì sao-Chính vì ta không có pháp xuất thế gian, để làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Tuy chúng sinh theo ta hỏi han lĩnh thụ thiện pháp, mong được yên vui, mà thực không thể vượt qua được bể khổ sinh tử.

Bảy giờ Chuyển Luân Thánh Vương lại tự nghĩ rằng: “Thân của ta đây, ngày nay ví như người không có trí tuệ, là người thí chủ đại ngu si. Khi ấy người thí chủ, gặp lúc trời làm đại hạn, bảy năm không mưa, cây cối bị khô héo hết, thời buổi đói kém, lúa gạo mắc mớ, nhân dân đói khát, chỉ ăn rau thay cơm, uống máu ăn thịt, tàn hại lẫn nhau, nhưng sự thực thì đối với nhau họ tội tình gì đâu! Hoặc đến nỗi cha ăn thịt con, hoặc con ăn thịt cha mẹ anh em, vợ chồng con cái, ăn nuốt lẫn nhau.

Lúc ấy, người đại thí chủ, dạo đi xem xét, coi thấy chúng sinh, đói khát tiêu tụy, gầy còm run rẩy, thân thể đen xầu, ở trên vai của các người đó, hoặc thấy mang gánh thuẫn là xác người chết, hoặc là đầu, tay, lóng tay, bắp tay, xương sống, xương sườn, chỏm vai, đầu gối, ngón chân, hoặc gan, mật, ruột non, ruột già.

Lúc ấy đại thí chủ hỏi nhỏ rằng:

-Những vật mà người mang gánh đó là vật gì vậy?

Người ấy đáp rằng:

-Những vật mà tôi gánh thuẫn là đầu, tay, cánh tay, lóng đốt v.v...của người chết vậy.

Đại thí chủ hỏi:

-Người gánh cánh tay, lóng đốt v.v...của người chết ấy để làm gì?

Người ấy đáp lại rằng:

-Ông không biết sao? Trời làm đại hạn, thời buổi đói kém, thóc gạo mắc mỏ, nhân dân đói khát, ăn nuốt lẫn nhau, những vật mà tôi gánh đó, chính là thức ăn của tôi vậy.

Bấy giờ thí chủ, nghe lời nói ấy rồi, trong lòng rất kinh hãi, dựng cả chân lông, ngã ngất ra đất, phải dùng nước lạnh rảy lên mặt, hồi lâu mới tỉnh. Rồi lại hỏi rằng:

-Tuy nhiên, đó là thức ăn của người, nhưng là thịt của ai vậy?

Bấy giờ người bị đói kia nghe lời ấy rồi, cất tiếng òa khóc, đau đớn như đứt ruột, bảo với người thí chủ rằng:

-Thực là đau đớn thay! Quái lạ thay! Quái lạ thay! Không biết nói làm sao cho xiết được! Đại thí chủ! Tôi nay tình thực bảo cho ông được rõ: Những thứ thịt người mà tôi gánh đó, có thể nói hoặc là cha, mẹ, hoặc là vợ con, anh em hay là họ hàng cốt nhục.

Lúc đó các người bị đói khát, ai nấy đều đem lòng thành thực tự nói nguyên nhân của những sự việc với Đại thí chủ, mà không có việc gì khác hơn là ngoài việc vì bị đói khát, cho nên họ mới phải ăn nuốt lẫn nhau như vậy.

Bấy giờ Đại thí chủ nghe nói như thế, bùi ngùi than thở, bảo với mọi người rằng:

-Các người ngày nay, không nên ăn thịt lẫn nhau nữa, nếu cần dùng quần áo, thức ăn uống, thuốc thang v.v... bảy ngày nữa, các người sẽ tụ tập tất cả ở tại nhà ta, ta sẽ tùy theo sự cần dùng của các người mà cấp cho tất cả mọi thứ như: Quần áo, thức ăn uống, thuốc thang khi bệnh hoạn, thỏa mãn với ý muốn của các người.

Mọi người nghe rồi, lòng sinh vui mừng, khen rằng:

-Tốt lắm! Tốt lắm! Thực là một sự việc chưa từng có vậy!

Bấy giờ thí chủ, trở về tới nhà, gọi vợ con, và tôi tớ, tất cả đều hội họp, rồi vị thí chủ ở trước đại chúng, nét mặt vui vẻ, nói lời dịu dàng, bảo ban vợ con, và các tôi tớ, nên phải để lòng nghe tôi nói:

-Các người có biết chăng! Hiện nay gặp lúc trời làm đại hạn, thời buổi đói kém, nhân dân chết chóc vô số, các người ở tại nhà này, kho tàng đầy rẫy, thóc gạo chứa chan, cần phải cùng nhau kịp thời gieo trồng ruộng phúc.

Vợ con nghe rồi, khen ngợi rằng:

-Tốt lắm! Tốt lắm! Chúng tôi rất làm sung sướng và xin vâng theo lời của thí chủ, thân mạng của chúng tôi đây còn chằng tiếc, huống chi là kho tàng của cải, thức ăn uống.

Bấy giờ, thí chủ, lòng sinh vui mừng, nói rằng:

-Tốt lắm! Tốt lắm! Các người thực là những người bạn đạo Vô thượng của ta! Các người, mỗi người nên tự phân chia công việc tùy theo đó mà làm, nên làm ngay và làm mau, bảy ngày nữa quyết phải làm cho xong.

Bấy giờ thí chủ phân chia các công việc đã xong xuôi, liền đi ra ngoài, chôn chôn xem xét, với ý định sẽ tìm một khoảng đất nào bằng phẳng rộng rãi, để làm nơi lập hội đàn bố thí.

Sau khi đã tìm được một chỗ đất thanh tịnh như ý muốn, ở đây các thứ cát sỏi, gốc cây, gai góc, đã được trừ sạch, các thứ giường tòa, chăn đệm trải bày là liệt, để làm chỗ cho đại ngồi tuơng tất. Năm trăm thớt voi, vận tải các thứ đồ ăn uống tới hội đàn bố thí, các thứ đồ ăn uống ấy chất lên cao như núi, các thứ sữa, dầu mỡ, bánh thịt nhiều như nước ao, các thứ cỗ bàn yến tiệc, trăm vị đầy đủ, và cả các thứ y phục, vòng ngọc, trâm xuyên, voi ngựa, bầy báu, không thiếu một thứ gì, đều được xếp đặt hết sức trang nghiêm hoàn bị.

Sau bảy ngày, khi mặt trời vừa mọc, cùng suốt thời gian ấy, khoa chuông đánh trống, thổi tù và, cao tiếng xướng rằng:

-Tất cả đại chúng, đều lại hội họp ở nơi hội đàn của Đại thí chủ đây.

Bấy giờ mọi người, nghe tiếng xướng ấy, lòng sinh vui mừng, khác nào như ngưỡng mộ hiền thánh.

Sau khi nghe tiếng xướng ấy rồi, liền tìm đến đại hội đàn bố thí, tùy ý mà lấy: Nào là y phục, chăn đệm, thức ăn uống, vòng ngọc trân, xuyên, trăm thứ thuốc thang, voi ngựa, thất bảo, tùy theo sở thích, ai muốn lấy thứ gì đều được tùy ý lựa chọn.

Bấy giờ thí chủ, thấy mọi người đều đã lãnh hết các thứ của cải đem đi rồi, lòng ông rất vui mừng, liền trở về nhà, để cùng với vợ con, hưởng thụ những sự sung sướng thỏa thích của cảnh ngũ dục.

Sau thời gian bố thí bảy ngày bỗng nghe thấy người ngoài nói rằng:

-Những người mà trước đây nhận các thứ y phục, chăn đệm thức ăn uống của thí chủ ấy, đều bị trúng độc mà chết, hoặc giả có người nào chưa chết, họ đều nói rằng: “Lạ thay! lạ thay! Đại thí chủ ấy có lòng thương xót, cung cấp những thứ cần dùng cho mọi người, nào y phục, chăn đệm, thức ăn uống, tuy nhiên hiện thời, đã được qua khỏi sự đói khát, tính mạng được toàn vẹn, nhưng sau đó vài ngày, đều bị trúng độc mà chết hết cả.”

Bấy giờ Đại thí chủ nghe thấy nói như vậy, sinh ra buồn bực áo não, hỏi vợ con rằng:

-Tại sao các người, khi nấu nướng thức ăn uống, lại để cho thuốc độc nhiễm vào trong thức ăn, làm cho mọi người ăn nhầm mà bị chết như thế?

Vợ con và các tôi tớ trong nhà đều nói rằng:

-Thưa không phải như vậy đâu?

-Nếu không như vậy, thì thuốc độc từ đâu mà có đây?

Tất cả đều đáp lại rằng:

-Thưa chúng tôi không được rõ.

Bấy giờ, thí chủ liền vào trong nhà, đi lần lượt kiên khảo lại thì thấy có một cái giếng nước đục nắp, liền hỏi mọi người rằng:

-Đây là cái giếng gì đây?

Gia nhân đáp rằng:

-Đây là cái giếng nước, mà trước đây khi thí chủ còn bé, thí chủ có nuôi ba con rắn độc ở trong cái giếng này, chính đây là chỗ ở của ba con rắn độc ấy, mà nước cũng cũng là nước độc nếu có người uống lầm phải, đều bị chết mất mạng

Thí chủ thấy rồi, liền hỏi các người tôi tớ rằng:

-Trước đây các người có dùng nước ở nơi này để nấu thức ăn uống không?

Các người tôi tớ đáp rằng:

Thưa vì công việc trước đây quá gấp rút, cho nên chúng tôi có gánh nước ở trong giếng này để dùng làm thức ăn.

Đại thí chủ nói rằng:

-Lạ thay! lạ thay! Ta thực là kẻ ngu si không có trí tuệ, tại sao ta lại nuôi những loài rắn độc ở trong cái giếng này để gây thành họa như thế?

Rồi ông bảo cùng vợ con: Phải lấp ngay cái giếng này đi, và ba con rắn độc ở trong đó, các người sẽ vì ta, lấy lửa đốt nó cho chết hết đi, để tránh những tai họa về sau này.

Bấy giờ thí chủ đã diệt trừ hết những thứ độc hại ở nơi giếng xong rồi, ông liền ra ngoài xem xét, thấy những người lĩnh nhận sự bố thí của ông, đồng thanh nói rằng:

-Ông thí chủ này, cho chúng tôi thuốc độc, khiến cho chúng tôi có người đến nỗi phải táng thân thất mạng, nếu như chúng tôi biết trước trong những món ăn có chất độc như thế, quyết sẽ không bao giờ dám ăn cả.

Bấy giờ vị thí chủ kia, nghe mọi người nói như thế rồi, trong lòng sinh ra vô cùng áo nã; cũng như Chuyển Luân Thánh Vương, tuy rằng dùng mười điều thiện dạy bảo khiến cho chúng sinh, được sinh ở nơi cõi người, cõi trời, đều được hưởng thụ năm món dục lạc, sung sướng nhiệm màu, nhưng vẫn chưa thoát khỏi được cảnh sinh, già, ốm chết.

Bấy giờ Chuyển Luân Thánh Vương, liền phát nguyện rằng:

-Ta nay quyết phải cầu Vô thượng Phật pháp, là pháp xuất thế gian, khiến cho các chúng sinh, tán thán đọc tụng tu tập, để được xa lìa sinh tử, đạt đến cảnh Niết Bàn, giải thoát yên vui.

Bấy giờ Chuyển Luân Thánh Vương, vì cầu Phật pháp liền cho truyền lệnh khắp cả trong cõi Diêm phù đề: Ai hiểu biết Phật pháp Đại Chuyển Luân Thánh Vương, muốn cầu được học tập.

Nhưng tất cả những nơi được lệnh của Vua truyền đó đều là nói không có ai cả.

Cuối cùng đến ở một nước nhỏ kia, có một người Bà la môn, là người hiểu biết Phật pháp. Lúc đó sứ giả liền đi ngay tới chỗ người đó, hỏi rằng:

-Đại đức có hiểu biết gì về Phật pháp chăng?

Đáp rằng: -Hiểu!

Bấy giờ sứ giả, đầu mặt lễ xuống chân, thưa cùng với Đại sư rằng:



-Đại Chuyết Luân Thánh Vương muốn thỉnh Đại sư chỉ dạy về Phật pháp cho Ngài. Kính xin Đại sư thương xót nhận lời, tới chỗ Chuyết Luân Thánh Vương kia, để chỉ dạy cho người.

Lúc đó Chuyết Luân Thánh Vương liền ra ngoài hoàng thành để nghinh đón, đầu mặt lễ xuống chân, hỏi han Đại sư đi đường có khỏi mệt nhọc lắm không? Rồi mới mời vào trong cung, ở trên chính điện, Vua mời Đại sư ngồi trên ngự tòa của Người.

Người Bà la môn liền lên trên ngự tòa, ngồi kết già phu.

Khi Đại vương thấy Đại sư ngồi tươm tất, và những thứ cần dùng đã được cung cấp đầy vào đầy rồi, Vua chấp tay hướng về người Bà la môn thưa rằng:

-Thưa Đại sư! Ngài có hiểu biết Phật pháp không?

Người Bà la môn đáp rằng:

-Ta hiểu biết Phật pháp.

Đại vương thưa rằng:

-Thưa Đại sư! Xin người hãy vì tôi giải nói Phật pháp.

Người Bà la môn nói:

-Vua là người rất ngu si, trước đây ta cầu học Phật pháp, ta đã phải chịu không biết bao nhiêu là sự cần khổ mới thành được. Nay Đại vương đâu có thể nào lại muốn nghe một cách dễ dàng như thế được?

Đại vương thưa cùng Đại sư rằng:

-Vậy Ngài muốn cần dùng vật gì?

Người Bà la môn nói:

-Đại vương phải cúng dàng cho ta.

Vua nói: Chẳng hay những thứ cúng dàng ấy là những thứ vật gì? Y phục, chăn đệm, thức ăn uống hay vàng bạc châu báu ư?

Người Bà la môn nói:

-Ta không dùng những thứ cúng dàng ấy.

Vua nói:

-Nếu Ngài không dùng những thứ cúng dàng như thế, hay Ngài cần dùng voi, ngựa, xe cộ ư? Nước thành, vợ con ư? Hay âm nhạc, ca hát ư?

Người Bà la môn nói:

-Ta cũng không dùng những thứ cúng dàng như vậy, mà ta chỉ muốn nhà Vua khoét trên thân thể của mình thành một ngàn cái lỗ, rồi đổ dầu đốt làm đèn đuốc, cúng dàng cho ta, thì ta sẽ giải nói Phật pháp cho, nếu không làm được như thế, ta sẽ bỏ đi ngay.

Vua chưa kịp trả lời, thì người Bà la môn đã bước xuống khỏi tòa ngai, toan bỏ đi.

Bấy giờ Đại vương liền ôm giữ lại, và thưa rằng:

-Xin Đại sư hãy vui lòng ở lại đây trong chốc lát, nay tôi vì trí tuệ nông cạn, công đức mỏng manh, xin Ngài cho tôi được suy nghĩ trong giây lát, tôi sẽ phụng giáo chúng dàng như lời Ngài đã chỉ dạy.

Chuyên Luân Thánh Vương liền tự suy nghĩ rằng:

-Ta từ đời vô thủy lại đây, đã bỏ vô số thân mạng, nhưng chưa từng có lần nào vì pháp bỏ mình, thân này của ta đây rồi một ngày kia cũng sẽ phải hoại diệt, đâu có thể còn mãi được, ngày nay chính là lúc mà ta cần phải đem thân mạng này cúng dàng để cầu pháp vậy.

Suy nghĩ như thế rồi, Vua liền thưa cùng Đại sư rằng:

-Thưa Đại sư! Tôi sẽ xin làm ngay việc cúng dàng như lời Ngài đã dạy bảo.

Bấy giờ Đại vương liền vào trong cung, bảo với các phu nhân rằng:

-Kể từ đây tôi sẽ vĩnh biệt các phu nhân!

Lúc ấy, các phu nhân, nghe thấy Vua nói như thế, trong lòng rất kinh hãi dựng cả chân lông, mà chẳng biết nguyên do tại làm sao lại có sự tình như thế! Các phu nhân nhỏ nhẹ hỏi Vua:

-Vua định sẽ đi đâu?

Vua nói:

-Thân ta ngày nay, ta muốn sẽ khoét làm một ngàn ngọn đèn để cúng dàng Đại sư.

Bấy giờ các phu nhân, nghe Vua nói liền vật vã ra đất, cất tiếng kêu gào, mê mẩn hồi lâu mới tỉnh, rồi tâu với Vua rằng:

-Tâu Đại vương, ở đời không gì quý trọng, bằng thân mạng, người ta cung kính nuông chiều nó, tùy thời phụng dưỡng, mà còn e chưa được hài lòng, nay vì lẽ gì, mà Vua lại hủy hoại ngọc thể như vậy? Vua là người có trí tuệ, mà in tuồng như kẻ điên rồ, và như có ma quỷ gì ám hại?

Vua nói:

-Không phải như vậy đâu!

-Nếu không phải như vậy, thì tại sao Vua lại tự chuốc lấy những sự khổ não như thế, để cúng dàng người Bà la môn?

Vua bảo các phu nhân rằng:

-Nay ta sở dĩ làm như thế, là ta muốn vì tất cả chúng sinh mà cầu Phật pháp vậy.

Các phu nhân nói:

-Nếu Vua nói là vì tất cả chúng sinh, ngày nay tại sao, lại chỉ thấy có một mình Ngài?

Vua bảo các phu nhân:

-Thiên hạ ân ái, đều sẽ phải biệt ly, vì thế ta nay, đem thân mạng này để cúng dàng, là ta muốn vì lũ người và tất cả chúng sinh ở trong nhà tối, đốt lên một ngọn đèn lớn trí tuệ, soi sáng giữa đêm trường sinh tử, vô minh tối tăm cho các người, khiến cho các người dứt trừ được cái họa hoạn sinh tử trong nhiều đời kiếp nhiều kiếp, vượt qua mọi chướng nạn đến được cảnh Niết Bàn an lạc. Lũ người tại sao ngày nay, lại làm trái ngược với ý định của ta?

Lúc ấy, các phu nhân nghe Vua nói rồi, lặng thinh không dám đối đáp nữa, mà trong lòng thì rất là sầu não, cất tiếng gào khóc, nước mắt, tự bút tóc, cào mặt, lại nói rằng:

-Lũ chúng ta vì ít phúc, cho nên nay mất chỗ sở cậy.

Vua có năm trăm Thái tử, thầy đều đoan chính, tốt đẹp, thông minh, trí tuệ, nhân tướng đầy đủ, nên được Vua rất yêu quý, chẳng khác nào con người mất vậy.

Bấy giờ Đại vương bảo các con rằng:

-Ngày nay ta muốn làm việc cúng dàng, ta e thân mạng này của ta, không biết có qua được không, hay sẽ phải cách biệt lũ các người, thì cõi nước này, theo vương pháp, việc trị chính sẽ do người con lớn nhất của ta.

Bấy giờ, các Thái tử nghe Vua cha nói như thế, rất đau đớn nghẹn ngào tâu Vua rằng:

-Vua cha ngày nay sao lại nỡ bỏ chúng con bị cô cút?

Lúc bấy giờ, các Thái tử người thì ôm lấy cổ của Vua cha, hoặc cầm tay, chân của Vua cha, cất tiếng khóc lóc rất bi thảm:

Lạ thay! lạ thay! Làm sao ngày nay chúng tôi lại bị mất sự che chở vĩnh viễn như thế này!

Bấy giờ Đại vương liền khuyên bảo các con rằng;

-Thiên hạ ân ái, đều phải có lúc ly biệt.

Các con tâu rằng:

-Thưa cha! Tuy cha dạy bảo như vậy, nhưng vì tâm tình luyện mộ cha, chúng con làm sao có thể bỏ được, Đại vương ngày nay xin ban cho chúng con một điều sở nguyện là: Chúng con xin đem thân mạng này dâng cho Đại vương, để Đại vương cúng dàng cho người Bà la môn.

Vua nói:

-Các con còn bé, chưa thể biết được, chưa thể làm được những sự cúng dàng ấy, như ta ngày nay đã thỉnh Đại sư từ nơi phương xa tới đây, ta đã hứa cúng dàng Người, các con không làm được làm trái lời của ta đã hứa. Và lại người con có hiếu, tất nhiên không được làm trái ý của cha mẹ, tại sao ngày nay, các con lại trái ý ta?

Lúc ấy, các Thái tử, nghe lời ấy rồi, cất tiếng kêu gào, kinh động cả đến các thần kỳ, và gieo mình xuống đất cũng như núi Thái đồ.

Bấy giờ Đại vương lại từ biệt tất cả các Vua ở nơi các tiểu quốc, rồi trở lại cung điện, đến trước chỗ Đại sư, cởi bỏ các thứ chuỗi ngọc và y phục trang sức

trên mình, để ở một chỗ, ngồi ngay ngắn xong xuôi, rồi bảo các đại thần, các tiểu quốc vương, năm trăm Thái tử, hai vạn phu nhân rằng:

-Lũ ngươi ngày nay, ai sẽ vì ta mà khoét một ngàn lỗ ở nơi thân thể của ta?

Phu nhân, Thái tử và các quần thần, đều cùng đồng tâm nói rằng:

-Thà lấy dao sắc, tự khoét hai mắt mình, trọn không thể lấy tay mình, khoét thân thể của Vua được.

Bấy giờ Đại vương, tâm sinh sầu não, tự nghĩ mình ngày nay thực là cô độc, trong đại chúng này, không có một người nào có thể giúp đỡ cho mình được sao?

Bấy giờ Đại vương, có một người Chiên đà la, tính tình rất hung ác, ai cũng sợ hãi, nhân nghe thấy tiếng, liền đi tới chỗ Vua, bảo với Thái tử:

-Vả đừng nên lo buồn làm chi, tôi nay có cách, làm cho việc ấy của Vua không thể thành tựu được. Việc ấy khi đã không thành tựu được, tất nhiên Vua sẽ lại cai trị đất nước như trước đây không khác.

Các Thái tử nghe nói như thế rồi, lòng sinh vui mừng.

Lúc đó, người Chiên đà la đi đến trước chỗ Vua, tâu với Đại vương rằng:

-Đại vương ngày nay, Ngài định làm gì vậy?

Vua nói:

-Ta định khoét mình làm một ngàn ngọn đèn, để cúng dàng Đại sư.

Người Chiên đà la tâu rằng:

-Ngài muốn khoét mình, tôi có thể vì Ngài mà làm được.

Vua nghe nói, lòng rất vui mừng, bảo người Chiên đà la rằng:

-Nhà ngươi thực là bạn đạo Vô thượng của ta.

Lúc ấy, người Chiên đà la liền sấn đến trước chỗ Vua, với dáng điệu quát tháo dữ tợn, nói lớn:

-Đại vương nên biết, cái phép giết người, phải chém đầu, cắt cổ, chặt tay, chặt chân, cắt gân, đau đớn như thế, Đại vương có thể kham chịu được không?

Vua nghe lời nói ấy, mang lòng vui mừng.

Người Chiên đà la, tây cầm con dao lưỡi trâu, tói trên thân thể của Vua, trong khoảng chớp mắt đã khoét thành một ngàn lỗ.

Lúc đó, người Chiên đà la tưởng Vua thoái tâm, nhưng thực ra thì Vua rất bình tĩnh.

Người Chiên đà la thi hành xong, liền quăng con dao xuống đất mà bỏ chạy đi nơi khác.

Bấy giờ Đại vương, các lỗ bị khoét đã đổ dầu, dùng lụa làm bát để đốt đèn.

Khi người Bà la môn Đại sư, coi thấy Đại vương làm việc ấy rồi, liền tự nghĩ rằng: “Ta nay phải nên, trước vì Đại vương, tuyên nói Phật pháp, sở dĩ vì sao? -Đại vương ngày nay, đốt mình làm đèn, e tính mạng khó qua được, nếu như tính mạng không qua được, thì ai sẽ nghe pháp?”

Suy nghĩ như vậy rồi, liền tâu Đại vương rằng:

-Tinh tiến dũng mãnh làm được những việc khó làm, tu hành khổ hạnh như thế, là vì muốn được nghe Phật pháp, giờ đây nhà Vua hãy nghe cho kỹ, nhớ nghĩ cho khéo, nay tôi sẽ vì nhà Vua, tuyên nói Phật pháp cho Ngài nghe?

Vua nghe lời nói ấy rồi, lòng rất vui mừng, ví như người hiếu tử vừa mới mất cha mẹ trong lòng rất sầu não, không biết nói sao cho xiết được, nhưng bỗng thấy cha mẹ sống lại, nên lòng rất vui mừng. Vua nghe lời nói ấy, cũng lại như thế.

Lúc ấy người Bà la môn liền vì nhà Vua mà nói một nửa bài kệ rằng:

“Mọi pháp hưng, suy ấy,

Có sinh phải có diệt.

Tịnh diệt là yên vui”.

Vua nghe pháp ấy rồi, trong lòng sinh vui mừng, Vua bảo các Thái tử, và các Đại thần rằng:

-Các người đối với ta, nếu ai có lòng thương ta, nên phải vì ta, nhớ giữ gìn pháp ấy, ở khắp tất cả thành ấp tụ lạc, đến hang cùng ngõ hẻm, truyền nói ra mệnh của Vua: “mọi người nên biết, Vua Đại Chuyên Luân Vương, thấy các nhân dân, và tất cả chúng sinh phải chìm đắm trong bể khổ, chưa được giải thoát, nên Ngài sinh tâm thương xót, khoét mình làm một nghìn ngọn đèn, để

cầu một nửa bài kệ, các ngươi ngày nay, nếu ai cảm ân đức đại bi của Đại vương, nên hãy viết chép bài kệ ấy, hoặc đọc tụng tu tập suy nghĩ nghĩa lý, theo như lời nói tu hành”.

Mọi người nghe lời nói ấy rồi, tâm sinh vui mừng, đồng thanh khen ngợi Đại vương rằng:

-Lành thay! Lành thay! Thực là bậc Đại từ bi phụ, vì các chúng sinh, tu khổ hạnh như thế, lũ chúng ta phải nên, chóng tới biên chép, hoặc trên giấy, hoặc trên vải, hoặc khắc trên đá, hoặc trên cây cối, sành đá, cỏ cây, khe suối, đường lối, và những chỗ nhiều người qua lại, cũng đều viết chép, khiến cho người nào được trông thấy, nghe thấy, đều phát tâm vô thượng chính đẳng chính giác.

Bấy giờ Đại vương liền đốt một nghìn ngọn đèn, cúng dàng Đại sư, ánh sáng chiếu xa khắp mười phương thế giới, trong ánh sáng của những ngọn đèn ấy, cùng phát ra tiếng truyền nói nửa bài kệ ấy. Những người nghe pháp, đều phát tâm Vô thượng chính đẳng chính giác. Ánh sáng của một nghìn ngọn đèn ấy, còn chiếu sáng lên mãi tới cung trời Đao Lợi, làm át cả ánh sáng hòa quang của chư Thiên.

Bấy giờ Vua cõi trời Đao Lợi, thấy ánh sáng chiếu sáng thiên cung, liền nghĩ rằng: Không biết vì nhân duyên gì mà lại có ánh sáng ấy? Nghĩ vậy rồi, liền dùng thiên nhãn, xem xét ở nơi nhân gian, thì thấy Vua Đại Chuyển Luân, vì thương xót tất cả chúng sinh, mà khoét mình thành một ngàn ngọn đèn, cúng dàng Đại sư, để cầu Phật pháp, cứu độ cho tất cả chúng sinh. Vì thế lũ chúng ta ngày nay phải đến ở nơi nhân gian để khuyến khích giúp đỡ, khiến cho nhà Vua sinh tâm vui mừng.

Khi đó Vua ở cõi trời Đao Lợi liền xuống nhân gian, hóa làm người phàm phu, đi đến chỗ Vua Đại Chuyển Luân, hỏi nhà Vua rằng:

-Ngài khoét mình thành một ngàn ngọn đèn, tu khổ hạnh như thế, mong cầu một nửa bài kệ để làm gì vậy?

Vua đáp rằng:

-Thiện nam tử! Ta vì tất cả chúng sinh, cho nên nay ta phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Bấy giờ người biến hóa kia, liền trở lại thân của Thiên Đế Thích, bảo Đại vương rằng:

-Ngài cúng dàng như vậy, để cầu làm Thiên vương, Ma vương hay Phạm vương ư?

Khi ấy Chuyển Luân Thánh Vương liền bảo Thiên Đế Thích rằng:

-Tôi không cầu sự tôn quý ở cõi trời, hay cõi người, mà tôi chỉ muốn cầu đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác, để cứu độ cho tất cả chúng sinh. Người chưa được yên ổn, sẽ khiến cho được yên ổn; người chưa được giải thoát, sẽ khiến cho được giải thoát; người chưa được độ sẽ khiến cho được độ; người chưa đắc đạo, muốn khiến cho được đắc đạo.

Thiên Đế Thích nói:

-Đại vương ngày nay, thật là ngu si, cầu đạo Vô Thượng Chính đẳng Chính giác, phải lâu chịu cần khổ, mới thành được, như vậy làm sao mà Ngài có thể muốn cầu đạo Vô Thượng được?

Vua bảo Thiên Đế Thích rằng:

-Giả sử vòng sắt nóng, quấn chặt lấy đầu tôi, tôi trợn không vì thế mà thoái tâm Bồ Đề.

Thiên Đế Thích nói rằng:

-Ngài dẫu nói như vậy, nhưng tôi vẫn chưa có thể tin được.

Bấy giờ Chuyển Luân Thánh Vương, liền ở trước Thiên Đế Thích lập thế nguyện rằng:

-Nếu tôi không thực lòng cầu đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác để cứu độ chúng sinh, mà tôi nói dối với Thiên Đế Thích, thì một ngàn lỗ mụn loét trên thân thể này của tôi, trợn không bao giờ lành, trái lại, nếu không như vậy, máu sẽ thành sữa, và một ngàn lỗ mụn này sẽ bình phục như cũ.

Khi Vua nói lời ấy rồi, tức thì một ngàn lỗ mụn trên thân thể của Vua liền được bình phục như cũ.

Thiên Đế Thích nói:

-Lành thay Đại vương! Quả thực là người có lòng đại bi và thực hành đại bi, cần khổ như vậy, quyết không bao lâu, sẽ chứng đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác, khi thành Chính Giác rồi, xin Ngài độ cho tôi trước.



Lúc ấy, Thiên Đế Thích, phóng ánh sáng hòa quang, chiếu khắp cả toàn thân của Vua, đồng thời trăm ngàn Chư thiên, đều phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Năm trăm Thái tử, thấy thân thể của Vua cha, được bình phục như cũ, trong lòng rất vui mừng, liền ra trước Vua, đầu mặt lễ sát xuống chân, rồi lui ngồi về một phía chắp tay hướng về Vua cha, đồng thanh nói rằng:

-Thực chưa từng có vậy, Vua cha ngày nay thực là người có lòng từ bi, thương xót tất cả.

Vua bảo các Thái tử:

-Nếu các con là người có hiếu, các con phải nên phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Các Thái tử, nghe lời nói ấy rồi, lòng sinh vui mừng, vì cảm ân đức trọng đại của Vua cha, nên đều phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Hai vạn phu nhân, trăm ngàn thể nữ, cũng lại như thế.

Bấy giờ ở trong dân chúng, có những chúng sinh nhiều bằng số hạt cát của bảy mươi sông Hằng, đều phát tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, lại có Vô lượng Chư thiên, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Ma hầu la già, Nhân và Phi nhân v.v... được trông thấy, và nghe thấy việc ấy rồi, đều phát đạo tâm, hoan hỷ mà lui ra.

---o0o---

#### **04. PHÂM PHÁT TÂM BỒ ĐỀ THỨ TƯ**

Bấy giờ ở trong hội, có một vị Đại Bồ Tát Ma Ha Tát, tên là Hỷ Vương, liền từ tòa ngồi đứng dậy, để hở vai áo bên phải, gối bên phải quỳ xuống đất, chắp tay ngưỡng bạch đức Như Lai rằng:

-Bồ Tát phải tri ân báo ân như thế nào?

Phật bảo Bồ Tát Hỷ Vương:

-Thiện nam tử! Ông hãy nghe cho kỹ: Bồ Tát muốn tri ân báo ân nên phải phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, và dạy bảo tất cả chúng sinh phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Bồ Tát Hỷ Vương hỏi:

-Nếu phát tâm Bồ Đề, sẽ phải phát như thế nào? Và nhân đâu mà có thể phát được?

Phật nói:

-Thiện nam tử! Bồ Tát Ma Ha Tát, khi thoát mới phát tâm Bồ Đề phải lập đại nguyện, và nói như thế này: “Nếu tôi chứng được đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác, tôi sẽ làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh được an trụ trong cảnh đại Niết Bàn, lại sẽ giáo hóa tất cả chúng sinh, thấy đều được đầy đủ bát nhã ba la mật”. Như thế gọi là tự lợi cũng gọi là lợi tha.

Cho nên Bồ Tát khi thoát mới phát tâm Bồ Đề, thời được gọi là Bồ Đề nhân duyên, chúng sinh nhân duyên, chính nghĩa nhân duyên, ba mươi bảy phẩm trợ đạo pháp nhân duyên, thâm nhiếp tất cả cội gốc thiện pháp.

Cho nên Bồ Tát được gọi là bậc Đại Thiện, cũng gọi là cội gốc lành của tất cả chúng sinh, vì vậy mà Bồ Tát có thể phá trừ ba nghiệp ác ở nơi thân, khẩu, ý v.v... cho tất cả chúng sinh. Tất cả những thế nguyện của thế gian, tất cả thế nguyện của xuất thế gian, không có thế nguyện nào bằng được thế nguyện Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Thế nguyện như thế, thực không gì hơn được, không gì trên được nữa.

Bồ Tát khi thoát mới phát tâm Bồ Đề, có năm việc:

Một là tính,

Hai là hạnh,

Ba là cảnh giới,

Bốn là công đức,

Năm là tăng tướng.

Bồ Tát nếu hay phát được tâm Bồ Đề, thì được gọi là Ma Ha Tát, quyết định sẽ chứng được đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác, trọn Đại thừa hạnh.

Cho nên khi thoát mới phát tâm Bồ Đề, tức hay thâm nhiếp được tất cả thiện pháp. Bồ Tát Ma Ha Tát phát tâm Bồ Đề, tu hành mong được quả vị Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nếu không phát tâm quyết không thể nào thành được, cho nên phát tâm, là cội gốc của quả vị Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Bồ Tát Ma Ha Tát coi thấy chúng sinh phải chịu những sự khổ não, thì lòng sinh thương xót, nên Bồ Tát, nhân tâm từ bi, mà phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, nhân phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, mà

hay tu tập ba mươi bảy trợ đạo pháp, nhân tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo pháp, mà chứng được đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cho nên phát tâm là cội gốc của đạo Vô thượng Bồ Đề, do phát tâm Bồ Đề, mới hay hành trì được Bồ Tát giới.

Cho nên phát tâm gọi là gốc, gọi là nhân, gọi là nhánh, gọi là lá, cũng gọi là hoa, lần lượt gọi là quả, cũng gọi là hạt. Bồ Tát phát tâm, cũng có người thì được rốt ráo, có người thì không được rốt ráo, người được rốt ráo thì mãi mãi cho đến khi chứng được đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác, trọn không bao giờ thoái chuyển. Còn người không được rốt ráo, là trong tâm đã có sự thoái chuyển. Thoái chuyển có hai thứ: Một là thoái chuyển rốt ráo, hai là thoái chuyển không rốt ráo.

Người thoái chuyển rốt ráo, là người trọn không thể phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, không thể suy tìm, tu tập pháp đó được.

Người thoái chuyển không rốt ráo, là người thường cầu phát tâm Bồ Đề, thường tu tập pháp đó.

Phát tâm Bồ Đề có bốn thứ:

-Một là, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào, hoặc được coi thấy, nghe thấy những việc bất khả tư nghị của chư Phật, Bồ Tát, liền sinh tâm cung kính, và nghĩ rằng: “Những sự của Phật, Bồ Tát là bất khả tư nghị, nếu Phật, Bồ Tát chứng được sự bất khả tư nghị ấy, thì ta đây cũng quyết sẽ chứng được đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cho nên ta dốc lòng, nhớ nghĩ đạo Bồ Đề, và phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

-Hai là, lại có người không được coi thấy những sự bất tư nghị của chư Phật, Bồ Tát mà chỉ nghe thấy cái tạng bí mật của chư Phật, Bồ Tát liền sinh tâm cung kính tin tưởng, cầu đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác, và Ma Ha Bát Nhã, cho nên phát tâm Bồ Đề.

-Ba là, lại có người không được coi thấy những việc bất tư nghị của chư Phật, Bồ Tát cũng không được nghe pháp, mà do vì khi coi thấy pháp diệt, rồi trong lòng nghĩ rằng: “Vô thượng Phật pháp, hay diệt trừ được vô lượng khổ não cho chúng sinh, làm ích lợi lớn lao cho chúng sinh, chỉ có chư Phật, Bồ Tát, mới hay làm cho Phật pháp được trường tồn bất diệt, ta ngày nay cũng nên phải phát tâm Bồ Đề, khiến cho các chúng sinh, xa lìa phiền não, thế nguyện thân này của ta, dầu cho phải chịu mọi sự đại khổ não đi chăng nữa, ta quyết giữ gìn Phật pháp, khiến cho Phật pháp được trường tồn mãi mãi ở thế gian, cho nên ta phát tâm Bồ Đề.

-Bổn là, lại có người không được coi thấy chư Phật, Bồ Tát, không được nghe pháp, khi pháp diệt cũng không được thấy, mà chỉ thấy tất cả chúng sinh ở trong đời ác trước, đủ mọi thứ phiền não, tham dục, giận tức, ngu si, không thẹn, không hổ, bòn xén, tật đố, ganh ghét, nghi ngờ, lười biếng v.v... thấy như thế rồi, liền nghĩ rằng: “Trong đời ác trước này, chúng sinh chẳng chịu tu thiện, tâm Nhị thừa còn không phát, nữa là tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, ta nay phải nên phát tâm Bồ Đề, phát tâm Bồ Đề rồi, liền dạy bảo tất cả chúng sinh đều phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác”.

Bấy giờ Ngài Hỷ Vương Bồ Tát, lại bạch Phật rằng:

-Lạy Đức Thế Tôn! Bồ Tát tri ân báo ân bằng cách tự phát tâm Bồ Đề và dạy bảo tất cả chúng sinh đều phát tâm Bồ Đề. Song Đức Như Lai thuở xưa khi còn phải sinh tử, thoát mới phát tâm Bồ Đề, là do nhân duyên gì?

Phật dạy:

-Thiện nam tử! Về đời quá khứ lâu xa, kiếp số nhiều không thể kể tính được, khi ta còn ở trong vòng sinh tử, do phiền não trọng chướng, tạo nên những nghiệp ác ở nơi thân, khẩu, ý, nên phải đọa lạc vào các địa ngục như: Địa ngục A ha ha, địa ngục A ba ba, địa ngục A đạt đạt, địa ngục Đồng phủ, địa ngục Đại đồng phủ, địa ngục Hắc thạch, địa ngục Đại hắc thạch, cho đến địa ngục Hỏa xa. Ta nhớ khi ta phải đọa vào địa ngục Hỏa xa, ta cùng với hai người bạn phải kéo một cái xe lửa, bốc cháy ngàn ngút, quý đầu trâu tên là A Bàn, ngồi ở trên xe, mồm miệng, nghiêng răng, trợn mắt, miệng, mắt, tai, mũi đều phun ra khói lửa, thân thể to lớn, tay chân gân guốc, hình sắc tía đen, tay cầm gậy sắt, đánh đập luôn luôn, mặc dầu ta bị đánh đập đau đớn, nhưng vẫn cố sức kéo, lúc đó hai người bạn của ta, vì hơi sức yếu đuối, kéo không nổi, nên bị quý đầu trâu A Bàn, lấy đinh ba bằng sắt, đâm vào bụng, lấy gậy bằng sắt đập vào lưng, máu phun ra như suối chảy, đau đớn khó nhẫn, những người ấy cất tiếng kêu gào rất thảm thiết, người thì kêu cha mẹ, người thì kêu vợ con. Nhưng dầu có kêu gào như thế, cũng chẳng ích lợi gì đối với mình. Lúc ấy, ta thấy những người bạn của ta chịu sự khổ não như vậy, lòng ta sinh ra thương xót. Nhân lòng sinh tưởng thương xót ấy, cho nên ta phát tâm Bồ Đề, vì những người chịu tội ấy, mà khuyên bảo quý đầu trâu A Bàn rằng:

-Những người phải chịu tội đây, thực đáng thương xót, xin ông hãy rủ lòng xót thương, đừng nên đánh đập họ tội nghiệp.

Lúc ấy quý đầu trâu A Bàn, nghe ta nói như thế, lòng sinh giận tức, dùng đinh ba bằng sắt đâm vào cổ ta, chết liền tại chỗ, ta liền được thoát khỏi cái tội trăm kiếp phải đọa lạc ở nơi địa ngục Hỏa xa, chính vì lúc đó ta phát được tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác vậy.

Phật bảo Ngài Bồ Tát Hỷ Vương:

-Người kéo xe lửa tức là thân ta ngày nay, nhân phát tâm Bồ Đề, mà chóng được thành Phật. Thế nên biết: Tất cả chúng sinh phát tâm Bồ Đề, sự đó chẳng phải một, hoặc nhân lòng từ bi, hoặc nhân lòng giận tức, hoặc nhân lòng bố thí, hoặc nhân lòng bôn xén, hoặc nhân lòng vui mừng, hoặc nhân phiền não, hoặc nhân ân ái ly biệt, hoặc nhân sự oán ghét gặp gỡ, hoặc nhân gần gũi bạn lành, hoặc nhân bạn ác, hoặc nhân được coi thấy Phật, hoặc nhân được nghe pháp... cho nên biết: Tất cả chúng sinh, phát tâm Bồ Đề, mỗi mỗi chẳng phải đồng nhất.

Hỷ Vương nên biết! Bồ Tát Ma Ha Tát, tri ân báo ân, sự đó như thế.

Khi Phật nói pháp ấy rồi, có một vạn tám trăm ngàn người đều phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Trong tất cả đại chúng, có người được chứng quả Tu đà hoàn, cho đến A la hán, Thiên địa quý thần, Nhân và Phi nhân cũng phát tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Sau khi được nghe Phật nói pháp, ai nấy đều vui mừng, đầu mặt làm lễ Phật, rồi quanh về phía bên phải mà lui trở ra.

---o0o---

### Quyển Thứ Ba

## 05. PHẨM LUẬN NGHĨA THỨ NĂM

Khi ấy Đức Như Lai lên cung trời Đao Lợi, vì mẹ là Ma Da phu nhân, và các đại chúng, thuyết pháp trong thời gian chín mươi ngày. Trong chín mươi ngày ấy, ở cõi Diêm Phù Đề, tất cả đều không biết Đức Như Lai ở chỗ nào. Ngài Đại Mục Kiền Liên, thần thông đệ nhất, dùng hết thần lực, để tìm kiếm khắp cả mười phương, cũng lại chẳng biết. Ngài A Na Luật Đà, thiên nhơn đệ nhất, xem xét khắp cả mười phương, ba ngàn đại thiên thế giới, cũng lại chẳng thấy, cho đến cả năm trăm đệ tử, cũng chẳng biết Đức Như Lai ở đâu, nên ai nấy đều mang lòng buồn rầu mong nhớ.

Vua Ưu Điền, vì luyến mộ Phật, nên dùng cây ngưu đầu chiên đàn, tạc làm hình tượng của Đức Như Lai, để lễ bái cúng dàng cũng như Phật tại thế không khác.

Bấy giờ Đại Vương Ưu Điền mới triệu tập bọn Lục sư ngoại đạo, hỏi xem Đức Như Lai ở chỗ nào? Lúc ấy bọn Lục sư liền tâu rằng:

-Đại Vương nên biết: Đó chẳng qua là cái trò huyền thuật của Sa Môn Cù Đàm, hóa làm như vậy, cái pháp huyền thuật ấy không phải là chân thực. Đại

Vương nên biết: Trong bốn loại kinh điển Vệ Đà của chúng tôi, cũng đã có nói trong khoảng một ngàn năm hay hai ngàn năm sau, sẽ có một người huyền thuật ra đời. Sa môn Cù Đàm chính là người đó vậy.

Bấy giờ Ngài A Na Luật Đà đi đến chỗ Đại Vương, bảo Đại Vương rằng:

-Đại Vương nên biết: Đức Như Lai ngày nay hiện đang ở trên cung trời Dao Lợi, sau bảy ngày nữa, sẽ trở về cõi Diêm Phù Đề.

Vua nghe lời nói ấy, lòng sinh vui mừng, truyền lệnh cho khắp cả nước, phải quét dọn, rưới nước, đốt hương, treo các cờ phướn và trang thiết mọi thứ như: Cổ bàn, hương hoa, kỹ nhạc để cúng dàng Phật.

Lúc đó bọn Lục sư, thấy mọi người đều tụ họp, để trang thiết mọi thứ cúng dàng như thế, mới hỏi rằng:

-Các người trang thiết mọi thứ cúng dàng như vậy, là muốn để mời Quốc vương hay Vương tử ư?

Những người ấy trả lời rằng:

-Không phải vậy đâu!

Bọn Lục sư hỏi:

-Nếu không phải vậy, chắc là để mời các quan Đại thần, Bà la môn hay cư sĩ ư?

Đáp rằng:

-Không phải vậy đâu!

Bọn Lục sư lại hỏi:

-Nếu không phải vậy, chắc là để hội họp họ hàng chăng?

Đáp rằng:

-Cũng không phải vậy nữa, mà đó là chúng tôi muốn thỉnh Phật để cúng dàng vậy.

Bọn Lục sư lại hỏi:

-Phật là gì?

Những người tụ họp trả lời:

-Là bậc Nhất thiết trí.

Bọn Lục sư lại hỏi:

-Nhất thiết trí là gì?

Đáp rằng:

-Là người cha lành của tất cả chúng sinh, các ông không biết hay sao? Vua Bạch Tịnh là dòng dõi hào quý đệ nhất, từ sơ kiếp đến nay, con cháu thường tiếp nối nhau, làm Vua Chuyển Luân, nhưng gần hai đời nay, thì không làm Vua Chuyển Luân nữa. Tuy không làm Vua Chuyển Luân, mà chỉ làm Vua cõi Diêm Phù Đề thôi. Trong ba anh em, người lớn nhất, tên Tịnh Phạm, người thứ hai, tên là Học Phạm, và người con út, tên là Cam Lộ Phạm. Vua Tịnh Phạm sinh được hai người con trai, người con trưởng tên là Tất Đạt, người con nhỏ tên là Nan Đà. Vua Học Phạm lại sinh được hai người con, người con trưởng tên là Đề Bà Đạt Đa, người con nhỏ tên là A Nan. Vua Cam Lộ sinh được một người con gái, tên là Cam Lộ Vị.

Một bữa nọ, người anh cả là Thái Tử Tất Đạt, ra ngoài thành du ngoạn coi thấy những cảnh lão, bệnh, tử, trong lòng bỗng sinh ra mối ưu tư, đến quên cả ăn uống, Thái tử thương xót cho nhân sinh, không luận là sang, hèn, giàu, nghèo, ai ai rồi cũng sẽ không thể thoát khỏi được những cảnh khổ ấy, nên trong một đêm nọ, Thái tử vượt thành xuất gia, ngồi tu dưới gốc cây Bồ Đề khổ hạnh trong sáu năm, sau đó Ngài chứng được Nhất thiết trí. Cho nên kêu Ngài là bậc Nhất thiết trí. Ngài là bậc đã tự tu hành, giác ngộ thành Phật, đầy đủ mười lực, bốn pháp vô sở úy, mười tám pháp bất cộng, cho đến chứng được Nhất thiết chủng trí. Ngài sinh được bảy ngày thì Thánh mẫu mệnh chung, sinh lên cõi trời Đâu Suất. Ngày nay Phật lên cung trời Đao Lợi, vì mẹ thuyết pháp trong chín mươi ngày, sau bảy ngày nữa, Phật sẽ trở về cõi Diêm Phù Đề này.

Bấy giờ bọn Lục sư, nghe lời ấy rồi, sinh lòng ghen ghét, phiền muộn giận tức, liền tụ tập tất cả đồ chúng, để cùng nhau bàn bạc rằng: “Nếu Sa Môn Cù Đàm trở về cõi Diêm Phù Đề này, thì tất cả nhân dân, đều sẽ bỏ chúng ta, cúng dàng Cù Đàm như vậy chúng ta sẽ bị cô cùng, e sẽ không thể nào sống được!”

Bấy giờ bọn Lục sư, lại nghĩ rằng: “Chúng ta ngày nay, cần phải đi đến ngay trong những chỗ đông đảo dân chúng, nói lớn như thế này:

-Các người nên biết: Sa Môn Cù Đàm quả thực là người không hiểu biết gì cả, cũng chẳng khác nào đứa trẻ con. Gần đây ông ra khỏi dòng họ Thích, ngồi dưới gốc cây Bồ Đề, tự nói rằng đã chứng được Nhất thiết chủng trí, nên biết đó

chỉ là lời nói hư vọng. Vì sao? –Vì một hôm Vua A Kỳ Đạt, tới thỉnh Cù Đàm để cúng dàng, nhưng những món cúng dàng chỉ là lúa cho ngựa ăn, thế mà Cù Đàm cũng không hay biết gì cả, lại nhận lời thỉnh của nhà Vua. Nên biết Cù Đàm quả thực không phải là người Nhất thiết trí vậy.

Kể đến lại hỏi A Nan:

-Thời gian an cư, còn bao nhiêu ngày nữa?

A Nan thưa rằng:

-Còn bảy ngày nữa.

Kể đến lại hỏi A Nan:

-Ở trong rừng Kỳ Hòa vì sao lại có nhiều những tiếng chim chóc như thế?

A Nan thưa rằng:

-Vì nói tranh nhau ăn.

Lại Cù Đàm vừa sinh được bảy ngày, thì mẹ mệnh chung vì lẽ đó, Cù Đàm là người bạc phúc, cũng là người cực ác, sở dĩ vì thế mà mẹ mất sớm. Lại không phải là người con có lòng từ hiếu sớm tối phụng dưỡng cha mẹ, mà trái lại, lại bỏ đi vào chốn thâm sơn cùng cốc, nên cũng là người vô ân, Vua cha (vì) cưới nàng Cù Di cho ông, nhưng ông trọn không làm hết bổn phận của một người chồng đối với vợ, khiến cho đi mẩu Kiều Đàm Di, phải chịu những sự đại khổ não, cho nên biết, Cù Đàm là người chẳng biết ơn, chẳng biết nhớ ơn. Đồ chúng của Sa Môn Cù Đàm không có tôn ty trật tự, vì năm trăm đệ tử đều xưng là đệ nhất. Thầy đã không có giáo pháp, đệ tử cũng không có đạo nghiệp tu hành, cho đến các đồ chúng của Cù Đàm, gồm đủ hạng người như: Tỷ khưu Đà Phiêu, là người chỉ biết trông coi tọa cụ cho Tăng chúng, cũng xưng là đệ nhất, thông minh trí tuệ như Xá Lợi Phất, cũng được dự vào trong số đồ chúng đó. Dốt nát như Tỷ khưu Bàn Đặc cũng được dự vào trong số đồ chúng đó, cho đến Tỷ khưu ni Gia Du Đà La, là người thiếu dục, cũng được dự vào trong số đồ chúng đó; Liên Hoa Sắc, là một người con gái nhà thổ, là hạng đời bại nhất ở trong thành Xá Vệ, cũng được dự vào trong số đồ chúng đó, cho đến Quân Đề là một đứa trẻ con chưa hiểu biết gì cả, cũng được dự vào trong số đồ chúng đó; cho đến ông Tu Bạt Đà La là một người già cả, một trăm hai mươi tuổi đầu cũng được dự vào trong số đồ chúng đó; cho đến những người hào quý thuộc dòng họ Thích, cũng được dự vào trong số đồ chúng đó; và kẻ hèn hạ nhất, chỉ làm nghề hốt phân ở trong thành Vương Xá cũng được dự vào trong số đồ chúng đó. Cho nên biết: Trong giáo pháp của Cồ Đàm, thực là hỗn tạp, không có tôn ty trật tự, chẳng đáng được tôn kính, cũng ví như một cơn gió lớn, thổi mọi lá cây tụ hợp



lại một chỗ, giáo pháp của Cù Đàm cũng lại như thế, hơn nữa đồ chúng của Cù Đàm nhận lãnh những sự cúng dàng như y phục, thức ăn uống của mọi người, cũng ví như đàn chim đi kiếm nhặt những vật mà người thế gian này liêng bỏ. Các người ngày nay, lại thỉnh Cù Đàm làm gì?

Mọi người nghe bọn Lục sư nói rồi, cũng ví như quả đất chẳng hề rung động, đại chúng vì khát ngưỡng Đức Như Lai, nên dẫu nghe bọn Lục sư nói như vậy, mà trong lòng vẫn rắn chắc như kim cương, không hề có thêm bớt, vẫn khát ngưỡng Đức Như Lai, cũng ví người bị khát trông mong được nước uống.

Sau bảy ngày, Đức Như Lai từ thiên cung trở về cõi Diêm Phù Đề, có vô lượng trăm ngàn chư Thiên tùy tùng. Đức Như Lai phóng ra ánh hào quang rực rỡ, thân lực cảm động, chư Thiên trời lên trăm ngàn vạn thứ ca nhạc của cõi trời để tán thán cúng dàng Phật, cho đến tất cả chư Thiên, tất cả Long thần, tất cả Quỷ thần, Càn thất bà, Khẩn na la, Ma hầu la già, Nhân và Phi nhân v.v... tất cả đại chúng thấy đều tụ họp đông như mây, lễ bái cúng dàng Phật.

Bảy giờ Đại Vương Ưu Điền cùng với đại chúng ra mãi xa nghinh đón Đức Như Lai, đầu mặt lễ xuống chân Phật, rồi lui ra ngồi một phía.

Lúc đó bọn Lục sư cùng với đồ chúng tụ họp, lại khởi ý nghĩ rằng: “Lũ chúng ta ngày này, tai vạ sắp tới nơi, tuy lại ở trước mọi người, nói lên lời nói ấy, mà không ai tin nhận, nay phải đến trong tất cả đại chúng trời, người, tuyên lệnh như thế, để cho đại chúng biết một cách rõ ràng.”

Bọn Lục sư nghĩ như vậy rồi, liền cùng với đồ chúng; tám ngàn người, cùng đi đến trong đại chúng. Đến rồi lui về ngồi một phía.

Bảy giờ lại có một người con của Nhạc Thần, tên là Nhạc Tráng Sĩ, gảy đàn cầm bằng thất bảo, đi đến chỗ Đức Như Lai, đầu mặt lễ xuống chân Phật, rồi lui về một phía, gảy đàn ca hát, phát ra tiếng rất nhiệm màu, hòa nhã, khiến cho tâm ý của đại chúng, ai nấy cũng được vui vẻ, các bậc Thanh Văn như Ngài Xá Lợi Phất v.v... nghe thấy tiếng đàn của Tráng Sĩ, bất chợt cũng phải động thân dậy múa, núi Tu Di là vật vô tri cũng phải nghiêng ngửa.

Khi ấy Đức Như Lai, liền nhập “Hữu tướng tam muội” dùng sức tam muội, khiến cho tiếng đàn vang xa khắp cả ba ngàn đại thiên thế giới trong tiếng đàn đó diễn nói đầy đủ ra các pháp như: Khô, không, vô thường, bất tịnh, vô ngã. Những chúng sinh phóng túng, nghe thấy tiếng đàn nhiệm màu ấy, diễn nói đủ cả những sự hiếu dưỡng phụ mẫu, tri ân báo ân trước kia trải qua lâu xa vô lượng số A tăng kỳ kiếp của Đức Như Lai, tất cả các chúng sinh ấy, đều dõi theo tiếng đàn, đi đến cõi Diêm Phù Đề, tìm đến chỗ Phật. Đến rồi, đầu mặt lễ xuống chân Phật, đoạn lui ngồi về một phía.

Bấy giờ Đức Như Lai nhập tam muội vắng lặng, tất cả đại chúng, đều vắng lặng như thế.

Khi ấy, ở trong đại chúng, bỗng có một cái tháp bằng thất bảo, từ dưới đất vượt lên, dừng ở giữa hư không, có vô số cờ phướn treo ở trên tháp, và trăm ngàn chuông báu, không đánh tự kêu, gió nhẹ thổi động, phát ra những thứ tiếng rất nhiệm mầu.

Bấy giờ đại chúng, thấy bảo tháp ấy, từ dưới đất vượt lên, lòng sinh ra nghi ngờ: Vì nhân duyên gì mà lại có bảo tháp này, từ dưới đất vượt lên như thế?

Các bậc Thanh Văn như Ngài Xá Lợi Phất v.v... dùng tận trí lực của mình để suy nghĩ trụ lượng, cũng không thể biết được. Những Bồ Tát Ma Ha Tát là người hiện trú ở thế giới Sa Bà này, đến như Ngài Di Lặc Bồ Tát, cũng không thể biết được.

Bấy giờ bọn Lục sư, liền khởi ý nghĩ rằng: Vì nhân duyên gì mà có bảo tháp này? Nếu như có người lại hỏi ta, mà ta không biết thì làm thế nào có thể gọi ta là người hiểu biết tất cả được?

Lại nghĩ rằng: Tại sao Cù Đàm lại không mau vì đại chúng diễn nói việc ấy?

Bấy giờ Đức Như Lai, từ trong cảnh chính định xuất khởi. Vua Thích Đề Hoàn Nhân, là Vua ở cõi trời Đao Lợi, liền lấy thiên y ở cõi Trời, trải làm tòa sư tử. Đức Như Lai liền lên tòa ấy, ngồi kết già phu, khác nào như núi Tu Di vương ở giữa đại hải.

Lúc đó Ngài Di Lặc Bồ Tát quan sát tâm chúng, thấy đều nghi ngờ, tự mình cũng không rõ, nên liền từ tòa đứng dậy, đi đến chỗ Phật, đầu mặt lễ xuống chân, chấp tay đối trước Phật, bạch Phật rằng:

-Lạy Đức Thế Tôn! Vì nhân duyên gì mà có bảo tháp này, từ dưới đất vượt lên như thế?

Phật bảo Ngài Di Lặc Bồ Tát:

-Về đời quá khứ xa xưa, vô lượng A tăng kỳ kiếp, số nhiều không thể lấy tâm nghĩ, miệng bàn cho xiết được, khi ấy có một Đức Phật, hiệu là Tỳ Bà Thi Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời, giáo hóa vô lượng trăm ngàn vạn ức A tăng kỳ chúng sinh, khiến cho kiên cố đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Sau khi Phật diệt độ ở trong đời tượng pháp, có một nước tên là Ba La Nại, Vua nước Ba La Nại là một

người rất thông minh nhân từ, thường dùng pháp trị quốc, khiến cho nhân dân không gặp phải những sự oan uổng. Vua cai trị và làm chủ cả sáu mươi tiểu quốc, tám trăm tụ lạc. Vua không có con cái, nên Vua thường tự cúng dàng phụng sự các vị thần như: Thần núi, thần cây, tất cả thần kỳ, trải qua mười hai năm, không hề biếng nhác, với hoài vọng mong cầu có được một người con để nối dõi Vương nghiệp sau này. May thay! Bà đệ nhất phu nhân liền có thai, đầu mười tháng sau, thì sinh hạ được một con trai, hình tướng đoan chính, tốt đẹp lạ thường.

Sau khi sinh rồi, Vua liền truyền cho triệu tập các quan đại thần, và các Vua ở các tiểu quốc, để đến xem tướng và đặt tên Thái tử. Vì Thái tử, bẩm tính không hay giận tức, nên đặt tên là Nhẫn Nhục.

Thái tử Nhẫn Nhục, khi tuổi đã khôn lớn, Thái tử hay ưa làm sự bố thí. Thái tử là một người rất thông minh và nhân từ, đối với các chúng sinh. Ngài có một tấm lòng từ bi bình đẳng.

Bấy giờ Đại vương, có sáu vị đại thần, tính tình hung bạo, độc ác, gian dối nịnh hót, thường hay gây ra những sự oan uổng một cách vô nhân đạo, cho nên nhân dân đều chán ghét. Sáu người đại thần này, tự biết những hành động của mình là trái quấy, nên thường mang lòng tạt đổ, oán ghét Thái tử.

Bấy giờ Đại vương, lâm bệnh nặng, khỗn não, tiêu tụy, mạng sống không còn được bao lâu.

Nhẫn Nhục Thái tử đến bảo các quan đại thần rằng:

-Vua cha bị bệnh nặng lắm, nay sẽ làm thế nào để chạy chữa cho Vua được qua khỏi cơn bệnh hoạn ấy.

Các đại thần nghe rồi, sinh lòng giận tức, bảo Thái tử rằng:

-Tính mạng của Vua sẽ không được bao lâu đâu, dù cho có thuốc hay thế nào cũng không thể qua khỏi được, vì thế nên biết, tính mạng của nhà Vua sẽ không sống được bao lâu nữa.

Thái tử nghe rồi, lòng sinh khỗn não, ngất xỉu ra đất.

Bấy giờ sáu người quan Đại thần, liền vào trong chỗ nhà vắng, cùng nhau bàn mưu tính kế rằng; “Thái tử Nhẫn Nhục, nếu chúng ta không tìm cách mà trừ khử đi, thì chúng ta sẽ không bao giờ có thể sống được một cách yên ổn”.

Nghĩ mưu kế như vậy rồi, người Đại thần thứ nhất nói:

-Thái tử Nhẫn Nhục, theo tôi nhận thấy, thì không có một sự gì mà có thể hãm hại được cả.

Một quan Đại thần khác lại nói:

-Tôi có phương tiện, có thể trừ khử được dễ dàng.

Sau khi bọn Đại thần ấy, cùng nhau lập mưu, thiết kế đã xong xuôi, liền đi đến chỗ Thái tử, bảo Thái tử rằng:

-Kẻ Hạ thần đã đi cùng khắp cả sáu mươi tiểu quốc, tám trăm tụ lạc, tìm kiếm các thứ cỏ thuốc, nhưng trọn không kiếm ra được.

Thái tử hỏi rằng:

-Những thứ cỏ thuốc mà Đại thần tìm kiếm đó, phải là những thứ như thế nào?

Đại thần tâu rằng:

-Thái tử nên biết: Các thứ thuốc mà tôi tìm kiếm đó, chính là con mắt và tủy của người nào mà từ khi sinh ra cho đến khi chết, không hề tức giận ai bao giờ, nếu tìm được thuốc ấy, thì mới có thể bảo toàn tính mạng cho nhà Vua được, còn nếu như không tìm được, thì mạng sống của Vua sẽ chẳng được bao lâu nữa, mà khắp cả các nước chúng tôi không kiếm đâu ra được một người như thế cả.

Thái tử nghe rồi, lòng sinh ưu não, sợ mình không biết có được đủ đức tính ấy không? Thái tử liền bảo với vị Đại thần rằng:

-Thân của ta nay phỏng có được như người đó chăng? Vì có sao? –Ta từ khi sinh ra cho đến nay, chưa từng có giận tức ai bao giờ cả.

Đại thần tâu rằng:

-Chỉ có Thái tử mới được như người đó mà thôi, nhưng việc đó cũng khó lắm. Vì có sao? -Bởi sự quý trọng nhất trong thiên hạ, không gì quý bằng thân mình.

Thái tử bảo rằng:

-Không phải như các Đại thần nói đâu, nếu như Vua cha ta được qua khỏi trọng bệnh, thì dù cho ta có phải bỏ trăm ngàn thân này đi chẳng nữa, cũng chưa phải đã là khó, huống chi ngày nay, ta mới chỉ bỏ một cái thân nhơ nhớp này ư.

Đại thần tâu rằng:

-Việc đó là như thế, xin Thái tử tùy ý định liệu.

Bấy giờ Thái tử Nhẫn Nhục lòng sinh vui mừng, và tự nghĩ rằng: “Nếu như có thuốc ấy, có thể chữa lành bệnh cho Vua cha, việc ấy ta cần phải làm ngay.”

Thái tử Nhẫn Nhục liền vào trong cung, đến chỗ mẹ, đầu mặt lễ xuống chân mẹ, chấp tay đối trước Người mà thưa rằng:

-Thưa mẹ! Nay con muốn đem thân mạng này của con, để làm thuốc chữa cho Vua cha khỏi bệnh, con e thân mạng con sẽ không thể nào sống được nữa, cho nên con đến đây để vĩnh biệt mẹ, xin mẹ đừng lo buồn thương nhớ con, để phải suy tổn đến ngọc thể của mẹ.

Người mẹ của Thái tử, nghe lời con nói rồi, bà sinh lòng buồn rầu, mê mẩn, quên mất cả bốn phương hướng, nghẹn ngào không nói ra lời. Bà ôm lấy Thái tử, với sắc thái buồn rầu mê mẩn, phải dùng nước lạnh rảy vào mặt, hồi lâu mới tỉnh.

Bấy giờ Thái tử thưa cùng với mẹ rằng:

-Thưa mẹ! Mạng của Vua cha, chỉ trong giây phút, không còn được bao lâu nữa nên cần phải làm ngay, để cho Vua cha uống mới mong khỏi được.

Bấy giờ Thái tử liền gọi các quan Đại thần, các Vua ở các tiểu quốc tới, rồi ở giữa đại chúng, Thái tử tuyên cáo như thế này:

-Thân ta ngày nay đây, xin vĩnh biệt cùng tất cả đại chúng.

Bấy giờ Đại thần, liền hô người Chiên đà la, chẻ xương lấy tủy, và khoét cả đôi mắt của Thái tử.

Lúc ấy Đại thần liền hòa làm thuốc, dâng lên cho Đại vương. Vua uống rồi, thân thể được bình phục. Sau khi bình phục rồi, Vua hỏi các Đại thần rằng:

-Các người tìm đâu ra được thứ thuốc hay ấy, mà chữa cho ta lành bệnh tài như thế?

Đại thần tâu với Vua rằng:

-Tâu Đại vương! Thuốc ấy là do Thái tử Nhẫn Nhục chế biến, chứ chẳng phải sức của những kẻ hạ thần có thể làm được đâu ạ.

Vua nghe nói như thế, tâm thần kinh sợ, dựng cả chân lông, khẽ hỏi các Đại thần rằng:

-Thái tử Nhẫn Nhục hiện nay ở đâu?

Đại thần tâu rằng:

-Thái tử hiện đang ở ngoài kia, thân thể của Thái tử đã bị thương tổn, mạng sống sẽ không được bao lâu nữa.

Vua nghe lời nói ấy rồi cất tiếng kêu khóc

-Lạ thay! lạ thay!

Vua tự vật vã xuống đất, thân thể của Vua bị lấp lách. Vua nói rằng:

-Như ta ngày nay, thực là vô tình, tại sao ta lại có thể uống thứ thuốc bằng mắt và tủy của con ta như thế được!.

Vua liền đi đến chỗ Thái tử, như than ôi! Thái tử đâu còn sống được nữa!

Vua cùng với phu nhân, các quan, dân, vô lượng đại chúng, trước sau vây quanh lấy Thái tử. Mẹ của Thái tử rất sầu não, bà gieo mình vào chỗ tử thi của con, khóc lóc thảm thiết, rồi bà tự nói rằng:

-Không biết kiếp trước tôi có làm tội ác gì mà nay khiến con tôi phải chịu khổ não như thế này!

Bấy giờ, Vua và các Vua ở các tiểu quốc, liền lấy gỗ thom bằng ngư đầu chiên đàn, chất lên thành đống, để làm phép hỏa thiêu, lại xây tháp bằng thất bảo, để cúng dàng thân cốt của Thái tử.

Bấy giờ Đức Thế Tôn, bảo Ngài Di Lặc Bồ Tát rằng:

-Các Thiện nam tử! Và đại chúng nên biết: Đại vương nước Ba La Nại lúc bấy giờ, chính là cha ta Duyệt Đâu Đản ngày nay, người mẹ của Thái tử lúc bấy giờ chính là mẹ ta Ma Gia phu nhân ngày nay, còn Thái tử Nhẫn Nhục chính là thân ta ngày nay. Bồ Tát đã từng ở trong vô lượng A tăng kỳ kiếp, hiếu dưỡng cha mẹ, nào là y phục, thức ăn uống, phòng xá, giường chõng cho đến đem cả thân thể xương tủy để cúng dàng cha mẹ, việc đó như thế. Bởi nhân duyên ấy, đến nay thành Phật, nay bảo tháp này, từ dưới đất vượt lên, chính là tại nơi đây, xưa kia ta đã bỏ cả thân mạng cốt tủy vì cha mẹ, và cũng tức ở nơi đây, trước kia đã xây tháp cúng dàng ta, cho nên nay ta thành Phật, tháp ấy liền hiện ra ở trước đó vậy.

Bấy giờ, trong đại chúng, có vô lượng người, trời, rồng, quỷ thần, nghe lời Phật nói như thế rồi, vừa thương, vừa mừng, nước mắt giàn giụa, rồi đồng thanh khen ngợi trăm ngàn công đức về sự báo hiếu phụ mẫu của Đức Như Lai. Nhân lúc ấy, mà phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Lại có vô lượng trăm ngàn chúng sinh phát tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật. Lại có vô lượng người chứng được quả vị Tu Đà Hoàn mãi đến A La Hán. Lại có vô lượng trăm ngàn vạn ức Bồ Tát Ma Ha Tát, không lâu sẽ chứng được đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Cho nên biết: Đức Như Lai là bậc chân thực hiếu dưỡng cha mẹ.

Lại nữa Bồ Tát: Vốn biết công đức và bản nguyện của mẹ như thế, nên sinh ra thân của Như Lai, vì sinh ra thân của Như Lai, là đã viên mãn được bản nguyện, cho nên không nhận lãnh sự lễ kính của Như Lai, nhân thế mà sau khi sinh ra thân của Như Lai, được bảy ngày, thì Thánh Mẫu mệnh chung.

Bấy giờ đại chúng, đều đồng thanh khen ngợi công đức của Thánh Mẫu Ma Gia phu nhân rằng:

-Lành thay Đức Ma Gia! Ngài đã sinh ra thân của Như Lai, khắp cõi trời, và cõi người trong thế gian này, không ai có thể sánh kịp được với công đức ấy của Ngài.

Bấy giờ Càn Thát Bà Ma La, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, để hở vai áo bên phải, gối bên phải quỳ sát đất, hồ quỳ chấp tay, bạch Phật rằng:

-Lạy Đức Thế Tôn! Thánh mẫu Ma Gia phu nhân, tu công đức gì? Vì nhân duyên gì? Mà sinh thành được thân của Như Lai?

Phật dạy:

-Nghe cho khéo! Ta sẽ vì ông, phân biệt giải nói: Về đời quá khứ lâu xa, kiếp số nhiều không thể tính kể cho xiết được, lúc bấy giờ có Đức Phật ra đời, hiệu là Tỳ Bà Thi, Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, đến thời kỳ chính pháp và tượng pháp đã diệt hết rồi, bấy giờ có một nước, gọi là Ba La Nại, cách cung thành không bao xa, có một quả núi, gọi là chỗ ở của các bậc Hiền Thánh, vì có trăm ngàn Phật Bích Chi ở trong núi ấy, và có vô lượng ngũ thông thần tiên, cũng ở trong đó, vì có nhiều những bậc tiên thánh ở trong ấy, cho nên người ta gọi quả núi đó là “Thánh Du Cư Sơn”. Trong quả núi ấy, có một người Tiên ở trong một cái hang về phía Nam, lại có một người Tiên ở về phía Bắc, ở trong giữa hai khoảng núi ấy, có một cái suối, bên bờ suối có một hòn đá rất phẳng phiu. Bấy giờ, người Tiên ở hang phía Nam, thường hay đến giặt áo, rửa chân ở trên tảng đá ấy, xong xuôi lại trở về chỗ cũ. Sau khi vị ấy đi khỏi không lâu, thì có một con hươu cái lại tới đó uống

nước, dần dần uống cả những cái ghét giặt áo trên tảng đá đó. Uống rồi, lại quay đầu liếm chỗ tiểu tiện của mình.

Bấy giờ con hươu cái, nhân thế mà thụ thai. Khi đã đủ tháng, sắp đến lúc sinh, theo phép của hươu cái, mỗi khi đến lúc sinh là phải trở lại chỗ mình đã thụ thai trước kia, cho nên con hươu cái này lúc đó cũng phải trở lại bên bờ suối, ở trên tảng đá trước đây kêu rống, vật vã và sinh được một người con gái.

Bấy giờ người Tiên ở hang phía Nam, nghe thấy con hươu cái ấy kêu rống, vật vã, nên lòng sinh ra thương xót, liền đến xem, thì thấy con hươu cái ấy, sinh được một người con gái. Bấy giờ, con hươu cái, đang dần dần liếm khắp thân thể của người con gái ấy, bỗng thấy người Tiên đến, liền bỏ chạy đi chỗ khác.

Lúc đó người Tiên, thấy người con gái ấy, hình tướng đoan chính vẹn toàn, nên sinh lòng thương xót, liền lấy chiếc áo bằng cỏ, bọc đem về hang, rồi ngày ngày kiếm trái cây, tuý thời nuôi nấng, cho đến khi khôn lớn.

Đến năm mười bốn tuổi, nàng được cha rất yêu dấu, nên cha nàng thường giao cho nàng công việc giữ lửa, khiến cho khỏi bị tắt. Nhưng bỗng một ngày nọ, vì không để tâm cẩn thận, để lửa tắt mất, cho nên nàng bị cha trách mắng, và bảo nàng rằng:

-Ta từ khi lớn đến giờ, chưa từng để cho lửa tắt, mà con ngày nay, tại sao lại để tắt như thế, nay ở về hang phía Bắc kia có lửa, con phải đến đó xin lửa đem về đây cho cha.

Bấy giờ, Lộc Nữ liền theo lời cha, đi đến hang phía Bắc, bước bước cất chân, đều sinh ra hoa sen thơm ngát, theo dấu chân của nàng, thành hàng ngũ đường lối trông rất có thứ tự, nàng đi đến hang phía Bắc, hỏi người Tiên ở đó, xin lửa cho cha.

Bấy giờ, người Tiên kia, thấy người con gái ấy, phúc đức như thế, dưới chân của nàng lại sinh ra hoa sen, liền bảo nàng rằng:

-Nếu con muốn được lửa, con hãy theo chiều bên phải, nhiều quanh hang này của ta, đủ bảy vòng, cho có hàng lối, thứ lớp, rõ ràng phân minh, thì ra sẽ cho con lửa.

Vâng lời chỉ dạy, theo dấu chân của nàng cất bước, đều mọc lên những bông hoa sen rất thơm tho màu nhiệm, và nàng nhiều quanh hang của vị Tiên ấy, đủ bảy vòng mới thôi.

Người Tiên ấy lại bảo nàng rằng:



-Nếu con muốn được lửa, con lại phải từ phía bên phải này đi trở về, thì ta sẽ cho con lửa.

Bấy giờ, nàng Lộc Nữ, vì muốn được lửa, nên cũng phải làm theo như lời của vị Tiên kia dạy mà đi, nhưng sau khi người con gái ấy đi chưa bao lâu, thì bỗng gặp vua nước Ba La Nại, đem các đại thần, trăm ngàn vạn dân chúng, trước sau vây quanh, ngàn xe vạn mã, vào rừng để ngao du săn bắn hươu nai.

Vua nước Ba La Nại, một mình cỡi một con danh tượng, đi đến chỗ vị Tiên ở hang phía Bắc, vua thấy hoa sen đó, mọc quanh rất có hàng lối.

Bấy giờ, Đại vương sinh lòng vui mừng, khen rằng:

-Lành thay! Lành thay! Đại đức thần tiên! Đại Tiên Đạo Sư có phúc đức lớn lao như thế!

Bấy giờ người Tiên ở phía Bắc liền tâu với nhà Vua rằng:

-Đại vương nên biết: Hoa sen ấy chẳng phải sức của tôi có thể làm được như vậy đâu!

Vua hỏi rằng:

-Nếu không phải Đại sư làm, thì ai làm?

Người Tiên tâu rằng:

-Tâu Đại vương! Đó là người Tiên ở hang phía Nam, có sinh được một người con gái, dung mạo đoan chính, nhân tướng vẹn toàn, thế gian hiếm có, người con gái ấy mỗi khi đi, tùy theo dấu chân, cất bước tới đâu, đều sinh ra hoa sen.

Vua nghe thấy lời nói ấy, lòng sinh vui mừng, liền đến hang phía Nam, coi thấy người Tiên ấy, Vua tỏ lòng cung kính, đầu mặt lễ xuống chân.

Bấy giờ, người Tiên ở hang phía Nam, liền ra hỏi thăm:

-Đại vương đi đường trường xa xôi, có khỏi mệt mỏi lắm chăng?

Bấy giờ, Đại vương bảo người Tiên ấy rằng:

-Nghe thấy Ngài có người con gái, trăm muôn câu hôn được chăng?

Bấy giờ người Tiên, tâu Đại vương rằng:

-Thân nghèo này chỉ có một người con gái ấy, hãy còn thơ ấu, chưa hiểu biết gì cả, từ hồi nhỏ đến nay, thường ở nơi thâm sơn, ăn trái cây, mặc áo cỏ, chưa quen biết gì về những việc ở nhân gian, như thế thì làm sao mà Vua có thể đoái thương được?

Rồi người Tiên ấy lại thuật hết những tư sự của người con gái ấy là do súc sinh sinh ra như trên, để cho Vua nghe.

Vua nói:

-Tuy vậy cũng không hề gì.

Vua lại hỏi:

-Lộc Nữ hiện giờ ở đâu?

Người Tiên tâu rằng:

-Tâu Đại vương! Lộc Nữ hiện đang ở trong hang cỏ này.

Bấy giờ Đại vương liền vào trong hang, coi thấy Lộc Nữ lòng sinh ra vui mừng, liền cho lấy nước thơm tắm rửa cho Lộc Nữ, và đem các thứ y phục tốt đẹp, trăm thứ tràng ngọc quý báu, để trang sức cho nàng xong rồi, cưới voi quý, cùng với trăm ngàn người theo hầu, trời nhạc ca hát, trở về bản quốc.

Lúc đó Lộc Nữ, vì từ khi sinh ra đến nay chưa từng thấy như thế bao giờ, nên trong lòng sinh ra sợ hãi.

Bấy giờ cha của Lộc Nữ, đứng ở trên đỉnh núi cao, xa trông thấy con, nhìn mãi không thôi và tự nghĩ rằng:

-Ta nay nhìn theo con gái ta cho đến khi nào đi thật xa, không còn có thể coi thấy được nữa, lúc ấy ta mới trở về chỗ cũ, ông buồn rầu áo não, nước mắt tuôn trào: Ta sinh được đứa con gái này, hãy còn thơ ấu, chưa hiểu biết gì, mà nay đã phải cách biệt ta! Ông lại nghĩ rằng: Ta nay nên ở lại chỗ này, mà không nên đi đâu, bởi vì sao? -Nếu như con gái ta trở lại đây, mà không thấy ta, tất nhiên con ta sinh ra buồn rầu khổ não.

Người Tiên ấy cứ đứng trông chờ con mãi, nhưng trọn cũng không thấy con trở về.

Bấy giờ, ông sinh lòng hối hận nói rằng:

-Thực quả là loài giống súc sinh có khác! Ta nuôi nấng từ hồi còn bé, khiến cho được thành người, nay sinh lòng bội bạc, bỏ ta cô độc!

Ông liền vào trong hang, tụng trì chú thuật, chú nguyện cho người con gái đó rằng:

-Nếu như Vua ăn ở bạc đãi với con, thì không cần phải bàn đến, còn như Vua lấy lễ mà tiếp đãi con sẽ khiến cho con không được toại nguyện.

Bấy giờ Vua nước Ba La Nại, sau khi trở về cung điện rồi, liền phong Lộc Nữ làm đệ nhất phu nhân, gọi là Lộc Mẫu phu nhân. Các tiểu Quốc vương, bách quan quần thần, đều lại triều giá. Vua thấy vậy rồi, lòng sinh vui mừng.

Ít lâu sau, Lộc Mẫu mang thai. Vua tự cung dưỡng cho phu nhân giường nằm, thức ăn uống, không thiếu một thứ gì, lòng Vua chỉ mong đến kỳ khai hoa nở nhụy, sẽ sinh hoàng nam, để kế thừa quốc vị. Nhưng tới ngày đầy tháng đủ, lại sinh ra một bông hoa sen. Vì năng lực chú nguyện của người Tiên, nên khiến cho nhà Vua sinh ra giận tức, nói rằng:

-Quả thực là loài súc sinh, sinh ra có khác!

Vua liền thoái chức phu nhân còn bông hoa sen, thì sai người đem liệng bỏ.

Sau đó vài ngày, Vua nước Ba La Nại, cùng với các quần thần vào trong hậu viên du ngoạn xem xét hát xướng, đấu voi, ngựa, cùng với các người lực sĩ, trong đó có một người đệ nhất lực sĩ, rún rẩy nhảy nhót, vì chân dẫm đạp xuống đất, nên đất đều rung động, và làm động cả ao hoa sen. Bên ao hoa sen đó, có cái bảo khí rất lớn, ở phía dưới bảo khí ấy, có một bông hoa sen, nổi trên mặt nước. Hoa sen màu hồng, tỏa ra ánh sáng màu nhiệm. Vua coi thấy hoa sen ấy rồi, lòng sinh vui mừng, hỏi quần thần rằng:

-Hoa sen như thế này, thực chưa từng có vậy.

Vua liền sai Sứ giả xuống ao lấy. Hoa có đủ năm trăm cánh, dưới mỗi cánh hoa, có một người đồng tử, mặt mày đoan chính, hình dáng tốt đẹp lạ thường.

Bấy giờ Sứ giả, liền tâu với Vua rằng:

-Hoa sen này thực chưa từng có vậy! Đại vương nên biết: Hoa sen ấy có đủ năm trăm cánh, ở dưới mỗi cánh hoa, lại có một người đồng tử.

Vua nghe lời Sứ giả nói, lòng sinh kinh ngạc, dựng cả chân lông, khen ngợi sự thể làm sao mà lại có được như thế, và hỏi Sứ giả rằng:

-Có thực quả như vậy chăng? Hoa sen ấy phải do Lộc Mẫu sinh ra chăng?

Vua lại hỏi các đồng tử, đồng nữ theo hầu:

-Hoa sen trước đây do Lộc Mẫu sinh ra đem bỏ ở chỗ nào?

Đáp rằng: -Tâu Đại vương! Chính hoa sen ấy, lúc đó chôn ở dưới cái bảo khí, bên bờ ao này vậy.

Vua biết rõ sự thực đó, và chính hoa sen ấy là do Lộc Mẫu phu nhân sinh ra. Vua tự vào trong cung, hướng Lộc mẫu phu nhân, ăn năn tự trách, nói rằng:

-Ta thực là người ngu si, không có trí tuệ, chẳng phân biệt được người hiền lương, nên làm những sự oan uổng tàn ác, trái nghịch đối với phu nhân!

Vua tỏ bày sự ăn năn hối hận với phu nhân xong rồi, phu nhân lại được phục hồi địa vị cũ là đệ nhất Phu nhân như xưa.

Vua rất vui mừng, và cho triệu các quan Đại thần, các Vua ở các nước nhỏ, và các Tướng sư người Bà la môn, tất cả đều hội họp. Vua bồng năm trăm Thái tử, khiến các Tướng sư, xem tướng cho các Hoàng tử.

Các Tướng sư đoán rằng:

-Các Hoàng tử là người rất có phúc đức, nếu ở tại gia, thì bốn bề sẽ được hưởng cảnh thanh bình thịnh trị, quý thần hộ vệ, nếu xuất gia, quyết sẽ đoạn phiền não, qua dòng ái dục, vượt bể sinh tử, chứng được pháp Tam minh, Lục thông và đủ bốn đạo quả.

Vua nghe lời các Tướng sư nói rất đổi vui mừng, liền truyền lệnh khắp trong nước, tuyển chọn năm trăm nữ mẫu, để trông coi cho các Hoàng tử.

Bấy giờ Lộc Mẫu phu nhân tâu với Đại vương rằng:

-Vua không phải lo ngại, triệu các nữ mẫu ở trong nước làm gì, vì ở trong Vương cung đã có năm trăm phu nhân, các phu nhân ấy, thấy thân thiếp sinh Hoàng nam, nên sinh lòng ghen ghét, nay Vua nên cho mỗi phu nhân một Thái tử, để nuôi nấng, cũng như con của các phu nhân vậy.

Vua bảo phu nhân:

-Năm trăm phu nhân, thường mang lòng ghen ghét, nào hại Lộc Mẫu, nay Lộc Mẫu muốn ta đánh bằng roi gậy, hoặc đuổi đi, hay xử tử để đền lại những tội ác trước đây đối với phu nhân, ta cũng sẽ không trái ý của phu nhân, nhưng nay phu nhân lại bỏ qua những sự oán hận ấy, thì thực quả là khó có ai sánh kịp! Lại còn mở cái ân huệ như trời như đất: Đem Thái tử cho các phu nhân ấy nuôi...

Bấy giờ năm trăm phu nhân lòng rất vui mừng: Lộc Mẫu phu nhân cho chúng ta những sự an ổn khoái lạc, lại còn cho chúng ta Thái tử nữa! Bấy giờ vô lượng trăm ngàn đại chúng được nghe việc ấy rồi, lòng sinh vui mừng, và đều phát Vô thượng đạo tâm.

Bấy giờ Đại vương bảo phu nhân rằng:

-Thực chưa từng có vậy, ta cũng không sánh kịp với phu nhân!

Phu nhân nói:

-Tham lam giận tức, đều do ghen ghét, hãy lấy nhẫn nhục để trừ gian ác, lấy hòa thuận để thắng oán thù. Thần thiếp từ khi sinh cho đến nay, chưa từng tranh giành với ai, các phu nhân, tự sinh nãi hại, ví như có người đi ban đêm, coi thấy gốc cây, liền tưởng là giặc, hoặc tưởng là ác quỷ, nên lòng sinh ra kinh sợ, chạy tản mác ra bốn phương, hoặc trốn vào trong hang núi, hoặc vào trong nước, lửa, rừng rậm gai góc, bị tổn thương đến cả thân thể, nhân vọng tưởng, mà phải họa hại đến như thế! Tất cả chúng sinh, cũng lại như thế: Tự sinh tự tử, như con tầm vương tơ, lại tự quấn lấy mình, như con thiêu thân tự gieo mình vào đèn lửa, mà không phải do ai xua đuổi chúng ta! Tất cả điều ác, đều từ vọng tưởng sinh ra, các phu nhân cũng lại như thế, nên thần thiếp nay không muốn cùng tranh tụng với những người ngu si ấy.

Năm trăm phu nhân, liền đến trước Lộc Mẫu phu nhân, ăn năn tự tạ, thờ phụng Lộc Mẫu, như bậc thánh hiền, như tình chị em, và nuôi nấng các Thái tử, cũng không khác gì con của mình sinh ra.

Lúc ấy năm trăm Thái tử, dần dần khôn lớn, mỗi mỗi Thái tử, sức có thể địch nổi ngàn người, các nước lân bang nếu gây sự phản nghịch không chịu tuân phục, tự các Thái tử đến dẹp loạn mà không cần đến bốn binh. Vì thế mà cõi nước được thanh bình, thiên thần vui mừng hộ vệ, mưa gió thuận hòa, nhân dân thịnh vượng. Lúc ấy, năm trăm Thái tử, cưới con đại danh tượng, ra du ngoạn nơi lâm dã, tự tại khoái lạc vô lượng, cha mẹ yêu dấu, khác nào con người mắt của mình.

Bấy giờ, năm trăm Thái tử tuổi đã dần khôn lớn, nhân một hôm cùng nhau ngồi chơi ở bên bờ ao hoa sen, coi thấy hình dung của mình, ảnh hiện ở dưới đáy nước. Lúc đó các Thái tử cùng bảo với nhau rằng: “Tất cả các pháp cũng chẳng khác nào như trò huyền thuật, như hoa đốm trên không, như cảnh tượng thấy trong giấc chiêm bao, như bóng hình dưới đáy nước, thể tính vốn không phải là chân thực, lũ chúng ta ngày nay cũng lại như thế, tuy nhiên chúng ta ở vào địa vị tôn sang hào quý, sống trong cảnh thâm cung hưởng thụ năm sự dục lạc, trẻ trung đẹp đẽ, rốt cuộc cũng không thể nào giữ được lâu, vạn vật có thành tất phải có hoại, người ta sinh rồi cũng phải chết, trẻ khỏe không được bao lâu,

mà già nua sẽ tới, ăn uống không tiết độ, tất nhiên bệnh hoạn phát sinh, dù cho sống lâu đến trăm tuổi, rồi cũng phải chết.”

Các Thái tử tỏ vẻ rất lo buồn không vui, quên cả ăn uống, liền cùng nhau trở về cung điện, thưa cùng cha mẹ rằng:

-Thưa cha mẹ! Thế giới đều là khổ, không có gì đáng vui, nay xin cha mẹ cho chúng con được xuất gia.

Vua bảo Thái tử:

-Sinh, lão, bệnh, tử, không một ai có thể tránh khỏi được, việc gì mà riêng con phải sầu muộn.

Các Thái tử tâu với Vua cha rằng:

-Sự sinh tử chẳng phải riêng con phải chịu nhọc nhằn, mà khắp cả năm ngả chúng sinh cũng đều phải chịu như thế cả.

Vua biết không thể nào ngăn cản được chí xuất gia của các Thái tử, nên Ngài cũng bằng lòng cho các Thái tử xuất gia.

Mẫu hậu bảo các Thái tử rằng:

-Các con xuất gia, chớ nên bỏ ta đi xa, mà nên ở nơi hậu viên, trong đó rất mát mẻ, rừng cây tươi tốt, bốn việc cúng dàng không thiếu.

Lúc ấy các Thái tử, liền đi xuất gia, và vâng lời của Mẫu hậu đều ở nơi hậu viên.

Sau khi xuất gia, mỗi mỗi Thái tử, đều chứng được quả vị Phật Bích Chi, như thế cho đến vị Thái tử thứ bốn trăm chín mươi chín đều được đạo quả.

Chứng được đạo quả rồi, các Thái tử liền đến trước cha mẹ, báo cho cha mẹ biết: Lợi ích của sự xuất gia, nay chúng con đã thành được.

Lúc ấy, các Tỳ khưu, thân tự thăng lên trên hư không, hiện đảnh đông ản đảnh tây; ản đảnh tây hiện đảnh đông; hiện đảnh nam ản đảnh bắc; hiện đảnh bắc ản đảnh nam; hoặc hiện làm nhiều thân hình lớn, khắp đầy trong hư không, rồi lại hiện làm một thân, một thân lại hiện làm vô lượng thân; hoặc hiện trên thân ra nước, dưới thân ra lửa.

Sau khi các Thái tử đã vì cha mẹ, hiện thứ thứ thân biến rồi, liền tự thiêu thân mà nhập Niết Bàn.

Lúc ấy Lộc Mẫu phu nhân thân nhứt thân cốt, xây bốn trăm chín mươi chín cái tháp ở trong hậu viên để cúng dàng.

Người con út, qua chín mươi ngày sau, cũng chứng được quả vị Bích Chi Phật, cũng vì cha mẹ, hiện đại thân biến. Hiện thân biến rồi, liền nhập Niết Bàn.

Bảy giờ mẹ của Thái Tử thu thập thân cốt, xây tháp cúng dàng.

Bảy giờ Lộc Mẫu phu nhân, đốt các thứ hương thơm quý, trỗi các thứ âm nhạc màu nhiệm, ngày ngày ở trong hậu viên cúng dàng năm trăm tháp Phật Bích Chi. Phu nhân ở trước các tháp ấy, tỏ vẻ buồn rầu không vui, mà nói rằng: “Ta tuy sinh năm trăm Thái tử, mà không có một người nào, phát tâm Bồ Đề.”

Phu nhân liền lập thệ nguyện:

-Ta cúng dàng năm trăm Phật Bích Chi, gồm xây năm trăm tháp cúng dàng công đức, của Xá lợi, xin hồi hướng cho khắp tất cả chúng sinh, khiến ta đời sau, thà sinh một con, mà phát tâm Bồ Đề, hiện thế xuất gia, chứng được nhất thiết trí, còn hơn sinh nhiều con, mà không phát tâm Bồ Đề.

Phật bảo với ngài A Nan rằng:

-Lộc Mẫu phu nhân lúc ấy, nay là Ma Gia phu nhân. Ma Gia phu nhân cúng dàng năm trăm Phật Bích Chi, và tu vô lượng thiện nghiệp, cho nên ngày nay được sinh thành thân của Như Lai.

Khi Phật nói pháp ấy, có vô lượng trăm ngàn người, trỗi, chứng được sơ quả, cho đến tứ quả; có vô lượng chúng sinh phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Bảy giờ tôn giả A Nam bạch Phật rằng:

-Lạy Đức Thế Tôn! Đức Ma Gia phu nhân đời quá khứ, làm hạnh nghiệp gì, mà phải sinh trong loài súc sinh, làm thân Lộc Nữ?

Phật bảo Ngài A Nam rằng:

-Nghe cho kỹ, ta sẽ vì ông, phân biệt giải nói về nhân duyên hành nghiệp đời trước của Đức Ma Gia phu nhân.

-Đời quá khứ lâu xa, vô lượng a tăng kỳ kiếp, bảy giờ đó có một Đức Phật ra đời, hiệu là Tỳ Bà Thi, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, ở đời giáo hóa, sau khi diệt độ, trong thời kỳ tượng pháp, lúc ấy có một nước nọ, gọi là Ba La Nại, trong nước đó có một Bà La

Môn, chỉ sinh hạ được một người con gái. Sau khi cha của nàng chết, để lại nàng cho mẹ nàng nuôi nấng cho đến khi khôn lớn. Nhà có một cái vườn trái, nên mẹ nàng thường để nàng ở nhà để trông coi, còn bà thì đi kiếm ăn để nuôi mình, và nuôi con. Ngày ngày theo thường lệ; bà vẫn đem thức ăn về cho con ăn. Nhân một bữa nọ, vì sự chậm trễ của mẹ nàng, chưa kịp đem về cho nàng, hơn nữa vì sự đói khát bức bách, nên nàng sinh ra tức giận nói rằng:

-Mẹ ta ngày nay, không biết vì lẽ gì, mà không cho ta ăn, chẳng nhìn ngó đến ta, để ta như thế này?

Và vì quá phiền muộn, nên nàng nhắc đi nhắc lại đến ba lần như vậy, rồi lại còn nói rằng:

-Mẹ ta ngày nay, không bằng loài súc sinh; ta thấy loài súc sinh như con hươu, một khi con nó bị đói khát, lòng nó còn chẳng nở rời bỏ nữa là mẹ ta!

Nhưng thời gian không bao lâu, mẹ nàng đã đem thức ăn về cho nàng ăn.

Đang lúc toan ăn uống, thì có một vị Sa môn Bích Chi Phật, từ phía Nam bay qua phía Bắc. Lúc ấy, người con gái Bà La Môn thấy vị Tỷ Khuru ấy, lòng sinh ra vui mừng, liền đứng dậy, chấp tay, cúi đầu làm lễ, trải tòa thỉnh mời Ngài ngồi, rồi lại lấy những bông hoa tươi tốt, giảm phần ăn của mình, để cúng dàng vị Tỷ Khuru.

Vị Tỷ Khuru ăn xong rồi, lại vì người con gái ấy, thuyết pháp chỉ dạy, kiến cho được những sự lợi ích, vui mừng.

Bấy giờ, người con gái đó liền phát nguyện rằng:

-Nguyện tôi đời sau, được gặp gỡ những bậc hiền thánh, lễ bái, cúng dàng, khiến cho tôi được nhan sắc tốt đẹp, tôn vinh hào quý, nếu khi dạo đi đến đâu, hoa sen sẽ mọc theo dấu chân đi.

Phật bảo tôn giả A Nan:

-Người con gái lúc bấy giờ, về sau là Lộc Mẫu phu nhân, bởi cúng dàng vị Phật Bích Chi một bữa ăn, và hoa mà trong năm trăm đời, được hưởng phúc báo tôn vinh hào quý, y phục thức ăn uống, không thiếu một thứ gì, nếu đi tới đâu, lại có hoa sen mọc theo dấu chân đi, vì có nhân duyên như thế, mà nay được gặp năm trăm vị Phật Bích Chi, lễ bái cúng dàng, nhưng chỉ vì một lời nói ác, chẳng biết ân đức, hủy báng mẹ: Chẳng bằng loài súc sinh, mà trong năm trăm kiếp, phải sinh làm loài hươu.

Phật bảo Ngài A Nan rằng:



-Người ta sinh ra ở đời, họa từ trong miệng mà sinh ra, nên phải giữ gìn cửa miệng hơn cả lửa mạnh, vì lửa mạnh có đốt cháy, cũng chỉ đốt cháy một đời này, còn như lời nói ác khẩu đốt cháy, sẽ đốt cháy trong vô số kiếp, lửa mạnh đốt cháy chỉ đốt cháy được của cải của thế gian, còn như lời nói ác khẩu đốt cháy, sẽ đốt cháy cả bảy thứ của cải của Thánh nhân.

Vì thế A Nan! Tất cả chúng sinh, họa từ trong miệng mà sinh ra. Và miệng lưỡi thực là cái búa sắc tự bỏ mình, là cái họa để tự diệt mình vậy.

Khi Phật nói kinh này, có ngàn Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, biết giữ gìn tội lỗi của khẩu nghiệp, liền chứng được sơ quả, lại có vô lượng Tỷ Khưu, Tỷ Khưu Ni, chứng được sơ quả, cho đến tứ quả, vô lượng nhân thiên đều phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cho đến tâm Bích Chi Phật, tất cả đại chúng, nghe Phật thuyết pháp đều hoan hỷ vâng theo, rồi làm lễ Phật mà lui ra.

Bấy giờ Đức Thế Tôn, cùng với Ngài A Nan, vào thành Vương Xá khuất thực. Khi trở về đến ngoài thành, thấy có một vũng nước rất lớn và sâu, nên người ở trong thành Vương Xá, thường đem những thứ đại tiểu tiện ô uế, đổ bỏ vào trong cái vũng ấy, và khi trời mưa thì tất cả nước dơ dáy ở khắp các nơi cũng chảy dồn cả vào trong vũng đó. Lúc ấy, ở trong vũng nước đó, có một con đại trùng, hình thù giống như người, nhưng chân tay lại rất nhiều. Con đại trùng ấy xa coi thấy Đức Như Lai, liền ngóc đầu lên khỏi mặt nước, trông nhìn Đức Như Lai, mà nước mắt tuôn trào. Đức Như Lai coi thấy rồi, Ngài rất tỏ vẻ thương không vui, liền trở về núi Kỳ Xà Quật.

Bấy giờ Ngài A Nan trải tọa cụ. Đức Như Lai ngồi kết già phu ở trên trên tọa cụ ấy.

Lúc đó Ngài A Nan quan sát tâm của đại chúng rồi, liền hỏi Đức Như Lai rằng:

-Lạy Đức Thế Tôn! Con trùng ở trong vũng nước vừa rồi coi thấy đó, đời trước làm nghiệp ác gì mà phải sinh ở trong cái vũng nước ấy? Với thời gian là bao nhiêu? Và đến thời nào mới được giải thoát?

Phật bảo Ngài A Nan và các đại chúng rằng:

-Các ông nên nghe cho kỹ, ta sẽ vì các ông nói việc ấy. A Nan! Về đời quá khứ, vô lượng nghìn kiếp, bấy giờ có Đức Phật ra đời, giáo hóa chúng sinh đã chu viên rồi, Ngài nhập diệt Niết Bàn. Sau khi Phật diệt độ, ở trong thời tượng pháp, có một người Bà La Môn, lập tịnh thất cúng dàng chúng tăng. Nhân có một người đàn việt, thường dâng dầu tô đề cúng dàng chúng tăng. Lúc ấy có khách Tỷ Khưu tới, vị Duy Na thấy vậy, sinh lòng giận tức, hiềm khách Tăng

tới, nên đem giấu giếm tất cả những thứ dầu tô ấy mà không cho khách Tăng. Khách Tăng mới nói rằng:

-Sao Ngài không đem vị dầu tô để cúng dàng chúng Tăng?

Vị Duy Na đáp rằng:

-Vì ông là Khách Tăng, tôi là cưu trụ, vì thế mà tôi không cúng dàng.

Tỷ Khuru khách nói rằng:

-Đó là đàn việt cúng dàng Tăng hiện tiền.

Lúc ấy, người Duy Na kia, lộ vẻ hung ác đáng sợ, liềm máng khách Tăng rằng:

-Sao ông không ăn phẩm giải mà lại cứ theo tôi đòi vị tô đó hoài vậy?

Bởi lời nói ác ấy, cho nên từ khi ấy đến nay, đã trải qua mười ức kiếp, thường phải sinh trong vũng phân. Người Duy Na lúc bảy giờ, nay là con trùng ở trong vũng nước ấy. Do đời quá khứ, phát ra một lời nói ác, hủy máng chúng Tăng, mà trái vô lượng kiếp cứ phải sinh vào nơi phân giải như nhớp!

Phật bảo các đệ tử rằng:

-Nên phải giữ gìn khẩu nghiệp, cái họa hoạn của khẩu nghiệp hơn cả lửa mạnh. Đối với cha mẹ, chúng Tăng, nên phải đem lòng cung kính cúng dàng, nói lời như hòa khen ngợi, thườì nghĩ đến ân đức của các vị đó. Chúng Tăng là ruộng phúc, đã ra khỏi ba cõi; còn cha mẹ là ruộng phúc tối thắng trong ba cõi. Vì sao? –Vì trong chúng Tăng gồm có bốn quả, bốn hướng, mười hai bậc hiền sĩ, người nào cúng dàng các bậc ấy sẽ được hưởng phúc vô lượng, không những như vậy, nếu tinh tiến tu hành không thoái tâm, thì còn được thành Phật đạo nữa vậy. Đối với cha mẹ, mười tháng cưu mang, ướm mẹ nằm, ráo đẻ nhường con, bú mớm nuôi con đến ngày lớn khôn, dạy bảo cho con biết nghề nghiệp, tùy thời nuôi nấng, lại cho đi xuất gia, tu hành được giải thoát, qua khỏi được bờ sinh tử, làm lợi ích cho mình, và cho tất cả chúng sinh.

Phật bảo Ngài A Nan rằng:

-Cha mẹ, chúng Tăng, là hai thứ ruộng phúc của tất cả chúng sinh, là diệu quả của cõi Nhân cõi Thiên, Niết Bàn giải thoát, cũng do đó mà được thành tựu vậy!

Khi Phật nói Kinh này, có vô số lượng trăm ngàn chúng sinh, Nhân, và Phi nhân, hoặc được Sơ quả, cho đến Tứ quả, hoặc phát tâm Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác, hoặc phát tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, tất cả ai nấy đều chấp tay lễ Phật, quanh về phía bên phải, vui mừng mà lui ra.

Lại nữa, ở nước Ba La Nại, có một người Thừa Tướng Bà La Môn nhà rất giàu có, của cải châu báu, vàng bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, voi, ngựa, trâu, dê, ruộng, vườn, tôi tớ, không thiếu một thứ gì, đã quá tám mươi tuổi, mới sinh được một người con trai, đẹp đẽ đoan chính, nhân tướng vẹn toàn, cha mẹ rất vui mừng, mời các tướng sư, để xem tướng và đặt tên cho con là Quân Đề. Quân Đề lên mười tuổi, cha mẹ rất yêu quý nên cùng nhau tìm đến chỗ Đức Như Lai ở núi Sái đề lợi nhân đề la, xin cho Quân Đề được theo Phật xuất gia.

Bấy giờ Đức Như Lai bốn chúng vây quanh, Ngài đang vì đại chúng Chư thiên, Long, Quỷ thần, quảng diễn về thế luận, và các pháp xuất thế gian.

Lúc ấy, người Bà La Môn, bạch Phật rằng:

-Lạy Đức Thế Tôn! Con nay tuổi đã về già, mới sinh được một người con này, xin Đức Thế Tôn là bậc Đại từ, thương xót che chở tất cả, nay con xin đem người con này của con đến, mong được Phật độ cho xuất gia làm đệ tử Phật.

Phật bảo:

-Hay lắm Tỳ Khuru! Phật bảo như vậy rồi, tức thì râu tóc tự nhiên rụng hết, áo cà sa thấy mặc vào mình. Rồi Phật vì nói pháp, chỉ bày dạy bảo, khiến cho được những sự lợi ích nên sinh lòng vui mừng, liền chứng được đạo quả, ba minh, sáu thông và đủ tám thứ giải thoát.

Bấy giờ Ngài A Nan, quan sát tâm của đại chúng, đều thấy có sự nghi ngờ, nên Ngài liền từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh y phục, để hở vai áo bên phải, chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

-Bạch lạy Đức Thế Tôn! Sa Di Quân Đề quá khứ làm công đức gì? Mà nay được gặp gỡ Đức Thế Tôn, lại được chứng đạo quả, sao mà mau chóng như thế?

Phật bảo Ngài A Nan rằng:

-Sa Di Quân Đề, không phải mới ngày nay tu hành mà đã được như vậy đâu, mà do đời quá khứ đã từng cúng dường cha mẹ chúng Tăng, tu các công đức nhiệm màu, nên nay gặp được Thiện tri thức, lại được chứng đạo quả.

Ngài A Nan bạch Phật rằng:

-Kính xin Phật nói cho đại chúng được biết.

Phật bảo Ngài A Nan:

-Nghe cho kỹ, ta sẽ nói cho ông được rõ:

Ở về đời quá khứ, vô lượng ngàn năm, có Đức Phật ra đời, hiệu là Tỳ Bà Thi, tại thế giáo hóa, làm lợi ích cho cõi trời, cõi người. Hóa duyên đã viên mãn, liền nhập Niết Bàn. Sau khi Phật diệt độ, ở trong đời chính pháp có một vị Tỷ Khuru tuổi trẻ, thông suốt cả ba tạng: Tạng A Tỳ Đàm, Tạng Tỳ Ni, Tạng Tu Đa La. Diện mạo tốt đẹp, nhân tướng đầy đủ, giọng tiếng trong trẻo màu nhiệm, lại rất thông minh, biện bác, thuyết pháp tài giỏi, cho nên được nhiều người quen biết, lại được cả nhà Vua, và những người Bà La Môn cung kính cúng dàng. Lúc ấy có một vị Tỷ Khuru già, thân hình xấu xí, nhân tướng bất cụ, hơn nữa giọng tiếng lại không được tốt, nhưng thường ưa đọc tụng tán thán công đức của Tam Bảo.

Bấy giờ, vị Tam Tạng Tỷ Khuru tuổi trẻ, thấy vị Tỷ Khuru già, giọng tiếng không được tốt, liền sinh tâm hủy nhục, mà nói rằng:

-Giọng tiếng như thế, chẳng khác gì tiếng chó sủa!

Lúc đó vị Tỷ Khuru già nói rằng:

-Sao người lại hủy nhục ta như vậy? Người có biết ta chẳng?

Vị Tam Tạng Tỷ khuru tuổi trẻ nói rằng:

-Tôi có biết ông chớ, ông là người Tỷ Khuru già Ma Ha La, trong thời kỳ chính pháp của Phật Tỳ Bà Thi, sao tôi lại không biết?

Ma Ha La nói:

-Ta nay chỗ sở tác đã xong, phạm hạnh đã lập, và không còn phải chịu thân sinh tử hậu hữu nữa.

Vì Tam Tạng Tỷ Khuru tuổi trẻ nghe nói rồi, lòng sinh kinh hãi, dựng cả chân lông.

Bấy giờ Ma Ha La, liền đưa tay bên phải phóng ra ánh sáng hào quang rất lớn soi khắp cả mười phương.

Bấy giờ Tam Tạng, liền cúi đầu lễ bái, cầu xin sám hối:

-Tôi là người ngu si, không biết phân biệt Hiền Thánh, nên gây ra nghiệp ác ấy, xin cho tôi đời sau, được gần gũi bạn lành gặp gỡ Thánh sư, bao nhiêu phiền não đều được sạch hết, cũng như Đại Đức.

Phật bảo Ngài A Nan rằng:

-Tam Tạng Tử Khuru trẻ tuổi ấy, vì một lời nói ác hủy mạng Thượng Tọa, mà sau trong năm trăm kiếp, thường phải quả báo làm thân chó.

Tất cả đại chúng, nghe Phật nói pháp, đều kinh sợ hãi hùng, và đều phát ra tiếng nói rằng:

-Gớm thay! Gớm thay! Thế gian độc họa, không gì nặng hơn ác khẩu!

Bảy giờ vô lượng trăm ngàn người, đều lập thệ nguyện, mà nói kệ rằng:

-Thà lấy vòng sắt nóng nung đốt, vòng vào đầu tôi, tôi chọn không bao giờ dùng lời độc ác hủy báng Hiền Thánh Thiện Nhân.

Phật bảo Ngài A Nan và Xá Lợi Phất:

-Đối với các chúng sinh, là người Thiện tri thức, ngày đêm sáu thời, thường dùng đạo nhãn, xem xét chúng sinh ở trong năm ngả, người nên hóa độ cho họ, cần phải đến hóa độ.

Bảy giờ, khoảng giữa hai nước Ma Kiệt Đà và nước Xá Vệ, có năm trăm người khách buôn, phải đi ngang qua một con đường rất nguy hiểm. Lúc đó, người chủ buôn, có mang theo một con chó. Bảy giờ người bạn của chủ buôn, vào lúc chập tối, có nấu thịt, để làm thức ăn, tới khuya, con chó ấy ăn vụng hết. Sáng mai người chủ buôn, và bạn của ông, định lấy thịt ra để ăn, thì biết là chó đã ăn vụng đêm hôm qua hết rồi! Đang gặp lúc đói khát bức bách, nên họ sinh ra giận tức, liền cầm dao chặt đứt bốn chân của con chó, quăng xác xuống hố rồi cùng nhau bỏ đi nơi khác. Con chó bị đau đớn quần quai ở dưới hố trông rất là thảm thiết.

Lúc ấy, Ngài Xá Lợi Phất, vào lúc chập tối, dùng đạo nhãn, đằng xa coi thấy rõ sự thể ấy rồi, nên đến sớm mai, Ngài liền mặc áo mang bát vào trong thành khuấy thực xong, Ngài liền đi thẳng đến chỗ con chó, đem thức ăn cho con chó ăn, rồi lại vì nói pháp, chỉ bày dạy bảo, khiến cho được những sự lợi ích, nên sinh ra lòng vui mừng. Con chó ấy nghe pháp rồi, thẹn hổ không vui. Sau bảy ngày tội hết được thoát làm kiếp chó, sinh lên làm người.

Phật bảo Ngài A Nan rằng:

-Con chó lúc ấy, nay là ông Sa Di Quân Đề này. Do đời quá khứ, hủy báng Hiền Thánh, mà phải đọa lạc vào đường ác, nhưng vì biết ăn năn, thẹn hổ cải hối, và phát thệ nguyện ấy, cho nên nay được gặp Phật, giải thoát sinh tử phiền não.

Phật bảo Ngài A Nan:

-Nên phải nghĩ nhớ đến ân đức của cha mẹ, Thiện hữu. Cho nên người biết ơn, thường nên phải trả ơn. Thiện tri thức là đại nhân duyên.

Khi Phật nói pháp ấy, có vô lượng trăm ngàn chúng sinh, phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác, cho nên đến tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, tất cả đại chúng nghe Phật nói Pháp rồi đều vui mừng hơn hờ, làm lễ Phật mà lui trở ra.

---o0o---

## Quyển Thứ Tư

### 06. PHẨM ÁC HỮU THỨ SÁU

Bấy giờ đại chúng vây quanh Đức Thế Tôn, cúng dàng cung kính, tôn trọng tán thán. Khi ấy Đức Như Lai vui vẻ mỉm cười, rồi từ trên trán phóng ra một vùng hào quang Đại bi bốn màu: Xanh, vàng, đỏ, trắng, chiếu khắp mười phương, trên từ cõi trời Sắc Cứu Kỉnh, dưới đến mười tám của địa ngục. Khi tia hào quang chiếu vào cái thân đau đớn, khổ não của Đề Bà Đạt Đa, thì lập tức Đề Bà Đạt Đa được yên vui bình thản.

Lúc đó đại chúng đồng thanh co ngọng Đức Như Lai rằng:

-Quý hóa thay! Quý hóa thay! Đức Thế Tôn thật là một Đấng Đại từ, Đại bi, đối với kẻ oán, người thân, tâm thường bình đẳng. Đề Bà Đạt Đa lúc nào cũng mang lòng thâm độc, toan hãm hạ Như Lai, thế mà Đức Thế Tôn không những đã chẳng lo sợ, oán giận, mà còn rủ lòng thương xót, phóng hào quang Đại bi, chiếu vào Đề Bà Đạt Đa cho được yên vui bình thản.

Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo đại chúng rằng:

-Không phải chỉ ở kiếp này Đề Bà Đạt Đa thường mang lòng hại ta, mà trong kiếp quá khứ xa xưa, Đề Bà Đạt Đa cũng thường muốn hại ta, nhưng ta cũng lấy lòng từ bi mà tha thứ và cứu độ cho.

Lúc ấy Ngài A Nan thấy trong lòng đại chúng đều có chỗ ngờ, mới từ chỗ ngồi đứng dậy, để hở vai áo bên phải, đầu gối bên phải quỳ sát đất gối bên phải quỳ sát đất, chấp tay bạch Phật rằng:

-Bạch Đức Thế Tôn! Trong kiếp quá khứ Đề Bà Đạt Đa thường mang lòng hại Phật, việc đó như thế nào?

Phật bảo Ngài A Nan:

-Ông hãy nghe cho kỹ, tôi sẽ vì ông mà nói rõ ràng việc đó. Ở thời quá khứ, cách đây không biết bao nhiêu năm, có một nước gọi là Ba La Nại. Trong nước ấy có một vị Phật ra đời, hiệu là Tỳ Bà Thi Như Lai, Ứng Cúng, Chính Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thế, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, Phật Tỳ Bà Thi ở đời giáo hóa được mười nghìn năm thì nhập diệt. Chính pháp của Ngài lưu truyền được mười hai nghìn năm, thì bắt đầu sang thời kỳ Tượng pháp.

Sau thời kỳ Tượng pháp, nước Ba La Nại có ông Vua tên là Ma Ha La Xà. Vua rất thông minh và nhân đức, lấy chính pháp trị nước, không bóc lột nhân dân. Vua làm bá chủ mười sáu nước nhỏ, tám trăm thôn ấp; có năm trăm voi trắng và hai vạn phu nhân, nhưng không có con. Vua Ma Ha La Xà mới làm lễ kỳ đảo các vị Thần sông ngòi, núi rừng và cây cối để cầu tự. Cứ như thế ròng rã trong mười hai năm, thì hai bà đệ nhất và đệ nhị phu nhân đều mang thai. Được biết tin ấy, Vua hết sức vui mừng, rồi tự tay chăm sóc các thức ăn uống, giường mùng cho hai bà phu nhân, khiến cho đều được như ý. Sau mười tháng, đệ nhất phu nhân sinh ra Thái tử, thân hình đầy đặn, tướng mạo khôi ngô và sắc diện đoan trang. Đệ nhị phu nhân cũng sinh được một trai. Vua thấy sung sướng vô cùng, liền triệu tập các quan văn, võ, các nhà xem tướng và các thầy Bà La Môn để xem tướng và đặt tên cho hai Thái tử.

Thầy tướng hỏi:

-Khi sinh Thái tử, có điềm gì khác lạ không?

Vua đáp:

-Bà mẹ của Thái tử thứ nhất xưa nay tính tình vốn xấu xa hay giận dữ, ghen ghét, tự kiêu, tự đại, nhưng từ khi sinh Thái tử thì tính tình khác hẳn: Hòa nhã, vui vẻ, rộng lượng, khiêm tốn và lúc nào cũng tươi cười; gặp ai cũng dùng lời từ tốn thăm hỏi và thương yêu mọi người như mẹ thương con

Thầy tướng nói:

-Đó là do cái phúc đức của đứa trẻ này mà khiến cho cha mẹ thay đổi như thế. Vậy nên đặt tên là Thiện Hữu Thái tử.

Thầy tướng lại hỏi:

-Thế còn đệ nhị phu nhân khi sinh Thái tử có điều gì khác lạ không?

Vua đáp:

-Đệ nhị phu nhân xưa nay tính tình vốn hiền hậu, vui vẻ, nói năng dịu dàng, ai cũng quý mến, nhưng từ khi mang thai thì tính nết đột nhiên thay đổi: Cáu kỉnh, oán hờn, ghen tỵ, và hay chửi rủa.

Thầy tướng nói:

-Đó là do cái nghiệp báo của đứa trẻ này khiến cho bà mẹ thay đổi như thế. Vậy nên đặt tên là Ác Hữu Thái tử.

Từ đó hai Thái tử dần dần khôn lớn, cho đến năm mười bốn tuổi thì Thiện Hữu Thái tử tỏ ra rất thông minh và nhân từ, hay bố thí cho những người nghèo khó, nên cha mẹ rất thương yêu, quý chuộng. Còn Ác Hữu Thái tử thì tính khí hung bạo, cha mẹ thường ghét, không muốn nhìn mặt, nên Ác Hữu mang lòng ghen ghét với anh, hay gây sự bất hòa, sinh tâm hờn giận và chỉ muốn làm hại anh. Một hôm Thiện Hữu Thái tử cùng với đoàn người tùy tùng ra ngoài thành du ngoạn. Thái tử thấy người cày ruộng, lưỡi cày đưa đến đâu thì cơn trùng dưới đất chạy ra và lập tức bị những chim chóc mổ ăn. Thái tử thấy thế, bùi ngùi thương xót và vốn sinh trưởng trong thâm cung chưa hề thấy việc ấy, nên mới hỏi người tùy tùng rằng:

-Tại sao những con vật lại giết hại lẫn nhau vậy? Và tại sao người kia phải làm việc vất vả như thế?

Người tùy tùng đáp:

-Sở dĩ Thái tử có đất nước là nhờ ở nhân dân; nhân dân có là nhờ sự ăn uống, sở dĩ có cái ăn uống là nhờ ở sự cày cấy, trồng trọt các thứ thóc lúa để nuôi sống con người.

Nghe xong, Thái tử tỏ vẻ buồn rầu thương cảm. Rồi đi được một khoảng đường nữa, lại thấy một bọn người, cả đàn ông lẫn đàn bà đang dệt vải, mồ hôi nhễ nhại, trông có vẻ mệt nhọc. Thái tử lại hỏi:

-Những người kia làm gì thế?

Tùy tùng thưa rằng:

-Thưa Thái tử, họ đang dệt vải để may quần áo cho mọi người che đậy thân thể và ngừa sự rét mướt.

Thái tử tự nghĩ: Vì miếng cơm ăn manh áo mặc mà con người phải vất vả như vậy. Đi thêm một quãng nữa lại thấy người ta đang lột da những con trâu, con ngựa và chọc tiết heo, dê, Thái tử liền hỏi:



-Bọn người kia đang làm gì mà lại xâu xé những con vật thể kia?

Tùy tùng trả lời:

-Họ là những người đồ tể, bán thịt để mưu sinh.

Nghe xong, Thái tử có vẻ kinh sợ và nói:

-Lạ thay, sao người ta có thể bắt nhỡ như thế được, cậy mạnh hiếp yếu, sát sinh để mưu sinh mà gây nên oan trái rồi đền trả nhau trong bao nhiêu kiếp.

Rồi đi được một quãng đường nữa, lại gặp một bọn người bẫy chim, bắt cá, hà hiếp kẻ vô cố, người khỏe bắt nạt kẻ yếu, Thái tử lại hỏi:

-Bọn người kia là gì vậy?

-Thưa Thái tử, họ đang bẫy chim, bắt cá để đổi lấy miếng cơm ăn manh áo mặc.

Nghe xong, Thái tử buồn rầu, rơi lệ, thương cho chúng ở đời toàn tạo những nghiệp ác, để rồi phải chịu những quả khổ vô cùng. Thái tử thấy lòng thương xót không nguôi, liền sai quay xe trở về cung điện.

Khi về đến cung, Vua cha thấy Thái tử có vẻ ưu tư, sầu khổ, mới hỏi nguyên do, thì Thái tử đem hết những việc đã được mục kích trong khi du ngoạn ngoài thành, thuật lại cho Vua cha nghe. Vua nói:

-Đó là những việc tự nhiên; không thể tránh được vậy con không nên buồn rầu, hại cho sức khỏe.

Thái tử nói:

-Nay con muốn xin Phụ vương một việc, Phụ vương có vui lòng cho con không?

Vua nói:

-Con là người con yêu quý của cha, vậy ý con muốn điều gì cứ nói, cha sẽ cho con được toại nguyện.

Thái tử thưa:

-Con muốn xin tất cả những kho tàng của cải và lương thực của Phụ vương để bố thí cho hết thảy mọi người.

Vua trả lời:

-Tuỳ ý con muốn, cha không hỏi tiết.

Bấy giờ, Thiện Hữu Thái tử mới sai quan giữ kho mở các cửa kho và dùng năm trăm con voi lớn chở các thứ của báu ra bốn cửa thành truyền cho nhân dân khắp trong nước ai cần thức ăn, áo mặc và của cải, cứ tự ý đến mà lấy. Lúc đó danh tiếng của Thái tử lừng lẫy tám phương. Dân chúng khắp nơi kéo đến và chỉ trong một thời gian ngắn đã hết hai phần ba của cải trong các kho tàng. Viên quan coi kho liền vào tâu Vua rằng:

-Tâu Bệ hạ! Thái tử đã cho hết hai phần ba của cải trong các kho, xin Bệ hạ hãy nghĩ lại.

Vua nói:

-Không nên làm trái ý Thái tử.

Một lúc sau các quan lại họp nhau để bàn bạc và cho rằng: Sở dĩ Quốc gia được hưng thịnh là nhờ vào các kho tàng, nay kho tàng hết sạch của cải, thì Quốc gia lâm nguy. Bàn xong, các quan lại vào tâu Vua:

-Tâu Bệ hạ! Thái tử đã dùng hết hai phần ba của cải trong kho tàng, xin Bệ hạ can ngăn Thái tử.

Vua trả lời:

-Trẫm không dám là trái ý con trẫm, vậy các khanh hãy từ từ tìm cách can ngăn Thái tử.

Hôm sau Thiện Hữu Thái tử vào kho thì không thấy quan giữ kho đến mà cửa kho thì khóa chặt. Thái tử sai người đi mời quan giữ kho, nhưng không gặp. Thái tử tỏ vẻ bực mình:

-Sao viên quan coi kho mà dám làm trái ý ta? Hay Phụ vương ta đã ra lệnh như vậy?

Nói xong, Thái tử sực tỉnh lại, liền tự nghĩ rằng: “Người con có hiếu thảo, không nên phá tán của cải của cha mẹ, ta hãy tự tìm lấy của báu để bố thí chúng sinh. Nếu ta không thể cấp dưỡng đầy đủ thức ăn, áo mặc cho hết thảy chúng sinh được như ý, thì sao có thể gọi là con của một vị Đại vương?”

Nghĩ như thế rồi, Thái tử mới triệu tập các quan văn võ để thảo luận. Thái tử hỏi:

-Người ta làm nghề gì thì kiếm được nhiều của nhất?

Vị đệ nhất Đại thần thưa:

-Ở đời, muốn được giàu có trước hết là phải cày cấy trồng trọt, vì mất ít vốn mà lại được nhiều lời.

Vị Đại thần khác lại thưa:

-Cái nghề đưa lại nhiều lợi tức nhất là nghề chăn nuôi, là vì súc vật sinh nở rất mau.

Lại có một vị Đại thần nữa nói:

-Ai muốn trở nên đại phú thì phải xuống biển tìm các thứ bảo vật. Nếu được viên ngọc Ma Ni Bảo Châu thì tha hồ mà cấp dưỡng cho hết thầy chúng sinh, khiến cho đều được đầy đủ như ý muốn.

Thiện Hữu Thái tử nói:

-Duy có cách ấy là hợp ý ta nhất.

Lập tức Thái tử cho các quan giải tán rồi vào cung tâu với Vua cha:

-Nay con muốn xuống biển tìm các thứ bảo châu, xin Phụ vương chấp thuận.

Nghe lời nói ấy, như sét đánh bên tai, nhà Vua ghen ngào nói với Thái tử:

-Giang sơn đất nước này và kho tàng của báu kia đều thuộc quyền sở hữu của con, tùy ý sử dụng, hà tất phải xuống biển tìm châu báu? Con vốn sinh trưởng trong thâm cung, sống trên nhung lụa, nay phải dãi dầu sương gió, đói khát nóng lạnh, lầy ai sẵn sóc. Hơn nữa, giữa biển cả mênh mông, bao nhiêu tai nạn, nào ác quỷ độc long, sóng cồn gió dập, nước xoáy đá ngầm, cá kình cá mập, nghìn vạn người ra đi, chỉ một vài người đến đích. Nay con lại xin xuống biển thì việc ấy cha không thể cho được.

Lúc đó, Thiện Hữu Thái tử liền nằm phủ phục xuống đất mà tâu với Vua cha rằng:

-Nếu cha mẹ không cho con được xuống biển tìm châu thì con sẽ bỏ mệnh nơi đây chứ trọn không đứng dậy.

Bấy giờ, nhà Vua và các phu nhân thấy như thế, thì mắt nhìn nhau mà không nói nên lời. Một lúc sau mới đến khuyển giải Thái tử rằng;

-Con hãy dậy ăn uống đi.

Thái tử nói:

-Nếu Cha mẹ không cho con được toại nguyện, con nhất định sẽ chết nhịn đói đến chết.

Vua cha và các phu nhân âu sầu khổ não, khóc lóc thảm thương, cứ như thế cho đến trọn một ngày mà Thái tử cũng không ăn uống. Rồi hai ngày, ba ngày cho đến sáu ngày trôi qua, Thái tử cũng không hề lay chuyển. Cha mẹ lo sợ quá nên đến ngày thứ bảy mới vỗ về khuyên nhủ Thái tử:

-Con hãy dậy ăn uống đi! Cái thân này nhờ có ăn uống mới sống được, nếu không ăn uống thì tất phải chết.

Thái tử nói:

-Nếu cha mẹ nhất định không cho con xuống biển tìm châu thì con sẽ chết tại đây, không bao giờ đứng dậy.

Bấy giờ bà đệ nhất phu nhân tâu Vua rằng:

-Con nó quyết chí như thế, thì khó có thể làm lay chuyển được. Vậy nữ nào ta nhìn con bỏ mệnh nơi đây? Vậy xin Bệ hạ hãy rủ lòng thương mà cho con xuống biển thì may ra còn hy vọng phần nào trong muôn một, chứ nếu không cho thì chắc chắn con nó sẽ chết ngay đây.

Nhà Vua thấy không thể nào ngăn cản nổi, nên đành phải bằng lòng. Bấy giờ Thiện Hữu Thái tử đứng dậy vui mừng, lễ chân phụ vương. Các cung phi thể nữ và trăm nghìn người xung quanh đều hỏi nhau:

-Thái tử còn sống hay chết?

Vua trả lời:

-Hôn nay Thái tử đã trở dậy, vui vẻ ăn uống như thường.

Vua hỏi Thái tử:

-Mục đích con muốn xuống biển tìm của báu gì?

Thái tử trả lời:

-Tâu Phụ vương, con muốn tìm cho được viên ngọc Ma ni bảo châu để cấp dưỡng cho hết thầy chúng sinh, khiến cho không còn thiếu thốn.

Bấy giờ nhà Vua mới truyền lệnh khắp trong nước, nói rằng:

-Thiện Hữu Thái tử muốn xuống biển tìm ngọc Ma ni bảo châu, nếu ai chịu đi với Thái tử thì khi trở về, ta sẽ ban cho của cải dùng trong bảy đời không phải thiếu thốn. Ta sẽ sắm đầy đủ thuyền bè và cung cấp lương thực đi đường? Khi nghe lệnh ấy, năm trăm người vui mừng tụ họp, rồi đến tâu Vua:

-Muôn tâu Bệ hạ! Chúng tôi xin tình nguyện đi theo Thái tử.

Thuở bấy giờ, ở nước Ba La Nại, có một nhà hàng hải rất thông thạo các đường biển nhưng đã tám mươi tuổi, nên mắt đã mờ. Vua Ba La Nại, đến tận nơi nói với nhà hàng hải rằng:

-Trẫm chỉ có một người con, từ xưa chưa hề đi đâu, mà nay lại muốn xuống biển tìm ngọc, nên Trẫm đến cảm phiền khanh cùng đi để hướng dẫn con Trẫm.

Nghe Vua nói thế, nhà hàng hải quá xúc động nên cất tiếng khóc, rồi tâu Vua rằng:

-Tâu Bệ hạ! Giữa biển cả mênh mông, có rất nhiều nguy hiểm và gian khổ, muôn nghìn người ra đi mà chỉ có một vài người đến đích, tại sao Bệ hạ lại để cho Thái tử dân thân vào con đường hiểm nghèo như vậy?

Vua nói:

-Thái tử quyết chí xin đi, Trẫm đã nhiều ngày khuyên giải mà Thái tử không nghe. Cho nên, vì quá thương con mà Trẫm không dám làm trái ý Thái tử. Nghe xong, nhà hàng hải phải tuân theo mệnh lệnh nhà Vua để cùng đi với Thái tử.

Bấy giờ Thiện Hữu Thái tử chuẩn bị hành trang đầy đủ cho năm trăm người rồi sai người chở ra bãi biển. Lúc đó em Thái tử là Ác Hữu tự nghĩ rằng: “Xưa nay cha mẹ thường yêu quý Thiện Hữu hơn ta, nay Thiện Hữu lại đi ra biển tìm ngọc báu, nếu ngày kia được ngọc đem về, thì chắc chắn cha mẹ lại càng yêu quý Thiện Hữu hơn nữa mà ghét bỏ ta.” Nghĩ như thế rồi, Ác Hữu Thái tử liền đến xin nhà Vua, cho phép cùng đi với Thiện Hữu xuống biển tìm châu. Vua nói:

-Tùy ý người. Giữa đường nếu gặp tai nạn thì anh em phải che chở cho nhau.

Lúc tới biển, Thiện Hữu Thái tử dùng bảy cái neo, neo thuyền lại bảy ngày trước khi ra khơi. Mỗi buổi sáng, khi mặt trời vừa mọc, Thiện Hữu Thái tử đánh một hồi trống rồi tuyên bố rằng:

-Tất cả mọi người, ai muốn xuống biển thì cứ mặc nhiên, nếu ai còn quyến luyến cha mẹ, vợ con, anh em và các thú vui ở đời, thì hãy nên trở về, chớ đừng vì tôi mà đi theo. Tại sao vậy? Vì giữa biển cả mênh mông, có nhiều tai nạn, trong muôn nghìn người đi thì chỉ một vài người đến đích.

Trong khi tuyên bố như thế, nếu tất cả mọi người đều giữ mặc nhiên, thì nhổ một chiếc neo mà gác lên mạn thuyền. Ngày nào cũng tuyên bố như thế cho đến ngày thứ bảy thì tất cả bảy chiếc neo đều được nhổ lên và bắt đầu giương buồm cho thuyền ra khơi.

Nhờ phúc đức và lòng từ bi của Thái tử nên mọi người đã vượt qua biển cả mà đến được núi Trân Bảo bình an vô sự. Khi đến nơi, Thiện Hữu Thái tử liền đóng một hồi trống rồi tuyên bố rằng:

-Các ngươi nên biết, đường xá xa xăm, nay đã đến nơi, vậy các ngươi phải mau mau thu lượm lấy của báu mà trở về, càng sớm càng hay. Nhưng của báu ở đây rất nặng và quý giá, ở cõi Diêm Phù Đề không có vật gì sánh kịp, vậy các ngươi đừng có tham lam chớ nhiều, sợ nặng quá mà thuyền đắm giữa dòng, không về đến nơi, thì thật là uổng công khó nhọc.

Dặn dò xong xuôi, Thái tử cùng mọi người chia tay, nói rằng:

-Các ngươi cứ yên tâm trở về, ta còn đi nữa để tìm cho được ngọc Ma ni bảo châu.

Bảy giờ, Thiện Hữu Thái tử và nhà hàng hải hướng đạo tiến lên, đi được bảy ngày thì đến một chỗ nước chỉ sâu đến đầu gối; lại đi bảy ngày nữa thì đến một chỗ nước sâu đến cổ; lại tiến thêm bảy ngày nữa, vượt qua một lớp phù sa thì đến một bãi biển, mà cát toàn bằng bạch ngân. Người hướng đạo hỏi:

-Đất này bằng thứ gì?

Thái tử đáp:

-Đất này toàn bằng bạch ngân.

Người hướng đạo lại nói:

Thái tử hãy nhìn xa ra bốn phía xem có dãy núi Bạch Ngân nào không?

-Phía Đông Nam có một dãy núi Bạch Ngân xuất hiện.

-Con đường này sẽ dẫn đến chân dãy núi ấy.

Khi tới núi Bạch Ngân rồi, người hướng đạo nói với Thái tử:

-Bây giờ ta nên đến núi Kim Sơn.

Nhưng lúc đó người hướng đạo cảm thấy mỏi mệt, kiệt sức, liền nằm xuống và nói với Thái tử:

-Tôi thấy trong người yếu quá, chắc không được bao lâu nữa tôi sẽ bỏ mạng nơi đây. Vậy Thái tử hãy hăng hái lên, từ đây đi về phía Đông chừng bảy ngày nữa, sẽ tới núi Kim Sơn, rồi từ núi Kim Sơn đi bảy ngày nữa sẽ đến một nơi mà đất toàn bằng hoa sen đỏ thắm, đi qua nơi này, thì đến một cái thành Thất Bảo, nền thành toàn bằng hoàng kim, lầu gác bằng bạch ngân, những tấm bình phong bằng ngọc san hô đỏ, những lưới trân châu mắc phía trên, bảy lần hào lũy toàn bằng lưu ly. Đó là thành của Đại Hải Long Vương. Trong tai bên phải của vị Long Vương ấy có một viên ngọc Ma Ni Như ý Bảo Châu. Thái tử nên đến mà xin. Nếu được viên ngọc ấy, thì có thể làm cho khắp cõi Diêm Phù Đề đầy đủ các thứ của báu, thức ăn, áo mặc, thuốc thang và ca nhạc vui tươi. Nói tóm lại, hết thấy chúng sinh cần cái gì là tùy ý được thỏa mãn, cho nên gọi là Như Ý Bảo Châu. Nếu Thái tử được viên ngọc ấy thì chắc chắn sẽ được toại nguyện xưa. Nói xong, người hướng đạo trút hơi thở cuối cùng.

Bây giờ, Thiện Hữu Thái tử ôm lấy xác người hướng đạo mà khóc lóc thảm thiết. Người hướng đạo chết đi, Thái tử đã mất một người tin cậy. Sau khi phủ cát vàng mai táng cho nhà hàng hải, Thiện Hữu Thái tử đi nhiều bảy vòng, làm lễ rồi từ biệt.

Từ đây, Thái tử đi thẳng đến núi Kim Sơn, qua núi Kim Sơn thì thấy hoa sen màu sanh mọc khắp mặt đất. Dưới những bông sen, có nhiều rắn độc cũng màu xanh. Loại rắn đó rất độc cũng màu xanh. Loài rắn đó rất độc hại: Nó cắn cũng chết, chạm xát vào nó cũng chết, và nó phun nọc độc cũng chết. Những con rắn độc đó quấn lấy cuống bông sen, giương mắt le lưỡi mà nhìn Thái tử. Lúc đó Thiện Hữu Thái tử liền nhập Từ bi quán, rồi nhờ năng lực Từ bi dẫm lên hoa sen mà đi, thẳng tới cung điện Long Vương, mà những rắn độc không hề cắn hại. Bốn bên cung điện Long Vương có bảy lần hào lũy, trong các hào lũy ấy rất nhiều rồng độc, mình quấn lấy nhau, giao đầu nhìn nhau mà giữ cửa thành.

Khi Thiện Hữu Thái tử đến ngoài cửa thành thì thấy toàn rồng độc. Thái tử liền vận dụng từ tâm và tự nghĩ rằng: “Nếu cái thân ta đây mà bị những con rồng độc kia sát hại, thì hết thấy chúng sinh ở cõi Diêm Phù Đề đều sẽ mất lợi ích lớn.”

Bấy giờ Thái tử giơ tay phải lên, bảo những con rồng độc rằng:

-Các ngươi nên biết, ta nay vì hết thầy chúng sinh, muốn được yết kiến Long Vương.

Ngay lúc ấy, tất cả các rồng độc mở đường cho Thái tử đi qua. Thái tử đi hết lần hào lũy thứ bảy thì đến cửa thành. Ở đây, Thái tử thấy hai người ngọc nữ, phục sức bằng nhung tơ, yếu điệu thướt tha. Thái tử mới hỏi:

-Các ngươi là ai?

Ngọc nữ trả lời:

-Chúng tôi là những tỳ nữ của Long Vương, có bổn phận giữ cửa thành ngoài.

Đoạn Thái tử tiến vào cửa giữa, lại thấy bốn người ngọc nữ phục sức toàn bằng bạch ngân. Thái tử hỏi:

-Có phải các tiểu thư là cung phi của Long Vương không?

Ngọc nữ trả lời:

-Không phải. Chúng tôi chỉ là tỳ nữ của Long Vương, có phận sự canh gác cửa giữa thành.

Thái tử lại vào cửa trong thấy tám nàng ngọc nữ, phục sức bằng hoàng kim. Thái tử hỏi:

-Các tiểu thư là người thế nào?

Ngọc nữ trả lời:

-Chúng tôi là tỳ nữ giữ cửa của Long Vương.

Thái tử nói:

-Các tiểu thư hãy vì tôi vào báo cho Đại Hải Long Vương biết là có Thiện Hữu Thái tử, con Vua nước Ba La Nại, ở cõi Diêm Phù Đề muốn được yết kiến Long Vương.

Các ngọc nữ liền vào tâu Long Vương. Long Vương nghe xong lấy làm lạ, mới tự nghĩ rằng: “Nếu không phải là con người có đầy đủ phước đức và thiện tâm thì không thể nào vượt qua được những khoảng đường xa xăm đầy nguy



hiếm mà đến đây được.” Nghĩ như thế rồi, Long Vương mới ra tận cửa để đón rước Thiện Hữu Thái tử vào cung.

Cung điện của Long Vương toàn bằng lưu ly, giường nằm, tòa ngai làm bằng thất bảo, ánh sáng chói ngời, nhìn vào lóa mắt. Long Vương mời Thiện Hữu Thái tử ngai, rồi cùng chuyện trò. Nhân đó, Thái tử thuyết pháp cho Long Vương nghe, nói về công đức của sự bố thí, cúng dàng và phúc báo ở cõi người và cõi trời. Nghe xong, Đại Hải Long Vương thấy lòng vui sướng, mới hỏi Thái tử:

-Người đã vượt bao nhiêu trùng dương đến đây, mục đích muốn tìm vật gì?

Thái tử nói:

-Tâu Đại vương, hết thảy chúng sinh ở cõi Diêm Phù Đề chỉ vì miếng cơm ăn, manh áo mặc mà phải chịu khổ vô cùng. Nay tôi không quản đường xa, vượt bao gian khổ và hiểm nghèo, đến đây mục đích chỉ để xin viên ngọc Như Ý Bảo Châu trong tai bên trái của Đại vương mang về cấp dưỡng cho hết thảy chúng sinh, khiến cho đều được ấm no đầy đủ.

Long Vương nói:

-Xin Thái tử hãy ở lại đây bảy ngày để tôi có dịp được cúng dàng.

Thiện Hữu Thái tử nhận lời mời của Long Vương. Sau bảy ngày, Long Vương đưa viên ngọc Ma Ni Bảo Châu biếu Thái tử. Nhận ngọc rồi, Thái tử từ biệt Long Vương để trở về cõi Diêm Phù Đề. Lúc đó Đại Hải Long Vương sai các Long thần tiễn đưa Thái tử bay trên hư không mà đi, nên chẳng bao lâu đã đến bờ biển cõi Diêm Phù Đề.

Khi tới nơi, Thiện Hữu Thái tử gặp em là Ác Hữu, mừng rỡ hỏi rằng:

-Những người đồng hành hiện nay ở đâu?

Ác Hữu Thái tử đáp:

-Thưa anh, thuyền chúng em bị đắm và tất cả mọi người đều chết, duy còn em, nhờ bám chặt lấy một tử thi dạt vào đây nên mới sống sót, của báu mất hết, không còn một vật gì.

Thiện Hữu Thái tử nói:

-Ồ đời có của báu nào đáng trọng hơn cái thân ta? Của báu tuy mất nhưng em được sống sót, thế là quý lắm rồi.

Ác Hữu Thái tử nói:

-Không phải thế. Người ta chẳng thà chết trong cảnh giàu có còn hơn là sống trong cảnh nghèo khổ.

Thiện Hữu nói:

-Ai nói như vậy?

Ác Hữu trả lời:

-Em đã từng đến chỗ tha ma và được nghe ma quỷ nói như thế.

Thiện Hữu Thái tử bản tính thật thà, mới đem chuyện nói thực với Ác Hữu nghe:

-Tuy em mất hết của báu, nhưng đừng có lo, anh đã được viên ngọc Như Ý Ma Ni Bảo Châu của Vua Long Vương đây rồi.

Ác Hữu hỏi:

-Thế anh để ở đây?

Thiện Hữu trả lời:

-Anh kết trong búi tóc.

Nghe xong, Ác Hữu sinh lòng ghen ghét, lo buồn áo não, liền tự nghĩ rằng: “Xưa nay, cha mẹ ta thường thiên vị, thương yêu Thiện Hữu hơn ta, nay Thiện Hữu lại được Ma Ni Bảo Châu đem về, thì chắc cha mẹ sẽ thương yêu gấp bội mà ghét bỏ ta như thấy gai góc.”

Nghĩ như thế rồi, Ác Hữu mới nói với anh:

-Được viên ngọc ấy thì quý lắm. Giữa khoảng đường này, phải nên giữ gìn cẩn thận.

Bấy giờ Thiện Hữu, giơ viên ngọc ở trong búi tóc ra, đưa cho Ác Hữu xem và dặn rằng:

Khi nào em mệt mà ngủ thì anh canh giữ; nếu anh mà ngủ thì em phải trông chừng.

Khi Thiện Hữu ngủ, đến lượt Ác Hữu giữ ngọc, Thì Ác Hữu liền dùng hai thanh trúc nhọn đâm vào mắt anh cướp ngọc mà chạy. Bấy giờ Thiện Hữu tri hô lên và gọi em bảo rằng:

-Ác Hữu! Ác Hữu! Kẻ cướp đến đâm vào mắt anh mà lấy ngọc.

Nhưng không thấy Ác Hữu trả lời. Thiện Hữu càng lo sợ, buồn rầu và kêu to lên rằng: “Có lẽ em ta đã bị cướp giết mất rồi.” Tiếng kêu thảm thiết động đến quỷ thần. Lúc đó thần cây thương tình, đến báo cho Thiện Hữu biết rằng:

-Em nhà ngươi là Ác Hữu, chính là kẻ cướp đã đâm vào mắt ngươi để đoạt lấy viên ngọc mà đi rồi. Nay nhà ngươi còn gọi Ác Hữu làm gì cho tốn hơi mệt sức.

Nghe thần cây nói thế, Thiện Hữu Thái tử buồn bã nghẹn ngào, sàu đầu khổ óc não.

Nói về Ác Hữu Thái tử, khi cướp được viên ngọc Bảo Châu rồi, trở về bản quốc, ra mắt Phụ vương, dâng viên ngọc quý mà tâu rằng:

-Tâu Phụ vương, con nhờ có phúc đức mà được sống sót, Thiện Hữu Thái tử và những người đồng hành vì bạc phúc nên đã bỏ mạng ngoài khơi.

Vua và các phu nhân nghe Ác hữu nói như thế liền cất tiếng than khóc, vật vã buồn rầu quá đến ngất lặn ra đất. Người chung quanh lấy nước lạnh rửa mặt cho Vua, hồi lâu mới tỉnh. Lúc đó Vua và phu nhân hỏi Ác Hữu rằng:

-Làm thế nào mà ngươi có thể đem được viên ngọc này về?

Nghe Vua hỏi, Ác Hữu thấy lòng quặn đau, đứt từng khúc ruột, không nói nên lời. Bèn đem viên ngọc chôn ở trong vườn.

Còn về phần Thiện Hữu Thái tử, sau khi bị đâm vào hai mắt trở nên mù lòa, đi lại rờ rẫm, không còn biết đường lối nữa. Đương lúc đau khổ, lại thêm đói khát, cầu sống cũng khó, mà mong chết cũng không được. Cứ thế lặn mò đi mãi. Một ngày kia, đến nước của Vua Lợi Sư Bạt. Vua Lợi Sư Bạt trước đã hứa với Vua Ba La Nại sẽ gả con cho Thiện Hữu Thái tử.

Vua Lợi Sư Bạt mượn một người chăn bò tên là Lưu Chinh để chăn dắt một đàn bò gồm năm trăm con. Hôm ấy, vì quá mỏi mệt, lại không thấy lối đi, nên Thiện Hữu Thái tử mới ngồi xuống giữa đường. Lúc đó, đàn bò giành nhau chạy tới, con đầu đàn liền đứng lại, án ngang Thiện Hữu khiến cho những con khác không thể dẫm phải. Sau khi đàn bò qua hết con đầu đàn mới đi. Nhưng nó

đi được vài bước lại quay đầu trở lại, rồi lấy lưới liếm hai mắt của Thái tử để nhỏ hai thanh trúc nhọn ra.

Bấy giờ, người chăn bò từ phía sau đi tới, thấy Thiên Hữu ngồi giữa đường, hỏi rằng:

Ông là ai?

Thiên Hữu tự nghĩ: “Nếu ta thuật lại tất cả các việc đã xảy ra, thì chắc chắn em ta sẽ bị khổ.” Nghĩ xong, liền trả lời người chăn bò:

-Tôi là một kẻ mù lòa, đi ăn xin.

Nhưng người chăn bò thấy kẻ ăn mày có một tướng mạo khác thường mới bảo rằng:

-Nhà tôi gần, mời ông hãy vào, tôi xin cấp dưỡng.

Rồi người chăn bò đưa Thiên Hữu về nhà, sắp các thức ăn uống đầy đủ và dặn mọi người trong nhà rằng:

-Các người hãy săn sóc, hầu hạ người này cũng như săn sóc ta vậy.

Cứ như thế, được hơn một tháng thì người nhà bắt đầu chán ngán và nói với nhau rằng: Nhà mình không được dư dật, làm thế nào có thể cung phụng người mù này mãi được.”

Nghe những lời nói ấy, Thiên Hữu thấy lòng buồn bã, thao thức suốt đêm, đến sáng hôm sau, liền nói với người chủ nhà (người chăn bò):

-Nay tôi muốn đi.

Người chăn bò hỏi:

-Có điều gì không được vừa ý, mà ông muốn đi.

Thiên Hữu trả lời:

-Không có điều gì cả, vì thực tình tôi không dám làm phiền ông mãi. Nếu ông có lòng thương tôi, xin ông làm ơn cho tôi một cây đàn tranh, rồi đưa tôi đến một thành, ấp, hoặc thôn, xã có đông dân cư để tôi lần hồi kiếm ăn.

Người chủ nhà đành phải theo ý muốn của Thiên Hữu và sau khi đã mua cho Thiên Hữu một cây đàn tranh, dắt Thiên Hữu đến thành Vua Lợi Sư Bạt, nơi nhiều dân chúng nhất, rồi trở về nhà.

Thiện Hữu có tài gảy đàn tranh âm thanh trầm bổng, du dương làm cho ai nghe cũng phải say mê, ngây ngất. Do đó tất cả mọi người kể ít người nhiều gom góp để cung cấp cho Thiện Hữu đầy đủ cơm ăn áo mặc, không phải đói rách. Không những thế, mà Thiện Hữu lại còn dư dật để cấp dưỡng cho năm trăm hành khất trên khắp các nẻo đường trong thành Vua Lợi Sư Lạ đều được no đủ.

Nhà Vua có một khoảng vườn trái cây rất xanh tốt, thường bị chim chóc phá tán. Người coi vườn mới bảo Thiện Hữu rằng:

-Nếu ông vui lòng đuổi chim chóc cho tôi, tôi sẽ cung dưỡng ông đầy đủ.

-Tôi là người mù, làm sao đuổi chim chóc được?

Người coi vườn nói:

-Tôi đã có cách. Tôi sẽ buộc những chiếc khánh nhỏ vào lưới, rồi giăng lên ngọn cây, ông ngồi dưới gốc cây, khi nào nghe tiếng chim kêu, thì ông chỉ việc giật những đầu dây là đủ.

Thiện Hữu trả lời:

-Như thế thì tôi có thể làm được.

Rồi người coi vườn dắt Thiện Hữu đến ngồi dưới gốc cây, dặn dò rồi đi. Trong khi ngồi rồi, Thiện Hữu lấy đàn dạo chơi, cho khuây khỏa. Lúc đó con gái Vua Lợi Sư Bạt cùng các thị tỳ vào vườn thưởng ngoạn. Nghe tiếng đàn vắng vắng, Công chúa nhìn về phía gốc cây thì thấy một người mù. Công chúa đến nơi hỏi rằng:

-Ông là ai?

Thiện Hữu trả lời:

-Tôi là một kẻ hành khất mù lòa.

Công chúa nghe rồi, sinh lòng thương mến, không muốn xa lìa. Vua sai người ra tìm, nhưng Công chúa nhất định không về, lại bảo thị tỳ:

-Hãy về mang cơm ra đây cho ta.

Người hầu đem cơm đến, Công chúa cùng người mù ăn uống xong, rồi về tâu Vua rằng:

-Xin Phụ vương cho con được chung sống với người mù này, cho được mãn nguyện của con.

Vua Lợi Sư Bạt nói:

-Con là người điên hay bị ma làm hay sao mà lại đi sống chung với một người mù? Con không biết rằng trước đây cha mẹ đã hứa gả con cho Thái tử Thiện Hữu, con Vua Ba La Nại sao? Hiện nay Thiện Hữu xuống biển tìm châu chưa về mà con lại đòi làm vợ người mù là lẽ gì?

Công chúa trả lời:

-Mặc dầu thế, nhưng ta chết thì thôi, chứ con nhất định không thể xa lìa được.

Nghe con nói một cách quả quyết như thế, nhà Vua cũng không dám làm trái ý con, đành phải sai người đưa người mù về một căn phòng vắng vẻ rồi đóng cửa lại. Lúc đó Công chúa mới đến chỗ người mù, nói rằng:

-Chàng biết không, nay thiếp muốn cùng chàng kết nghĩa vợ chồng?

Thiện Hữu nói:

-Nàng là con gái nhà ai mà muốn cùng tôi kết duyên chồng vợ?

Công chúa trả lời:

-Thiếp là con Vua Lợi Sư Bạt.

Thiện Hữu nói:

-Nàng là Công chúa con Vua mà tôi chỉ là một kẻ hành khất mù lòa, làm sao ăn ở với nhau được?

Công chúa trả lời:

-Thiếp sẽ hết lòng cung kính và phụng dưỡng chàng, không dám trái ý.

Sau khi sống chung với nhau được ba tháng, một hôm, Công chúa có việc cần phải đi mà không chồng biết, mãi đến chiều mới về. Khi đến nhà, Thiện Hữu trách:

-Nàng lén lút ra ngoài mà không cho tôi biết. Đi mãi đến giờ mới về?

Công chúa trả lời:

-Thiếp không lén lút.

Thiện Hữu nói:

-Lén lút hay không, ai mà biết được.

Công chúa buồn rầu, khóc lóc sụt sùi, mới thề nguyện rằng:

-Nếu Thiếp có hành động lén lút thật, thì xin cho hai mắt chàng cứ mù như thế mãi, bằng không thì xin cho một mắt của chàng trở lại sáng suốt như xưa.

Vừa thề nguyện xong, thì một mắt của Thiện Hữu bỗng chớp chớp rồi mở bừng như xưa, xanh biếc, sáng quắc, như một vì sao lấp lánh giữa khoảng trời xanh! Bấy giờ được thấy Công chúa. Công chúa mới hỏi:

-Thế nào, chàng có tin thiếp không?

Thiện Hữu mỉm cười, Công chúa nói tiếp:

-Chàng thật là vô ơn. Thiếp là con gái của một vị Đại vương mà chàng chỉ là một người hèn hạ, thiếp đã hết lòng phụng sự mà chàng không tin thiếp.

Thiện Hữu nói:

-Nàng không biết tôi là ai?

-Chàng là một người hành khất, chứ còn ai? Công chúa trả lời.

-Không phải. Tôi là Thiện Hữu Thái tử, con Vua Ba La Nại.

Công chúa nói

-Chàng thật ngu si, điên dại, sao chàng dám nói như thế?

Thiện Hữu Thái tử, con Vua Ba La Nại xuống biển tìm châu chưa về, chàng dám nhận mình là Thiện Hữu, ăn nói càn dỡ thiếp không tin được.

Thiện Hữu nói:

-Tôi từ thuở nhỏ đến giờ, chưa từng nói dối.

Công chúa nói:

-Dù thật hay dối, ai mà tin được.

Thiện Hữu nói:

-Nếu tôi nói dối nàng thì còn một mắt tôi cứ mù mãi mãi, nhược bằng tôi nói thật thì khiến cho mắt đó bình phục lại như trước cho nàng chứng kiến lời nói của tôi.

Vừa nói dứt lời, thì mắt kia của Thiện Hữu trở lại sáng suốt như xưa, không khác. Khi hai mắt Thiện Hữu bình phục thì diện mạo sáng suốt, thân hình đầy đủ, đẹp đẽ tuyệt vời, không ai sánh kịp. Công chúa thấy thế, lòng sinh vui mừng, như thấy Hiền Thánh, nhìn khắp thân thể mắt không muốn chớp, vội vàng vào cung tâu với Phụ vương:

-Tâu Phụ vương, chồng con đây chính là Thiện Hữu.

Vua nói:

-Người là người si mê, điên cuồng, bị ma quỷ ám ảnh nên mới dám nói thế. Thiện Hữu Thái tử xuống biển tìm châu chưa về, nay người lại nhận kẻ hành khất kia là Thái tử.

Công chúa trả lời:

-Tâu Phụ vương, con không dám nói dối. Xin Phụ vương hãy dời gót ngọc đến xem.

Nghe con mình nói chắc như thế, nhà Vua cũng muốn ra xem coi thực hư thế nào. Quả nhiên, khi nhìn thấy, nhà Vua nhận ngay ra Thiện Hữu Thái tử. Lòng thấy bồi rối, nhà Vua tự nghĩ: “Nếu Vua Ba La Nại được biết chuyện này, sẽ trách ta không ít.” Nghĩ rồi liền xin lỗi Thiện Hữu Thái tử, nói rằng:

-Quả thật Trẫm không biết.

Thái tử Thiện Hữu nói:

-Xin Phụ vương hãy vì con mà ban thưởng cho người chăn bò.

Vua Lợi Sư Bạt liền lấy vàng bạc, lương thực và y phục thưởng cho người chăn bò và cho luôn cả năm trăm con bò. Người chăn bò mừng rỡ và khen ngợi không xiết. Lại tự nghĩ rằng: “Ân nghĩa của ta đối với Thiện Hữu Thái tử không đáng bao nhiêu mà Thái tử đền đáp trọng hậu như thế này, thật ta không xứng đáng!” Nghĩ rồi, đứng giữa công chúng mà nói to lên rằng:

-“Ồ đời, hễ gieo nhân thì hưởng quả. Mà cái quả báo của sự bố thí thật lớn lao không thể nghĩ bàn.



Lúc đó không biết bao nhiêu người thấy thế lòng sinh vui mừng, sung sướng và đều phát tâm bồ thí để cứu khổ hết thảy, cầu chứng đạo quả thành Phật.

Bấy giờ trên hư không, các Thiên thần khen ngợi và tán thán đại chúng mà nói rằng:

-Quý hóa thay! Quý hóa thay! Đúng như vậy!

Lại nói về Thiện Hữu Thái tử, khi chưa xuống biển tìm châu, lúc ở trong cung có nuôi một trăm con chim nhạn. Thái tử rất quý chúng và tự tay cho chúng ăn uống. Một hôm Mẫu hậu đến chỗ chim nhạn và nói với chúng rằng:

-Khi Thái tử còn ở nhà, thường thương yêu chăm sóc các người nay Thái tử xuống biển chưa về, không biết sống chết thế nào, vậy các người có thương nhớ Thái tử không?

Nghe Mẫu hậu nói, đàn chim nhạn cất tiếng kêu ai oán, thảm sầu, rồi làm ra hiệu như muốn được đi tìm Thái tử. Bấy giờ Mẫu hậu viết thư buộc vào cổ chim nhạn. Nhạn vỗ cánh tung bay, lượn trên không một vòng qua cung điện, rồi nhắm thẳng phía biển bay đi. Mẫu hậu thấy thế, sinh lòng tin tưởng, chắc chắn phen này sẽ được biết tin tức con mình, sống chết ra sao.

Chim bay ra biển, tìm khắp đó đây, không thấy Thái tử, mới quay trở về đất liền. Khi bay qua nước Vua Lợi Sư Bạt, thì xa xa trông thấy Thái tử đang ngồi ở trước cung điện nhà Vua. Chim liền đáp xuống, đến trước Thái tử, líu lo vui mừng. Thái tử cầm lấy phong thư, cung kính mở ra, đọc xong mới biết, Phụ vương và Mẫu hậu đêm ngày than khóc, nhớ thương Thái tử, đến nỗi hai mắt mờ đi. Đoạn Thái tử viết thư thuật lại cho Phụ vương bà Mẫu hậu biết tất cả những sự việc xảy ra, rồi lại buộc vào cổ chim nhạn, khiến đem về dâng cho Phụ vương và Mẫu hậu. Chim nhạn sung sướng băng mình theo gió, không bao lâu đã về đến nước Ba La Nại.

Phụ vương và Mẫu hậu được thư của Thái tử, vui mừng khôn xiết. Xem thư xong, mới biết Thái tử bị em là Ác Hữu hãm hại để đoạt lấy ngọc Ma Ni Bảo Châu. Trong cơn đau đớn, khổ não, nhà Vua liền hạ lệnh bắt Ác Hữu Thái tử, gông cùm, rồi giam vào ngục tối. Đoạn sai sứ sang nói với Vua Lợi Sư Bạt rằng:

-Sao Bệ hạ cứ giữ Thái tử khiến chúng tôi phải buồn khổ?

Bấy giờ Vua Lợi Sư Bạt vội vàng cho người sắp đặt xe ngựa, và hành trang, rồi cử một đoàn hộ tống, kéo cờ xí, nổi âm nhạc mà tiễn đưa Thái tử và Công chúa về nước Ba La Nại.

Được biết tin Thái tử trở về, Phụ vương và Mẫu hậu vô cùng sung sướng, cưỡi voi lớn, khởi ca nhạc, đốt trầm hương, treo cờ xí, ra tận ngoài xa mà đón rước Thái tử. Nhân dân trong nước, lớn, bé, già trẻ, nghe tin Thái tử trở về bình an, vui mừng khôn xiết, cùng ra đón rước.

Khi đến nơi Thiện Hữu Thái tử đến trước cha mẹ, cúi đầu đĩnh lễ Phụ vương và Mẫu hậu, vì mắt đã mờ, không trông rõ hình dung của Thái tử, bèn lấy tay sờ người Thái tử hỏi rằng:

-Người có phải là con ta Thiện Hữu Thái tử không? Cha mẹ thương nhớ con và lo buồn quá mới đến nỗi thế này.

Thiện Hữu Thái tử làm lễ, thăm hỏi cha mẹ xong, mới quay lại cảm tạ các quân thần và nhân dân trong nước, rồi cho họ giải tán.

Bấy giờ Thiện Hữu Thái tử tâu Phụ vương rằng:

-Em con là Ác Hữu hiện giờ ở đâu?

-Con không nên nhắc đến con người độc ác ấy nữa. Hiện nay nó đang bị giam trong ngục tối, không thể buông tha được. Vua trả lời với Thái tử Thiện Hữu.

Thiện Hữu Thái tử nói:

-Xin Phụ vương hãy phóng thích Ác Hữu cho anh em con được gặp nhau.

Thiện Hữu xin Vua ba bốn lần, Vua mới bằng lòng cho mở cửa ngục và đưa Ác Hữu tới. Lúc đó Ác Hữu, tay chân bị xiềng xích, cổ phải mang gông, đến gặp Thiện Hữu. Thiện Hữu thấy thế, liền xin cha mẹ cho phép được tháo gông cùm, xiềng xích cho em, rồi ôm lấy Ác Hữu dùng lời thân mật, thương yêu mà hỏi rằng:

-Em có mệt nhọc lắm không? Em đã mang hộ viên ngọc Bảo Châu về cho anh, hiện giờ em để ở đâu?

Hỏi như thế đến ba lần, Ác Hữu mới nói:

-Chôn ở trong vườn ấy.

Thiện Hữu Thái tử sai người ra vườn đào lấy viên ngọc, rồi đến trước cha mẹ, quỳ xuống, thắp hương và chú nguyện rằng:

-Nếu ngọc này nếu thật là Như ý bảo châu, hãy làm cho hai mắt cha mẹ ta trở lại sáng suốt như xưa.

Vừa nói chú nguyện xong, thì mắt của nhà Vua và Hoàng hậu bình phục. Lúc đó cha mẹ được nhìn thấy mặt con, lòng thấy vô cùng sung sướng, xiết nỗi vui mừng.

Sáng sớm hôm sau, nhằm ngày mười lăm, Thiện Hữu Thái tử tắm gội sạch sẽ, thay y phục mới, lên trên lầu cao, thắp hương lễ bái viên ngọc Như ý bảo châu mà phát nguyện rằng:

-Ta vì hết thấy chúng sinh ở cõi Diêm Phù Đề, đã phải chịu bao nhiêu tân khổ mới cầu được viên ngọc Bảo châu này. Ta nguyện rằng: Hết thấy chúng sinh, nhờ ngọc Bảo châu này, từ nay không còn phải thiếu thốn, khổ sở nữa, đều được đầy đủ yên vui.

Bấy giờ một cơn gió lớn từ phương Đông thổi đến, đánh tan mây mù, bầu trời trở nên quang đãng, sáng sủa; tất cả những vật như bản, rác rưởi hôi thối ở cõi Diêm Phù Đề đều cùng tan biến, theo làn gió cuốn. Rồi nhờ sức nhiệm mầu của viên ngọc Ma Ni Bảo Châu, một trận mưa trút xuống khắp cõi Diêm Phù Đề. Tất cả các sông ngòi, ao, hồ, hào, rạch, đều tràn ngập thóc gạo, và các thức mỹ vị thơm ngon. Sau lại mưa xuống các thứ y phục thượng hảo và khuyên vàng, vòng xuyên. Sau cùng mưa xuống vàng bạc, bảo báu, và các nhạc cụ. Nói tóm lại, hết thấy những thứ chúng sinh cần dùng, đều được sung túc.

Bồ Tát vì phát tâm đại từ bi, tu hạnh bố thí, cấp dưỡng hết thấy chúng sinh, khiến cho đều được đầy đủ yên vui, là như thế đó.

Phật bảo Ngài A Nan:

-Vua Ba La Nại bấy giờ là Phụ vương của ta; Mẫu hậu bấy giờ, nay là Thân mẫu ta, Ma Gia phu nhân, Ác Hữu Thái tử nay là Đề Bà Đạt Đa, còn Thiện Hữu Thái tử nay chính là ta, Thích Ca Như Lai vậy. Nay ông A Nan! Ở kiếp quá khứ, Đề Bà Đạt Đa thường mang ác tâm hại ta như thế, mà ta vẫn lấy lòng từ bi nhẫn nhục, cứu khổ ban ơn, phương chi ngày nay ta đã thành Phật.

Khi Phật nói pháp này, có trăm nghìn người chứng được quả Tu Đà Hoàn cho đến quả A La Hán. Lại có trăm nghìn người phát tâm A Nậu Đa La Tam Niệm Tam Bồ Đề, cho đến vô lượng trăm nghìn chúng sinh đều phát tâm Thanh Văn và Tâm Bích Chi Phật.

Bấy giờ Ngài A Nan bạch Phật rằng:

-Bạch Thế Tôn, kinh này nên gọi là gì? Và chúng con phải phụng trì như thế nào?

Phật nói:

-Kinh này gọi là: Kinh Phật Báo Ân Phương Tiện Cấp Túc Nhất Thiết Chúng Sinh.

Đại chúng nghe Phật nói rồi, vui mừng làm lễ lui ra.

---o0o---

Lại nữa, Đề Bà Đạt Đa tuy được theo Phật xuất gia, nhưng lòng ghen ghét sâu nặng, chỉ cầu danh lợi, nên dù có đọc tụng rất nhiều kinh điển, nhưng cũng không thoát được tội khổ trong địa ngục A Tỳ. Đề Bà Đạt Đa kết bạn thân với Thái tử A Xà Thế, hai người rất thương yêu và tin cậy nhau. Một hôm, Đề Bà Đạt Đa bảo Thái tử A Xà Thế:

-Anh hãy lên làm Vua đi, và tôi sẽ làm Phật.

-Việc đó không thể được vì Vua cha hãy còn.

-Anh phải tìm cách giết Vua cha và tôi sẽ toan mưu hại Phật, rồi sau, anh lên làm tân Vương, tôi sẽ làm tân Phật, cùng chung giáo hóa chúng sinh, thế có khoái không?

Thái tử A Xà Thế nghe lời xúi dục của Đề Bà Đạt Đa, mới về giết cha, rồi lên làm Vua nước Ma Kiệt Đà.

Bấy giờ Đề Bà Đạt Đa nói với Vua A Xà Thế rằng:

-Nay tôi muốn giết Phật để lên làm Phật.

-Phật có nhiều thần thông, biết trước việc chúng ta đã nghĩ gì rồi, vậy làm thế nào giết được? Hơn nữa, Phật còn có các vị đại đệ tử ở bên cạnh như: Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên và A Nâu Lô Đà v.v...

-Đại vương hãy cố giúp tôi.

Thái tử A Xà Thế nói:

-Giúp bằng cách nào?

Đề Bà Đạt Đa trả lời:

-Đại vương phải ra lệnh cấm, không ai được cúng dàng thức ăn áo mặc cho các Tỷ Khưu.

Lúc đó A Xà Thế vương truyền lệnh rằng:

-Nếu ai cúng dàng thức ăn áo mặc cho các Tỷ Khuru, sẽ bị chặt chân tay.

Khi ấy Phật và các đệ tử đang ở trong núi Kỳ Xà Quật. Sau khi lệnh nhà Vua được tuyên đi, không ai dám cúng dàng Phật, cho nên Phật và các vị đệ tử đi khát thực đều trở về không, cứ như thế cho đến bảy ngày. Lúc đó Ngài Xá Lợi Phất, và các vị đại đệ tử phải dùng thần thông, đến các phương khác để khát thực. Bảy giờ Đề Bà Đạt Đa nói với Vua A Xà Thế rằng:

-Nay các đại đệ tử Phật đều đi vắng, chỉ có một mình Như Lai ở nhà, Đại vương hãy cho người đến thỉnh Phật vào cung cúng trai. Một mặt cho năm trăm con voi đen hung dữ uống rượu thật say, nếu Phật nhận lời mời mà vào thành, lúc đó thả đàn voi say ra cho chúng giày chết.

A Xà Thế vương nghe theo kế ấy, liền cho người đến thỉnh Như Lai. Phật nhận lời mời của nhà Vua rồi cùng năm trăm vị La Hán tiếng vào thành Vương Xá. Lúc đó A Xà Thế sai thả năm trăm con voi say ra, chúng hung hăng xông đột, thoi thì cây gãy, tường xiêu, cát tiếng gàn thét, nhắm thẳng phía Như Lai mà chạy tới. Khi ấy năm trăm vị La Hán sợ hãi quá bèn bay lên hư không, quyen quanh phía trên Phật, còn A Nan thì bám chặt lấy Như Lai, lo sợ không thể nào được. Như Lai liền vận dụng sức từ bi, giơ tay phải lên, rồi từ năm đầu ngón tay, phóng ra năm con sư tử lớn, há miệng gầm rống, năm trăm con voi say, kinh hoàng, ngã vật ra đất.

Bảy giờ đại chúng vây quanh Như Lai, tiến vào cung. Vua A Xà Thế vương liền ra đón rước, thỉnh Phật an tọa, rồi cầu xin sám hối, mà bạch Phật rằng:

-Bạch Thế Tôn! Đó không phải lỗi tại tôi, mà chính tại Đề Bà Đạt Đa vậy.

Phật nói:

-Đại vương, tôi cũng biết thế, không những ở kiếp này Đề Bà Đạt Đa cũng thường mang ác tâm hủy hại tôi, nhưng nhờ sức từ bi, tôi đều được an toàn.

A Xà Thế vương chấp tay bạch Phật rằng:

-Bạch Thế Tôn, trong kiếp quá khứ, Đề Bà Đạt Đa hủy hại Như Lai, việc đó như thế nào?

Phật bảo A Xà Thế:

-Hãy nghe cho kỹ! Tôi sẽ vì Đại vương mà nói rõ việc ấy. Cách đây không biết bao nhiêu kiếp, có một ông Vua chỉ thích ăn thịt chim nhạn. Nhà Vua sai một người chuyên đi thả lưới bắt chim. Lúc ấy, một đàn năm trăm chim nhạn từ

phương Bắc bay qua phía Nam, con đầu đàn rúi ro sa lưới. Người đánh bẫy vui mừng, từ trong khóm lá chạy ra vồ lấy con nhạn. Khi đó một con nhạn khác, kêu than thảm thiết, quanh quẩn không bay đi. Người đánh bẫy liền giương cung bắn, không những không sợ cung tên, mà con nhạn ấy còn đáp xuống rồi lăn vào con nhạn đầu đàn. Còn bầy nhạn trên không cũng bồi hồi lui tới, nhất định không bay đi. Người đánh bẫy thấy con nhạn kêu than thảm thiết, miệng trào ra máu, mới tự nghĩ rằng: “Loài chim muôn mà còn biết thương mến nhau, đến nỗi không tiếc thân mệnh như thế này, sao ta lại có thể nhẫn tâm giết hại chúng được?” Nghĩ như thế rồi, liền mở lưới thả chim nhạn ra. Sau khi được thả, hai con nhạn cất tiếng kêu vui mừng, vỗ cánh bay lên, rồi cùng với bầy nhạn trên không, quẩn quít lấy nhau mà bay đi.

Bấy giờ người đánh bẫy về tâu Vua rằng:

-Tâu Bệ hạ! Hôn nay thần bẫy được một con nhạn đầu đàn, lẽ phải đem về dâng Bệ hạ, nhưng một con nhạn khác, kêu than thảm thiết, đến trào máu miệng, không sợ cung tên, bồi hồi không đi. Thần thấy cảnh ấy, mủi lòng, thương xót, liền thả chúng ra. Khi được thả ra, nhạn liền ca hát vui mừng, rồi cùng bầy nhạn, quẩn quện với nhau mà bay đi.

Nghe xong, nhà Vua tỏ vẻ buồn thảm, tự nghĩ: “Loài chim thú mà còn biết thương yêu, che chở nhau như thế.”

Nghĩ rồi, liền phát từ tâm và từ đó nhà Vua thề không ăn thịt nhạn và không sai bắt chim nữa.

Đại vương nên biết, nhà Vua bấy giờ, nay chính là Đại vương vậy; người bẫy chim bấy giờ, nay là Đề Bà Đạt Đa; con nhạn kêu thương thảm thiết đến trào máu miệng, nay là A Nan; bầy nhạn trên không nay là năm trăm vị La Hán, còn con nhạn đầu đàn bấy giờ chính là thân Như Lai vậy. Hôm nay đây, A Nan thấy lòng thường xót, lưu luyện Như Lai cũng như xưa, không khác, còn năm trăm vị La Hán bay lên hư không cũng như này nhạn xưa vậy. Đề Bà Đạt Đa lúc nào cũng muốn làm hại Như Lai, nhưng nhờ sức từ bi, Như Lai thường được an ổn.

Khi Phật nói pháp ấy, thì trăm nghìn người chứng quả Tu Đà Hoàn cho đến quả A La Hán, hoặc phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác. Cho đến tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật.

---o0o---

Lại nữa, Đề Bà Đạt Đa ác tâm không dứt, chỉ muốn tìm cách hại Phật, mới tự nghĩ rằng; “Nay ta phải nuôi móng tay cho dài, khiến cho thật sắc, lấy thuốc độc nhét vào trong, rồi đến chỗ Như Lai, giả vờ vào lễ chân Phật, lúc đó dùng

mười móng tay cào cấu chân Phật, cho thuốc độc ngấm vào thì chắc Phật phải chết.”

Nghĩ xong, Đề Bà Đạt Đa nhất định làm theo kế ấy. Ít lâu sau Đề Bà Đạt Đa đến chỗ Như Lai, vào lễ chân Phật, rồi cào cấu thật mạnh, nhưng thuốc độc biến thành cam lồ, nên thân Như Lai không hề đau đớn.

Lại nữa Đề Bà Đạt Đa vẫn chưa toại nguyện, rồi lại tự nghĩ: “Hôm nay Như Lai đang ngồi dưới chân núi Kỳ Xà Quật, ta hãy lên đỉnh núi, lấy một tảng đá lăn xuống để giết Phật.” Nghĩ xong liền lên đỉnh núi, lăn đá xuống làm cho ngón chân Như Lai bị thương, nhưng ta lấy lòng từ bi, coi kẻ oán, người thân đều bình đẳng.

Lại nữa, ở đời quá khứ xa xưa, cách đây không biết bao nhiêu kiếp, bây giờ có một vị Phật ra đời, hiệu là Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiên Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Sau khi Đức Phật ấy nhập diệt, trong đời tượng pháp, có một vị Tỷ Khưu, ngồi thiền định một mình trong rừng. Tỷ Khưu thường có con rắn, sợ nó xúc não trong khi ngồi thiền, mới giao ước với rắn rằng:

-Lúc ta ngồi thiền, ngươi phải lặng lẽ, nằm yên một chỗ, không được xúc não.

Con rắn tuân theo. Một lúc sau có con vắt đến bên, hỏi con rắn rằng:

-Sao mà thân thể chú béo tốt thế kia?

Rắn đáp:

-Tôi sống nhờ ông chủ đây, thường tu thiền định, và bảo tôi ăn uống có giờ giấc, tôi làm theo, nên thân thể mới được béo tốt, đẹp đẽ như thế này.

-Tôi cũng muốn làm theo chú, có được không?

-Tùy ý bác.

Thế là con vắt bám chặt lấy vị Tỷ Khưu đang ngồi thiền mà hút máu. Lúc đó vị Tỷ Khưu thấy lòng phiền não, liền cởi áo ra và đốt ngay đi.

Phật nói:

-Vị Tỷ khưu tọa thiền bấy giờ nay là Đại Ca Diếp, con vắt này là Đề Bà Đạt Đa, còn con rắn này là thân ta vậy.

Xưa kia, vì lợi dưỡng mà Đề Bà Đạt Đa muốn làm hại ta, cho đến ngày nay ta đã thành Phật, cũng vì ham danh lợi, mà Đề Bà Đạt Đa làm cho thân Phật chảy máu, nên mặc dầu đang còn sống mà phải đọa vào địa ngục. Đề Bà Đạt Đa thường mang lòng thâm độc, hủy hại Như Lai, nếu nói cho đầy đủ việc đó, thì cùng kiếp cũng không hết được. Thế mà lúc nào ta cũng đem lòng từ bi, thương xót Đề Bà Đạt Đa, vì chính ta thường gặp Đề Bà Đạt Đa nên mới chóng chứng đạo Bồ Đề. Bởi nhớ trọng ơn ấy nên ta thường đem lòng tha thứ.

Bấy giờ đức Như Lai liền sai A Nan đi đến địa ngục, để thăm hỏi, Đề Bà Đạt Đa xem chịu khổ thế nào. A Nan phụng mệnh ra đi. Khi đến ngoài cửa địa ngục, A Nan nói với viên cai ngục là ngục đầu A Bàn rằng:

-Xin gọi hộ tôi Đề Bà Đạt Đa.

-Ngài muốn hỏi Đề Bà Đạt Đa nào? Chư Phật ở quá khứ đều có Đề Bà Đạt Đa.

-Tôi muốn gọi Đề Bà Đạt Đa của Phật Thích Ca Mâu Ni.

Bấy giờ A Bàn vào báo cho Đề Bà Đạt Đa biết có A Nan đứng ngoài, hiện muốn được gặp. Đề Bà Đạt Đa liền ra và nói với A Nan:

-Mời A Nan hãy vào. Như Lai vẫn còn thương nhớ đến tôi ư?

-Như Lai cho tôi đến hỏi thăm ông có thể chịu được những nỗi thống khổ ở đây không?

-Tôi ở trong địa ngục A Tỳ này, cũng như một vị Tỷ Khưu đã thể nhập được cái thú vui ở cõi trời Tam Thiên.

Phật nói:

-Các bậc đại Bồ Tát, tu các phép Phương tiện để tiếp dắt chúng sinh, thì dù có phải chịu sinh tử và các nỗi thống khổ, cũng không lấy thế làm lo. Nếu ai bảo Đề Bà Đạt Đa thực là kẻ ác nhân, phải đọa địa ngục A Tỳ, thì người đó không hiểu.

Bấy giờ đức Như Lai liền vì đại chúng mà nói rõ cái mật hạnh nhiệm mầu và các phép đại phương tiện, của Đề Bà Đạt Đa. Khi ấy vô lượng trăm nghìn Bồ Tát chứng Vô sinh Pháp nhẫn, vô lượng trăm nghìn người mở lòng Vô thượng Chính đẳng Chính giác và vô lượng trăm nghìn người chứng quả Tu Đà Hoàn cho đến quả A La Hán. Từ trên hư không, Thiên Thần mưa các thứ hoa, rải khắp đại chúng, trời thiên kỹ nhạc, phóng ánh sáng lớn, rồi ca ngợi rằng:



-Quý hóa thay, Đức Như Lai nói Pháp chưa từng có vậy!

Khi ấy hết thầy đại chúng nghe Phật nói Pháp xong, sung sướng vui mừng, rồi cúi đầu làm lễ lui ra.

---o0o---

## Quyển Thứ Năm

### 07. PHẨM TỪ BI THỪ BẢY

Lúc đó đại chúng vây quanh đức Thế Tôn, cúng dàng, cung kính, tôn trọng tán thán. Khi ấy Đức Như Lai vì muốn cứu chúng sinh khỏi cái khổ trong ba cõi, tiêu trừ năm món phiền não và mười điều ràng buộc, khiến hết thầy chúng sinh đều được giải thoát vào cảnh Niết Bàn yên vui nên Ngài mới mở lòng từ bi sâu xa mà chỉ bày hai thứ ruộng phúc: Một là ruộng phúc hữu vi; hai là ruộng phúc vô vi. Ruộng phúc hữu vi là cha mẹ; ruộng phúc vô vi là Sư trưởng, Chư Phật, Pháp, Tăng và các vị Bồ Tát.

Nếu chúng sinh hết lòng phụng dưỡng cúng dàng, sẽ được phúc báo và có thể tiến đến thành đạo Bồ Đề.

Bảy giờ Đức Thế Tôn bảo Ngài Xá Lợi Phất, các vị đại đệ tử và các hàng Bồ Tát rằng: “Các ông nên biết, chẳng bao lâu nữa Như Lai sẽ vào Niết Bàn.” Khi nghe Phật nói như thế, Ngài Xá Lợi Phất cảm thấy thân thể rụng rời, đau đớn như cát, buồn rầu, thương xót quá đến ngất đi và ngã xuống đất.

Người xung quanh lấy nước lạnh rửa mặt cho Ngài, hồi lâu mới tỉnh. Ngài liền đứng dậy, chấp tay, đọc bài kệ ca khen ngợi công đức của Phật rằng:

*Phật như nhạc cõi trời,*

*Nghe không bao giờ chán,*

*Phật sắp nhập Niết Bàn,*

*Hết thầy đều mất lợi.*

*Bể sinh tử năm ngả,*

*Ví như vũng bùn nhơ,*

*Bị ái dục ràng buộc,*

*Ngu si không xa lìa.*

*Kiếp xưa tu chính đạo,  
Bồ thí không phân biệt  
Tì lòng mi phóng quang,  
Soi tỏ không hạn định,  
Mắt tựa ánh trăng rằm,  
Chiếu khắp mười phương cõi,  
Khiến chúng sinh trông thấy,  
Hết thấy đều vui mừng.*

Nói trăm nghìn kệ, tán thán Phật xong, Ngài Xá Lợi Phất cúi đầu lễ chân Đức Thế Tôn, nhiễu quanh trăm nghìn vòng, rồi nói với đại chúng và Thiên Long, Quỷ thần, Nhân, Phi nhân rằng:

“Này các Thiên nam tử! Lạ thay! Cõi thế gian này trở thành hư không, khổ thay! Cõi thế gian này tan biến. Đau đớn thay, cõi thế gian này nguy ngập! Cây cầu diệu pháp, nay sắp hư hoại cây đạo cao tốt, nay sắp gãy nát cột phước diệu bảo, nay sắp nghiền ngã; mặt trời Phật Pháp sắp lặn núi đại Niết Bàn gần ngày sụp đổ!”

Đại chúng nghe rồi, lòng sinh sợ hãi, vô cùng kinh ngạc. Mặt trời mờ xám, núi non nghiêng ngửa, trái đất rung động.

Bấy giờ Ngài Xá Lợi Phất đứng giữa đại chúng, nói bài kệ rằng:

*Tôi thấy thân tướng Phật,  
Như núi vàng chói lợi,  
Tướng đẹp, đủ oai đức  
Danh thơm còn muôn thuở.  
Nên siêng tu tinh tiến,  
Để ra ngoài ba cõi,  
Lựa chọn mọi nghiệp lành,*

## *Niết Bàn vui hơn hết.*

Đọc bài kệ ấy để an ủi đại chúng rồi, Ngài Xá Lợi Phất vận dụng thần thông, bay lên hư không, hóa thành một nghìn voi báu, đứng quỳ gối lấy nhau, hướng một nghìn đầu ra ngoài; mỗi con voi có bảy ngà, trên mỗi ngà có bảy cái ao, trong mỗi ao có bảy bông sen, trên mỗi đài sen có bảy vị hóa Phật, mỗi vị hóa Phật đều có Xá Lợi Phất đứng hầu bên cạnh; mỗi một Xá Lợi Phất phóng ra những luồng ánh sáng lớn, chiếu khắp mười phương vô lượng thế giới để chiêu tập những chúng sinh có duyên với Phật pháp.

Khi những chúng sinh đó đến rồi, Ngài Xá Lợi Phất lại hiện ra thân lớn, chập cỗi hư không, sau lại biến thân nhỏ lại mà nhảy xuống đất; hoặc lửa trong thân bốc cháy bùng bùng, hoặc nước trong mình phun ra cuộn cuộn, tràn ngập hư không.

Sau khi đã hiện trăm nghìn vô số các thứ thần biến như thế, Ngài từ trên hư không xuống, đến chỗ đại chúng, thuyết pháp để chỉ dạy những điều lợi ích, yên vui, khiến cho vô lượng chúng sinh mở lòng Bồ Đề.

Lại có trăm nghìn người chứng được quả Tu Đà Hoàn cho đến đạo A La Hán và hàng ức triệu người phát tâm Thanh Văn và tâm Bích Chi Phật.

Sau khi làm những việc lợi ích ấy rồi, Ngài Xá Lợi Phất nói với đại chúng rằng: “Tôi sẽ không thể yên lòng mà nhìn Đức Như Lai vào Niết Bàn.” Nói xong liền bay lên hư không và dùng lửa thần thông, tự đốt cháy mình mà chứng nhập Niết Bàn trước.

Khi ấy đại chúng nhìn Ngài Xá Lợi Phất, mắt không muốn chớp, lòng sinh thương tiếc, vật vã khóc than, mặt trời lu mờ, trái đất chuyển động. Rồi trăm nghìn đại chúng, thu lượm Xá lợi, xây tháp cúng dàng, vây quanh Ngài Xá Lợi Phất, đau khổ, sầu thương, lòng sinh mê man, quên mất chính niệm.

Lúc bấy giờ Đức Như Lai dùng sức từ bi hóa làm Xá Lợi Phất đứng giữa đại chúng. Thấy thế, mọi người đều cùng vui mừng, những nỗi buồn khổ tiêu tan, và hết thảy phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Lúc đó, Ngài A Nan, nhờ thần lực của Phật, biết rõ trong lòng mọi người đều có chỗ ngờ vực, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa lại áo để hở vai bên phải, đầu gối bên phải quỳ sát đất, chấp tay cung kính mà bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, tại sao Ngài Xá Lợi Phất lại vội vàng nhập diệt trước Đức thế tôn, khiến cho đại chúng buồn rầu, đau khổ như vậy?”

Phật bảo Ngài A Nan và đại chúng rằng: “Chẳng những ngày nay ông Xá Lợi Phất mới nhập diệt trước Như Lai, mà ở những kiếp quá khứ xa xưa cũng không nở thấy thấy ta nhập diệt trước”.

Ngài A Nan bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, trong những kiếp quá khứ Ngài Xá lợi Phất đều nhập diệt trước Đức Phật, vậy việc đó như thế nào, xin Đức Thế Tôn nói cho chúng con rõ.”

Phật bảo Ngài A Nan: Ông hãy nghe cho kỹ:

Cách đây một A tăng kỳ kiếp, bấy giờ có nước gọi là Ba La Nại, Vua nước ấy tên là Đại Quang Minh, làm bá chủ sáu mươi tiểu quốc và tám trăm thôn xã. Vua Đại Quang Minh vốn có từ tâm, bố thí hết thảy, không trái ý người.

Cùng thời ấy, có một ông Vua nhỏ ở nước láng giềng thường mang lòng oán ghét.

Vua Đại Quang Minh, hàng tháng cứ đến ngày trai, dùng năm trăm con voi, chở các thứ châu báu của cải, áo mặc, thức ăn đến một cái chợ lớn và ngoài bốn cửa thành để bố thí cho mọi người.

Bấy giờ những nước thù địch và những kẻ oán ghét thấy Vua Đại Quang Minh bố thí tất cả, không trái ý người, liền đua nhau đến lấy các thức ăn, áo mặc, vàng bạc, châu báu đem đi.

Khi ấy, ông Vua nhỏ nước láng giềng nghe thấy đức bố thí của Vua Đại Quang Minh, sinh lòng ghen ghét. Ông liền triệu tập quần thần để xem có thể đến nước Ba La Nại xin cái đầu của Vua Đại Quang Minh. Trong đám quần thần không ai dám lãnh sứ mạng đó. Vua lại truyền lệnh, nói rằng: “Nếu người nào dám sang nước Ba La Nại để xin đầu của Vua Đại Quang Minh thì sẽ được thưởng một nghìn cân vàng.”

Lúc ấy có một người Bà La Môn xin đi và xin nhà Vua cấp đủ lương thực cho cuộc hành trình. Nước ấy cách Ba La Nại hơn sáu nghìn dặm, nhà Vua cung cấp đầy đủ hành trang và giục người Bà La Môn lên đường.

Khi người Bà La Môn đến ranh giới nước Ba La Nại, thì đất liền chấn động, chim muông sợ hãi, bỏ chạy tứ tán, mặt trời bị che lấp, mặt trăng thì lu mờ; các vì tinh tú mất vị trí thường, cầu vòng đỏ, đen, trắng, ngày đêm thường hiện sao băng. Tất cả suối, hồ, ao, giếng trong xứ đều cạn; hoa quả, cây cối tốt đẹp xanh tươi đều trở nên khô héo.

Lúc người Bà La Môn đến thành Ba La Nại, đứng ở ngoài cửa, thì thần giữ cửa bảo người canh gác rằng: “Người Bà La Môn đại ác này từ phương xa đến, muốn xin đầu Vua Đại Quang Minh, người chớ cho vào”.

Người Bà La Môn phải ở ngoài cửa thành mất bảy ngày, không thể vào được.

Một hôm, y nói với người gác cửa rằng: “Tôi từ phương xa tới đây, muốn được yết kiến nhà Vua”.

Người gác cửa liền vào tâu Vua: “Tâu Bệ hạ, có một người Bà La Môn từ phương xa đến, muốn được bệ kiến, hiện đang ở ngoài cửa.” Vua nghe thấy thế, tức tốc ra đón tiếp, như con được gặp cha. Vua chào mừng trước rồi, hỏi rằng: “Đường xa xa xôi, nay Ngài mới đến, Ngài có mệt mỏi lắm không?”. Người Bà La Môn đáp:

-“Tôi ở phương xa, nghe thấy công đức nhà Vua, bô thí không trái ý người. Thanh danh của Bệ hạ, xa gần đều ca ngợi, thật không ngoa. Bởi thế không quản đường xa, vượt qua sông núi đến đây, tôi muốn xin Bệ hạ một vật.”

Vua nói:

-Tôi là người sẵn sàng bố thí tất cả, Ngài cần gì, xin cứ cho biết.

Người Bà La Môn nói:

-Thực thế sao? Tôi đến đây chỉ xin cái đầu của Bệ hạ, chớ không cần vật gì khác cả.

Vua nghe nói thế, liền tự nghĩ rằng, từ vô thủy kiếp đến nay, ta đã bỏ bao nhiêu thân mệnh, nhưng chưa từng bao giờ vì pháp vong thân cả; lăn lộn trong vòng sinh tử, uổng công, mệt trí. Nay cái thân này, đã thề cùng chúng sinh, cầu đạo Bồ Đề, nếu mà không cho thì trái với bản nguyện của ta. Nếu không đem cái thân này mà bố thí, thì nhờ duyên gì để chứng được đạo quả Vô thượng Chính đẳng Chính giác?

Tự nghĩ thế rồi, Vua liền nói với người Bà La Môn rằng:

-Được lắm, nhưng hãy cho tôi suy xét một chút để tìm người phó thác ngôi Vua, phu nhân và Thái tử, sau bảy ngày tôi sẽ dâng đầu biểu Ngài.

Bảy giờ, nhà Vua vào cung báo cho các phu nhân biết ý định đó và tìm lời an ủi họ rằng:

“Ồ đời, hết thảy ân ái đều phải có ngày xa lìa, con người có sống thì có chết; sự nghiệp có thành thì có bại, vạn vật tươi thắm trong mùa xuân, như thu, đông thì tàn tạ.”

Phu nhân và Thái tử nghe những lời ấy rồi nghẹn ngào sẽ hỏi nhà Vua rằng:

-Đại vương vì lẽ gì lại nói như vậy?

Vua đáp:

-Có người Bà La Môn từ phương xa đến đây để xin đầu của ta và ta đã hứa cho họ rồi. Phu nhân và Thái tử nghe xong, vật vã than khóc, đầu tóc rối bù, y phục rách nát và tâu Vua rằng:

-Tâu Đại vương, thân mình là vật đáng quý nhất trên đời, tại sao Đại vương lại có thể bỏ cái khó bỏ để đem cho người khác?

Bấy giờ năm trăm vị Đại thần hỏi người Bà La Môn rằng:

-Người dùng cái đầu máu mủ hôi thối này làm gì?

Người Bà La Môn đáp:

-Tôi chỉ cần xin đầu, hỏi tôi làm chi?

-Người đến nước ta, ta phải hỏi, và người phải trả lời.

Khi ấy người Bà La Môn cũng muốn nói thật, nhưng lòng sinh sợ hãi, sợ các Đại thần giết chết. Năm trăm Đại thần bảo người Bà La Môn rằng:

-Người đừng sợ hãi, chúng ta sẽ vì Đại vương mà tha cho người. Người Bà La Môn nghèo hèn kia! Người lấy cái đầu đầy máu mủ để làm gì? Chúng ta mỗi người sẽ làm một cái đầu bằng bảy thứ báu để đổi cho người và cho người tất cả các thứ cần dùng, trong bảy đời, người sẽ không phải thiếu thốn.

Người Bà La Môn nói:

-Tôi không cần dùng các thứ đó.

Bấy giờ các vị Đại thần không được thỏa nguyện, lòng sinh khổ não, cất tiếng than khóc mà tâu Vua rằng:

-Nay Đại vương nhờ nào vì một người Bà La Môn, mà vĩnh viễn xa lìa Tổ quốc, nhân dân, phu nhân và Thái tử?

Nhà Vua nói:

-Nay ta vì các ngươi và hết thầy chúng sinh mà xả thân bố thí. Khi ấy có một Đại thần thấy nhà Vua đã quyết định xả thân bố thí cho người Bà La Môn, liền tự nghĩ rằng: “Ta nay làm sao có thể ngồi nhìn Đại vương bỏ thân mệnh này?”. Nghĩ thế rồi, liền vào một căn phòng vắng vẻ, dùng dao tự sát.

Lúc đó, nhà Vua đi vào vườn sau, gọi người Bà La Môn đến, bảo rằng:

-Ngươi từ phương xa đến để xin đầu ta, ta vì lòng từ bi thương xót ngươi, không làm trái ý ngươi. Ta nguyện đời sau được đầu trí tuệ để bố thí cho các ngươi.

Nói xong, Vua chấp tay lễ bái mười phương, mà nguyện rằng: “Kính lạy chư Phật mười phương, rủ lòng thương xót, chư đại Bồ Tát, uy thần ủng hộ, khiến cho con được thành tựu nguyện này.”

Nguyện rồi, bảo người Bà La Môn cắt đầu. Người Bà La Môn nói:

-Nhà Vua có sức mạnh thế kia, nếu khi đau đớn, không chịu nổi, lại sinh hối hận mà quay lại giết tôi thì sao? Vậy nhà Vua hãy dùng tóc tự quán mình vào cành cây cho tôi cắt đầu.

Nhà Vua nghe nói, sinh lòng thương xót và tự nghĩ: “Người kia già yếu, nếu không cắt được đầu ta, sẽ mất lợi lớn.” Liền theo lời thỉnh cầu, lấy tóc tự trói mình vào cây, rồi bảo người Bà La Môn:

-Ngươi hãy cắt đầu đặt vào tay ta, ta sẽ trao cho ngươi.

Khi ấy, người Bà La Môn, tay cầm dao, tiến lại gốc cây. Tức thời thân cây lấy ngón tay ấn vào đầu người Bà La Môn, người ấy té ngất bất tỉnh.

Lúc đó Vua Đại Quang Minh bảo thân cây rằng: “Sao ông không giúp tôi, lại gây khó khăn để cản trở phép lành?”

Khi thân cây nghe Vua nói thế, lòng thấy khổ não. Vua nói to lên rằng: “Lạ thay! Khổ thay! Bầu trời xanh ngắt mà lại mưa máu, trái đất rung động, mặt trời mờ ám.” Lúc đó người Bà La Môn cắt đầu nhà Vua, đem về nước lãng giềng.

Bảy giờ năm trăm Thái tử và các quần thần, tằm liệm thân tàn của Vua Đại Quang Minh, xây tháp cúng dàng.

Phật bảo Ngài A Nan rằng: “Vị đệ nhất đại thần lúc bấy giờ, thấy Vua Đại Quang Minh đem đầu bố thí, mắt chẳng nhìn. Nên đành tự sát, nay chính là Xá Lợi Phất, còn Vua Đại Quang Minh, nay chính là ta, Thích Ca Như Lai

vậy. Bồ Tát tu tập khổ hạnh như thế, thề vì chúng sinh, nhớ ơn chư Phật, nên được siêu thoát, thành đạo Vô thượng Bồ Đề.

Xá Lợi Phất, được biết Như Lai, sắp vào Niết Bàn, mắt chẳng nữa thấy, bèn nhập diệt trước cũng như xưa kia, chẳng nữa thấy ta, xả thân bố thí, việc đó không khác.

Trong khu vườn ấy, gốc cây kia, ta đã từng bỏ đủ một ngàn cái đầu của ngôi Vua Chuyển Luân để bố thí, chớ đừng nói các kiếp khác, khi không làm Vua, ta cũng đã từng hy sinh cả thân thể, chân tay để bố thí nữa.”

Khi Phật nói đến nhân duyên tu khổ hạnh đó, thì vô lượng trăm nghìn chúng sinh phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác;

Hàng trăm nghìn người được quả Tu Đà Hoàn cho đến quả A La Hán.

Và vô lượng trăm nghìn người phát tâm Thanh Văn, tâm Bích Chi Phật.

Hết thầy đại chúng: Chư thiên, Long, Quỷ thần, Nhân và Phi nhân, nghe Phật thuyết pháp vô cùng sung sướng, liền cúi đầu đảnh lễ mà lui ra.

Bấy giờ ở nước Ma Kiệt Đà có năm trăm tên giặc, thường đón đường cướp phá, hà hiếp kẻ vô có, làm cản trở sự đi lại. Vua Ma Kiệt Đà sai quân đi bắt. Họ lừa chúng vào rừng, đến một nơi hiểm trở và bắt trọn ở cướp, rồi móc mắt, xẻo mũi, cắt tai chúng. Lúc đó, năm trăm tên giặc, thân thể đau đớn, sắp chết đến nơi. Trong số năm trăm người ấy, có một người là đệ tử Phật.

Người này bảo đồng bọn rằng: “Chúng ta chẳng sống được bao lâu nữa, tại sao không chí thành xưng niệm danh hiệu của Phật?” Bấy giờ năm trăm người, đồng thanh hô to lên rằng: “Kính lạy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni!”

Trong khi ấy, thì Phật từ núi Kỳ Xà Quật, dùng sức thần thông đến núi Càn Đà.

Gió lớn nổi lên, rung chuyển cây cối, bụi chiên đàn cuốn lên, mờ mịt hư không. Gió liền thổi đến khu rừng, nơi bọn giặc ngộ nạn, thu nhặt những mắt, mũi, tai v.v... của bọn giặc và làm cho bình phục như cũ.

Khi bọn giặc được hoàn đôi mắt, hết các thương tích, máu biến thành sữa, thì bảo nhau rằng: “Chúng ta nhờ ơn Đức Phật mà thân thể được yên vui.

Nếu muốn báo đền ơn Phật, chúng ta phải mau mau phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác”. Nói xong, tất cả đều đồng thanh hô to lên rằng:



“Những người chưa được yên vui, ta sẽ làm cho được yên vui, những người chưa được giải thoát, ta sẽ khiến cho được giải thoát; những người chưa được độ, ta sẽ độ cho; những người chưa đắc đạo, ta sẽ khiến cho được vào Niết Bàn.”

Lại nữa, những phương tiện từ bi và sức uy thần của Đức Như Lai thật khó nghĩ bàn. Hồi Đức Phật ở nước Xá Vệ, lúc ấy trong núi Quạt Sơn có năm trăm người, thường đón đường cướp phá, làm mọi điều phi pháp.

Bấy giờ Đức Như Lai dùng sức phương tiện, hóa làm một người, cưỡi con voi lớn, mình mặc áo giáp, lưng đeo cung tên, tay cầm giáo nhọn. Con voi trang sức bằng các thứ bảy báu; đồ trang sức của người ấy cũng toàn bằng thất bảo, lộng lẫy, sáng chói; một mình đi vào con đường hiểm trở, đến núi Quạt Sơn. Lúc đó, từ trên núi, năm trăm tên cướp trông thấy người ấy từ đằng xa, liền bảo nhau rằng: “Chúng ta làm giặc đã lâu, chưa từng thấy người nào như thế.” Tên đầu đảng mới hỏi đồng bọn rằng:

-Các anh thấy gì?

-Chúng tôi thấy một người cưỡi con voi lớn, y phục lộng lẫy, yên cương của voi toàn bằng thất bảo, tỏa ra ánh sáng, chiếu rọi trời đất mà lại chỉ có một mình, đang từ đằng xa đi đến. Nếu ta bắt được, thì y phục và đồ tư trang của người ấy dùng đến bảy đời cũng không hết.

Tên đầu đảng nghe xong, lòng sinh vui mừng và khê bảo đồng bọn rằng: “Cẩn thận, chớ bắn vội! Chúng ta hãy từ từ bao vây cả phía trước, phía sau, rồi cùng xông ra một lượt mà bắt.”

Lúc bấy giờ năm trăm người đồng thanh hô to, bảo người kia hãy đứng lại.

Người kia dùng sức từ bi, rủ lòng thương xót, liền giương cung bắn.

Năm trăm tên cướp lần lượt bị tên, thương tích đau nhức, không thể chịu nổi, đều cùng té nhào, lăn lộn kêu khóc, ngời dậy nhỏ tên ra, nhưng tên cứ dính chặt, không sức nào nhỏ nổi. Bọn cướp sợ hãi và nói với nhau rằng: “Hôm nay chúng ta tất phải chết. Từ xưa đến nay chưa gặp người nào mà khó chống cự như người này. Rồi cùng đọc bài kệ hỏi rằng:

*“Ông là người thế nào*

*Có sức chú thuật này,*

*Hiện phép Long, Thần, Quỷ,*

*Một tên bắn năm trăm  
Đau khổ không thể tả.  
Chúng tôi đều quy y,  
Xin vì nhỏ tên độc,  
Thuận theo không dám trái.”*

Bấy giờ người kia liền nói bài kệ đáp rằng:

*“Vết thương không đau mấy,  
Tên bắn chẳng quá mạnh,  
Người khỏe không thể nhỏ.  
Chỉ nghe nhiều là khỏi.”*

Nói kệ xong, người kia liền hiện thân Phật, phóng hào quang lớn, chiếu khắp mười phương. Hết thấy chúng sinh được tẩy ánh sáng đó, thì người mù trở lại sáng, người gù đứng thẳng được, người què được tay chân, kẻ mê lầm được thấy chính đạo. Nói tóm lại mọi sự không vừa ý, đều được toại nguyện.

Khi ấy Đức Như lai thuyết pháp cho năm trăm người nghe, chỉ dạy những điều lợi lạc. Năm trăm người nghe pháp vui mừng, thương tích bình phục, máu trở thành sữa, liền mở lòng Vô thượng Bồ Đề, đồng thanh đọc bài kệ rằng:

*“Chúng ta phát tâm rồi.  
Làm lợi ích chúng sinh.  
Phải nên thương cung kính,  
Thuận theo học chư Phật,  
Nhờ Đức Phật từ bi,  
Cứu khổ, lòng yên vui.  
Nên phải nhớ ơn Phật,  
Bồ Tát và Thiện Hữu*

*Sư trưởng và cha mẹ,  
Cùng mọi loài chúng sinh.  
Oán, thân lòng bình đẳng,  
Ấn đức không có hai.”*

Bấy giờ trên không trung, các trời ở cõi dục và trời Kiều Thi Ca, mưa hoa, tấu nhạc cúng dàng Như Lai đồng thanh đọc kệ rằng:

*Con nhờ phúc đời trước,  
Được sáng sửa nghiêm sức  
Cúng dàng các thứ quý  
Lợi ích cho hết thấy  
Thế Tôn rất khó gặp  
Diệu pháp khó được nghe.  
Nhờ vun trồng cõi phúc  
Nay được gặp Như Lai  
Chúng con nhớ ơn Phật,  
Đều cùng phát đạo tâm.  
Con nay được thấy Phật  
Nếu có nghiệp thiện gì  
Xin vì mọi chúng sinh  
Hồi hướng đạo Vô thượng.*

Nói kệ xong, các vị trời đi nhiễu quanh Phật trăm nghìn vòng, cúi đầu lễ Phật rồi bay lên hư không, biến đi.

Lại nữa, sức từ bi, phương tiện của Đức Như Lai thật khó nghĩ bàn. Một lần, tại nước Tỳ Giá Ly, có người Bà La Môn, chấp theo tà kiến tham đắm kiêu

căng. Ngài Xá Lợi Phất và Đại Mục Kiền Liên đến nhà nói pháp khuyên nhủ, nhưng người ấy không chịu tin theo, cứ cố chấp tà thuyết.

Người này giàu có, của báu vô số, nhưng lại không con. Người ấy tự nghĩ, một mai chết đi, của cải mất hết. Nghĩ như thế rồi, liền đến thần miếu, và các thần cây, lễ bái cầu tự.

Sau chín mươi ngày, người vợ mang thai. Chín tháng mười ngày, sinh được con trai, thân hình đẹp đẽ, tướng mạo khôi ngô, cha mẹ yêu mến, mọi người tôn trọng. Khi mười hai tuổi, một hôm cùng các bè bạn đi chơi, giữa đường bị một con voi say đạp chết. Cha mẹ hay tin, vật vã than khóc, lòng phát điên cuồng, mình mẩy lấm láp, bứt tóc, rứt tai, cất tiếng than rằng: “Sao mình bạc phúc thế này, có sống cũng như chết vậy!” Sau tìm đến nơi con chết, ôm lấy xác con, kêu gào thảm thiết tỉnh rồi lại mê, tâm trí cuồng loạn, khóa thân mà đi.

Lúc đó may sao, được thấy Đức Như Lai. Phật dùng sức từ bi, hóa làm người con. Cha mẹ thấy vậy, vội đến ôm lấy, vui mừng không xiết, tâm hết cuồng loạn, tỉnh táo như trước. Bấy giờ Phật mới nói pháp cho nghe, nghe xong đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nữa, sức từ bi, thiện căn của Như Lai không thể nghĩ bàn.

Một lần, có ông Vua tên là Lưu Ly, xuất quân chinh phạt nước Xá Duy, bắt những người họ Thích, đem đi rồi đào hố chôn vừa tới nách, không cho cử động.

Hơn bảy ngày sau, Đức Như Lai dùng sức từ bi biến chỗ đất đó thành một cái ao. Nước ao trong mát, đủ tám công đức. Trong ao có các thứ hoa thơm ngát, như hoa Ba đầu ma, hoa Phân đà lợi, to bằng bánh xe, xanh, vàng, đỏ, trắng. Lại có các loài chim, cùng hòa tiếng hót.

Những người họ Thích thấy thế, sinh lòng vui mừng, liền phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Sau khi phát tâm Bồ Đề thì Vua Lưu Ly lấy rượu cho năm trăm voi đen uống thật say, đóng móng sắt vào chân, buộc kiếm nhọn vào ngà, rồi đóng một hồi trống, thả đàn voi ra, dày đạp những người họ Thích. Thân thể tan nát, xương da rã rời, ngổn ngang trên mặt đất.

Nhưng nhờ sức từ bi của Phật, nên thân tâm được yên vui nên mới mở lòng Bồ Đề, nên đối với chúng sinh, sinh tâm bình đẳng; vì sinh tâm bình đẳng nên không mang lòng sâu hận; vì không sâu hận nên sinh lên cõi trời.

Khi sinh lên cõi trời rồi, nhờ có thiên nhãn, thấy đủ căn duyên, liền nói với nhau rằng: “Nhờ từ ân của Phật, chúng ta mới được sinh thiên. Cung điện toàn bằng thất bảo, y phục lộng lẫy, thân tướng rực rỡ, ca nhạc tuyệt vời, hết thảy đều nhờ thần lực của Đức Như Lai mà có. Vậy nên chúng ta phải phát tâm đại bi làm lợi ích chúng sinh. Bất cứ nơi nào có Phật Pháp, hoặc ở thành, ấp, làng mạc, hoặc trong rừng núi, hay cung điện, nhà cửa, hễ có người đọc tụng, biên chép, giải bày nghĩa lý, thì người ấy được mọi sự cung cấp, đầy đủ như ý, không bao giờ thiếu thốn. Nếu có xảy ra chiến tranh, bệnh tật, đói khát, thì chúng ta phải ngày đêm ủng hộ, tâm không xa lìa.”

Lúc mọi người phát nguyện như thế rồi, thân tướng trở nên sáng sủa, chói lọi, rực rỡ hơn trước bội phần, họ vui mừng nhảy múa, bay trên hư không mà đi.

Lại nữa, sức từ bi phương tiện của Đức Như Lai không thể nghĩ bàn.

Sau khi đánh phá nước Xá Dục và hãm hại những người họ Thích rồi, Vua Lưu Ly bắt những người con gái dòng họ Thích, chọn những người có nhan sắc, và tài năng, gồm năm trăm người, bắt họ xếp hàng, gảy đàn, thổi sáo, múa hát, mà trở về nước mình.

Khi về tới nhà, các bà phu nhân và cung nữ lên ngồi trên chính điện mà nói với mọi người rằng: “Hôm nay ta sung sướng vô cùng”.

Lúc đó, những người con gái họ Thích hỏi Lưu Ly rằng:

-Tại sao hôm nay các bà ấy sung sướng?

Vua đáp:

-Vì ta đã thắng kẻ thù.

Những người con gái họ Thích nói:

-Nhà Vua không thắng đâu. Thật ra thì cả bốn bộ binh của nhà Vua cũng không thể địch lại được một người họ Thích chúng tôi. Nhưng vì chúng tôi là đệ tử của Phật, không tranh giành với ai, nên để nhà Vua thắng đó thôi. Nếu chúng tôi mà chống cự, thì chắc chắn nhà Vua phải kéo quân sang nước Xá Dục ba bốn lần.

Lần thứ nhất, khi nhà Vua mang quân đến, những người trong dòng họ Thích chúng tôi đã bảo nhau rằng: “Ông Vua Lưu Ly này không biết đến ân nghĩa, sinh lòng tàn ác. Nếu chúng ta cùng ông ta giao chiến, thì không phân biệt được người hiền, kẻ ngu, đen trắng không rõ. Vậy chúng ta chỉ nên làm cho ông ta sợ hãi mà rút lui thôi.

Nói xong liền phát thệ rằng: “Mọi người chúng ta đều phải bắn, nhưng không được để mũi tên gây nên thương tích.” Rồi xuất bốn bộ binh ra chống cự Vua Lưu Ly. Cách bốn mươi dặm, giương cung mà bắn. Những mũi tên theo nhau bay đi vun vút và đều trúng đích. Thấy thế, Vua Lưu Ly mang lòng hoảng sợ, liền mở đường chạy lui.

Hơn chín mươi ngày sau, Vua Lưu Ly lại cử binh đi đánh dòng họ Thích.

Lúc đó những người họ Thích họp lại bàn rằng: “Lưu Ly là con người tàn ác, không biết hổ thẹn, lại kéo quân đến, muốn rước lấy họa hoạn hay sao?”

Nói xong cũng tuyên thệ rằng: “Hôm nay chúng ta cùng nhắm áo giáp mà bắn, đừng để cho người bị thương.” Thế rồi mọi người đều giương cung bắn, khiến cho áo giáp và những đồ binh khí của địch tan tành, gãy nát, chỉ còn người không.

Khi ấy, Vua Lưu Ly trong lòng sợ hãi, liền triệu tập các quần thần để thương nghị. Vua nói: “Hôm nay, chúng ta sợ khó toàn tính mệnh” Trong số có một vị đệ nhất đại thần tâu rằng: “Những người họ Thích đều là đệ tử của Phật, giữ giới bất sát, tu hạnh từ bi, nếu không, thì thân mệnh chúng ta chẳng bao lâu nữa sẽ bị tiêu diệt.” Vua nói: “Nếu thật như thế, thì ta hãy tiến lên”.

Lúc đó, những người họ Thích khoanh tay đứng nhìn. Quân mã của Vua Lưu Ly đến gần bức hiếp. Trong số dòng họ Thích, có một người Bà La Môn bảo những người họ Thích rằng: “Tai họa đã đến nơi, sao lại thản nhiên mà đứng nhìn như vậy?”

Họ đáp: “Chúng tôi không tranh giành với ai cả, nếu đánh nhau với kẻ kia thì không phải là đệ tử của Phật.” Bất mãn với những lời nói đó, người Bà La Môn xông ra vòng chiến, đánh Vua Lưu Ly; bắn một phát, giết bảy người và chỉ trong khoảng thời gian ngắn, số tử thương đã tăng lên rất nhiều, và bốn bộ binh của Vua Lưu Ly phải tìm đường rút lui.

Lúc bấy giờ, những người họ Thích lại nghĩ rằng: “Chúng ta không làm bạn với kẻ ác nhân này.” Nghĩ xong, liền họp nhau đuổi người Bà La Môn ấy đi. Sau khi đuổi người Bà La Môn đi, thì Vua Lưu Ly lại xuất quân đánh nước Xá Duy và vì thế nên nhà Vua mới thắng.

Nghe xong, Vua Lưu Ly sinh lòng hổ thẹn, liền sai bọn Chiên đà la xẻo tai, mũi, cắt chân tay của những người con gái họ Thích, rồi mang xe chở đến cái mỏ thật cao mà vút.

Sau khi bị cắt chân tay; những người con gái họ Thích lăn lóc kêu gào, khóc than thảm thiết, đau đớn khổ cực biết rằng cái thân tàn chẳng còn sống được bao lâu.

Họ bắt đầu gọi đến cha mẹ, anh em và chị em, hoặc kêu trời, la đất, đau đớn không cùng.

Trong số những người con gái đó, có một người đứng hạng nhất bảo những người kia rằng: “Này các chị em, tôi đã từng theo Phật, được biết trong lúc tai nạn nguy cấp, nếu người nào phát được một niệm niệm Phật, dốc lòng quy mệnh, thì được an ổn và đúng như ý nguyện.”

Lúc đó năm trăm người con gái họ Thích đồng thanh, chí thành niệm rằng: “Kính lạy Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, bậc Vô thượng Chính đẳng Chính giác!” Rồi lại cùng xướng to lên rằng: “Đau đớn thay! Than ôi, đáng Bạc Già Phạm!”

Khi xướng như thế, thì ở giữa không trung, nhờ sức uy thần và thiện căn của Đức Như Lai, một áng mây đại bi nổi lên, rồi tiếp theo là những giọt nước đại từ tuôn xuống thân thể của những người con gái họ Thích. Nhờ những giọt mưa ấy, mà tai mũi, chân tay lại hoàn như cũ.

Cảm thấy vô cùng sung sướng, những người con gái họ Thích đồng thanh hô to lên rằng: “Lạy Đức Từ Phụ Như Lai, Đức Thế Tôn không gì hơn. Ngài là phương diệu dược của thế gian. Đối với những chúng sinh trong ba cõi, Ngài thường cứu khổ, ban vui, bởi thế nên ngày nay chúng con mới được thoát nạn”.

Rồi bảo nhau rằng: “Chúng ta phải nghĩ đến ơn của Phật và phải nhớ báo ơn Phật.” Nhưng họ lại nghĩ: Nên lấy gì để báo ân Đức Phật? Thân của Như Lai là thân kim cương, thường còn không mất, không đói khát, sắc tướng mâu nhiệm, hết thảy đều đầy đủ; trăm nghìn phép định, năm căn, năm lực và bảy món trợ đạo không thể nghĩ bàn; ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, phúc tuệ trang nghiêm, thường ở cảnh đại Niết Bàn, coi chúng sinh như con, oán thân bình đẳng, không mong báo đáp.

Ngày nay chúng muốn báo ân Phật thì chỉ nên xuất gia, giữ gìn giới cấm và hộ trì chính pháp. Suy nghĩ thế rồi, liền cầu áo bát, trở về bản quốc đến nơi tinh xá của Tỷ Khuru Ni xin được xuất gia.

Lúc ấy, bọn lục quần Tỷ Khuru Ni, thấy những người con gái họ Thích, tuổi hãy còn trẻ, nhan sắc lộng lẫy thì tự nghĩ rằng: “Tại sao họ lại có thể bỏ những cái khó bỏ để đi xuất gia? Ta hãy đem những sự khoái lạc ở đời nói cho họ nghe, và bảo họ đợi khi nào luống tuổi hãy xuất gia, như thế chẳng khoái lắm sao? Nếu họ hoàn tục, tất sẽ đem áo bát dâng cho ta.” Suy nghĩ thế rồi, bọn lục

quần Tỳ Khuru Ni đến trước những người con gái và đem những việc trên nói cho họ nghe.

Những người con gái nghe xong, lòng thấy khổ não. Và tự nghĩ rằng: “Đây là nơi yên ổn, sao lại có sự đáng sợ như vậy, chẳng khác nào trong thức ăn, ngon ngọt mà pha lẫn thuốc độc. Những điều mà bọ Tỳ Khuru Ni kia vừa nói cũng lại như thế. Trong những món dục lạc ở đời, có nhiều nguy hại, ta đã biết rồi, tại sao lại còn tán dương những thứ đó và khuyên ta trở về để đắm theo ngũ dục?” Nghĩ xong liền oà lên khóc và ra khỏi phòng Tăng.

Bấy giờ có một vị Tỳ Khuru Ni tên là Hoa Sắc hỏi những người con gái rằng:

- Tại sao các người lại khóc?
- Vì không được như ý nguyện.
- Các người nguyện điều gì?
- Chúng tôi muốn xuất gia mà không được chấp thuận.
- Các người muốn xuất gia thì ta sẽ độ cho.

Những người con gái nghe rồi, lòng sinh vui mừng nói với bà Hoa Sắc rằng: “Bạch Hòa Thượng, chúng con khi còn tại gia, gặp nhiều thống khổ, họ hàng ly tán, lại bị xẻo mũi, cắt tay, chặt hết tay chân, đau đớn khôn cùng”.

Lúc ấy bà Hoa Sắc bảo các đệ tử rằng: “Những nỗi tâm khổ của các người đâu đáng kể. Khi ta còn tại gia đã phải gánh chịu không biết bao nhiêu khổ cực.”

Những người con gái họ Thích liền quỳ xuống, chấp tay, xin Thầy nói lại căn nguyên của các nỗi khổ còn tại gia cho nghe.

Bấy giờ bà Hoa Sắc Tỳ Khuru Ni mới vào đại định, dùng sức thần thông, phóng hào quang lớn chiếu khắp cõi Diêm Phù Đề, chiêu tập những người có duyên với Phật pháp, Thiên, Long, Quỷ thần, Nhân và Phi nhân.

Rồi giữa đại chúng, bà tự nói rằng: “Khi ở tại gia, ta là người nước Xá Vệ, cha mẹ gả ta cho người phương Bắc. Theo phong tục nước ấy, người đàn bà khi mang thai, gần ngày sinh nở phải về nhà cha mẹ mình. Cứ như thế, vài năm một lần, sau lại mang thai. Có một kỳ gần đến ngày sinh, hai vợ chồng ta, về nhà cha mẹ đi được nửa đường thì gặp một con sông, nước sông tràn đầy, chảy xiết, đường xá vắng tanh, lại nhiều giặc cướp.



Khi tới sông, thì trời vừa sẩm tối, không thể qua được, đành phải ngủ lại trên bờ sông. Lúc canh một thì bụng chuyển đau, ta liền ngồi dậy và không bao lâu sinh được một trai.

Trong đám cỏ trên bờ sông, có một con rắn độc, thấy mùi máu tươi, nó mới tìm đến, nhưng chưa đến chỗ ta nằm. Trong khi đó thì chồng ta và người đầy tớ đang ngủ ở giữa đường. Rắn đến chỗ người đầy tớ và cắn chết ngay, rồi lại nơi chồng ta, vì ngủ không biết, nên cũng bị nó cắn chết.

Lúc ta hô: “Rắn! Rắn!” Không thấy chồng ta trả lời. Sau khi cắn chết chồng ta và người đầy tớ rồi, nó lạ cắn luôn cả trâu, ngựa.

Sáng hôm sau, thấy thân thể của chồng sưng phồng, thối nát, xương thịt tan rã, ngổ ngang trên đất. Ta đau buồn sợ hãi quá đến nỗi ngất đi rồi vật vã than khóc, đập đầu, rút tóc, thân hình lấm láp, tỉnh rồi lại mê, qua mấy ngày liền, đau khổ buồn thương như vậy.

Một mình ở lại bờ sông cho đến khi nước sông rút bớt, ta mới cõng đứa con nhỏ sau lưng, còn đứa hài nhi mới sinh thì bọc vào trong áo, lấy thắt lưng buộc chặt rồi ngâm ở nơi miệng mà lội qua sông.

Khi đến giữa dòng, ta quay lại nhìn đứa con lớn còn ngồi trên bờ, thì thấy một con mãnh hổ đang hùng hộc chạy tới: Ta vừa cất tiếng tri hô, bỗng đứa hài nhi rơi theo dòng nước. Ta vội cúi xuống mò tìm, đứa hài nhi đã chẳng thấy, thì đứa con nhỏ trên lưng, vì không tay giữ, cũng lại té xuống sông và bị dòng nước cuốn đi. Trong khi đó, thì đứa con lớn trên bờ kia bị hổ ăn thịt.

Nhìn cảnh ấy, lòng ta tan nát, đứt, từng khúc ruột, máu trào ra miệng, kêu gào khóc than; chỉ trong một buổi sớm ta đã phải chứng kiến bao cảnh tang tóc như vậy? Khi lên đến bờ sông, ta liền ngã lã ra bất tỉnh.

Một lúc sau, ta thấy một bọn người đi đến. Trong đám người đó, có một ông Trưởng giả là bạn của cha mẹ ta.

Ta vội hỏi thăm tin tức cha mẹ, thì được người Trưởng giả cho biết rằng, nhà cha mẹ ta vừa cháy đêm trước và cha mẹ đều bị chết thiêu. Được biết tin ấy, ta lại chết ngất, hồi lâu mới tỉnh.

Vừa đúng lúc đó, có năm trăm tên cướp phá bọn ông Trưởng giả kia.

Bây giờ tên cướp bắt ta dẫn đi, rồi ép ta làm vợ, giao cho ta giữ cửa, khi bị người đuổi, gặp lúc nguy cấp, phải mở cho mau.

Ít lâu sau, một hôm chồng ta cùng bọn giặc đi cướp giết, bị các tài chủ trong làng, hợp lực đuổi bắt, phải bỏ chạy về.

Lúc đó, trong nhà ta vừa sanh con, chồng ta đứng ngoài, gọi hai ba lần, nhưng không ai mở cửa.

Bấy giờ, y tự cho rằng ta muốn hại y. Nghĩ rồi, y liền trèo tường mà vào và hỏi tại sao ta không mở cửa? Ta nói là vì vừa mới sinh nở nên không kịp ra mở cửa. Thấy thế, tên tướng cướp mới nguôi giận và bảo ta rằng: “Người ta hễ có thân, thì tất có con. Vì người sinh đẻ mà suýt nữa nguy hại cho ta. Đứa con này có ích gì, đem giết cho mau!”. Nhưng lòng ta thương xót, không nỡ đem giết. Bấy giờ tên cướp rút dao chặt hết tay chân đứa trẻ rồi bảo ta phải ăn cho hết, nếu không chịu ăn, y sẽ chém đầu.

Vì quá sợ hãi nên ta phải ăn, sau khi ăn xong, y hết tức giận.

Sau đó chồng ta tiếp tục đi cướp phá. Một hôm bị nhà Vua bắt được, đem ra trị tội. Cái phép trị giặc là phải xử tử và người vợ của tội nhân cũng bị chôn theo chồng. Lúc ấy, ta mặc toàn đồ anh lạc. Có kẻ tham lợi, ban đêm đến đào mả để lấy của báu và bắt ta đem đi. Nhưng ít lâu sau, nhà Vua cho người đi dò xét và ta lại bị bắt.

Sau khi bắt được ta, nhà Vua theo luật mà xử như trị tội giặc. Phép trị tội giặc là xử tử và người vợ của tội nhân cũng chôn theo. Nhưng chôn không được kỹ, nên đêm đến các loài hổ lang ra bới lên để ăn tử thi, nhờ thế mà ta thoát chết.

Khi ra khỏi mả, hồn ta mê man, mặc dầu cứ đi mà không biết đi đâu.

Dọc đường ta gặp nhiều người, ta liền nhờ họ chỉ cho một nơi yên ổn, để diệt trừ mọi nỗi lo âu sầu muộn.

Bấy giờ có một vị Trưởng lão thuộc dòng Bà La Môn, rủ lòng thương xót, nói với ta rằng: “Lão từng nghe nói, trong giáo pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, có nhiều yên vui, không còn khổ não.”

Được nghe xong, ta thấy vui mừng vô hạn. Ta liền đến chỗ Ngài Đại Ái Đạo, Kiều Đàm Di Tử Khuru Ni cầu xin xuất gia.

Sau khi xuất gia, ta cứ lần lượt y theo giáo pháp mà tu tập, cho đến khi chứng được đạo quả A La Hán, đầy đủ tam minh, lục thông và tám món giải thoát.

Các người thấy chưa? Khi còn ở tại gia, ta đã phải trải qua những nỗi khổ đau như vậy. Nhưng cũng nhờ thế mà ngày nay ta mới chứng được đạo quả.

Những người con gái họ Thích nghe xong, lòng rất vui mừng, chứng được pháp nhãn. Đại chúng nghe rồi, đều cùng phát tâm, cầu đạo Vô thượng.

Khi bấy giờ bà di Phật là Ngài Kiều Đàm Di Tỷ Khuru Ni bảo các vị Tỷ Khuru Ni, Thứ Xoa Ma Na, Sa Di Ni, Ưu Bà Di và hết thầy phụ nữ rằng: Phật pháp là lợi ích lớn. Chỉ trong giáo pháp của Đức Như Lai mới có đầy đủ các công đức và ba thứ quả báo. Hết thầy chúng sinh đều có phần trong đó.

Thế mà Đức Như Lai lại không cho phụ nữ chúng ta được dự vào Phật pháp là vì lẽ gì? Là vì phụ nữ chúng ta phần nhiều hay ngờ vực, chấp trước, không có lòng hỷ xả. Cũng vì chấp trước nên mới tạo không biết bao nhiêu nghiệp trói buộc, đến nỗi bị ngu si và ái dục che lấp mất chân tâm, do đó mà phải chìm đắm mãi trong bể khổ sinh tử, mặc cho lớp sóng ái dục dập vùi.

Vì tà kiến và tham ái làm chướng ngại, nên mới sinh ra kiêu ngạo, lười biếng, bởi thế thân này, không thể đạt đến đạo quả Vô Thượng Bồ Đề, không thể có được ba mươi hai tướng tốt.

Trong đường sinh tử, không được làm Chuyển Luân Thánh Vương, dùng phép Thập thiện, giáo hóa chúng sinh; cũng không thể đạt đến ngôi Phạm Vương cùng tột, không thể kiến lập Chính Pháp, và khuyến thỉnh chư Phật chuyển bánh xe pháp để cho hết thầy chúng sinh đều được lợi lạc. Bởi thế nên Đức Như Lai không cho nữ nhân được làm đệ tử.

Thiên Ma Ba Tuần, các loại tà kiến và hết thầy ngoại đạo chuyên làm điều ác, chấp theo tà thuyết, phá hoại chính pháp, diệt Phật Pháp Tăng. Vì vậy Đức Như Lai không cho nữ nhân dự vào Phật Pháp.

“Ta vì hết thầy phụ nữ, ba lần thỉnh cầu Đức Như Lai cho được xuất gia, tu học Phật pháp, mà Phật không thuận.

Vì không được như nguyện, lòng ta buồn tủi, giận cho thân phận nữ nhân, bất giác, lệ tràn mí mắt, ta mới thất thểu bước ra khỏi Kỳ Hoàn Tinh xá.

Lúc đó ta gặp Ngài A Nan. Ngài A Nan hỏi tại sao mà trông ta buồn khổ như vậy. Ta liền thuật lại cho Ngài A Nan nghe là ta muốn xuất gia, tu theo Phật pháp, mà cầu xin đến ba lần Đức Như Lai cũng không chấp thuận, bởi thế nên ta buồn khổ.

Bấy giờ Ngài A Nan bảo ta đừng lo, Ngài hứa sẽ xin Đức Như Lai chấp thuận cho ta vào Phật Pháp. Nghe lời Ngài A Nan nói vậy lòng ta sung sướng vô cùng.”

Khi ấy Ngài A Nan vào bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, con muốn cầu xin Thế Tôn hứa khả cho một việc.” Phật bảo A Nan:

-Ông muốn xin điều gì, cứ nói.

A Nan thưa:

-Bạch Đức Thế Tôn, Di Mẫu Ba Xà Ba Đề đã chăm nom nuôi nấng sắc thân của Thế Tôn, đến ngày nay, Thế Tôn đã thành Phật. Nếu kể đến công lao của Di Mẫu đối với Như Lai, thì Như Lai phải mang ơn Di Mẫu rất nhiều.

Thế mà, hết thảy chúng sinh, Như Lai còn cho dự vào Phật Pháp hưởng chi Di Mẫu, nữ nào Như Lai không thuận?

Phật bảo Ngài A Nan:

-Đúng như lời ông nói. Không phải ta không biết đến thâm ân của Di Mẫu đối với ta, nhưng ta không muốn cho nữ nhân dự vào Phật pháp. Nếu ta cho nữ nhân ở trong Phật pháp, thì sau năm trăm năm, chính pháp của ta sẽ suy đồi. Bởi thế mà ta không muốn để cho nữ nhân dự vào Phật pháp.

Bấy giờ Ngài A Nan cúi đầu lễ, rồi quỳ gối, chấp tay lại bạch Phật rằng:

-Bạch Thế Tôn, con tự nghĩ chư Phật ở quá khứ đều có đủ bốn bộ chúng, mà chỉ có một mình Đức Thích Ca Như Lai là không đủ.

Phật bảo Ngài A Nan:

-Nếu Di Mẫu quý chuộng Phật pháp, phải hết sức tinh tiến, tu tập phép Bát Kính, ta sẽ ưng thuận, cho được xuất gia sống trong Phật pháp.

Lúc đó Ngài A Nan lễ Phật, đi nhiều ba vòng, rồi lui trở ra. Ngài liền đến báo cho ta biết là Đức Như Lai đã theo lời cầu xin của Ngài mà bằng lòng cho ta được xuất gia, phụng trì Phật pháp.

Được biết tin ấy lòng ta vui mừng vô hạn, và bạch Ngài A Nan rằng:

-Quý hóa thay, Ngài A Nan! Ngài đã hết lòng thỉnh cầu Đức Như Lai, khiến cho tôi được toại nguyện.”

“Rồi Ngài nói lại cho ta nghe pháp Bát Kính mà Đức Như Lai đã ân cần dạy bảo. Nghe xong, nửa mừng nửa tủi, ta tự nghĩ rằng: Thân ta đây là cái thân vô thường, nay được đem đổi lấy cái thân quý báu; mệnh sống ta đây, niệm niệm hằng biến diệt, không nhất định, nay được đem đổi lấy mệnh quý báu; thân mệnh, của cải của ta đây đều do nhân duyên giả dối mà có, không phải chân thật, nay được đem đổi lấy của báu vĩnh viễn bất diệt.

Khi nghĩ đến những công đức và lợi ích như thế, ta liền sinh lòng chí thành cung kính cúng dàng Ngài A Nan và bạch rằng: “Đại Đức A Nan, xin Ngài đừng lo. Tôi sẽ trọn đời tuân theo giáo pháp mà Đức Như Lai chỉ dạy. Dù có phải bỏ cả thân mệnh chẳng nữa, tôi cũng không dám vi phạm.”

“Bấy giờ Đức Như Lai mới nói pháp Bát Kính nhiệm màu cho ta nghe. Lúc đó, ta vận dụng lòng đại bi, vì hết thảy nữ nhân đời vị lai mà bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, nếu sau này, trong đời ác trước, có người Thiện nữ nào, đối với Phật pháp, sinh lòng kính mến, thì xin Thế Tôn cũng nhận cho được vào Phật pháp.” Khi ấy Phật bảo ta rằng:

-Quý hóa thay! Nếu sau này có những người Thiện nữ, biết hộ trì Phật pháp, theo thứ lớp mà tu tập, giữ giới, bố thí, học rộng, tu các thiện pháp, tại gia hay xuất gia, thụ tam quy hoặc trì ngũ giới, hay giữ đủ các giới, tu các pháp lục độ và các pháp trợ đạo, ta sẽ cho được tùy ý mà tu tập, và cũng được ba thứ quả báo ở cõi người, cõi trời và đạo quả Vô Thượng.

Nghe Phật nói thế, lòng ta vui sướng vô cùng, ta liền bạch Phật rằng:

-Bạch Thế Tôn, nếu nữ nhân chúng tôi mà được ba thứ quả báo ấy, thì chính là nhờ ơn Phật vậy.

Phật nói:

-Đừng nghĩ như thế, Như Lai không hề có ơn, đối với chúng sinh, Như Lai không bao giờ kể có ơn. Nếu kể ơn tức là phá hoại cái tâm bình đẳng của Như Lai. Nên biết rằng, đối với chúng sinh nếu Như Lai còn kể có ơn hay không ơn, thì Như Lai không có tâm bình đẳng.

Nếu chúng sinh nào đem lòng hủy hoại Phật, Như Lai không giận, hoặc có chúng sinh lấy hương chiên đàn mà ướp vào thân Như Lai, Như Lai cũng không mừng.

Như Lai đối với hết thảy chúng sinh đều bình đẳng, không còn oán, thân phân biệt. Ơn là ơn của A Nan, chớ không phải của Như Lai. Là vì nhờ có A Nan mà nữ nhân mới được vào Phật pháp.

Vậy nên đời sau, các Tỷ Khuru Ni và hết thảy những người Thiện nữ, thường phải nên hết lòng ghi nhớ ơn của A Nan, nhắc nhở danh hiệu, cung kính, cúng dàng, tôn trọng tán thán, đừng để dứt mất. Nếu không thể làm được như thế luôn luôn, thì đêm ngày sáu thời, cũng phải để tâm ghi nhớ.

Bảy giờ, Ngài Kiều Đàm Di bảo các vị Tỷ Khuru Ni và tất cả mọi người Thiện nữ rằng: “Chúng ta phải nên dốc lòng quy mệnh A Nan Đại Sư. Nếu người Thiện nữ nào, muốn cầu sự yên ổn và quả báo tốt lành, cứ đến ngày mùng Tám tháng Hai, hoặc mùng Tám tháng Tám, mặc áo sạch sẽ, dốc lòng thụ trì phép Bát Trai Giới, ngày đêm sáu thời, siêng tu tinh tiến, thì Ngài A Nan sẽ dùng sức uy thần, tùy nguyện giúp đỡ, khiến được như ý.”

Nghe pháp xong, đại chúng vui mừng, rồi đi vòng bên phải mà lui ra.

---oOo---

## Quyển Thứ Sáu

### 08. PHẨM ƯU BA LY THỨ TÁM

Khi bảy giờ đại chúng vây quanh Đức Thế Tôn, cúng dàng cung kính, tôn trọng tán thán.

Lúc đó Ngài A Nan nhận thấy trong tâm mọi người đều có điểm ngờ vực, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bạch Phật rằng:

-Bạch Thế Tôn, tại sao Thế Tôn lại nhận cho Ưu Ba Ly, là người hạ tiện, theo Phật xuất gia? Việc đó làm nhục nhã cho hàng đệ tử Phật và khiến cho các dòng bất kính, do vậy mà tổn mất phúc điền, và cũng khiến cho con Vua Bạch Tịnh là Nan Đà Tỷ Khuru sinh lòng khinh mạn?

Phật bảo Ngài A Nan và đại chúng rằng: “Các ông nghe cho kỹ! Các ông có thể nói Như Lai không có lòng bình đẳng, không có tâm đại bi, không có năm trí, không có chính định, nhưng các ông không được nói rằng Ưu Ba Ly là người hạ tiện, tu tập hạnh hạ tiện, nguyện hạ tiện và tinh tiến hạ tiện.

Các ông có thể nói, Như Lai còn phiền não, thay đổi không thường, nhưng các ông không được nói Ưu Ba Ly là người hạ tiện đi xuất gia”.

“Như Lai dùng cái trí biến khắp, chân chính mà nói những lời chân thật, vậy các ông nên tin theo lời Phật.

Như Lai khi thấy rõ được sự sinh tử là tai họa mà một mình giác ngộ thành Phật, thì Ưu Ba Ly cũng theo Phật xuất gia, chứng được tam minh, lục thông và

đầy đủ tám món giải thoát, các chúng cõ trời, cõ người đều sinh lòng ngưỡng mộ.

Ưu Ba Ly là người giữ luật vào bất nhất, hộ trì chính pháp xứng đáng lãnh nhận sự cúng dường, khiến cho chúng sinh thành tựu được ba thứ diệu quả, nghĩa là: Quả báo ở đời này, đời sau và nhiều kiếp về sau nữa. Bởi thế, các ông nên biết, Ưu Ba Ly là một đại bi Bồ Tát, tu hạnh vi diệu. Ở những kiếp quá khứ xa xưa, trong giáo pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni, Ưu Ba Ly cũng là người trì luật thứ nhất”.

Khi nghe Phật tán thán mật hạnh của Ngài Ưu Ba Ly, Nan Đà Tỷ Khru mới khởi tâm cung kính, liền đứng dậy đến lễ Ngài Đại Kiều Trần Như và lần lượt lễ các vị đệ tử khác. Nhưng khi đến Ngài Ưu Ba Ly thì Nan Đà chỉ cúi đầu, rồi ngẩng lên và chấp tay đứng nhìn mà thôi. Lúc đó, đức Như Lai vì Nan Đà nói bài kệ rằng:

*Nan Đà, người nên biết,*

*Chớ khinh người nghèo cùng,*

*Dừng cậy mình giàu sang,*

*Xuất gia không phân biệt.*

Nan Đà nghe Phật chỉ dạy cho những điều lợi lạc, sinh lòng vui mừng, liền sửa lại y phục, rồi cúi đầu lễ chân Ngài Ưu Ba Ly. Lúc ấy trời đất đều rung động. Nan Đà thấy mình khoan khoái, nhẹ nhàn tức thì chứng được đạo quả A La Hán mà vào địa vị của bậc vô học vậy.

Bấy giờ Phật bảo Ngài Ưu Ba Ly rằng: “Ông hãy thuyết pháp, nói rõ sự sai khác về Tam Bảo, pháp Tứ Đế, về tại gia, xuất gia, về thất chúng... nghĩa là ông hãy nói rõ về Tam Quy, Ngũ Giới cho đến hết thấy các giới, về giới làm lợi ích chúng sinh, giới diệt trừ phiền não, giới điều trị thân tâm, giới thuyên định, và giới vô lậu v.v... để làm cho ngôi Tam Bảo được hưng vượng”.

Bấy giờ Ngài Ưu Ba Ly bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, nhờ sức uy thần của Như Lai tiếp dẫn, hộ niệm, con xin hỏi Thế Tôn một vài điều không hiểu”.

Nói xong, Ngài tự suy nghĩa: Thế nào là Tam Bảo? Phật, Pháp, Tăng?

Tam Bảo nếu không có bản chất thì làm thế nào phân biệt mà nói được? Pháp Tăng cũng khác nhau, vậy nếu quy y Tam Bảo thì phụng hành thế nào? Còn Tam Quy nếu chỉ là một thì không thể nói có ba, nếu nói Tam Quy thì tại sao lại có thất chúng khác nhau?

Tự suy nghĩ thế rồi, Ngài Ưu Ba Ly mới bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, nương nhờ về đâu gọi là quy y Phật?”

Khi ấy Đấng Đại Giác Thế Tôn bảo Ngài Ưu Ba Ly rằng: “Phật là người đã giác ngộ, thấu suốt cả hai phần “tính” và “Tướng” của hết thảy các pháp. Lại nữa tất cả chúng sinh đang mê man trong ba cõi, Phật đã được đạo nhãn, tự mình đã được đạo nhãn, tự mình đã thức tỉnh, lại thức tỉnh cho chúng sinh còn mê man kia, bởi thế mới gọi là Giác.

Phật đã thấu suốt hết thảy mọi pháp và có thể thuyết minh tất cả các pháp”.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi Phật:

-Thế nào gọi là Phật thuyết hết thảy các pháp? Phật tùy cơ, thích ứng với chúng hội mà thuyết, chỉ thuyết cho từng nhóm người thôi?

Phật đáp:

-Phật theo căn tính của chúng sinh và tùy thời cơ mà thuyết các pháp.

Sau này các đệ tử kết tập pháp tạng sẽ chia ra từng bộ loại một.

Khi Phật thành đạo, vì các đệ tử mà nói ra giới luật, có giới khinh giới trọng, hữu tàn và vô tàn, kết tập thành Luật Tạng.

Khi Như Lai nói về nhân quả, tội phúc, các món ràng buộc, phiền não và các nghiệp thân, khẩu, ý thì kết thành Luận Tạng.

Như Lai vì trời, người, tùy thời có thuyết pháp để khuyên họ tu tập, nói ra bộ Tăng Nhất A Hàm.

Sau lại vì những chúng sinh thông minh, nói các pháp cao sâu, gọi là Trung A Hàm, để cho những người có lợi căn theo đó mà tu tập.

Sau nữa, nói các phép tọa thiền cho những người tu thiền định học tập, nên mới thành bộ Tạp A Hàm.

Sau hết, vì phá trừ tà kiến, ngoại đạo mà nói ra bộ Trường A Hàm.

Tất cả bốn loại đó, sau kết tập thành Kinh Tạng.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi:



-Nếu Phật đã nói hết thấy các pháp, thì tại sao một hôm Phật ngồi dưới gốc cây, bốc một nắm lá mà hỏi các đệ tử là lá trong tay Phật nhiều hơn hay lá trên cây nhiều hơn? Các đệ tử đều trả lời là lá trên cây nhiều hơn.

Lúc đó Phật bảo các đệ tử rằng tất cả các pháp Phật đã thấu suốt cũng nhiều như là lá trên cây. Còn các pháp Phật đã nói chỉ là lá trong bàn tay mà thôi. Vậy làm sao có thể nói là Phật đã thuyết hết thấy pháp?

Phật trả lời:

-Hết thấy các pháp đều có “biệt tướng” và “tổng tướng”.

Như Lai nói đã thuyết hết thấy các pháp là nói về phần “biệt tướng” chứ không phải “tổng tướng”.

Không phải Như Lai không nói được phần “tổng tướng” đâu, nhưng nếu Như Lai nói phần “tổng tướng” thì chúng sinh không thể lãnh hội được.

Các ông nên biết Như Lai đã thấu suốt hết thấy pháp, nhưng mới chỉ nói về phần “biệt tướng” của các pháp chứ chưa nói đến phần “tổng tướng”.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi:

-Nếu Phật biết mà có thể nói được, thì các vị Thanh Văn, Duyên Giác, căn cứ vào chỗ hiểu biết, cũng có thể nói được.

Vậy tại sao các vị đó không thể xưng là Phật được?

Phật đáp:

-Không thể được. Là vì Phật biết và nói được đầy đủ cả hai phần “tính”, “tướng” của các pháp, còn các vị Thanh Văn, Duyên Giác, tuy cũng biết và nói được, nhưng không thể nói hết “tính”, “tướng” của mọi pháp.

Lại nữa, Phật hiểu thấu và có thể đặt tên cho các pháp, nhưng Thanh Văn, Duyên Giác không thể làm được.

Lại nữa, Phật chứng được vô biên pháp và có thể nói mãi không cùng, nhưng Nhị Thừa không thể được.

Lại nữa, có pháp “cộng” và “bất cộng” cái mà Nhị Thừa được thì Phật cũng có, nhưng cái mà Phật có thì Nhị Thừa chưa được.

Cái mà Thanh Văn đã chứng được thì Tam Thừa đều biết; cái mà Duyên Giác đã chứng được thì Thanh Văn và Bồ Tát cũng đều biết.

Nhưng cái mà Phật đã chứng thì Nhị Thừa không thể biết được, chỉ Phật tự biết mà thôi.

Lại nữa, tráp lớn thì nắp phải lớn, pháp lớn thì pháp tướng cũng vô cùng.

Cái trí của Phật là cái trí không có bờ bên, cho nên Phật mới có thể thấu suốt và thuyết minh được hết thảy các pháp, còn trí của Nhị Thừa là cái trí có hạn, nên Nhị Thừa không thể thấu suốt được “tính”, “tướng” của hết thảy pháp.

Lại nữa, Phật đã chứng được cái trí biết như thực, nghĩa là đối với “tính”, “tướng” của các pháp, Phật đều hiểu rõ như thực, Nhị Thừa hiểu các pháp chưa được hoàn toàn chưa thấu suốt đến căn nguyên của “tính” và “tướng”, bởi thế không thể nói là đã chứng được trí biết như thực.

Căn cứ vào những nghĩa nói trên, nên biết Nhị Thừa không thể xưng là Phật.

Hơn nữa, chữ Phật không thể dùng tiếng mà truyền được, cũng không thể lấy nghĩa mà hiểu được.

Còn thế nào gọi là Thế Tôn? Là người có thể biết hết các pháp đối trị vậy.

Lại nữa, ở thế gian ngôn ngữ bất đồng, nên người đời không hiểu được nhau, mà Phật thì hiểu biết tất cả, nên gọi Phật là Thế Tôn.

Lại nữa, như Lạc Tỷ Khuru nói, Nhị Thừa phạm phu tự nói đã chứng được các pháp, hoặc ưa nơi tĩnh tịch, hoặc thích thiền định, hay các pháp khác, nhưng giữ bí mật. Phật thì không thế, Phật chứng được các pháp, đều rủ lòng từ bi mà nói cho người khác nghe.

Lại nữa, vì Phật đã diệt trừ được tham, sân và si, nên gọi là Thế Tôn.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi:

-Nhị Thừa cũng đã phá trừ được tham, sân, si, tại sao lại không thể xưng là Thế Tôn?

Phật trả lời:

-Không thể được, vì Nhị Thừa đối với tâm đại thừa còn có khi thoái chuyển, Phật thì không bao giờ thoái chuyển. Thoái chuyển có ba:

Một là, đã chứng quả mà còn thoái chuyển;

Hai là, chưa chứng quả mà đã thoái chuyển;

Ba là, đã đến chỗ ứng dụng mà còn thoái chuyển.

Đã chứng quả mà thoái chuyển là nói ngôi Thanh Văn đã chứng được quả thứ ba mà còn có khi thoái chuyển.

Chỉ có quả thứ tư là quả A La Hán thì mới không còn thoái chuyển.

Còn như Trung Thừa, nếu đã tu tập đủ trăm kiếp, đã thấu suốt được mười hai nhân duyên, thành Bích Chi Phật, cũng không còn thoái chuyển nữa.

Nhưng nếu là Hạ Thừa, chứng quả thứ ba, mà thành Bích Chi Phật, thì vẫn còn thoái chuyển.

Còn như Phật đã chứng quả rồi, thì không bao giờ thoái chuyển nữa.

Chưa chứng quả mà thoái chuyển là nói những người Tam Thừa, chưa chứng được quả mà đã thoái chuyển; nếu tu ba nghiệp của Tỷ Khưu mà lười biếng, hoặc tu tập các pháp, không chăm chỉ, thì gọi là chưa chứng quả đã thoái chuyển vậy.

Đã tới chỗ ứng dụng mà còn thoái chuyển là nói những người đã chứng được các pháp, mà không ứng dụng hiện tiền, như thập lực của Phật và mười trí của Tiểu Thừa, mà chỉ ứng dụng một; hay phải tụng mười vạn lời kinh, mà không tụng, đều gọi là đã đến chỗ ứng dụng mà thoái chuyển vậy.

Thanh Văn chưa chứng quả mà thoái chuyển; Duyên Giác và Độc Giác cũng có khi chưa chứng quả mà thoái chuyển, nhưng Phật thì không bao giờ thế.

Đối với tất cả hạnh tu tập, không bao giờ Phật biếng nhác.

Nhị Thừa đã đến chỗ ứng dụng mà còn thoái chuyển, chứ Phật thì lại không nhất định.

Như trong mười lực mà chỉ dùng một, bỏ chín, nên gọi là thoái chuyển.

Hoặc như tụng hai mươi vạn lời kinh, mà người phàm sức yếu, phải tụng một, hai ngày mới xong, nhưng Phật có thể tụng xong ngay.

Thập lực cũng vậy, dùng là dùng liền, không bị ngăn ngại.

Cho nên Phật không không có sự không dùng mà bỏ. Như người mặc áo Nê hoàn tăng không phải thời không mặc, không như người thế gian. Bất cứ làm việc gì đều vì lợi ích của chúng sinh mà làm. Việc gì có lợi thì làm, không có lợi thì bỏ, chứ không phải có lợi thì bỏ, chứ không phải không làm được, bởi thế Phật không có sự không dùng mà thoái chuyển.

Tuy Phật hiểu suốt các pháp mà nói không nhất định là vì ý Phật sâu xa, không thể nghĩ lường được.

Ngài Ưu ba Ly hỏi:

-Tại sao Thanh Văn đã chứng đến quả A Na Hàm còn thoái chuyển? Nhưng chứng quả A La Hán thì không thoái chuyển?

Phật đáp:

-Quả A Na Hàm đã từng được nên thoái chuyển, còn quả A La Hán thì chưa từng được, cho nên không thoái chuyển.

Cũng như người đang đói mà được ăn cỗ ngon, không bao giờ quên, ý nghĩa quả A La Hán cũng vậy.

Lại nữa, A La Hán lấy nhẫn nhục làm đạo vô ngại, lấy trí tuệ làm đạo giải thoát, còn A Na Hàm lấy trí tuệ làm đạo vô ngại và cũng lấy trí tuệ làm đạo giải thoát, cho nên còn thoái chuyển.

Lại nữa, A La Hán lấy sự hiểu biết như thực làm đạo, cho nên không thoái chuyển, còn A Na Hàm thì lấy tư duy làm đạo, cho nên còn thoái chuyển.

A Na Hàm vì còn phải diệt hết vọng tưởng và trừ sạch tham, sân, si, ái, tà kiến, vô minh, nên còn bị tư duy bức bách.

Nhưng A La Hán thì tìm hiểu đạo như thực, nên không bị bức bách. Thấy rõ được phân “vọng” tức thấy lý “chân”. Như không cần tư duy, nên không bị bức bách và vì thế không thoái chuyển vậy.

Lại nữa, cái trí tìm hiểu của A La Hán lớn mạnh, như rường cột, chống đỡ mọi vật, nên không thoái; còn cái trí tư duy của A Na Hàm nhỏ, yếu, cho nên còn thoái.

Lại nữa, A La Hán dùng tâm nhẫn nhục và trí tuệ để diệt trừ chín phẩm tư hoặc ở dục giới, bảy mươi hai phẩm kết phược ở sắc giới, cho nên không còn thoái chuyển.

Căn cứ vào các nghĩa nói trên, nên biết Nhị Thừa không thể xưng là Thế Tôn, mà chỉ có Phật mới được xưng Thế Tôn mà thôi.

Lại nữa, Phật đã dứt hết tập khí, nhưng Nhị Thừa chưa đoạn kết.

Chẳng hạn như Ngưu Ty Tử Khuru thường nhai như trâu, là vì năm trăm kiếp trước phải đọa làm kiếp trâu, bây giờ mới được làm người, nhưng cái tập khí nhai như trâu vẫn chưa hết.

Hoặc như vị Tử Khuru kia, tuy đã chứng quả A La Hán, nhưng thường thích soi gương, là vì những kiếp trước phải làm thân kỳ nữ.

Lại như một vị Tử Khuru kia, thường hay bám lấy bao lơn mà đánh đu, nhẩy, nhót, là vì những kiếp trước, đọa làm loài khỉ vậy.

Bởi thế Nhị Thừa không được xưng là Thế Tôn.

Ngài Ưu Bà Ly hỏi:

-Phần đầu các kinh thường có câu: “Chính tôi được nghe...” là lời của A Nan nói khi Phật còn ở đời thuyết pháp, ông được nghe như vậy.

Nhưng hai mươi năm sau khi Phật thành đạo, A Nan mới theo Phật xuất gia.

Như vậy, trong hai mươi năm Phật thuyết pháp, A Nan không được nghe.

Thế mà, tại sao sau khi Phật nhập Niết Bàn, lúc kết tập Pháp Tạng, lại nói: “Chính tôi được nghe...”

Phật trả lời:

-Khi A Nan theo Như Lai xuất gia, có xin bốn điều như sau:

“Điều thứ nhất, xin Phật đừng cho con áo cũ của Phật;”

“Điều thứ hai, xin Phật đừng bảo người khác mời con đi phở trai; con vì cầu pháp, vì cung kính Phật mà theo hầu bên Phật chứ không phải vì cơm, áo.”

“Điều thứ ba, sớm tối, các vị Tử Khuru muốn được thấy Phật thì cứ việc vào, chứ con không phải vào bạch trước.”

“Điều thứ tư, trong hai mươi năm Phật thuyết pháp, con không được nghe, xin Phật nói lại hết cho con nghe.”

Theo điều nguyện thứ tư, Như Lai phải tuyên chú Thiên nói lại cho A Nan nghe. Cũng có khi Như Lai dùng tâm Tam Muội truyền cho A Nan nghe lại từ các vị Tử Khuru khác.

Ngài Ưu Bà Ly lại hỏi:

-Phật thuyết pháp trong hai mươi năm, làm thế nào có thể nói lại hết được?

Phật đáp:

-Như Lai dùng cái trí phương tiện thiện xảo, cho nên trong một câu, có thể diễn ra vô lượng pháp, và trong vô lượng pháp, có thể chỉ tóm tắt trong một câu. Nhờ lợi căn, Phật chỉ nói qua giềng môi của tám vạn pháp là A Nan thông hiểu hết cả.

Như một cái cây, gồm có gốc, thân cây và cành, lá, gọi là một cây, Phật vì chúng sinh, trước sau nói pháp, gọi là một Tạng, như thế gọi là tám vạn pháp.

Lại nói, Phật ngồi ở một nơi nói pháp, gọi là một Tạng, như thế là tám vạn pháp. Lại như mười sáu chữ, là nửa bài kệ, ba mươi hai chữ là một bài kệ, như thế cũng gọi là tám vạn pháp.

Lại như một bài kệ dài hay ngắn, có bốn mươi hai chữ, cũng là một bài kệ, như thế cũng gọi là tám vạn pháp.

Lại như nửa tháng một lần tụng giới, cũng gọi là một Tạng, như thế cũng là tám vạn pháp.

Lại như Phật tự nói ra sáu vạn, sáu nghìn bài kệ, cũng là một Tạng và như thế cũng gọi là tám vạn pháp.

Lại như Phật nói, có tám vạn trần lao, thì có tám vạn pháp tạng để đối trị, cho nên gọi là tám vạn pháp tạng.

Ngài Ưu Bà Ly lại hỏi:

-Tại sao Kinh, Luận không lấy Phật làm đầu, mà chỉ có Luật Tạng là lấy Phật làm đầu?

Phật trả lời:

-Vì Luật là hơn hết, và chỉ có Phật mới chế ra Luật mà thôi.

Còn trong Kinh cũng có khi các đệ tử thuyết pháp, cũng có khi Thiêng, Long, Bát Bộ do Phật hỏi mà nói pháp, chẳng hạn như Thích Đề Hoàn Nhân tự nói rằng bố thí là đệ nhất, vì ông đã nhờ công đức bố thí mà được làm Vua cõi Trời, được mọi điều như ý, và Phật cũng cho như thế là phải.

Lại cũng có khi Phật hóa thành các vị Hóa Phật thuyết pháp.

Nhưng Luật thì không thế: Hết thầy Luật nghi, đều do Phật thuyết, vì thế nên lấy Phật làm đầu.

Lại nữa, Kinh thì tùy nơi thuyết pháp mà có quyết định, luật thì không thế. Nếu phạm luật trong nhà, thì không được kết tội ngay, mà phải ra ngoài để kết tội.

Nếu ở nhà người bạch y, làm điều gì phạm luật, phải ra trước công chúng tăng để buộc tội; nếu ở trong làng xóm mà phạm luật, cũng phải ra trước chúng tăng để buộc tội; nếu trong năm chúng xuất gia mà làm điều phạm luật, thì phải ra trước các Tỷ Khuru, Tỷ Khuru Ni mà buộc tội, bởi thế cho nên lấy Phật làm đầu.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi:

-Tam Quy lấy gì làm tính?

Phật trả lời:

-Tam Quy lấy chỗ người khác dạy làm tính, hoặc không theo người dạy làm tính. Nghĩa là: Khi thụ Tam Quy, quì gối, chấp tay, miệng theo người xướng, mà đọc Tam Quy, thế là cả thân, khẩu đều theo người dạy, bởi vậy gọi là lấy chỗ người dạy làm tính. Nếu dốc lòng chí kính, tự mình xướng hiệu Tam Quy, không theo người khác, thế gọi là lấy chỗ không theo người khác làm tính.

Lại nữa, Tam Quy lấy thân, khẩu, ý, tức tam nghiệp, làm tính. Hoặc Tam Quy là Ngũ âm thiện; lấy ngũ âm thiện của chúng sinh là Tam Quy, lấy Tam Bảo làm chỗ sở quy, sở quy là nói theo nghĩa cứu hộ. Ví như người có tội đối với nhà Vua, chạy sang nước khác để cầu cứu. Vua nước ấy nói: “Nếu nhà người muốn được che chở, thì không được ra khỏi nước ta, và không được trái lệnh ta.” Chúng sinh cũng như vậy, vốn thuộc dòng ma, có tội sinh tử, quay về Tam Bảo để cầu sự cứu hộ.

Nếu thành tâm tin tưởng nơi Tam Bảo, không tin chỗ khác, không trái lời Phật dạy, thì Ma Vương tà ác chẳng làm gì được.

Trước có một con chim bồ câu bị một con chim cắt đuôi, bay đến núp sau bóng Ngài Xá Lợi Phất, nhưng vẫn thấy sợ hãi.

Sau nó bay đến núp bóng Như Lai, thì thấy thân nhiên, không sợ; dù cho bề lớn có thể rời đi, nhưng con chim đó bất động.

Sở dĩ thế, là vì Phật có đức đại từ, đại bi, còn Ngài Xá Lợi Phất chưa có được lòng đại từ bi; Phật đã hết tập khí, nhưng Ngài Xá Lợi Phất vẫn còn.

Phật đã tu hạnh Bồ Tát trong ba A tăng kỳ kiếp, Ngài Xá Lợi Phất mới tu tập khổ hạnh trong sáu mươi kiếp. Do đó, chim câu núp bóng Ngài Xá Lợi Phất, vẫn còn sợ hãi, mà núp bóng Phật thì thân nhiên không sợ vậy.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi:

-Nếu nói quy y Tam Bảo thì diệt trừ được tội ác, lòng được yên vui, thì sao Đề Bà Đạt Đa cũng quy y Tam Bảo, tín tâm xuất gia, thụ giới cụ túc, mà còn phạm tội tam nghịch, đến nỗi phải đọa vào địa ngục A Tỳ?

Phật đáp:

-Nói cứu hộ là cứu những người còn có thể cứu được mà thôi. Tội ác của Đề Bà Đạt Đa quá sâu nặng, hơn nữa, lại vì định nghiệp nên khó cứu nổi.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi:

-Nếu người tội nặng mà Phật không thể cứu được, thì người không có tội, không cần Phật cứu. Vậy tại sao lại nói Tam Bảo có sức cứu hộ?

Phật đáp:

-Đề Bà Đạt Đa tuy quy y Tam Bảo, nhưng tâm không thành thật, không đủ Tam Quy, thường ham danh lợi, tự cho mình là người hiểu biết hết thảy, cạnh tranh với Phật, cho nên Tam Bảo dù có sức lớn, cũng không thể cứu nổi.

Như A Xà Thế Vương, tuy phạm tội nghịch, đáng phải đọa vào địa ngục A Tỳ, nhưng nhờ lòng chí thành, biết cầu Phật ăn năn, nên giảm tội A Tỳ, chỉ phải đọa vào địa ngục Hắc Thắng, cũng như những tội nhân khác, chỉ trong bảy ngày, đều được thoát tội. Đó là nhờ sức cứu hộ của Tam Bảo vậy.

Ngài Ưu Ba Ly lại hỏi:

-Nếu tội của Đề Bà Đạt Đa không thể cứu được, thì tại sao có Kinh nói: “Nếu người nào quy y Phật, không phải sa vào ba đường ác”, là nghĩa gì?

Phật trả lời:

-Nhờ có quy y Tam Bảo nên dù phải vào địa ngục A Tỳ, nhưng Đề Bà Đạt Đa cũng bớt được phần khổ cực, và cũng có lúc tạm nghỉ.

Lại như có người ở trong rừng núi, hay chỗ hoang vắng đáng sợ, nếu họ tưởng niệm đến công đức của Phật, thì sự rùng rợn sẽ tiêu tan.

Như thế thì sự quy y Tam Bảo không phải là vô ích vậy.



Ngài Ưu Ba Ly hỏi:

Trong Tứ Đế, thì Tam Bảo thay thế cho Đế nào?

Trong hai mươi căn, Tam Bảo thay cho căn nào?

Trong mười tám giới, Tam Bảo thay cho giới nào?

Trong mười hai Nhập, Tam Bảo thay cho Nhập nào?

Trong năm Âm, Tam Bảo thay cho Âm nào?

Phật đáp:

Trong Tứ Đế thì Tam Bảo thay cho Diệt Đế và một phần Đạo Đế.

Trong hai mươi hai Căn, Tam Bảo thay cho ba Căn, tức là Căn chưa biết, Căn biết rồi, và Căn muốn biết.

Trong mười tám Giới, Tam Bảo thay cho Ý Căn Giới, Ý Thức Giới và Pháp Trần Giới.

Trong mười hai Nhập, Tam Bảo thay cho Ý Nhập và Pháp Nhập.

Trong năm Âm, Tam Bảo thay cho năm Âm vô lậu.

Trong Tứ Đế, Phật Bảo thay cho một phần Đạo Đế, Pháp Bảo thay cho Diệt Đế và Tăng Bảo cũng thay cho một phần Đạo Đế.

Trong mười hai Căn, Phật Bảo thay cho Căn muốn biết; Pháp Bảo vì là Diệt Đế vô vi, nên không thay cho Căn nào. Còn Tăng Bảo thay cho ba Căn vô lậu.

Trong mười tám Giới, Phật Bảo thay cho một phần Ý Căn Giới, Ý Thức Giới và Pháp Trần Giới; Pháp Bảo thay cho một phần Pháp Trần Giới; Tăng Bảo thay cho một phần Ý Căn Giới, Ý Thức Giới và Pháp Trần Giới.

Trong mười hai Nhập, Phật Bảo thay cho một phần Ý Căn Nhập và Pháp Trần Nhập; Pháp Bảo thay cho một phần Pháp Trần Nhập, Tăng Bảo cũng thay cho một phần Ý Căn Nhập và Pháp Trần Nhập.

Trong năm Âm, Phật Bảo thay cho một phần năm Âm vô lậu, Pháp Bảo thì không thay cho năm Âm, vì năm Âm thuộc về Hữu vi, còn Pháp Bảo thuộc về Vô vi. Tăng Bảo thay cho một phần năm Âm vô lậu.

Quy y Phật là quy y Phật Thích Ca Văn hay quy y Phật cả ba đời? Phật trả lời:

-Quy y Phật ba đời, vì Pháp thân của Phật cùng một thể, cho nên quy y một đức Phật tức là quy y chư Phật ở ba đời vậy.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi:

-Nếu nói quy y chư Phật ba đời, thì tại sao các người cõi Trời, mỗi người đều tự xưng là đệ tử của một đức Phật trong bảy vị Phật. Chẳng hạn, người thì nhận mình là đệ tử của Phật Ca Diếp, người thì nhận mình là đệ tử Phật Câu Lưu Tôn v.v... Như vậy, thì chỉ nên nói là quy y một đức Phật, chứ không nên nói là quy y chư Phật ba đời.

Phật trả lời:

-Không nên nói thế. Vì sao? Vì trong Kinh Tỳ Sa Môn nói: “Tỳ Sa Môn Thiên Vương quy y Tam Bảo, là quy y chư Phật ở quá khứ, hiện tại và vị lai”. Theo nghĩa đó thì phải nói là quy y chư Phật ba đời.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Nếu thế thì như các người cõi trời kia, đều tự nhận mình là đệ tử của một đức Phật, nghĩa là sao?

Phật đáp:

-Không thể căn cứ vào lời chư thiên nói mà cho là nghĩa nhất định được.

Chư thiên nhận là quy y một đức Phật, nhưng thật ra thì quy y chư Phật ở ba đời, song chỉ lấy một vị Phật đã xuất thế để chứng minh thôi.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Quy hướng vào đâu gọi là quy y Phật?

Phật đáp:

-Quy y Phật nghĩa là quay về với cái bản tính chân như, đầy đủ trí tuệ công đức của mình.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Như vậy thì quy y sắc thân hay quy y pháp thân?

Phật trả lời:

-Quy y pháp thân chư không quy y sắc thân.

Đừng tưởng sắc thân là Phật; nó chỉ là cái thân hư vọng mà thôi.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Nếu sắc thân là hư vọng, không phải Phật, thì tại sao Đền Bà Đạt Đa làm cho thân Phật chảy máu, lại mắc tội nghịch?

Phật trả lời:

-Sắc thân tuy là giả dối, nhưng là chỗ sở y của Pháp thân, nghĩa là pháp thân phải nương tựa vào sắc thân; cho nên làm hại sắc thân tức là làm hại thân Phật, vì thế mà phạm tội nghịch vậy.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Nương tựa vào đâu gọi là quy y Pháp? Phật đáp:

-Đoạn trừ hết thấy dục vọng để hướng về Niết Bàn, thế gọi là quy y Pháp.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Như thế thì quy y cái vô dục của chính mình hay quy y cái vô dục của người khác?

Phật trả lời:

-Quy y cái vô dục của mình và cái vô dục của người, gọi là quy y Pháp.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Quy y Tăng là quy y vào đâu?

Phật đáp:

-Quy y Tăng là hướng về ruộng phúc tốt lành, nghĩa là hướng tới quả vị Thanh Văn hữu học, và vô học đầy đủ công đức vậy. Thế gọi là quy y Tăng.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Thế thì quy y Tục Đệ Tăng hay quy y Đệ Nhất Nghĩa Tăng?

Nếu quy y Đệ Nhất Nghĩa Tăng, thì vì lẽ gì khi Phật thụ Tam Quy cho hai người lái buôn là Đề Vị và Ba Lợi, Phật lại dặn họ: “Sau này có Tăng, các người phải nên quy y.” Sao Phật không nói: “Đệ Nhất nghĩa Tăng thường ở thế gian, các người phải nên quy y?”

Phật trả lời:

-Vì Tục Đệ Tăng là chỗ sở y của Đệ Nhất Nghĩa Tăng, cho nên Như Lai mới nói sau này có Tăng, họ phải quy y. Và Như Lai nói thế cũng là vì muốn tôn trọng Tục Đệ Tăng vậy.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi:

-Phật cũng là Pháp, Pháp cũng là Pháp, mà Tăng cũng là Pháp, như thế chỉ có một Pháp, chứ có chi sai khác?

Phật trả lời:

-Tuy là một Pháp, nhưng theo nghĩa mà nói thì có khác nhau. Chẳng hạn, nói về Tam Bảo thì Vô Sư Trí, quả vị Vô học và hết thầy công đức là Phật Bảo; Diệt Đế vô vi là Pháp Bảo, công đức, trí tuệ của quả vị Thanh Văn hữu học và vô học là Tăng Bảo.

Nói về Pháp, thì trí vô sư và pháp vô học là Phật Bảo, Diệt Đế vô vi, không phải pháp hữu học, cũng không phải pháp vô học, là Pháp Bảo, Thanh Văn học và Vô học là Tăng Bảo.

Nói về căn thì Phật là Căn vô tri (vi), Pháp thì không căn, Tăng là ba Căn vô lậu. Nói về Tứ Đế thì Phật là Đạo Đế, Pháp là Diệt Đế, Tăng là một phần Đạo Đế.

Nói về quả Sa Môn, thì Phật là Sa Môn, Pháp là quả Sa Môn, Tăng cũng là Sa Môn.

Nói về Bà La Môn thì Phật là Bà La Môn, Pháp là quả Bà La Môn, Tăng cũng là quả Bà La Môn.

Nói về Phạm Hạnh thì Phật là Phạm Hạnh, Pháp cũng là Phạm Hạnh quả, Tăng cũng là Phạm Hạnh.

Nói về Nhân quả thì Phật là Nhân, Pháp Bảo là quả, Tăng là Nhân, Pháp Bảo cũng là quả.

Nói về Đạo quả thì Phật là Đạo, Pháp Bảo cũng là quả, Tăng là Đạo, Pháp Bảo cũng là quả. Phật lấy Pháp làm thầy, Phật do Pháp sinh ra, Pháp là mẹ của Phật, Phật nương vào Pháp mà trụ.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Phật lấy Pháp làm thầy vậy tại sao trong Tam Bảo lại không xưng Pháp trước?

Phật đáp:

-Pháp tuy là thầy, nhưng nếu không có Phật thì Pháp không được mở rộng, bởi thế thường nói: “Đạo do người mở mang”, cho nên Phật đứng đầu Tam Bảo là thế.

Lúc bấy giờ Ngài Ưu Ba Ly lại hỏi Phật rằng: “Bạch Thế Tôn, nếu khi thụ Tam Quy, xưng Pháp Bảo trước rồi sau mới xưng Phật, có được không?”

Phật trả lời:

-Nếu người không hiểu biết, đọc không theo thứ tự, họ không mắc tội, cũng thành Tam Quy được. Nhưng nếu người hiểu biết, mà cố tình đọc sai thứ lớp thì phải mắc tội, và không thể thành được Tam Quy.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Nếu chỉ xưng Phật và Pháp, mà không xưng Tăng, có thành Tam Quy không? Hoặc xưng Pháp và Tăng mà không xưng Phật, có thành Tam Quy không?

Hay chỉ xưng Phật và Tăng mà không xưng Pháp, có thành Tam Quy không?

Phật đáp:

-Tất cả đều không thành Tam Quy, vì không đủ Tam Bảo.

Ưu Bà Ly hỏi:

-Nếu không thụ Tam Quy mà thụ ngay Ngũ giới, có được không?

Hoặc không thụ Tam Quy mà thụ ngay Bát giới, có thành không?

Hay không thụ Tam Quy có được thụ Thập giới không?

Nếu không bạch Tứ Yết Ma, có được thụ giới Cụ Túc không?

Phật trả lời:

-Hết thầy đều không được. Nếu muốn thụ Ngũ giới, trước phải thụ Tam Quy.

Thụ Tam Quy, xong mới được thụ Ngũ giới. Sở dĩ phải nói tên của năm giới, là vì muốn cho người thụ biết rõ tên các giới, cũng như bạch bốn lần Yết Ma rồi mới được thụ giới Cụ Túc.

Còn phải nói đến bốn y, bốn đọa và mười ba tăng tàn, cũng là vì muốn cho người thụ giới rõ vậy.

Thụ Tam Quy xong, nói đến giới sát, v.v...bây giờ mới được giới.

Nếu một giới giữ được thì năm giới cũng có thể giữ được, bởi thế nói một giới mà gồm được cả năm giới.

Hơn nữa, trong năm giới phân biệt rõ ràng, nên tự ý phát nguyện thụ cả năm giới.

Nói thụ năm giới rồi sau được giới, song trong tất cả thuyết nói trên, đều nên phải thụ Tam Quy rồi mới thụ ngũ giới, như thế mới đúng nghĩa.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Như một người Ưu Bà Tắc, trước đã thụ Tam Quy rồi sau nếu muốn thụ năm giới, tám giới hoặc mười giới, thì có cần phải thụ lại Tam Quy nữa không?

Phật đáp:

-Không cần phải thụ tam Quy nữa cũng được các giới, vì trước đã thụ Tam Quy rồi.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Nếu trước không thụ Tam Quy mà bạch ngay Tứ Yết Ma, thì có được giới Cụ Túc không?

Phật đáp:

-Nếu thụ năm giới, tám giới và mười giới, thì trước cần phải thụ Tam Quy rồi sau mới thụ các giới đó, thì mới thành giới.

Nhưng nếu thụ giới Cụ Túc thì cần phải bạch Tứ Yết Ma mới thành giới, chứ không cần phải thụ Tam Quy trước. Là vì công đức của giới Cụ Túc rất sâu dày, nếu không nhờ nhiều duyên sức khác thì không thành được giới.

Cho nên Tam Quy không đủ mà phải có ba vị Hòa Thượng và bảy vị tôn chứng, bạch Tứ Yết Ma mới thành được giới Cụ Túc vậy.

Còn như năm giới, tám giới và mười giới ít công đức, cho nên nếu thụ Tam Quy là được thành giới, không cần nhiều duyên sức khác như giới Cụ Túc.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Tại sao khi thụ giới Cụ Túc rồi chỉ nói đến bốn tội và mười ba tội tăng tàn, mà không nói đến các giới khác?

Phật đáp:

-Hai đoạn giới này là những giới nặng nhất, nếu phạm một giới, khó trở lại thanh tịnh được.

Tuy có thể trở lại thanh tịnh được nhưng cách sám hối rất khó.

Người phạm giới này phải hành pháp Ba Lợi Bà Sa và Ma Na Đỏa, sau phải đối trước hai mươi vị Tăng mà sám hối mới được thanh tịnh.

Những giới đó rất khó giữ, còn các giới khác thì dễ giữ, cho nên không cần nói.

Bởi thế chỉ nói đến hai đoạn Tứ đọa và Thập Tam Tăng Tàn, mà không nói đến những đoạn khác.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Giới Ba La Đề Mộc Xoa này là Vô lậu giới hay Thiên giới?

Phật đáp:

-Không phải Vô lậu giới, cũng không phải Thiên giới. Nếu có Phật ra đời thì mới có giới Ba La Đề Mộc xoa, nếu không có Phật ra đời thì không có.

Nhưng Thiên giới và Vô lậu giới, thì dù có Phật ra đời hay không, lúc nào cũng có cả.

Giới Ba La Đề Mộc Xoa phải do người dạy, còn Thiên giới và Vô lậu giới không do người dạy.

Giới Ba La Đề Mộc Xoa phải có người truyền, còn Thiên giới và Vô lậu giới không cần người truyền.

Bất luận lúc ngủ hay thức, tâm thiện, tâm ác, hay tâm không thiện không ác, lúc nào cũng có giới Ba La Đề Mộc Xoa, nhưng Thiên giới và Vô lậu giới thì chỉ tâm Thiên định và tâm vô lậu mới có, ngoài ra trong các tâm vọng niệm thì không có.

Giới Ba La Đề Mộc Xoa chỉ ở cõi người mới có, nhưng Thiên giới và Vô lậu giới thì cả cõi người và cõi trời đều có.

Giới Ba La Đề Mộc Xoa chỉ có ở cõi Dục, còn giới Vô lậu và Thiên giới thì ở cõi Dục cũng như cõi Sắc, đều thành tựu cả.

Giới Ba La Đề Mộc Xoa chỉ đệ tử Phật mới có, nhưng Thiên giới thì không những đệ tử Phật mới có, mà cả đệ tử của ngoại đạo cũng có.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Trong năm giới của Ưu Bà Tắc, thì giới nào là tính tội, giới nào là tội cấm?

Phật trả lời:

-Bốn giới: Sát sinh, trộm cắp, tà dâm và nói dối là tính tội, còn giới uống rượu là tội cấm. Vì uống rượu mà có thể phạm bốn giới kia, cho nên đặt thành giới thứ năm.

Uống rượu là nguồn gốc của sự buông lung, đông dờ, có thể dễ phạm vào bốn giới khác.

Như trong thời đức Phật Ca Diếp, có một người Ưu Bà Tắc, vì say rượu mà phạm giâm với vợ người khác, bắt gà của người ta mà giết, đến khi người ta hỏi tại sao, thì lại chối là không làm gì cả. Vì say rượu, có thể trong một lúc phá cả bốn giới. Lại vì say rượu, có thể gây nên bốn tội nghịch nữa, duy có tội phá hòa hợp Tăng là không thể gây được mà thôi.

Tuy không phải là túc nghiệp, nhưng vẫn phải chịu quả báo cuồng loạn, vì uống rượu, nên tâm hồn trở nên mê man, rối loạn, cũng như người điên.

Lại cũng vì say rượu mà bỏ mất chính nghiệp như: Ngồi thiền, tụng kinh hoặc giúp đỡ công việc trong chúng.

Do đó, uống rượu tuy không phải là tính tội, nhưng cũng không khác gì tính tội.



Ngài Ưu Bà Ly lại hỏi Phật rằng:

-Trong năm giới của Ưu Bà Tắc thì chỉ đối với chúng sinh mới là giới cấm, không được phạm, hay đối với các loài không phải là chúng sinh, như Thiên, Long, Quỷ, Thần v.v...cũng là giới cấm không được phạm?

Lại nữa, đối với chúng sinh có thể giết hại, có thể trộm cướp, có thể tà dâm, có thể nói dối, thì mới là giới cấm, không được phạm.

Còn đối với Thiên, Long, Quỷ thần, không phải là chúng sinh, không thể sát hại, không thể trộm cướp, không thể tà dâm, không thể nói dối, cũng là giới cấm, không được phạm sao?

Phật trả lời:

-Đối với chúng sinh, thì có bốn giới đầu, đối với loài không phải chúng sinh, thì có giới cấm thứ năm.

Nhưng, nếu nói rộng ra, thì dù chúng sinh có thể giết hại, không thể giết hại, có thể trộm cướp, không thể trộm cướp, có thể tà dâm, không thể tà dâm, có thể nói dối, không thể nói dối, hết thảy đều có giới cấm, không được phạm.

Dưới từ địa ngục A Tỳ, trên từ cõi trời Phi Phi Tướng, và trong ba ngàn đại thiên thế giới, cho đến Như Lai, hết thảy mọi loài có sinh mệnh, đều có giới cấm, không được phạm, vì ngay lúc thụ giới, tất cả đều không được sát hại, không được trộm cướp, không được tà dâm, không được nói dối. Bởi vậy, hết thảy chúng sinh đều có giới cấm.

Cho nên, phạm thụ giới pháp, trước phải nói các giới cho người ta nghe, chỉ bày, giải thích cho người ta hiểu, để lượng sức mình xem có lãnh thụ được không, nếu được họ sẽ sinh lòng khao khát, do đó mới phát tâm tinh tiến mà tu trì.

Còn phép thụ giới, thì tất cả chúng sinh đều có bốn giới, và bốn giới này lại khác nhau, nên thành mười hai giới.

Chẳng hạn, không được giết hại, không được trộm cướp, không được tà dâm, không được nói dối, mà nếu phạm vào bốn giới đó, đều do ba có: Một là vì tham, hai là vì sân, ba là vì si.

Như vậy thì ai ai cũng có mười hai điều ác và nếu làm trái lại với mười hai điều ác ấy, thì thành được mười hai giới thiện.

Hết thủy mọi loài chúng sinh đều như thế, ví thử một trăm vạn hay ngàn vạn vị A La Hán được vào Niết Bàn, thì từ vị La Hán đầu tên cho đến vị La Hán cuối cùng, đều do công đức trì giới mà được thành tựu đạo quả.

Nhưng đừng tưởng rằng các vị La hán đã chứng quả thì các giới cũng không còn nữa đâu.

Chẳng hạn đã thụ giới “không uống rượu” thì trọn đời không uống rượu, vì khi thụ giới đã phát nguyện, dù khắp trong ba nghìn thế giới có các thứ rượu, cũng không bao giờ uống nữa.

Giả sử không còn ai làm rượu chăng nữa, thì giới do vẫn thường được trì, mà không bị bỏ mất vậy.

Ngài Ưu Bà Ly hỏi:

-Một người trước khi thụ giới, đối với hết thủy nữ nhân, không phạm giới dâm, nhưng sau lại lấy vợ, thì có phạm giới dâm không?

Phật đáp:

-Không phạm. Là vì đối với tất cả nữ nhân, không được tà dâm, nhưng đây là vợ mình, thì không phải tà dâm, nên không phạm giới đó.

Lấy nghĩa ấy mà suy ra, thì tất cả đều thế.

Tám giới, mười giới, Chúng sinh hay Thiên Long, Quỷ thần được giới cũng thế. Trong hai trăm năm mươi giới, thì hết thủy chúng sinh đều được bảy giới.

Trong bảy giới này, phân biệt về nghĩa, thì có hai mươi một giới.

Thí dụ: Chúng sinh nào thân tạo ba điều ác, và miệng tạo bốn, thành bảy điều ác, thì khi tạo những điều ác đó phải có đủ ba yếu tố: Một là vì tham, hai là vì sân, và ba là vì si mà tạo. Do ba yếu tố đó mà gây nên bảy điều ác, cho nên ba bảy thành hai mươi một giới ác.

Nếu làm trái lại hai mươi một giới ác ấy thì thành được hai mươi một giới thiện. Một chúng sinh được hai mươi một giới tương như thế thì hết thủy chúng sinh khác cũng vậy.

Lấy đó mà suy, thì trong một lúc có thể được vô lượng giới, nhưng không thể phạm hết các giới trong một lúc, song có thể xả tất cả giới trong một lúc.

Nói về phép phá giới, nếu phá bốn giới nặng, thì kể như mất giới, nếu phá giới rồi, sau thụ lại, cũng không được giới. Chẳng hạn như đã phá một giới nặng trong Bát trai giới, sau lại thụ tám giới, năm giới, mười giới, hoặc hai trăm năm mươi giới, thiên giới và giới vô lậu, hết thấy đều không được.

Nếu trong năm giới mà phá hết bốn giới nặng rồi, sau có thụ tám giới, mười giới, giới Cụ Túc, giới vô lậu hay thiên giới, đều không thành giới.

Nếu phá cả năm giới rồi, muốn xả năm giới để thụ mười giới, thì lại không thể được nữa.

Nếu đã phá và xả năm giới, tám giới, mười giới, Cụ Túc giới, Vô lậu giới và Thiên giới, hết thấy đều không được.

Nếu đã phá những giới nặng trong mười giới và giới Cụ Túc, muốn được giới lại nên mới xả giới để thụ lại, thì cũng như trong năm giới đã nói ở trên, nghĩa là không được.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi:

-Thiên giới, Vô lậu giới và Ba La Đề Mộc Xoa, trong ba giới đó thì giới nào hơn hết?

Phật đáp:

-Ba La Đề Mộc Xoa hơn hết. Là vì nếu Phật có ra đời thì mới có giới này còn Thiên giới và Vô lậu giới thì thời nào cũng có.

Chỉ có loài người mới được thụ trì Ba La Đề Mộc Xoa giới, còn Thiên giới và Vô lậu giới thì người cũng như trời đều được cả.

Đối với hết thấy chúng sinh, phải sinh lòng thương xót, mới được thụ Ba La Đề Mộc Xoa giới, còn Thiên giới và Vô lậu giới thì không do lòng từ bi cũng được.

Sở dĩ duy trì được Phật pháp, là nhờ có Thất chúng, đạo quả Tam Thừa còn mãi ở thế gian, không bao giờ dứt, đều là nhờ lấy Ba La Đề Mộc Xoa làm gốc.

Thiên giới, Vô lậu giới thì không thể, cho nên trong ba cõi Ba La Đề Mộc Xoa giới tôn quý hơn hết.

Khi sắp thụ giới, bạch Tứ Yết Ma rồi, là giới tướng đã thành tựu. Một mối nghĩ về giới tướng lúc ban đầu gọi là thiện nghiệp, cũng gọi là đạo nghiệp.

Nhưng nếu có một niệm ban đầu rồi, sau mới sinh giới tướng, thì chỉ là thiện nghiệp thôi, chứ chưa phải là đạo nghiệp.

Là vì một niệm về giới tướng lúc đầu, có đầy đủ hai phần “tu” và “nguyện” và vì thế nên gọi là “Tu” đạo nghiệp.

Trước lấy giới làm nhân, sau giới tướng tự nhiên phát sinh, cho nên gọi là thiện nghiệp mà không phải là đạo nghiệp.

Chẳng hạn như một niệm về giới đầu tiên, có “giới tướng”, “giới tính” rồi sau lần lượt sinh ra các giới, nhưng chỉ có giới tính mà không có giới tướng, cho nên một niệm về giới lúc đầu, cũng gọi là giới, cũng gọi là hạnh lành, hoặc gọi là luật nghi. Sau đó, các giới tiếp tục phát sinh, thì cũng theo nghĩa ấy.

Ưu Ba Ly lại hỏi Phật:

-Trong ba đời, thì đời nào được giới?

Phật trả lời:

-Ở hiện tại, chỉ một niệm là được giới, còn quá khứ và vị lai là pháp, chứ không phải chúng sinh, cho nên không được giới, hiện tại một niệm là chúng sinh, cho nên được giới.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Vậy thì ở trong tâm thiện mà được giới, hay trong tâm bất thiện, hoặc trong tâm vô ký, hay trong cái vô tâm mà được giới?

Phật đáp:

-Trong hết thảy các thứ tâm ấy đều được cả.

Trước hết phải lấy thiện tâm mà làm lễ Tăng, thỉnh cầu thầy Hòa Thượng, xin thụ đại giới, quỳ gối chấp tay, bạch Tứ Yết Ma xong, thiện tâm vẫn tiếp tục, đến khi giới tướng được thành tựu, như thế gọi là trong thiện tâm mà được giới.

Nếu lúc đầu lần lượt theo các pháp, thường sinh thiện tâm mà nghe lời truyền giới, nhưng đến khi bạch Tứ Yết Ma, thì lại phát khởi tâm tham dục, tâm sân hận và các niệm bất thiện, nếu trong lúc ấy, mà thành tựu các giới tướng, thì gọi là trong tâm bất thiện mà được giới, là vì phải nhờ sức thiện tâm mới được giới chứ không phải nhờ sức tâm bất thiện vậy.

Nếu lúc đầu, lấy thiện tâm mà nghe lời giảng dạy về giới luật, nhưng khi bạch Tứ Yết Ma lại buồn ngủ, và nếu trong lúc ngủ ấy mà sinh các giới tướng, thì gọi là trong tâm vô ký mà được giới.

Nếu lúc đầu lấy tâm thiện mà nghe lời truyền giới, nhưng đến khi bạch Tứ Yết Ma lại vào định Diệt Tận, nếu ngay lúc đó mà thành tựu các giới tướng, thì gọi là trong các vô tâm mà được giới vậy.

Ngài Ưu Bà Ly lại hỏi Phật:

-Nếu người tại gia không thụ năm giới mà khi xuất gia, thụ ngay mười giới như thế có thành giới không?

Phật trả lời:

-Nếu như thế thì một lúc được hai loại giới: Được giới Ưu Bà Tắc và được giới Sa Di. Nếu không thụ năm giới, mười giới, mà thụ ngay hai trăm năm mươi giới, thì một lúc được ba loại giới.

Ưu Ba Ly lại hỏi:

-Nếu thụ hai trăm năm mươi giới mà đồng thời được ba loại giới, thì hà tất phải theo thứ lớp trước thụ năm giới, kế thụ mười giới rồi mới thụ hai trăm năm mươi giới?

Phật đáp:

-Tuy có thể đồng thời được ba loại giới đấy, nhưng muốn được thắm nhuần Phật pháp, tất phải theo thứ lớp, trước thụ năm giới để điều phục lấy mình, khiến cho lòng tin tăng dần, kế thụ mười giới rồi, thiện căn càng thêm sâu, sau mới thụ hai trăm năm mươi giới.

Nếu theo thứ lớp như thế, thì thâm nhiễm được Phật pháp, lòng tin vững bền, khó có thể thoái chuyển, cũng như đi vào bể lớn, dần dần tới chỗ thật sâu, vào bể Phật pháp, cũng lại như thế.

Nếu một lúc mà thụ ngay hai trăm năm mươi giới, thì không những đã mất thứ lớp mà lại còn phá uy nghi nữa. Hơn nữa, cũng có người chỉ thụ năm giới mà được đạo quả, cũng có người do thụ mười giới mà được đạo quả.

Bởi những sự khác nhau ấy, cho nên Như Lai mới đặt ra thứ tự.

Nếu trước thụ năm giới, kế thụ mười giới, thì trong lúc thụ mười giới cũng thành tựu hai loại giới, nghĩa là năm giới, và mười giới.

Thụ mười giới rồi, sau thụ đến hai trăm năm mươi giới, thì trong lúc thụ hai trăm năm mươi giới, cũng thành tựu được ba loại giới, nghĩa là ngũ giới, thập giới, và Cụ túc giới.

Như trong phép thụ giới của bảy chúng, thì duy chỉ có giới bạch Tứ Yết Ma là phải lần lượt ba thời mới được giới, còn sáu chúng khác thì chỉ thụ một thời cũng được giới chứ không cần phải theo thứ lớp ba thời.

Nếu một lúc thụ được ba loại giới, khi muốn xả giới, nếu nói rằng: “Tôi là Sa Di, không phải Tỷ Khuru”, thì mất giới Cụ Túc, chỉ còn hai loại giới. Nghĩa là ngũ giới và thập giới.

Nếu nói rằng: “Tôi là Ưu Bà Tắc không phải Sa Di”, thì mất mười giới, chỉ còn năm giới.

Nếu nói rằng: “Tôi xả hết các giới tại gia, xuất gia. Tôi chỉ là Ưu Bà Tắc Quy y mà thôi”, thì đồng thời mất hết ba loại giới, nhưng Tam Quy vẫn còn.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi:

-Nếu khi thụ giới, theo thứ lớp được ba loại giới, thì khi xả giới cũng theo thứ tự: Chẳng hạn trước đã thụ giới Ưu Bà Tắc, sau xuất gia thụ thập giới, có phải xả ngũ giới, trước không?

Phật trả lời:

-Không phải xả, chỉ mất danh Ưu Bà Tắc và tại gia, chứ không mất ngũ giới. Mất danh Ưu Bà Tắc, được danh Sa Di, mất thứ lớp tại gia, được thứ lớp xuất gia.

Ưu Bà Ly hỏi:

-Sa Di khi thụ giới Cụ Túc, có mất thập giới và ngũ giới không?

Phật đáp:

-Chỉ mất danh và thứ lớp, chứ không mất giới.

Mất danh Sa Di, được danh Tỷ Khuru; mất danh thứ lớp Sa Di, được thứ lớp Tỷ Khuru, trước, sau vẫn là ba loại giới, nhưng tùy thời mà thay đổi tên gọi.

Cũng như lá cây, mùa xuân, mùa hạ thì xanh, mùa thu thì vàng, mùa đông thì trắng, màu sắc có khác những lá cây vẫn một.

Giới cũng như thế, thường là một giới, nhưng tùy thời mà có những tên gọi khác nhau. Hay cũng như sữa để lâu thành váng sữa và sau thành sữa đặc, tùy thời có khác, nhưng vẫn là sữa.

Giới cũng vậy, tuy có ba loại khác nhau, nhưng giới vẫn là một.

Ưu Ba Ly lại hỏi Phật rằng:

-Phàm thụ giới Ưu Bà Tắc, nếu người không đủ sức thụ cả năm giới, mà chỉ thụ một giới, hai giới, hay bốn giới thôi, như thế có được không?

Phật trả lời:

-Không được.

Ưu Ba Ly lại hỏi:

-Nếu không được, thì tại sao lại có Kinh nói “Thiếu phạm Ưu Bà Tắc”, “Đa phạm Ưu Bà Tắc”, là thế nào?

Phật đáp:

-Nói như thế là để minh định cái công đức trì giới nhiều hay ít, chứ không phải nói cái phép thụ giới như thế được.

Ưu Ba Ly lại hỏi Phật:

-Năm giới chỉ thụ trì trong một ngày, hai ngày hay mười ngày, như thế có được không?

Phật trả lời:

-Không được. Phật đặt ra giới, đều có hạn định, nếu thụ năm giới, phải giữ trọn đời; nếu thụ tám giới, phải trì một ngày, một đêm, bởi thế không được.

-Phàm giới bạch Tứ Yết Ma, đều có thượng, trung, hạ. Năm giới là giới hạ phẩm; mười giới là giới trung phẩm, hai trăm năm mươi giới là giới thượng phẩm.

Trong năm giới, cũng có ba phẩm, nếu phát tâm nhỏ mà thụ giới, thì được hạ phẩm; nếu phát tâm vừa mà thụ giới, thì được giới trung phẩm; nếu phát tâm lớn mà thụ giới, thì được giới thượng phẩm; mười giới, hai trăm năm mươi giới đều có ba phẩm, cũng như trong năm giới nói trên.

Nếu phát tâm nhỏ mà được năm giới rồi, sau phát tâm vừa hay tâm lớn mà thụ mười giới, thì trước cũng được năm giới, chứ không thêm, không hơn.

Từ giới thứ sáu cho đến giới “Quá giờ không ăn” nghĩa là ngoài năm giới, thì gọi là được “năm giới tăng thượng”.

Nếu trước phát tâm nhỏ mà được năm giới, thì cũng vẫn được năm giới hạ phẩm thôi. Lại như trước phát tâm nhỏ mà thụ năm giới, sau phát tâm vừa và tâm lớn mà thụ hai trăm năm mươi giới, thì trước cũng chỉ được năm giới, không thêm, không hơn.

Ngoài năm giới ra, các giới khác cũng thế, nếu khi thụ giới mà tâm thêm lên, thì được giới tăng thượng. Lấy đó mà suy, thì giới Ba La Đề Mộc Xoa không phải dễ được.

Theo thứ tự mà nói, thì năm giới là hạ phẩm, mười giới là trung phẩm, hai trăm năm mươi giới gọi là thượng phẩm.

Theo nghĩa đó mà suy, thì cũng có thể là: Nếu phát tâm lớn mà thụ năm giới, thì được giới thượng phẩm; nếu phát tâm vừa mà thụ mười giới, thì được giới trung phẩm; nếu phát tâm nhỏ mà thụ hai trăm năm mươi giới thì được hạ phẩm.

Căn cứ vào đó thì biết rằng, cứ tùy ở tâm, có lớn, vừa, nhỏ, mà được giới cũng có thượng, trung, hạ, không giống nhau, không nhất định vậy.

Nếu tỉnh thầy Hòa Thượng, mà trong lúc thụ mười giới, Hòa Thượng không đến, thì cũng được giới.

Nếu trong khi thụ mười giới, mà thầy Hòa Thượng chết, hoặc biết tin đã chết, thì thụ giới không được; nếu chết mà không biết, thì thụ giới, được giới. Nếu trong lúc bạch Tứ Yết Ma thụ giới Cụ Túc, mà thầy Hòa Thượng vắng mặt, thì không được thụ giới; là vì không đủ tăng số; nếu đủ tăng số và có người thay mặt cho Hòa Thượng, thì được thụ giới.

Ngài Ưu Ba Ly lại hỏi Phật rằng:

-Người Ưu Bà Tắc thụ năm giới, có được buôn bán không?

Phật trả lời:

-Được buôn bán, nhưng không được làm năm nghề sau đây:



1. Không được lấy việc buôn bán súc sinh làm nghề nghiệp. Nếu trước khi thụ giới, nhà có nuôi súc vật, được phép bán đi, nhưng không được bán cho nhà đồ tể.

2. Không được làm nghề buôn bán cung, tên, dao, kiếm, súng đạn. Trước khi thụ giới, nếu có các thứ đó, thì được bán đi.

3. Không được làm nghề bán rượu. Trước khi thụ giới, nếu có rượu, thì được đem bán.

4. Không được ép dầu, sát hại côn trùng. Vì cách ép dầu ở nước Thiên Trúc và nước Kế Tân là: Giã nhỏ hạt gai, đem chôn xuống đất mấy ngày, khi nào sanh ra nhiều trùng mới đem ra ép, để được nhiều dầu. Nhưng nếu xứ nào không làm theo cách ấy, thì ép dầu không phạm giới.

5. Không được làm nghề nhuộm năm sắc lớn, vì phải giết nhiều sâu bọ. Cách nhuộm màu sắc ở các nước Lạc Sa v.v... phải giết nhiều côn trùng bởi thế cấm làm nghề nhuộm.

Ưu Ba Ly lại hỏi Phật:

-Phép thụ “Bát quan trai”, không được ăn quá Ngọ. Nhưng không ăn quá Ngọ là giới thứ chín, vậy tại sao không nói là “Cửu quan trai”, mà gọi là “Bát quan trai”?

Phật đáp:

-Phạm phép ăn chay là lấy sự không ăn quá Ngọ làm thể. Tám giới cùng giúp đỡ cho thành cái “thể” của phép ăn chay, gọi là “Trai pháp Bát Chi” cho nên nói Tám giới mà không gọi là Chín giới vậy.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Người thụ Bát quan trai giới, trong bảy chúng, họ thuộc chúng nào?

Phật trả lời:

-Tuy không thụ giới trọn đời, nhưng vì họ giữ giới trong một ngày đêm; thì cũng có thể gọi là Ưu Bà Tắc.

Ưu Ba Ly lại hỏi:

-Ngoài bảy chúng ra, có giới Ba La Đề Mộc Xoa không?

Phật đáp:

-Có Bát trai giới đó. Lấy đầy mà suy, thì nếu thụ Bát trai giới, không thuộc vào bảy chúng vậy. Phép thụ Bát trai giới, chỉ nói không sát sinh trong một ngày, một đêm thôi, ngoài ra không cấm. Cho nên đừng lầm lẫn với giới tướng trọn đời.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Phép thụ Bát trai giới, có được thụ một lúc trong hai ngày, ba ngày cho đến mười ngày không?

Phật trả lời:

-Phật đã chế ra giới một ngày, một đêm, thì không được quá hạn. Nếu có sức thụ được, thì một ngày xong rồi, lại lần lượt thụ lại, cứ như thế tùy sức nhiều hay ít, chứ đừng tính số ngày. Phạm thụ Bát trai pháp, là phải theo người khác dạy, mới được thụ.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Theo người nào mà thụ?

Phật trả lời:

-Theo người trong năm chúng xuất gia mà thụ. Đã thụ Tám giới, mà đánh đập chúng sinh, thì không được thanh tịnh. Tuy ngay hôm thụ giới, không đánh đập nhưng hôm sau mà đánh đập chúng sinh, cũng không được thanh tịnh.

Nói tóm lại, nếu thân, khẩu, ý làm những việc trái uy nghi, tuy không phạm giới, nhưng cũng mất thanh tịnh. Nếu thân, khẩu, thanh tịnh, nhưng tâm lại khởi lên những ý tưởng tham dục sân hận, và não hại, thì cũng không được thanh tịnh.

Nếu thân, khẩu, ý ba nghiệp đều thanh tịnh, nhưng lại không tu sáu niệm, thì cũng mất thanh tịnh.

Thụ Tám giới rồi, siêng tu sáu niệm, mới được gọi là trai pháp thanh tịnh.

Nếu làm đến Vua cõi Diêm Phù Đề, giàu có tự tại, vàng bạc, của báu, không thiếu thứ gì. Tuy có những công đức như thế, nhưng nếu đem chia ra làm mười sáu phần, thì công đức của Vua Diêm Phù Đề không bằng một phần công đức giữ Bát quan trai giới được hoàn toàn thanh tịnh.

Nếu người muốn thụ pháp Bát quan trai nhưng trước khi thụ, làm những điều phóng túng, như ham mê sắc dục, đàn địch, ca hát, ăn thịt uống rượu và

bày mọi trò vui, phóng tâm làm những việc ấy rồi, sau mới thụ Bát trai giới, như thế bất luận trước sau, đều không thành trai giới.

Nếu người trong tâm không định thụ giới Bát trai, mà làm các việc phóng túng ấy, sau gặp Thiện trí thức dạy cho, liền thụ Bát trai giới, thì bất luận trước sau, đều thành được trai giới.

Nếu người muốn thụ Bát trai giới, mà gặp nhiều việc khó khăn, chướng ngại, không được tự tại, nhưng sau giải quyết xong các việc khó khăn, rồi thụ Bát trai giới, thì bất luận trước sau, đều thành trai giới.

Ngài Ưu Ba Ly hỏi:

-Nếu người muốn thụ có hạn, thí dụ chỉ thụ trai pháp ban ngày mà không thụ trai pháp ban đêm hoặc chỉ thụ trai pháp ban đêm mà không thụ trai pháp ban ngày, như thế có được tám giới không?

Phật trả lời:

-Không được. Là vì Phật đặt ra trai pháp, cho thụ một ngày một đêm đã có hạn định như vậy, không được làm sai.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Nếu không được, thì tại sao trong luận Bì Cách nói rằng: “Úc Nhĩ ở chỗ đồng không mông quạnh, thường thấy các loài quý đỏi, chịu mọi tội khổ; hoặc ban ngày hưởng phúc, ban đêm chịu tội. Hoặc ban đêm hưởng phúc, ban ngày phải chịu tội. Sở dĩ như thế, là vì trước kia, khi họ làm người, ban ngày thì thụ giới pháp, ban đêm thì làm việc ác, hoặc ban đêm thụ giới pháp, ban ngày lại làm các hạnh chẳng lành”, thì nghĩa ấy ra sao?

Phật đáp:

-Phàm là nhân duyên kiếp trước, thì không thể căn cứ vào lời nói đó được. Luận Bì Cách không phải là Kinh Luật, cho nên không thể căn cứ vào đó để định nghĩa các thực được. Điều ấy có khi là ông Ca Chiên Diên, vì muốn độ Úc Nhĩ, mà biến hiện như thế để hóa độ Úc Nhĩ, chứ không phải sự thực.

Khi thụ trai rồi nếu muốn xả trai, không cần phải cầu năm chúng để xả. Khi muốn ăn, chỉ cần đến nói với một người là hôm nay xả trai, thế là trai đã được xả rồi.

Nếu nói đến năm ngả, thì chỉ có loài người mới được giới Ba La Đề Mộc Xoa, còn bốn ngả không được.

Chẳng hạn người cõi trời thì đắm đuối ham vui quá nên không được giới. Như trước kia, một hôm vì một đệ tử lâm bệnh, nên Đại Mục Liên Liên phải lên cung trời Đao Lợi để tìm thầy thuốc Kỳ Bà xuống chữa.

Khi lên tới nơi, thì Mục Kiền Liên thấy các người cõi trời đang vui chơi trong vườn Hoan Lạc. Lúc do Mục Liên dừng lại bên đường, nhưng không ai để ý đến cả. Sau Kỳ Bà ngoảnh lại trông thấy Mục Liên, liền giơ tay chào, rồi cười xa thẳng tới. Mục Liên tự nghĩ: “Người này trước kia vốn là đệ tử của ta. Nay được hưởng phúc báo ở cõi trời, và vì quá đắm say thú vui nên không còn nhớ nữa”. Nghĩ xong, liền dùng sức thần thông để chặn xe lại. Kỳ Bà xuống xe, làm lễ Mục Liên.

Bấy giờ Mục Liên dùng mọi lời để trách móc. Kỳ Bà thưa rằng: “Bạch Ngài Mục Liên, vì trước kia ở cõi người, tôi vốn là đệ tử của Đại Đức, bởi thế mới giơ tay chào hỏi, chứ Ngài có thấy chư thiên làm như thế không? Phạm đã sinh lên cõi trời, tâm người nào cũng đắm theo khoái lạc, nên không được tự tại, cho nên mới thế.”

Bấy giờ, Mục Liên hỏi Kỳ Bà rằng:

-Tôi có người đệ tử lâm bệnh, nên chữa theo cách nào?

Kỳ Bà đáp:

-Nên nhịn ăn là tốt hơn hết.

Lại một hôm Mục Liên khuyên Vua Thích Đề Hoàn Nhân, nói rằng: “Phật ra đời khó gặp, tại sao Ngài không luôn luôn gần gũi, lễ cúng dàng và cầu nghe chính pháp?”

Vua Đế Thích muốn hiểu ý Ngài Mục Liên, nên sai một người sứ đến. Nhưng gọi hai ba lần mà người này không lại, vì họ có một người vợ và một nàng ca kỹ, ham mê tình dục, nên tuy là người cõi trời, mà không tự cắt đứt được. Nhưng cuối cùng, không thể dừng được mà phải đến.

Khi tới nơi, Vua Đế Thích mới hỏi nguyên do tại sao, thì người ấy cứ thực tình mà đáp, nghĩa là vì quá say mê các thú vui, nên không đến ngay được.

Nhân thế, Vua Đế Thích mới bạch Mục Liên rằng: “Người ấy chỉ có một vợ và một nàng ca kỹ, mà còn vui chơi đắm đuối, không tự dứt được, huống nữa là Vua Cõi Trời, có rất nhiều cung điện, vô số thiên nữ, các món thiên thực, trăm mùi thơm ngon, trăm nghìn ca kỹ, ham mê, đắm đuối, nhìn về phía Đông, quên mất phía Tây, thì tự dứt sao được? Cho nên tuy biết rằng Phật ra đời khó

được gặp, chính pháp khó được nghe, nhưng vì các lạc thú trói buộc, mất hết tự tại, biết làm sao được?”

Phàm phép thụ giới, là phải dùng cái tâm dũng mãnh, thề cắt đứt mọi duyên, sau mới được giới.

Các người ở cõi Trời, lòng ham đắm dục lạc thì nhiều, sức thiện tâm lại yếu ớt, thì do đâu mà được giới? Các loài ngạ quỷ thì đói khát khổ sở, thân tâm bị thiêu đốt; các loài ở địa ngục thì chịu mọi sự hình phạt, đau đớn ê chề, tâm ý nào loạn, cũng không nhờ đâu mà được giới.

Còn các loài súc sinh thì nghiệp chướng sâu dày, ngu si dốt nát, không hiểu, không biết, nên cũng không thể thụ được giới.

Tuy có chỗ Tịnh nói là Rồng cũng thụ Trai pháp, nhưng đó chỉ nói về thiện tâm, nghĩa là thụ tám giới trong một ngày một đêm thì được công đức thiện tâm, chứ không được tám giới, là vì nghiệp chướng vậy.

Nếu nói về bốn thiên hạ, thì chỉ có ba thiên hạ là Diêm Phù Đề, Câu Gia Ni, Phất Bà Đề và những người trên Hải Châu, khoảng giữa ba thiên hạ, là được giới pháp. Như ở châu Câu Gia Ni, thì Phật sai Tân Đầu Lư đến để truyền bá đạo pháp, thành lập bốn bộ chúng.

Ở châu Phất Bà Đề cũng có Tỷ Khuru thi hành Phật sự, và cũng có bốn bộ chúng. Duy chỉ có Bắc Câu Lư châu là không có Phật pháp, và dĩ nhiên là không có giới. Vì ở đây phúc báo sung sướng quá, và con người lại ngu si, nên không lãnh thụ được Phật pháp.

Lại nữa, có bốn hạng người là: Con trai, con gái, hoàng môn, và nhị căn. Trong bốn hạng ấy, chỉ có hai hạng: Con trai, con gái là được giới, còn hai hạng kia, là hoàng môn và nhị căn, thì không được giới.

Nhưng trong những hạng con trai và con gái, nếu người nào giết cha mẹ, giết A La Hán, làm thân Phật chảy máu, phá hoại chúng Tăng, làm như Tỷ Khuru ni, dứt hết căn lành, và những kẻ giả mạo làm tăng, những kẻ không thể độ, tất cả những người như thế đều không được giới.

Nói rộng ra thì phàm đã mền chuộng Phật Pháp, bất luận là Trời, Rồng, Quỷ thần, hay Bắc Câu Lư châu, hoặc hoàng môn, nhị căn, tất cả nhưng loài phi nhân ấy, đều được thụ Tam Quy vậy.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Chư Phật ba đời, độ cho chúng sinh được thụ giới đều nhau hay hơn kém nhau?

Phật đáp:

-Không đều. Phạm nói đến giới, thì chỉ có các loài chúng sinh và phi chúng sinh mới được giới mà một vị Phật ra đời, độ vô số A tăng kỳ chúng sinh, vào cõi Vô dư Niết Bàn.

Đến đức Phật sau ra đời, thì hết thấy các chúng sinh ấy đều không được giới. Như thế đủ biết, chư Phật chỗ được giới, đều không giống nhau. Chẳng hạn, như Phật Ca Diếp, độ cho vô số A tăng kỳ chúng sinh. Vào cõi Vô dư Niết Bàn và Ngài cho hết thấy chúng sinh đó đều được giới.

Nhưng đến Phật Thích Ca Văn, thì những chúng sinh ấy đều không được giới.

Song hết thấy chư Phật đều có ba việc như nhau:

- Một là chứa góp công hạnh như nhau.
- Hai là pháp thân như nhau.
- Ba là độ chúng sinh như nhau.

Hết thấy chư Phật đều đã tu hạnh Bồ Tát qua ba A tăng kỳ kiếp, đều đã đầy đủ “Năm phân pháp thân”, “Mười lực”, “Tứ vô sở úy”, “Mười tám pháp bất cộng”, và cũng đã độ cho vô số A tăng kỳ chúng sinh vào cõi Vô dư Niết Bàn.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Trong kinh thường nói, một đức Phật ra đời, độ cho chín mươi na do tha chúng sinh vào Vô dư Niết Bàn, nay lại nói vô số A tăng kỳ chúng sinh, là nghĩa thế nào?

Phật trả lời:

-Trong kinh nói, một Phật ra đời, độ chín mươi na do tha chúng sinh, là chỉ nói nhờ Phật mà từng ấy chúng sinh được độ. Còn có những chúng sinh, hoặc nhờ Phật mà được độ, hoặc nhờ các đệ tử của Phật mà được độ, hay nhờ giáo pháp của Phật mà được độ.

Cho nên nói chín mươi na do tha chúng sinh là chỉ do nhờ chính Phật mà được độ. Nói tóm lại, hoặc nhờ Phật, nhờ đệ tử hay nhờ giáo pháp mà vô số A tăng kỳ chúng sinh đã được độ vào cõi Vô dư Niết Bàn.

Chư Phật ba đời đều có ba việc giống nhau, nhưng cách độ sinh đắc giới thì khác nhau vậy.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Các loài chúng sinh và phi chúng sinh đều được thụ ác luật nghi giới không?

Phật đáp:

-chỉ có chúng sinh mới được thụ ác luật nghi giới, còn phi chúng sinh không được thụ. Nói một cách khác, chỉ có các loài có thể giết hại, được thụ ác giới, còn loài không thể giết hại, thì không được thụ, nhưng cũng có thể nói, chúng sinh hay sát hại hay chúng sinh không thể giết, đều được thụ ác giới.

Chẳng hạn, như người đồ tể giết dê, thường mang lòng giết chóc. Ý lúc nào cũng nghĩ đến việc giết dê, giả sử có người ở cõi nhân hay cõi thiên, không làm nghề giết chóc, nhưng vì phải lưu chuyên trong vòng thụ sinh, cũng có khi phải đọa làm kiếp dê. Cho nên hết thảy chúng sinh đều có thể thụ ác giới.

Trong mười hai ác luật nghi cũng vậy. Mười hai ác luật nghi là:

1. Nghề đồ tể
2. Nghề bán nem
3. Nghề nuôi heo
4. Nuôi gà
5. Bắt cá
6. Săn bắn
7. Bẫy chim
8. Bắt trứng
9. Bẫy rồng
10. Làm nghề coi ngục
11. Làm giặc
12. Làm nghề đánh giặc mướn

Đó là mười hai nghề Ác luật nghi. Như người làm nghề nuôi tằm cũng là người không xa lìa được Ác luật nghi.

Có ba thời xả ác Luật nghi giới: Một là lúc chết, hai là lúc thụ luật nghi giới, ba là lúc thụ Tam Quy. Thời thứ nhất bỏ được Ác giới, thời thứ hai và thứ ba thì được gọi là Thiện giới.

Ưu Ba Ly hỏi:

-Khi người ta làm Ác giới, thì lúc nào xả thiện giới mà được ác giới?

Phật đáp:

-Lần đầu tiên nói: “Tôi là người đồ tể”, thì bỏ mất thiện giới. Lần thứ hai, thứ ba nói: “Tôi là người đồ tể”, liền được ác giới.

Nói cách khác, tùy lúc bỏ thiện giới mà được ác giới.

Nếu người tu thiện giới, tuy chưa nói mình là đồ tể, nhưng vì tham lợi, cùng với đồ tể làm việc giết hại, thì lúc ấy cũng phạm thiện giới rồi.

Muốn bỏ thiện giới mà cầu ác giới, thì chỉ tự mình phát thệ là được, chứ không cần theo người khác dạy cho.

Nếu muốn thụ Ác luật nghi giới trong một ngày, một đêm, cho đến mười ngày, hoặc một năm, hai năm cứ tùy theo chỗ tâm mình muốn lâu hay chóng, thì đều được cả, là vì các pháp Ác thuận theo dòng sinh tử, cho nên cứ tùy theo việc làm là được, chứ không như thiện luật nghi giới.

---o0o---

## Quyển thứ bảy

### 09. PHẨM THÂN CẬN THỨ CHÍN

Phật nói: Các bậc đại Bồ Tát biết ơn, báo ơn, tu các phương tiện, làm lợi ích chúng sinh, phải nên tùy thời thích nghi mà hiển bày Phật pháp.

Bấy giờ Phật bảo các vị Bồ Tát rằng:

-Này các Thiện nam tử! Cách đây đã lâu, có một vị Phật ra đời, hiệu là Vô Úy Vương, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Ngài ra đời để tiếp dẫn cho những kẻ có duyên với Phật pháp, và khi độ hết những người có duyên rồi Ngài liền vào Niết Bàn.



Sau khi Ngài nhập diệt, trong thời Chính Pháp, có người Bà La Môn, hết sức thông minh, thụ trì năm giới, ủng hộ Phật pháp.

Một hôm người Bà La Môn, nhân có duyên sự, phải đi đến một nước khác, mà con đường này, lại có nhiều giặc cướp. Cùng đi với người Bà La Môn, còn có năm trăm người nữa.

Khi đến quãng đường khó khăn, họ liền tạ trú lại. Nơi đây thường có một bọn cướp gồm năm trăm người, ẩn núp để cướp giết những khách bộ hành.

Khi thấy bọn người Bà La Môn dừng lại, tên tướng cướp liền mật sai một người đi dò xét rồi hẹn giờ cùng xông ra. Nhưng trong đám cướp ấy lại có một người, trước kia là bạn thân với người Bà La Môn, và vì chỗ thân thiện, nên mới đến trước báo người Bà La Môn rằng: “Ông bạn nên biết, canh một, đêm nay sẽ có cướp đến. Tôi sợ lúc đó lộn xộn, sẽ làm phương tổn đến ông, nên mới đến trước báo cho ông hay. Vậy ông nên tìm cách một mình lánh xa đi, đừng để các bạn ông biết”.

Nghe xong, người Bà La Môn ghen ngào, đau đớn. Muốn đem việc đó nói cho mọi người đồng hành biết, nhưng lại sợ họ giết hại người kia. Nếu họ giết hại, họ sẽ phải đọa vào ba đường ác, chịu khổ vô cùng. Mà nếu cứ im đi, thì bọn cướp sẽ hại đồng bạn.

Nếu bọn cướp giết hại những người đồng hành, chúng cũng sẽ phải sa vào ba ngã ác, chịu các tội khổ. Thật là khó nghĩ! Sau một lúc phân vân, người Bà La Môn tự quyết định rằng: “Ta phải dùng phương tiện làm lợi ích cho chúng sinh, dù phải đọa vào ba đường ác, cũng là vì chúng sinh mà chịu khổ, chứ không phải vì bản thân.” Nghĩ xong, người Bà La Môn liền cầm dao giết người kia đi, khiến các bạn đồng hành đều được bình an.

Khi ấy, mọi người sửng sốt, đồng thanh hỏi rằng: “Xưa nay, ông vốn là người cao quý, hiền lương, tại sao hôm nay ông lại làm một việc cực ác như vậy? Lúc đó, người Bà La Môn quỳ gối chấp tay, lòng sinh hổ thẹn, nói rằng:

-Lẽ ra tôi không được làm ác, nhưng vì lợi ích của chúng sinh, và của các bạn, mà hôm nay tôi phải giết người.

Đồng bạn lại hỏi:

-Ông tự ý giết người, chứ có lợi lạc gì cho chúng tôi đâu?

Người Bà La Môn nói:

-Đây là một tên cướp, định mưu hại các bạn. Vì các bạn mà tôi phải giết y, để các bạn được bình an trở về. Còn tội khổ phải đọa địa ngục, tôi sẽ xin chịu.

Bấy giờ năm trăm người, vừa mừng vừa sợ, đồng thanh nói rằng:

Ở đời không gì hơn mệnh sống, và không gì đáng sợ hơn cái chết. Thế nên, hết thảy chúng sinh đều sẵn sàng bỏ cả vàng bạc, của báu, cho đến quốc thành, thân tử, hoặc cơm ăn, áo mặc để đổi lấy mệnh sống.

Nói xong, liền tự nghĩ rằng: “Người Bà La Môn này, vì làm lợi ích cho chúng sinh, đã không sợ các nỗi thống khổ trong ba đường dữ. Ngày nay chúng ta nên ghi nhớ trọng ân và sẽ phải báo đền trọng ân ấy.” Nghĩ thế rồi, tất cả đều phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Trong khi ấy, thì bọn cướp cũng đã đến và đồng thanh nói rằng:

-Xưa nay ông là người cao quý, hiền lương, tại sao có thể làm một việc đại ác như thế này?

Người Bà La Môn nói:

-Thật tôi không nên làm việc cực ác ấy, nhưng vì lợi ích của chúng sinh, và cũng vì tính mệnh của các ông nữa, mà tôi phải làm.

Bọn cướp lại hỏi:

-Việc ông giết người có lợi ích gì cho chúng tôi?

Người Bà La Môn bảo bọn cướp:

-Ta đã biết trước là các người hiện ở đây, nhưng ta cứ mặc nhiên, không báo cho nhà Vua và đồng bạn của ta biết, bởi thế nên tính mệnh của các người mới được toàn vẹn.

Nghe xong, bọn cướp tự nghĩ: “À ra vì thế mà cuộc đời chúng ta được bình an.” Nghĩ rồi liền chấp tay nói với người Bà La Môn rằng:

-Quý hóa thay, bậc Đại Sĩ! Người tu nguyện đại bi. Xin dạy cho chúng tôi biết, chúng tôi phải làm gì để đền đáp ơn cao cả ấy?

Người Bà La Môn nói:

-Các người muốn trả ơn ta, thì chỉ có cách là: Các người hãy cải tà quy chính, làm ăn lương thiện và mau phát tâm Vô thượng Bồ Đề.

Bấy giờ bọn cướp, vì muốn báo ân, liền phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Phật bảo Ngài A Nan rằng: “Bồ Tát siêng tu tinh tiến, muốn trang nghiêm đạo Bồ Đề, muốn đền đáp ơn Phật, thì phải nhớ nghĩ đến hết thầy chúng sinh, như thương nhớ một đứa con vậy. Ông nên biết, người Bà La Môn lúc ấy, có phải ai khác đâu, chính là Như Lai đây. Nhờ thế mà sau chín kiếp tu hành, Như Lai đã chứng đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Lại nữa, Bồ Tát tu các phương tiện, biết ơn, đền ơn. Khi Như Lai ở Trúc Lâm tinh xá, có một Tỷ Khuru, mắc bệnh lở loét, khắp cả thân thể máu mủ thường chảy, ai cũng sợ hãi, không dám thân gần. Vị Tỷ Khuru này, ở trong căn phòng dột nát, cách xa đại chúng.

Bấy giờ Như Lai, dùng sức thần thông, che mắt mọi người, không cho ai biết, Như Lai một mình đến chỗ người Tỷ Khuru có bệnh, trông nom săn sóc, lấy nước rửa ráy.

Nghĩ như thế rồi, Như Lai bèn cho hết thầy chư Thiên ở cõi Dục biết. Đế Thích Đề Hoàn Nhân cùng với trăm nghìn quyến thuộc vây quanh trước sau, đứng giữa không trung, mưa mọi thứ Thiên hoa và khởi các loại Thiên nhạc. Lúc đó Vua cõi trời Đao Lợi nâng một chiếc bình bách phúc trang nghiêm, trong đựng đầy nước đại bi thanh tịnh, đến trước mà dâng Như Lai, cúi đầu đảnh lễ, rồi đứng lại một bên.

Như Lai liền giơ cánh tay đầu đủ phúc đức lên, thì ngay lúc ấy, từ năm đầu ngón tay nhỏ bé phóng ra những tia sáng lớn, chiếu khắp các cõi trời.

Khi các người cõi trời, theo ánh sáng ấy mà cùng đến hội họp rồi, Như Lai mới đến chỗ người Tỷ Khuru có bệnh. Lúc đến nơi, Như Lai liền phóng ra một luồng hào quang từ đỉnh đầu, chiếu vào người bệnh Tỷ Khuru.

Khi gặp được ánh sáng ấy, người bệnh Tỷ Khuru cảm thấy hết đau đớn, liền ngồi dậy cúi đầu quy mệnh. Lúc đó Như Lai dùng tay phải đỡ lấy nước từ Vua Đế Thích và rửa đầu cho người bệnh Tỷ Khuru, còn tay trái thì xoa vuốt mình mẩy. Tay Như Lai đưa tới đâu thì những vết lở loét trên mình Tỷ Khuru đều khỏi đến đây. Sau khi bình phục, người Tỷ Khuru vui mừng khôn xiết, liền cất tiếng niệm rằng:

-Kính lạy đức Thích Ca Mâu Ni! Đấng Đại Từ Phụ, Đấng Vô Thượng Y Vương! Con nay đã hết thân bệnh. Xin Như Lai rủ lòng thương xót, cho con Pháp dược để trừ hết bệnh hoạn của thân, tâm.

Bấy giờ Như Lai bảo người bệnh Tỷ Khuru rằng: “Như Lai vẫn nhớ trọng ân của người. Nay Như Lai muốn đền đáp ơn ấy.” Nghe xong, người bệnh Tỷ Khuru vô cùng kinh ngạc. Như Lai liền chỉ dạy cho những điều lợi hỷ.

Người Tỷ Khuru vui mừng, và ngay lúc ấy, chúng quả A La Hán đầy đủ Tam Minh, Lục thông và tám món giải thoát.

Khi ấy Vua Đế Thích và các quyền thuộc, cùng vô lượng Thiên chúng đều nghi ngờ, liền hỏi: “Tại sao đức Như Lai đã hạ thân vàng ngọc để rửa những vết ung nhọt, đầy máu mủ của người bệnh Tỷ Khuru, mà lại bảo là báo ân, thì việc đó ra sao? Xin Như Lai vì chúng con mà phân biệt giải thích?”

Phật bảo Đế Thích và Chư Thiên rằng: “Các ông hãy nghe cho kỹ tôi sẽ vì các ông mà nói việc kiếp trước”.

“Này Đế Thích, ở đời quá khứ, cách đây vô lượng A tăng kỳ kiếp, có một ông Vua độc ác, vô đạo, thường hay áp bức, bóc lột dân lành một cách phi lý để đoạt của cải. Ông Vua độc ác này có một người bày tôi thân tín, tên là Ngũ Bá.

Nhà Vua cho Ngũ Bá có toàn quyền trừng trị những người phạm pháp, hoặc thi ân hay gia uy là tùy ở Ngũ Bá, nhưng nếu có lợi lộc đứt lốt, thì phải chia cho nhà Vua. Cho nên Ngũ Bá thường hay đánh đập phạm nhân; ai có nhiều tiền của hối lộ thì tha, ai không có tiền đứt lốt thì đánh đập có khi đến chết và coi đó là việc đó rất thường.

“Một hôm có một người Ưu Bà Tắc phạm chút lỗi nhỏ, được giao cho Ngũ Bá tùy ý trừng phạt. Nhưng Ngũ Bá vốn biết người Ưu Bà Tắc là một người hiền lành, phúc hậu, nên không nỡ đánh đập bèn tha cho, do đó mà người Ưu Bà Tắc được thoát nạn và vui mừng khôn xiết.

Kiều Thi Ca nên biết: Ngũ Bá lúc bấy giờ, nay là người bệnh Tỷ Khuru và người Ưu Bà Tắc nay là Như Lai vậy. Cho nên, Bồ Tát trong vô lượng A tăng kỳ kiếp, ơn tuy nhẹ nhưng cũng lo đền đáp, cho đến khi thành bậc Chính Giác mà lòng thường không quên.”

Lúc đó Vua Đế Thích và vô lượng thiên chúng hết sức vui mừng, có bốn vạn tám nghìn chư thiên, phát tâm Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Phát tâm xong rồi, trời thiên nhạc cúng dàng Như Lai, đoạn trở về cõi trời.

Phật bảo Ngài A Nan rằng: “Nếu người thiện nam, thiện nữ biết ơn, muốn báo ơn, thì phải làm bốn việc sau đây:

- Phải gần gũi bạn hiền.

- Phải dốc lòng nghe pháp.
- Phải suy nghĩ nghĩa lý.
- Phải đúng như pháp mà tu hành.

Lại có bốn việc nữa sau đây:

- Theo pháp chứ không theo người.
- Theo nghĩa, không theo chữ.
- Theo trí, không theo thức.
- Theo Kinh liễu nghĩa, không theo Kinh không liễu nghĩa.

Làm theo tám việc ấy gọi là biết ơn.

Nếu lại làm theo tám pháp sau đây mà không nhiệm trước gọi là báo ân:

- Lợi
- Suy
- Hủy
- Khen
- Tán thán
- Chê bai
- Khổ
- Vui

Lại nữa, nếu làm theo bốn việc sau đây thì gọi là biết ơn và báo ơn:

- Thấy những kẻ độc ác, lòng sinh thương xót, để khởi lòng từ.
- Thấy những người đau khổ, mắt không thể rời, để khởi tâm thương.
- Thấy Sư trưởng, cha mẹ và những bậc có đức, tâm tính vui vẻ, để khởi lòng kính mến.
- Thấy những người thù oán, lòng không giận tức, để tu phép hỷ xả.

Bấy giờ Ngài A Nan sửa lại y phục đến trước Phật bạch rằng: “Bạch Thế Tôn, khi Thế Tôn mới phát tâm Bồ Đề, đã biết ơn, báo ơn mà làm theo bốn việc kể trước, là thế nào?”

Phật bảo A Nan rằng:

-Ở thời quá khứ, cách đây vô lượng A tăng kỳ kiếp, có một vị Phật, hiệu là Tỳ Bà Thi, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hành Túc, Thiện Thế Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài ra đời để giáo hóa cho chúng sinh có duyên với Phật Pháp. Giáo hóa xong, Ngài mới vào Niết Bàn.

Sau khi Chính Pháp và Tượng Pháp của Phật diệt rồi, có một nước gọi là Ba La Nại. Nhân dân giàu có, đất đai phì nhiêu. Vua dùng chính pháp trị nước, không ức hiếp dân lành. Trong nước lớn có một dãy núi gọi là Tiên Thánh Sơn. Trên núi thường có năm trăm vị Bích Chi Phật và rất nhiều Thần, Tiên. Lại có vô số cầm thú, trong số đó, có con sư tử tên là Kiên Thệ, lông vàng chói lọi, mạnh khỏe lực lưỡng, bề vệ uy nghiêm, khi cất tiếng rống, chim đang bay phải rơi xuống, các thú rừng đều sợ hãi, tìm nơi ẩn nấp.

Một hôm sư tử Kiên Thệ đến chỗ khe núi, thấy một vị Bích Chi Phật, thân tướng uy nghi, thanh tịnh. Kiên Thệ thấy, thì lòng vui mừng, không sợ. Rồi từ đó, cứ ngày ngày đến gần để nghe vị Bích Chi Phật tụng kinh, thuyết pháp. Bấy giờ có người thợ săn, thấy sư tử Kiên Thệ, mình vàng chói lọi, hết sức mừng rỡ, liền tự nghĩ rằng: “Nếu mình bắt được con sư tử kia lột da đưa dâng nhà Vua chắc sẽ được ban thưởng rất nhiều, bấy đời không phải thiếu thốn. Nhưng sư tử Kiên Thệ là chúa sơn lâm, cung tên khó có thể bắn nổi, và bẫy rập cũng khó có thể bắt được. Vậy ta phải lập mưu để bắt.”

Kiên Thệ thường kính mến và gần gũi vị Sa Môn Bích Chi Phật, ta phải giả dạng làm Sa Môn, dấu cung tên có tẩm thuốc độc dưới lớp Cà sa, rồi từ từ tiến đến ngồi dưới gốc cây kia. Kiên Thệ thấy ta tất sẽ lại gần, lúc đó ta sẽ giương cung bắn, thì chắc cả trăm phần là được”.

Nghĩ như thế rồi, liền trở về nói với người nhà rằng: “Tổ tiên ta đã trải mấy đời làm nghề săn bắn, mà ta chưa từng nghe nói có con thú nào lại có bộ lông vàng chói như thế, huống nữa bây giờ ta được thấy, thì phải bắt cho bằng được. “Nói xong, lập tức, cạo đầu, khoác áo Cà sa như đã định trước, rồi trở vào trong núi, ngồi dưới gốc cây.

Khi thấy người Tỷ Khưu giả mạo kia, sư tử Kiên Thệ sinh lòng vui mừng, tiếng ngay lại gần, liếm chân Tỷ Khưu.

Lúc đó, người thợ săn giương cung bắn ngay. Bị trúng tên độc, sư tử gầm thét, kêu rống, muốn vồ lấy người thợ săn mà xé tan thân xác.

Nhưng lại nghĩ rằng, đó là một vị Sa Môn, mặc áo hoại sắc là tiêu biểu của Chư Phật, Hiền Thánh. Nếu ta định giết thì chẳng khó gì, nhưng nếu giết người tức là phá hoại cái tiêu biểu của chư Phật, Hiền, Thánh vậy. Nghĩ như thế liền nuốt giận chịu khổ.

Sau một lúc lâu, vì thuốc độc chạy khắp thân thể, sư tử cảm thấy đau đớn, khó nhằn, lại định cấu xé người thợ săn. Nhưng lại nghĩ rằng, nếu giết thì không khó, nhưng Chư Phật, Hiền, Thánh sẽ quở trách hơn nữa người đời sẽ không phân biệt được được thiện ác.

Đây là một kẻ ác nhân, mang lòng thâm độc, âm mưu hại ta, nếu ta không nhịn được thì cũng không khác gì kẻ kia.

Người tu hành nhẫn nhục, ai cũng kính mến, kẻ không nhẫn nhịn, ai cũng ghét bỏ, vì thế mà càng thêm phiền não tăng trưởng thì sinh tử thêm lên, sinh tử càng tăng thì phải sinh vào những nơi nạn xứ; sinh vào nơi nạn xứ, thì xa lìa bạn lành, xa lìa bạn lành thì không được nghe Chánh pháp, không được nghe Chánh pháp càng sinh hoài nghi, hoài nghi càng nhiều thì phải xa lìa đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì thế ta không nên làm ác.

Nghĩ như thế rồi, liền nói bài kệ rằng:

*Đối với người mặc (áo) pháp*

*Xin tự nguyện bỏ mình*

*Trọng không khởi tâm ác.*

*Đối với người Xuất gia,*

*Xin tự nguyện bỏ mình,*

*Trọng không khởi tâm ác.*

Nói bài kệ xong, liền vật ra chết. Lúc đó trời đất rung động, cảm thú sợ hãi, bỏ chạy tứ tán, trời xanh mưa máu, mặt nhật lu mờ.

Bấy giờ người thợ săn mới cởi bỏ áo pháp, cầm dao lột lấy da đem về. Khi về tới nhà liền đưa dâng Vua. Vua thấy vui mừng, mới nói với quần thần rằng: “Ta chưa từng nghe thấy có giống thú nào mà lông lại vàng chói như thế. Vậy mà hôm nay mắt lại được thấy, thế mới lạ. Vua mới hỏi người thợ săn dùng cách nào mà bắt được da ấy. Người thợ săn tâu Vua rằng:

-Nếu Bệ hạ có tha cho hạ thần, thì hạ thần mới dám tâu.

Nhà Vua nói:

-Cho phép nhà ngươi cứ tự do mà nói.

Người thợ săn bèn thuật lại đầy đủ câu chuyện cho Vua nghe.

Nghe xong, Vua thấy lòng nghe ngào, đau đớn, nói chẳng nên lời.

Liên triệu tập tất cả quan đại thần và các tiểu vương lại mà tuyên bố rằng: “Các khanh nên biết, ta từng được nghe các bậc trí giả nói rằng, nếu có con thú nào lông mình sắc vàng, tức là Bồ Tát hóa hóa thân, vì hết thấy chúng sinh, mở lòng Bồ Đề mà làm việc đại lợi ích.

Tại sao ngày này, tên thợ săn độc ác này dám dùng quỷ kế để giết hại một vị Bồ Tát? Nay nếu ta đem quan tước, bổng lộc, voi, ngựa, của báu, cơm áo, tiền tài và tơ lụa mà ban thưởng kẻ ác nhân này, thì tức là ta đã vào hùa với y mà làm việc vô đạo vậy”.

Nói xong liền đem người thợ săn ra mà chém đầu. Rồi đem bộ da sư tử vào trong núi, tìm lấy xác chết bọc lấy, và dùng ngưu đầu, chiên đàn chất lên thành giàn mà đốt. Đốt xong thu lấy Xá lợi, xây tháp cúng dàng.

Phật bảo A Nan và đại chúng rằng:

-Các thiện nam tử! Kiên Thệ sư tử bấy giờ, nay là Như Lai, Thích Ca Văn Phật vậy. Bồ Tát thân cận thiện trí thức như thế biết ơn và báo ơn.

Bởi thế Bồ Tát thường được gần gũi thiện hữu, tri thức và chóng thành được đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Thiện nam tử! Bồ Tát siêng tu, gần thiện trí thức, cầu nghe Chính pháp, cho đến một câu, một bài kệ hoặc một nghĩa để diệt trừ hết thấy phiền não trong ba cõi. Khi Bồ Tát dốc lòng cầu lời Phật dạy, vì khao khát phép màu, nên chẳng tiếc thân mệnh, dù có phải đứng trên sắt nóng, bị lửa thiêu đốt, cũng không lấy thế làm lo.

Bồ Tát vì một câu kệ còn chẳng tiếc thân mệnh, huống chi cả mười hai bộ Kinh. Vì một câu kệ mà đến thân mệnh còn không tiếc, huống chi những báu vật khác. Là vì cái lợi nghe pháp làm cho thân tâm được yên vui, sinh ra tín tâm chân chính. Được thấy người thuyết pháp, cũng như thấy cha mẹ, lòng không dám khinh lờn.



Vì chúng sinh mà dốc lòng nghe pháp, chứ không phải vì lợi lộc; vì làm lợi cho chúng sinh chứ không phải vì tư lợi.

Vì chính pháp mà không sợ mọi nạn khổ, cho đến đói khát, nóng lạnh, hồ lang, ác thú và những việc giặc giã, trộm cướp, hết thảy đều không sợ.

Trước phải điều phục lấy mình, diệt trừ tận gốc các phiền não, rồi sau mới nghe pháp. Khi nghe pháp, lòng không rối loạn, cung kính người nói pháp, tôn trọng pháp, thế gọi là Bồ Tát biết ơn, báo ơn.

Thế nào gọi là Bồ Tát dốc lòng nghe pháp? Nghe pháp có bốn điều:

1. Tâm thành tín.
2. Tâm chuyên chú.
3. Tâm cung kính.
4. Thiện tâm.

Sở dĩ Bồ Tát dốc lòng nghe pháp, cần cầu mười hai bộ Kinh, là vì nhớ nghĩ trọng ân của Phật, muốn cho chính pháp của Phật được lưu bố khắp nơi, muốn làm cho Phật pháp trường tồn mãi mãi; muốn cho thế gian tin ở Phật pháp, khiến cho hết thảy chúng sinh đều chứng được đạo Vô Thượng Bồ Đề.

Thế là Bồ Tát vì nghĩ đến vô lượng chúng sinh ở mười phương, vì đền đáp ơn sâu dày của Phật, cho nên dốc lòng nghe pháp, cần cầu mười hai bộ Kinh.

Tại sao Bồ Tát lại cần cầu Phật pháp?

-Là vì muốn khiến cho chúng sinh, sinh lòng tin cậy. Cho nên Bồ Tát cần cầu Phật pháp.

Tại sao Bồ Tát phải tìm hiểu Nhân Luận?

-Là vì muốn hiểu thấu mọi tội lỗi, muốn phá trừ các tà thuyết của ngoại đạo, muốn biết phương tiện để điều phục chúng sinh, muốn phân biệt rõ ý nghĩa của lời Phật dạy để đối trị những lời nói của thế gian. Bởi thế Bồ Tát phải tìm hiểu Nhân Luận.

Tại sao Bồ Tát phải tìm hiểu Thanh Luận?

-Là vì muốn cho lời nói được thanh tịnh trang nghiêm. Nếu lời nói không thanh tịnh thì không thể giải thích rõ ràng mọi ý nghĩa, vì muốn hiểu biết hết thảy mọi nghĩa lý để làm cho chính pháp khỏi bị tổn hại, để diệt trừ lòng kiêu

mạn của người khác và phá tan mọi tà kiến. Vì muốn biết phương tiện để điều phục chúng sinh, bởi thế mà Bồ Tát phải tìm hiểu Thanh Luận.

Tại sao Bồ Tát phải tìm hiểu các phương Thuốc?

-Là vì muốn khiến cho chúng sinh thoát khỏi tứ bách tứ bệnh, xa lìa các điều ác; vì thương xót hết thảy chúng vì muốn cho chúng sinh sinh lòng tin tưởng để tránh mọi khổ đau cho lòng được yên vui.

Khi lòng đã được yên vui thì thường nhớ nghĩ đến tâm đại bi cứu độ chúng sinh của Phật. Bởi thế mà Bồ tát tìm hiểu mọi phương thuốc.

Tại sao Bồ Tát phải tìm hiểu các học thuật thế gian?

-Là vì muốn làm lợi ích cho chúng sinh một cách dễ dàng. Là vì nếu hiểu suốt các học thuật thế gian thì rất dễ phá trừ lòng kiêu mạn của mọi người để điều phục họ, khiến cho họ sinh lòng chính tín, trừ bỏ các tà kiến và chấp trước. Bởi thế mà Bồ tát phải tìm hiểu các học thuật thế gian.

Nếu Bồ Tát nào không chịu cầu học năm việc ấy thì không thể chứng được đạo Vô Thượng Bồ Đề. Vì muốn được đạo Vô Thượng Bồ Đề mà Bồ Tát phải cầu năm việc ấy.

Bồ Tát ghi ơn, trả ơn là vì chúng sinh mà nói. Nhưng nói việc gì? Và nói cách nào?

-Nói việc gì là nói mười hai bộ Kinh vậy. Còn nói cách nào là phải thông thạo năm việc kể ở trên. Vì muốn chứng được đạo Vô Thượng Bồ Đề cho nên phải nói theo hai cách:

1. Nói Pháp theo thứ lớp;

2. Nói Pháp Thanh Tịnh.

Nói pháp theo thứ lớp là: Trước phải nói bố thí, kế nói trì giới v.v...cho đến Trí tuệ. Nếu muốn ghi ơn, đền ơn, thì phải suy nghĩ nghĩa lý, rồi như Pháp mà tu hành. Thế gọi là nói Pháp theo thứ lớp.

Nói Pháp Thanh Tịnh là:

Nếu người nghe thì ngồi mà người nói lại đứng, thì không nên nói pháp.

Nếu người nghe cố tìm những lỗi của Pháp và của người nói Pháp thì cũng không nên nói Pháp.

Nếu người nghe căn cứ vào người nói mà không căn cứ vào Pháp, thì cũng không nên nói Pháp.

Nếu người nghe chấp theo chữ mà không y theo nghĩa, thì cũng không nên nói Pháp, cho đến người nghe không y theo Kinh liễu nghĩa thì cũng không nên nói Pháp. Tại sao vậy? Là vì những người ấy không biết cung kính chư Phật, Bồ Tát, và Pháp Thanh Tịnh.

Nếu người nói Pháp biết tôn trọng Pháp và những người nghe Pháp cũng biết sùng kính, dốc lòng nghe Pháp, không sinh tâm khinh nhờn, thế gọi là nói Pháp Thanh Tịnh.

Lại nữa, nói Pháp theo thứ lớp là nói hết thầy các Pháp. Nói là nói hết thầy các Pháp nghĩa là nói mười hai bộ Kinh cho đến một câu, một bài kệ hay nửa bài kệ, trong đó tùy theo lời nói, ý nghĩa và phương tiện trình bày, chỉ giáo lợi ích cho mọi người. Cũng có khi phải dùng lời quở trách, có lúc nên nói thẳng, cũng có khi cần phải thí dụ, cứ tùy chỗ nên nói, hoặc nói thiện cận cho người nghe dễ hiểu, cứ tùy theo chỗ người ta muốn nghe, dùng phương tiện mà nói Pháp, thế gọi là Bồ Tát biết ơn và đền ơn, theo thứ lớp mà nói Pháp.

Nói Pháp Thanh Tịnh là: Các bậc đại Bồ Tát đối với những việc oán ghét phải tu tập lòng từ. Khi đã được lòng từ rồi, dùng mọi phương tiện để nói Pháp cho những người độc ác, những người đông dờ cho đến những kẻ ham đắm dục lạc, tâm hôn phóng túng, và những người nghèo cùng, khiến cho họ đều cùng được tỉnh ngộ, đừng vì khen mình chê người, đừng vì ăn uống, lợi lộc và danh vọng. Thế gọi là Bồ Tát biết ơn và đền ơn mà nói Pháp Thanh Tịnh.

Theo đúng như Pháp mà tu tập các điều thiện, diệt trừ ba nghiệp, đầy đủ Thanh Tịnh, ghi ơn đền ơn để trang nghiêm đạo Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu các bậc đại Bồ Tát muốn nhớ ơn để trả ơn thì phải suy nghĩ giáo nghĩa, học rộng, nigh nhiều để thông suốt hết thầy để nêu cao ngọn đuốc Phật pháp. Nếu muốn làm lợi ích cho hết thầy chúng sinh, thì phải tu các Pháp bố thí, trì giới v.v... lại phải cúng dàng những người nói Pháp, không tìm lỗi của Pháp và của người nói Pháp, không mang lòng ác hại, đem sự yên vui cho mọi người, thế gọi là biết ơn.

Sau khiến cho cả mình và người được hưởng phúc báo ở cõi người và cõi trời, cho đến khi chứng được đạo quả Niết Bàn, thế gọi là báo ơn.

Lại nữa Bồ Tát phải theo bốn phép để tu hạnh nhẫn nhục, diệt trừ lòng bất nhẫn, trang nghiêm đạo Bồ Đề:

1. Khuyên hết thầy chúng sinh tu hạnh nhẫn nhục.

2. Tự mình nhẫn và dạy người khác nhẫn để xa lìa sự sợ hãi, thế gọi là biết ơn.

3. Nhờ sự nhẫn nhục nên không sinh lòng giận hờn, không làm hại ai, không phải chịu khổ não nên không lòng ân hận.

4. Sau khi bỏ thân này, được hưởng phúc báo ở cõi người và cõi trời, cho đến chứng được đạo quả Niết Bàn, thế gọi là báo ơn.

Này các thiện nam tử! Bồ Tát lại theo bốn việc mà siêng tu tinh tiến để diệt bỏ tính lười biếng, trang nghiêm đạo Bồ Đề:

1. Khuyên hết thầy chúng sinh vì đạo Bồ Đề mà siêng tu tinh tiến.

2. Xa lìa mọi phiền não, tăng trưởng các pháp lành cho thân được yên vui, thế là tự lợi.

3. Bồ Tát tinh tiến, không làm phiền chúng sinh, đánh đập, chửi rủa, thế là lợi tha.

4. Bỏ thân này rồi, được hưởng phúc báo ở cõi người, cõi trời, mình được yên vui, cho đến được đạo Bồ Đề, thế là được đại quả báo.

Lại nữa, Bồ Tát theo bốn việc mà tu phép định để phá trừ tâm tán loạn, trang nghiêm đạo Bồ Đề:

1. Khuyên hết thầy chúng sinh vì đạo Bồ Đề mà tu Thiền định.

2. Đời này được yên vui, thân tâm vắng lặng, thế gọi là biết ơn.

3. Vì thân tâm vắng lặng, nên không làm phiền chúng sinh, thế gọi là biết ơn, đền ơn.

4. Bồ Tát bỏ thân này rồi, được thân thanh tịnh, yên ổn vui vẻ, chứng được Niết Bàn, thế là Bồ Tát theo bốn việc mà tu Thiền định.

Lại nữa, Bồ Tát biết ơn, đền ơn, cũng phải theo bốn việc mà thành tựu trí tuệ để phá trừ vô minh, trang nghiêm đạo Bồ Đề:

1.-Dùng pháp Tứ Nhiếp dạy bảo chúng sinh, vì đạo Bồ Đề, tu hành trí tuệ.

2.-Vì hiểu thấu “tính”, “tướng” của các pháp, nên mình được yên vui, thế là tự lợi.

3.-Có thể giúp chúng sinh về các việc thế gian và xuất thế gian, thế là lợi tha.

4.-Có thể tiêu trừ được hai cái chướng phiền não và trí tuệ phàm phu, thế là được quả báo lớn. Như vậy gọi là biết ơn, đền ơn.

Đó là Bồ Tát theo bốn việc mà tu trí tuệ không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, Bồ Tát dùng trí tuệ kiếp trước, biết được các việc kiếp trước, hiểu suốt các nghiệp của chúng sinh, dù thiện hay ác, cũng đã đến ngày được hưởng một duyên lành. Cho nên Bồ Tát, vì muốn làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh, đã dùng đại phương tiện, từ cung trời Đâu Suất, đầy đủ thọ mệnh, có ba điều tối thắng:

- 1.- Thọ mệnh hơn hết;
- 2.- Đẹp đẽ hơn hết;
- 3.- Danh thơm hơn hết;

Khi mới giáng sinh, phóng ra những tia sáng lớn, chiếu khắp mười phương và đã biết trước giờ phút ra đời ngay từ khi mới thụ thai. Lúc vừa sinh ra, đã đi bảy bước, không phải đi dật và tự nói rằng: “Kiếp này là kiếp sau chót của ta.” Bảy giờ, Chư Thiên, Quỷ, Thần, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già dâng các thứ hoa, hương, trỗi ca nhạc và treo phan, phướn cúng dàng. Bồ Tát có ba mươi hai tướng, đẹp đẽ trang nghiêm, không ai hơn được; thân thể khỏe mạnh, khí lực đầy đủ, dùng sức từ thiện, dẹp chúng ma quân. Khi lên bảy tuổi, không học thế sự mà hiểu biết hết thảy, học không cần thầy, tự tu mà chứng đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác.

Sau khi thành đạo, Phạm Thiên khuyến thỉnh chuyên bánh xe pháp, tế độ chúng sinh. Khi nhập đại định thì dù cho sấm sét cũng không lay chuyển.

Các loại thú vật, thường đến gần gũi, mến như mến cha mẹ; súc vật dâng các thức ăn. Phật hiểu lòng mình, linh thần tuôn mưa, tắm gội thân thể, cây rủ cành lá, che rợp khắp mình.

Trong sáu năm tu khổ hạnh, Ma thường tìm kiếm mà không thấy một lỗi lầm. Thường ngồi thiền định, thành tựu được sáu tâm niệm, để hiểu biết các giác quan có lúc khởi, lúc diệt.

Đó là điểm bất khả tư nghị của Bồ Tát giống với chúng sinh. Còn điểm khác với chúng sinh, là Bồ Tát làm lợi ích cho hết thảy mọi loài chúng sinh, như người điên được thấy Như Lai thì trở lại bản tâm, người mù được thấy, người

điết được nghe, người sinh ngược trở lại thuận và những tính tham, sân, si đều trừ diệt. Đó là chỗ bất khả tư nghì của Bồ Tát khác với chúng sinh.

Lại nữa, tuy cũng sinh ra như chúng sinh, nhưng chỗ hành động của Như Lai không thể nghĩ bàn: Như Lai thường nằm nghiêng bên phải, như sư tử vương, dù cỏ hay lá cũng không làm loạn được, gió cuốn, bão táp mà y phục không lay động. Khi cất chân đi, như sư tử vương và Bạch Nga Vương. Nếu lúc muốn đi, bao giờ cũng bước chân phải trước, những chỗ đi qua, đều bằng phẳng không còn cao thấp. Khi ăn xong, không còn sót một hạt cơm ở miệng. Đó là chỗ “Cộng sinh” bất khả tư nghì của Như Lai.

Lại nữa, tuy cũng sinh như chúng sinh, nhưng Như Lai có ba mươi hai tướng không thể nghĩ bàn:

- 1- Bàn chân bằng phẳng;
- 2- Bàn chân có nghìn xoáy ốc;
- 3- Ngón chân dài và nhỏ;
- 4- Gót chân đầy đặn;
- 5- Ngón tay có nhiều vân;
- 6- Chân tay mềm mại;
- 7- Bụng tròn trĩnh, đầy đặn như bụng kim sắc lộc vương;
- 8- Mắt cá chân bằng phẳng;
- 9- Tay dài tới đầu gối;
- 10- Năm căn ẩn kín, như tượng mã vương;
- 11- Mình tròn trắn, đầy đặn như cây Ni Câu Đà;
- 12- Lông trong mình đều nghiêng lên phía trên;
- 13- Lông đều xoáy theo bên phải;
- 14- Thân mình sắc vàng;
- 15- Thường chiếu sáng cách thân tám thước.
- 16- Lớp da mịn màng, không dính bụi bặm;

- 17- Bảy chỗ đầy đặn, bằng phẳng;
- 18- Nửa mình trên như mình sư tử;
- 19- Cánh tay tròn lẳn;
- 20- Xương ngực bằng phẳng;
- 21- Thân hình vạm vỡ;
- 22- Trong miệng có bốn mươi răng;
- 23- Răng nhỏ khít và rất đều;
- 24- Răng trắng như ngà;
- 25- Hàm vuông như hàm sư tử;
- 26- Khi ăn thấy hương vị thượng hảo;
- 27- Đỉnh trên trán nhô lên thành tướng nhục kế;
- 28- Lưỡi dài và rộng;
- 29- Tiếng như tiếng Phạm Âm;
- 30- Sắc mắt xanh biếc;
- 31- Mắt như mắt ngư vương;
- 32- Khoảng giữa lông mi có một sợi lông dài và trắng.

Như thế cho đến tám mươi vẻ đẹp không thể nghĩ bàn. Mỗi mỗi tướng tốt lại có vô lượng trăm nghìn vẻ đẹp huyền diệu. Mỗi một tướng tốt đều là kết quả của sự tu diệu hạnh của Bồ Tát từ lúc mới phát tâm Bồ Đề kiên cố cho đến khi được thành đạo Vô Thượng Bồ Đề.

Phật lại nói: “Như Lai đã từng trong vô lượng A tăng kỳ kiếp dốc lòng tu trì tịnh giới, cho nên nay mới được cái tướng bàn chân bằng phẳng.

Nhờ sự cúng dàng cha mẹ, Hòa Thượng Sư Trưởng và các bậc có đức, cho nên được tướng nghìn xoáy ốc dưới bàn chân.

Đối với chúng sinh không mang lòng làm hại, không có ý tưởng cướp đoạt, hễ thấy cha mẹ, Hòa Thượng, Sư trưởng và những bậc có đức, thì ra xa đón

chào, sửa đặt tòa ngò, cung kính lễ bái, dẹp bỏ lòng kiêu mạn, nhờ thế mà nay được tướng ngón tay dài và nhỏ.

Có đủ ba hạnh kể trên, nên được tướng gót chân đầy đặn.

Nhờ dùng Tứ nhiếp pháp giúp đỡ chúng sinh, nên được tướng ngón tay có nhiều vân.

Dùng các thứ dầu thơm tắm gội cho cha mẹ, Sư Trưởng và các bậc có đức, nhờ thế mà được tướng chân tây mềm mại.

Nhờ công tu tập các pháp lành, không biết chán mỏi, nên được tướng bụng tròn trặn, đầy đặn.

Nghe pháp vui vẻ, thích nói lại cho người khác nghe, và ưa làm việc đạo, nhờ thế mà được tướng mắt cá chân bằng phẳng.

Nhờ ba nghiệp thanh tịnh, khám bệnh cho thuốc, phá trừ lòng kiêu ngạo, ăn uống có chừng mực, nên được tướng tay dài bằng gối.

Thấy người chia rẽ, dùng lời nói khéo cho người ta đoàn tụ với nhau; biết tự tu hổ thẹn, lại dạy người tu, nhờ thế mà được tướng năm căn ẩn kín.

Tự mình tu sạch ba nghiệp, lại dạy người khác tu, nếu chúng sinh nào đau ốm, thì tìm cách chạy chữa, như thế mà được tướng thân mình tròn lẳn.

Nhờ lòng vui vẻ nghe pháp, lại hay nói lại cho người khác nghe, mà được tướng lông trong mình đều hướng lên trên.

Suy nghĩ ý nghĩa sâu xa của các pháp, ưa tu các pháp lành, cúng dàng cha mẹ, Sư Trưởng và những bậc có đức; nếu đi dọc đường gặp pháp, hoặc tăng phòng đều cúng dàng, giữa đường nếu có gạch đá, gai góc hay vật bần thiêu thì dọn đi, nhờ thế mà được coi tướng lông trong mình đều xoay bên phải.

Nếu đem thức ăn hoặc đồ châu báu cho người, thì không bao giờ sinh lòng sân hận, nhờ thế mà được hai tướng: Một là sắc vàng, hai là thường có ánh sáng và lại được tướng da mình mịn màng, không dính bụi nhơ.

Thường giúp cho những thứ cần dùng, nhờ thế mà được tướng bảy chỗ đầy đặn.

Tự mình dẹp bỏ tính kiêu mạn, biết điều hòa tính tình, tùy theo sở thích của mọi người, như pháp tu hành để diệt các điều bất thiện và tăng tướng các pháp lành, nhờ thế mà được tướng nửa mình trên như mình sư tử, tướng cánh



tay tròn lẳn và tướng xương ngực bằng phẳng, tướng ngón tay nhỏ và tướng thân hình đầy đặn.

Nhờ không nói lưỡi hai chiều và làm cho những người tranh giành phải hòa thuận mà được tướng có bốn mươi răng, tướng răng khít không hở kẽ, tướng răng bằng nhau, đều đặn.

Nhờ tu các nghiệp từ bi, thiện lạc mà được tướng răng trắng như ngà.

Thấy người thiếu thốn, vui vẻ giúp đỡ, đón đưa, nhờ thế mà được tướng hàm vuông như hàm sư tử, coi hết thấy chúng sinh như một người con, vì thế mà được tướng ăn thức gì cũng thấy mùi vị thượng hảo, thường bố thí chúng sinh pháp vị Vô thượng, gặp người hay quên thì cho trí nhớ, tự mình giữ năm giới, lại dạy người cũng tu tập lòng từ, hay bố thí pháp cho mọi người, nhờ nhân duyên ấy mà được tướng nhục kế, tướng lưỡi dài rộng, cứ như thực mà nói pháp cho mọi người vui mừng, nói những lời êm ái, dịu dàng, không đúng giờ không nói, do đó mà được tướng tiếng Phạm Âm.

Chứa góp lòng thương, coi hết thấy chúng sinh như cha mẹ, nhờ nhân duyên ấy mà được sắc mắt xanh biếc, và tướng mắt ngưu Vương, thấy những người có đức, thành thật tán thán, do đó mà được tướng bạch hào.

Đó là ba mươi hai tướng, tuy có những nhân duyên khác nhau, nhưng nhân duyên chính là cái nhân “trì giới” và “tinh tiến”. Tại sao vậy? Vì nếu không chịu trì giới, và siêng tu tinh tiến, thì đến thân người còn chẳng được làm, nói chi đến ba mươi hai tướng?.

Lại nữa, phạm đã làm việc thì lòng nhất định không hối hận, nhờ thế mà được tướng bàn chân bằng phẳng.

Và khi làm việc thì dốc lòng làm, do đó mà được tướng nghìn xoáy ốc dưới bàn chân, tướng ngón tay có nhiều vân, tướng bảy chỗ bằng phẳng tướng da mịn màng, tướng thân thẳng và tròn, tướng lưỡi dài rộng.

Thường tu các pháp thiện và dạy người khác tu, cho nên được tướng ngón tay dài nhỏ, tướng tay chắm gối; tướng thường phát ánh sáng cách xa tám thước và tướng răng khít, không thừa hở.

Nhờ công phu tu sạch ba nghiệp nên được các tướng khác.

Lại nữa, đối với chúng sinh, sinh tâm thuần thiện, nhờ nhân duyên ấy được tướng tay chân mềm mại, da thịt mịn màng, bụi nhơ không bám.

Vì theo thứ lớp và thời tiết mà tu tập các pháp lành, cho nên được tướng thứ hai, thứ ba, và thứ tư.

Ưu làm điều lành, lòng không chán nản, nhờ nhân duyên ấy mà được tướng thân sắc vàng; tướng thân thường sáng; tướng răng trắng; tướng giữa khoảng lông mi có sợi lông trắng.

Nếu nghe người ta ca ngợi đức tính của mình không sinh lòng kiêu mạn, giấu giếm việc lành không cho người khác biết, nhờ nhân duyên ấy mà được tướng Mã âm tàng.

Phàm tu các việc lành đều hồi hướng cho đạo Bồ Đề, vì thế mà được tướng lông trong mình đều hướng lên phía trên và đều xoay theo bên phải; tướng trong miệng có bốn mươi chiếc răng; tướng khi ăn thấy mùi vị thượng hảo.

Nhờ nhân duyên siêng tu tinh tiến, nên được tướng hàm vuông như hàm sư tử; tướng nửa mình trên như mình sư tử.

Độc lòng thương nhớ hết thầy chúng sinh, như mẹ thương con, nhờ nhân duyên ấy mà được tướng răng nhỏ và bằng phẳng, tướng mắt xanh biết như mắt Ngu vương.

Nhờ tu tập các pháp lành không biết chán nản, cho nên được các tướng khác.

Các bậc đại Bồ Tát, khi y vào tịnh hạnh mà tu ba mươi hai tướng tốt, khi các nghiệp đã được thanh tịnh, tuy có ba mươi hai tướng tốt như thế nhưng chưa đầy đủ, chưa được hoàn toàn trong sáng. Bồ Tát còn phải tu theo mười ba hạnh để thấu suốt đầy đủ hết thầy các pháp của Phật.

Trong vô lượng tướng, chúng sinh không giống nhau, có Thượng, Trung và Hạ không thể nghĩ bàn.

Bởi thế Phật nói, trong ba mươi hai tướng, đem công đức tích góp hợp của hết thầy chúng sinh mà so sánh thì mới chỉ bằng cái tướng mày lông của Như Lai. Hết thầy các lỗ chân lông đều có công đức, chứa góp hòa hợp mà thành một vẻ đẹp, rồi tập hợp công đức của tám mươi vẻ đẹp, tăng gấp trăm lần mới thành một tướng.

Duy có hai tướng Bạch hào và Nhục kế thì phải tập hợp hết thầy các tướng khác, tăng đến nghìn lần mới thành được hai tướng đó.

Bởi đem hòa hợp hết thầy công đức, đem hết công đức của ba mươi hai tướng tốt và tám mươi vẻ đẹp tăng lên nghìn vạn ức lần mới thành được cái

tướng Lô âm của Như Lai, mà âm vang xa thẳm đến vô lượng vô biên thế giới của chư Phật nhiều như vi trần cũng đều nghe thấy.

Vì làm lợi ích cho chúng sinh mà Bồ Tát tu hạnh đại từ bi, nhớ ơn đền ơn, tu tập các pháp sâu xa mầu nhiệm, khó thể nghĩ bàn các tướng tốt vi diệu như thế.

Trong mỗi tướng có thể lợi ích cho vô lượng trăm nghìn vạn ức chúng sinh, khiến cho đều mở lòng Bồ Đề, lần lượt tu tập, đầy đủ công đức, cho thành được ba mươi hai tướng tốt đẹp.

Khi có đủ các tướng tốt đẹp rồi, đều khiến đi đến gốc cây Bồ Đề, hàng phục ma quân chứng thành Phật quả, quay bánh xe Chính Pháp, độ cho chúng sinh qua khỏi bể khổ, ngu si, sinh tử mà lên bờ giác ngộ, giải thoát yên vui để thành tựu công việc lợi ích cho hết thảy chúng sinh.

Phật bảo Ngài A Nan, hết thảy đại chúng và các bậc đại Bồ Tát rằng: “Các thiện nam tử! Các ông ai có thể thường nhớ ơn của Phật, hộ trì Chính pháp, biên chép đọc tụng kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân sâu xa vi diệu này? Ai có thể ở đời ác trước sau này, phát tâm đại tinh tiến thụ trì ủng hộ đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác? Ai có thể hộ pháp truyền bá Kinh này để làm lợi ích cho hết thảy chúng sinh?”

Bấy giờ trong đại hội có một vạn tám nghìn vị đại Bồ Tát, đều từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại y phục, để hở vai áo bên phải, đầu gối bên phải quỳ sát đất, chấp tay cung kính mà bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, trong đời ác trước sau này chúng con đều có thể thụ trì ủng hộ đạo Vô thượng Chính đẳng Chính giác; đều có thể hộ trì Chính pháp và giáo hóa chúng sinh.

Lúc đó Bồ Tát Sư Tử lại nói rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, con cũng có thể dùng mọi phương tiện để giúp đỡ chúng sinh”.

Bồ Tát Kim Cương nói: “Bạch Đức Thế Tôn, nếu chúng sinh sắp sa vào ba đường dữ con có thể ngăn lại, khiến cho khỏi sa đọa.”

Bồ Tát Văn Thù Sư Lợi nói: “Bạch Đức Thế Tôn, nếu có chúng sinh cầu tu các thiện pháp, con có thể khiến cho hết thảy đều đầy đủ như ý.”

Bồ tát Trí Tràng nói: “Con có thể cho chúng sinh được trí lớn.”

Bồ Tát Pháp Trang nói: “Bạch Đức Thế Tôn con có thể lấy pháp mà bố thí khắp cho chúng sinh.”

Bồ Tát Nhật Quang nói: “Bạch Đức Thế Tôn, con nguyện đem sự yên vui mà bố thí chúng sinh.”

Bồ Tát Nguyệt Quang nói: “Bạch Đức Thế Tôn, con có thể giáo hóa hết thầy chúng sinh, khiến tu phúc thiện.”

Bồ Tát Thiện Hộ nói: “Bạch Đức Thế Tôn, con có thể giáo hóa hết thầy chúng sinh, khiến không buông lung.”

Bồ Tát Vô Tận Ý nói: “Bạch Đức Thế Tôn, con có thể giáo hóa hết thầy chúng sinh, khiến cho thấy rõ “tính”, “tướng” của vô tận pháp giới.”

Bồ Tát Nguyệt Thượng nói: “Bạch Thế Tôn, con có thể bố thí chúng sinh điều yên vui không gì hơn.”

Như thế, các vị Bồ Tát lần lượt tự lập thế nguyện vi diệu để trang nghiêm đạo Bồ Đề, làm lợi ích cho hết thầy chúng sinh.

Vì muốn nhớ ơn Phật và muốn đền đáp ơn Phật, nên từ chỗ ngồi đứng dậy, hồ quỳ, chắp tay mà bạch Phật rằng: “Xin Đức Thế Tôn đem Kinh này giao phó cho hàng Bồ Tát chúng con.”

Bảy giờ Ngài A Nan bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn, Kinh này nên đặt tên là gì và phụng trì như thế nào?”

Phật bảo Ngài a Nan:

-Kinh này gọi là Kinh “Nhiếp Chúng Sinh Thiện Bản”, cũng gọi là “Đại Phương Tiện”, cũng gọi là “Vi Mật Hạnh”, cũng gọi là “Phật Báo Ân”.

Phật bảo Ngài A Nan và các bậc đại Bồ Tát rằng: “Các ông phải như thuyết mà tu hành.”

Khi Phật nói phẩm Chúc Lũy này có bảy vạn, hai nghìn vị Thanh Văn phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Hết thầy chư Thiên, Long, Quỷ, Thần, Kiền Thác Bà, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, Nhân, Phi Nhân, và đại chúng, nghe Phật thuyết

Pháp, vui mừng vâng theo.

## **KINH ĐẠI PHƯƠNG TIỆN PHẬT BÁO ÂN**

**Quyển Thứ Bảy Đến Đây là Hết**

---o0o---

**NAM MÔ ĐẠI BẢO ÂN HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT, MA HA  
TÁT (BA LẦN)**

**Nguyện đem công đức này**

**Hướng về khắp tất cả**

**Mọi loài và chúng sinh**

**Đều đồng thành Phật đạo.**

**Trên đền bốn ơn nặng**

**Dưới cứu khổ ba đường**

**Nếu có ai thấy nghe**

**Phát nguyện tâm Bồ Đề**

**Hết một báu thân này**

**Đồng sinh An Lạc Quốc.**

**Nam Mô A Di Đà Phật.**

---o0o---

**HẾT**